Học Viện Têrêsa Avila Bùi Chu

THẤU HIỂU VÀ GIÚP NHAU SỐNG TỐT SỨ VỤ ƠN GỌI

2011

LỜI NÓI ĐẦU 5

GIÁO HỘI CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI SỐNG ĐỜI THÁNH HIẾN..... 9

THƯ GỬI NGƯỜI PHỤ NỮ
của ĐGH. Gioan Phaolô II ngày 29/6/1995.....30
NỮ TU SỐNG TỐT ĐỨC KHIẾT TỊNH
TRONG BỐI CẢNH GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI
VIỆT NAM HÔM NAY 45
[1].....45
[2].....55
[3].....65
[4].....74
[5].....86
[6].....96
[7].....108
[8].....121

LINH MỤC HÔM NAY, ĐỐI TƯỢNG CỦA CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN HAY BUỒN LO VÀ CẦU NGUYỆN? 135
[1].....135
[2].....147
[3].....159
[4].....168
[5].....185
[6].....195
[7].....208
[8].....214

CÁC MỐI TƯƠNG QUAN TRONG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ CỦA LINH MỤC ĐƯỢC CÁC NỮ TU TRẺ CHÚ Ý NHẤT 230
I. Tương quan với Giám Mục Bản Quyền 231
II. Tương quan với các linh mục đàn anh, nhất là đối với cha sở của mình 233
III. Tương quan với các linh mục đàn em, nhất là đối với cha phó của mình 236
IV. Tương quan với các chủng sinh, dự tu và các mầm non ơn gọi giáo sĩ 238
V. Tương quan với các tu sĩ nam nữ 242
VI. Tương quan với nữ tu lớn tuổi và có trách nhiệm 244
VII. Tương quan với nữ tu bằng tuổi và có trách nhiệm 246
VIII. Tương quan với các nữ tu trẻ 248
IX. Tương quan với các đệ tử và mầm non ơn gọi tu sĩ 251
X. Tương quan với những người phục vụ trong nhà xứ, nhất là cô bếp. 253
XI. Tương quan với các góa phụ, nhất là góa phụ trẻ 255
XII. Tương quan với giới giàu có 257
XIII. Tương quan với giới nghèo 259
XIV. Tương quan với giáo dân nói chung 261
XV. Tương quan với Ban Hành Giáo 265

LINH MỤC VÀ NGƯỜI NỮ: MẸ VÀ CHỊ EM, THƯ CỦA ĐGH. GIOAN-PHAOLÔ II GỞI CÁC LINH MỤC VÀO THỨ NĂM TUẦN THÁNH NĂM 1995 267

LỜI NÓI ĐẦU

Một thực tại phổ quát trong đời sống dưỡng giáo và truyền giáo của Giáo Hội ở mọi cấp độ là sự hiện hữu và cộng tác thiết yếu giữa hàng giáo sĩ và tu sĩ. Mối tương quan này là một hồng ân của Thiên Chúa cho Giáo Hội và thế giới, cũng như cho chính ơn gọi, đời sống và sứ vụ của các linh mục và tu sĩ.

Từ những mối tương quan đích thực mà người ta đạt tới sự thánh thiện, hay từ những mối tương quan bất chính mà người ta mắc phải tội lỗi, nghĩa là bất cứ mối tương quan nào cũng có những khoảng sáng và những khoảng tối, những điều tích cực và những điều tiêu cực, những điều mong đợi và những điều muốn tránh. Từ những trải nghiệm thực tế của bản thân, cũng như từ những chia sẻ của nhiều người, tôi đã đề nghị các nữ tu học viên của tôi thảo luận nhóm để thuyết trình về ba câu hỏi:

1. Những gì khiến chị em cảm phục và biết ơn các linh mục liên quan đến ba lời khấn Dòng của chị em?

2. Những gì khiến chị em buồn phiền, lo âu và thấy cần phải cầu nguyện hơn nữa cho các linh mục?

3. Chị em nghĩ nên làm gì để tự bảo vệ mình, bảo vệ các linh mục và bảo vệ các chị em mình?

Vì điều kiện công việc và thời gian, tôi không đúc kết thành một bài duy nhất, mà cố ý giữ lại bài thuyết trình của từng nhóm sau khi đọc và nhuận chính một số kết cấu, ngữ pháp, văn phạm, chính tả... nghĩ rằng như thế sẽ đa dạng và phong phú hơn, dưới tiêu đề chung: **LINH MỤC HÔM NAY, ĐỐI TƯỢNG CỦA CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN HAY BUỒN LO VÀ CẦU NGUYỆN ?**

Cám ơn Chúa và Bề Trên Giáo Hội, tôi cũng được cái may mắn đào tạo các ứng sinh linh mục, vốn là sứ vụ chính yếu của ơn gọi Xuân Bích. Theo phương pháp sư phạm kích biện pháp của Socrate, tôi gợi ý cho các chủng sinh quan sát, suy tư, trao đổi để thuyết trình và đúc kết các mối tương quan đa dạng mà linh mục tương lai sẽ phải đối diện trong đời sống và sứ vụ của mình: **CÁC MỐI TƯƠNG QUAN TRONG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ CỦA LINH MỤC**. Tôi chỉ ghi lại đây các tương quan xem ra được các nữ tu trẻ lưu ý trong các bài thuyết trình của họ. Đây cũng như một câu trả lời và định hướng sống của các ứng sinh linh mục được đúc kết qua các bài thảo luận nhóm.

Công việc tìm hiểu thực tế này của các ứng sinh nhằm mục đích đào tạo và tự đào tạo cách hiệu quả, khi mỗi ứng sinh linh mục và tu sĩ, và cả mỗi linh mục hay nữ tu, thực sự biết mình là ai và căn tính của mình là gì đối với Chúa, đối với tha nhân và đối với chính mình. Chính Chúa Giêsu, sau khi hỏi các tông đồ "*người ta bảo Thầy là ai?*", đã bắt các ông phải trực diện với nhận định của chính các ông "*các con bảo Thầy là ai?*" Thánh Augustinô đã cầu nguyện mỗi ngày "*xin cho con biết Chúa, xin cho con biết con.*" Mỗi người phải tự biết mình là ai và giúp nhau biết mình là ai là khởi điểm của mọi cuộc kiểm điểm, điều chỉnh và canh tân, định hướng hay tái định hướng con người, đời sống và sứ vụ của mình.

Ngoài ra, tôi ghi lại bài thuyết trình của tôi "*Giáo Hội cảm phục và biết ơn những người nữ sống đời thánh* hiến" và cũng xin trích đăng hai văn kiện liên quan đến linh mục và người nữ của Chân Phước Gioan Phaolô II để mọi người tham khảo, đồng thời được bảo đảm đi trong đường lối giáo huấn của Giáo Hội. Đó là *Thư gửi Người Phụ Nữ của ĐGH. Gioan Phaolô II ngày 29/6/1995* và *Thư của ĐGH. Gioan Phaolô II gửi các linh mục vào Thứ Năm Tuần Thánh 1995: Linh mục và người nữ - Mẹ và chị em.*

Để có cái nhìn quân bình về cả hai phía, linh mục và nữ tu, và có thể giúp nhau được tốt hơn, tập sách này được mang tên **THẤU HIỂU VÀ GIÚP NHAU SỐNG TỐT SỨ VỤ ƠN GỌI**, gồm ba phần:

Phần Một

một. Giáo Hội cảm phục và biết ơn những người nữ sống đời thánh hiến, vốn là bài thuyết trình của tôi trong Đại Hội Tu Sĩ Toàn Quốc lần thứ IV năm 2010.

Hai. Thư gửi Người Phụ Nữ của ĐGH. Gioan Phaolô II ngày 29/6/1995.

Phần Hai

Một. NỮ TU SỐNG TỐT ĐỨC KHIẾT TỊNH TRONG BỐI CẢNH GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM HÔM NAY. Đây là những bài thuyết trình nhóm của hai lớp Học viện Liên Dòng Nữ Têrêsa Avila Bùi Chu sắp ra trường.

Hai. Các nữ tu trẻ nhìn về đời sống và sứ vụ linh mục: LINH MỤC HÔM NAY, ĐỐI TƯỢNG CỦA CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN HAY BUỒN LO VÀ CẦU NGUYỆN? Đây

cũng là những bài thuyết trình của các nữ tu học viện như đã nói trên.

Phần Ba

một. CÁC MỐI TƯƠNG QUAN TRONG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ CỦA LINH MỤC. Xem ra các tương quan này cũng rất được các nữ tu trẻ lưu ý. Đây cũng như một câu trả lời và định hướng sống của các ứng sinh linh mục được đúc kết qua các bài thảo luận nhóm.

Hai. Thư của ĐGH. Gioan Phaolô II gửi các linh mục vào Thứ Năm Tuần Thánh 1995: Linh mục và người nữ - Mẹ và chị em.

Ngoài phần giáo huấn của Thẩm quyền Giáo Hội, đây là những góc nhìn về nhau và về chính mình của các ứng sinh linh mục cũng như của các nữ tu trẻ. Đã là những góc nhìn thì có những cái nhìn toàn diện, có những cái nhìn phiến diện, có những cái nhìn tích cực, có những cái nhìn tiêu cực, có những cái nhìn đúng, có những cái nhìn sai... Bổn phận mỗi người là phán đoán, điều chỉnh và chọn sống cái đúng, làm cái đúng trong tinh thần cầu tiến và học hỏi hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn: học với người tốt để làm tốt như họ, học với người xấu để không làm điều xấu của họ, khiêm tốn từ bỏ cái chủ quan sai lầm của mình, thẳng thắn đón nhận cái khách quan đúng của người.

Hy vọng những nỗ lực này mang lại được một lợi ích nào đó, tôi xin chân thành cám ơn tất cả mọi người, cách riêng các chủng sinh và nữ tu học viện tham gia thảo luận và thuyết trình. Xin Chúa Thánh Thần tiếp tục cho đến kiện toàn tất cả những gì Ngài đã thương khởi sự cho chúng ta, với chúng ta và qua chúng ta.

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy, pss

PHẦN MỘT

MỘT

GIÁO HỘI CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN

NHỮNG NGƯỜI SỐNG ĐỜI THÁNH HIẾN

Thuyết trình phần I Huấn thị
"XUẤT PHÁT LẠI TỪ CHÚA KITÔ"
ĐHTSTQ IV ngày 8-10/3/2010 tại Bùi Chu

C. NHẬP ĐỀ

Huấn thị **XUẤT PHÁT LẠI TỪ CHÚA KITÔ** của Bộ Đời Sống Thánh Hiến và Hiệp Hội Tông Đồ đã được ĐTC GP II phê chuẩn ngày 16/5/2002 và ban hành tại Rôma, ngày 19/5/2002. Đây là thành quả mà Hội Nghị Khoáng Đại của Bộ nhìn lại sau năm năm Tông huấn Đời Sống Thánh Hiến ra đời ngày 25/3/1996.

Huấn thị này nhằm duyệt xét lại hiệu quả của việc đón nhận và thực thi Tông huấn ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN để giúp các người thánh hiến đi vào đường lối mục vụ, trung thành theo sát vết chân Chúa Kitô, qua việc tuân giữ các lời

khuyên Phúc Âm, thực thi đức ái mỗi ngày trong tình hiệp thông huynh đệ và linh đạo tông đồ quảng đại.

Quả thế, Tông Huấn đã mạnh mẽ thúc đẩy: *"Các Tu hội được mời gọi hãy can đảm tìm lại tinh thần xông xáo dám nghĩ dám làm, óc sáng tạo và sự thánh thiện của các đấng sáng lập, để đáp trả những 'thời triệu' đang xuất hiện trong thế giới ngày nay. Lời mời gọi này tiên vàn nhắm đến việc kiên trì trên đường nên thánh, giữa những khó khăn vật chất và tinh thần gặp phải trong cuộc sống hằng ngày… biết thích nghi các hình thái, khi cần, với những hoàn cảnh mới và những nhu cầu khác nhau, trong thái độ hoàn toàn tuân phục sự soi sáng của Thiên Chúa và sự biện phân của Giáo Hội. Trong tinh thần này, mọi tu hội phải canh tân lối nhìn về Luật Dòng, vì một lộ trình đã được phác họa trong Luật Dòng và Hiến Chương để thực hiện việc đi theo Chúa Kitô, tương ứng với đặc sủng riêng đã được Giáo Hội chuẩn nhận. Càng trân trọng Luật Dòng, người tận hiến càng có những tiêu chuẩn chắc chắn để tìm ra những phương thức thích đáng cho sứ vụ đáp ứng những đòi hỏi của thời đại mà không xa rời linh ứng nguyên thủy."*[1]

Mới đây, khi công bố Năm Thánh 2010, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam nhắc nhở mọi thành phần Dân Chúa: "*Đây là thời điểm cho chúng ta nhìn lại quá khứ để tạ ơn Chúa và lắng nghe bài học của lịch sử, nhìn vào hiện tại để nhận diện những thuận lợi và thách đố, nhìn tới tương lai để cùng nhau canh tân đời sống và xây dựng Giáo Hội theo đúng thánh ý Thiên Chúa.*"[2]

Trong tinh thần sống Năm Thánh này, Đức Cha Chủ Tịch Ủy Ban Tu sĩ thuộc HĐGMVN, Giuse Hoàng Văn Tiệm,

[1] Đời Sống Thánh Hiến, số 37.
[2] Trích Thư Công bố Năm Thánh 2010 của HĐGMVN, số 1.

muốn chúng ta cùng học hỏi Huấn thị XUẤT PHÁT LẠI TỪ CHÚA KITÔ, nhằm:

Nhìn lại quá khứ để tạ ơn Chúa, tỏ lòng biết ơn và quý mến đối với những người sống đời thánh hiến, vì qua căn tính và hoạt động tông đồ đa dạng của mình, họ đã mang lại niềm hy vọng vào tính siêu việt của đời sống vĩnh cửu mà thế giới đang đánh mất ngày một trầm trọng hơn, bằng việc sống chứng tá cho sự hiện diện của tình yêu có sức biến đổi của Thiên Chúa;

Nhìn vào hiện tại để nhận diện những khó khăn thử thách, những thuận lợi và thách đố mà những người sống đời thánh hiến hôm nay đang phải trải qua, nhưng với cái nhìn tích cực là xem chúng như một thời cơ mới để tái khám phá ý nghĩa và phẩm chất của đời sống thánh hiến một cách sâu xa hơn;

Nhìn tới tương lai để cùng nhau canh tân và xây dựng đời sống thánh hiến theo đúng thánh ý Thiên Chúa và giáo huấn của Giáo Hội, bằng sự dấn thân mới trong đời sống thiêng liêng, xuất phát lại từ Chúa Kitô;

Nhận ra sự đồng hành hiệp thông của Giáo Hội với các người thánh hiến trên các nẻo đường của thế giới, mà Chúa Kitô đã đi qua và hôm nay vẫn còn hiện diện, bằng sứ vụ chứng tá cho tình yêu của Thiên Chúa giữa lòng nhân loại nhiều khổ đau.

Con được chỉ định trình bày phần I của Huấn Thị nói về "S*ự hiện diện của Tình Yêu Chúa Kitô giữa lòng nhân loại nhờ Đời Sống Thánh Hiến.* Phần này nhấn mạnh rằng *cộng đồng Giáo Hội bày tỏ lòng biết ơn và quý mến đối với những người sống đời thánh hiến vì họ đã làm cho tình yêu của Chúa Kitô hiện diện giữa lòng nhân loại bằng căn tính và hoạt động tông đồ hiệu quả của mình.*

B. NHỮNG LÝ DO CỦA LÒNG BIẾT ƠN VÀ QUÝ MẾN CỦA CỘNG ĐỒNG GIÁO HỘI ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI SỐNG ĐỜI THÁNH HIẾN

Các phát biểu và những bản báo cáo trong Hội Nghị Khoáng Đại của Bộ Tu Sĩ năm 2002 gợi lên niềm cảm phục tri ân đối với các hoạt động tông đồ đa dạng của những người thánh hiến.

Thông tấn CNA ngày 27/1/2010 cho biết Ngày Thế Giới Đời Sống Thánh Hiến 2010 sẽ được tổ chức tại Mỹ ngày 7/2/2010, để càng có đông người tham dự hơn càng tốt, nhất là nơi đây đang diễn ra cuộc kinh lý các Dòng tu nữ. Nhưng chính ngày 2/2/2010 tại Rôma, ĐTC Biển Đức đích thân chủ sự Kinh Chiều và Phép Lành MTC trong đền thờ thánh Phêrô để cử hành Ngày này. Ngài nhắc nhở những người thánh hiến hãy làm chứng về lòng từ bi của Chúa... trở nên trường dạy về lòng tín thác vào lòng từ bi Chúa, nơi đó con người tìm được ơn cứu độ, vì càng tiến lại gần Chúa, người thánh hiến càng gần gũi với Chúa và càng hữu ích cho tha nhân.[3]

ĐHY Sean O'Malley, chủ tịch Uỷ Ban Giáo sĩ, Tu Sĩ và Ơn Gọi thuộc HĐGM Mỹ đặc biệt nhìn nhận việc phục vụ của các nữ tu: "*Giáo Hội được chúc phúc một cách lớn lao nhờ rất nhiều cống hiến của các nữ tu, cả những người đã đặt nền móng trong quá khứ lẫn những người đang phục vụ hôm nay."* Ngài ước mong Ngày Thế Giới Đời Sống Thánh Hiến "*cung cấp cho mọi nam nữ tu sĩ một cơ hội để trải nghiệm một sự canh tân ơn gọi và cam kết sống đời tận hiến của mình."* Chắc chắn đó cũng là mục tiêu nhắm đến của Đức Cha Chủ tịch Ủy Ban Tu Sĩ thuộc HĐGMVN khi chọn huấn thị Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô làm chuyên đề cho ĐHTSTQ IV này.

---

[3] Vatican City, chiều 2/2/2010.

B.I NHỮNG CÁCH THỨC NGƯỜI THÁNH HIẾN BƯỚC ĐI TRONG THỜI ĐẠI HÔM NAY[4]

I.1 Hiện diện và dấn thân: Vì sự hiện diện và dấn thân trong mọi lãnh vực cuộc sống của Giáo hội và Xã hội, các người thánh hiến xứng đáng với lòng biết ơn của cộng đồng Giáo Hội. ĐGH Gioan Phaolô II diễn tả lòng biết ơn đó khi cầu nguyện với Thiên Chúa như sau: "*Chúng con tạ ơn Cha vì món quà đời sống thánh hiến. Họ hằng tìm kiếm Cha trong đức tin và mời gọi mọi người đến gần Cha, nhờ sứ mạng của họ trên khắp hoàn vũ.*"

ĐTC Biển Đức cũng chia sẻ tư tưởng ấy khi nói về ba mục đích của Ngày Thế Giới Đời Sống Thánh Hiến 2010: "*Ca tụng và tạ ơn Chúa về ân huệ đời sống thánh hiến; Thăng tiến sự hiểu biết và lòng quí trọng của Dân Chúa đối với đời sống thánh hiến; Mời gọi những ai hiến dâng cuộc đời cho Tin Mừng cử hành những điều kỳ diệu Chúa đã làm nơi mình. Cha chào đón và cám ơn từng người các con với một niềm yêu thương lớn lao, Cha thân ái gần gũi và tán dương những điều tốt lành các con đã phục vụ Dân Chúa*."[5]

I.2 Chứng tá trung thành và tín thác vào Chúa: Không tìm sự tán đồng bất cứ từ nơi đâu, mà chỉ tìm sự tán đồng của Chúa, các người thánh hiến hân hoan dấn thân sống Tin Mừng và trung thành họa lại lối sống và hành động của Chúa Giêsu Nhập Thể và nhập thế, trong mọi mối tương quan với Chúa và đồng loại.

I.3 Loan báo một lối sống khác: Tuy đời sống thánh hiến là lối đi ngược dòng với thời đại, nhất là trong thế giới

---

[4] Huấn thị Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô (XPLTCK), số 5-7.
[5] Roma 2/2/2010, http://www.zenit.org/article-23412.

tục hóa và hưởng thụ khoái lạc hôm nay, các người thánh hiến loan báo một lối sống khác lối sống và văn hóa thế gian, bằng chính cuộc sống đơn sơ từng ngày của họ, hầu xây dựng Nước Trời giữa lòng thế gian bằng nền văn hóa sự sống và văn minh tình thương.

I.4 Phương dược chữa lành thiêng liêng: Bằng lối sống nỗ lực tìm kiếm Chúa, đời sống thánh hiến mang lại phương dược chữa lành thiêng liêng cho những ác hại của thời đại, như sự tục hóa, gian dối, hưởng thụ khoái lạc, việc đánh mất cảm thức siêu việt và ý thức về tội, không tôn trọng sự sống, phá thai, bạo lực, xì ke, ma túy, v.v...

I.5 Phúc lành và lý do hy vọng: Đời sống thánh hiến là một phúc lành và lý do hy vọng cho đời sống con người và Giáo Hội, như thánh Phêrô đã khuyên là "anh chị em phải luôn sẵn sàng trả lời cho bất cứ ai hỏi về niềm hy vọng của anh chị em."

I.6 Làm cho Chúa Giêsu hiện diện: Người sống đời thánh hiến làm cho Chúa Giêsu hiện diện bằng sự *hiện diện năng động của thế hệ trẻ*, cũng như sự *hiện diện ẩn dấu và thành tựu của thế hệ già cả*, cô đơn, bệnh tật và đau khổ, nhờ liên kết và bổ khuyết cuộc khổ nạn của Chúa Kitô nơi bản thân mình như thánh Phaolô khẳng định: "*Những gian nan thử thách Chúa Kitô còn phải chịu, tôi xin mang lấy vào thân cho đủ mức, vì lợi ích cho thân thể Người là Hội Thánh.*"[6] Do đó, ĐTC Biển Đức đã chọn chủ đề cho Ngày Thế Giới Cầu Nguyện Cho Bệnh Nhân năm 2010 là "*Giáo Hội Yêu Thương Phục Vụ Người Đau Khổ*"[7] và Ngài cũng lưu ý rằng không ai trong các nam nữ tu sĩ cao niên, bệnh tật hay

[6] Cl 1,24.

[7] Roma, Vendredi 5 février 2010 (ZENIT.org)

gặp khó khăn trong việc tông đồ là vô ích, vì họ được liên kết với Chúa và là hồng ân quí giá đối với Giáo Hội và Thế giới.[8]

I.7 Hướng đi mới của đời sống thánh hiến: Đời sống thánh hiến trong thời đại mới tích cực nhập thế, đào sâu, thanh luyện, hiệp thông và truyền giáo bằng việc phục vụ phẩm giá con người trong một xã hội phi nhân hoá vì sự nghèo đói cùng cực và nhẫn tâm chà đạp lên các quyền lợi của con người. Người thánh hiến cần phải có tinh thần của người nghèo, được thanh luyện khỏi tư lợi, sẵn sàng phụng sự hoà bình và bất bạo động với tinh thần liên đới và đầy lòng thương cảm đối với những ai khốn khổ; sẵn sàng trả giá cho việc bị bách hại, vì hiện nay nguyên nhân của tử đạo thường là sự đấu tranh cho công lý vì muốn trung thành với Tin Mừng.[9]

I.8 Gia tăng và củng cố tính năng động cộng đoàn: Người thánh hiến không ngừng được lợi ích từ việc gia tăng và củng cố tính năng động cộng đoàn trong mọi chiều kích tương quan và trao đổi, như Tông huấn Đời Sống Thánh Hiến mô tả: «*Đời tu tham gia vào sứ mạng của Chúa Kitô bằng một yếu tố khác riêng của mình, đó là Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn hướng về sứ vụ. Việc hiến dâng cho Chúa Giêsu càng đi vào nội tâm, cách sống cộng đoàn càng đậm tình huynh đệ, sự dấn thân vào sứ vụ đặc thù của Hội Dòng càng hăng say, thì đời tu càng có giá trị tông đồ*»[10]

I.9 Nỗ lực mới trong vâng phục và hợp tác: Người thánh hiến nỗ lực tìm cách thức mới thực thi vâng lời/quyền bính gợi hứng từ Tin Mừng: hiệp nhất, hòa nhập và hòa giải; Gia tăng hợp tác với Giám Mục trong việc huấn luyện và tông đồ; Cải thiện các tương quan trong lòng Giáo Hội bằng việc

---

[8] Rôma 2/2/2010, http://www.zenit.org/article-23412.
[9] Xem thêm XPLTCK, số 35
[10] Đời Sống Thánh Hiến, số 72.

trao đổi hỗ tương và bổ túc các ân ban tài năng khác nhau; Cùng Giáo hội địa phương xây dựng những kế hoạch mục vụ cụ thể để đi đến với con người, làm cho các giá trị Tin Mừng được triển nở trong các môi trường xã hội và văn hóa; Nỗ lực xây dựng linh đạo hiệp thông trong các đặc sủng đa dạng và hỗ tương với lòng tin tưởng và cởi mở. Có thể nói Định hướng Năm Thánh của HĐGMVN nhằm xây dựng Giáo Hội Mầu Nhiệm – Hiệp Thông – Sứ Vụ vừa là một cổ vũ vừa là một xác nhận cho nỗ lực mới trong vâng phục và hợp tác của những người sống đời thánh hiến chúng ta vậy.

Mới đây trong Bản Tuyên Bố Chung của Hội Nghị Chuyên Đề về "***Ảnh Hưởng của Nền Văn Hóa Ngày Nay trên Đời Sống Thánh Hiến***" do Ủy Ban Đời Sống Thánh Hiến thuộc Liên Hiệp Các Hội Đồng Giám Mục Á Châu tổ chức tại Thái Lan từ ngày 16-21/11/2009 cũng nhắc tới chiều kích này rằng: *"Các quyền lợi của các nữ tu và sự bình đẳng về nhân phẩm của họ với các nam tu sĩ và giáo sĩ phải được nhìn nhận, tôn trọng, khẳng định và bảo đảm.*"

Gần đây hơn nữa, Thầy Mekkunnel, Tổng thư ký Hội Đồng Tu Sĩ Ấn Độ nói với Các Giám Mục Ấn Độ trong cuộc họp khoáng đại ngày 3/3/2010 tại Guwahati rằng **"***Nhiều nữ tu bị hạ xuống quy chế người giúp việc nhà ngay trong dòng của chính họ, do tầm nhìn không thay đổi của các nhà lãnh đạo Giáo Hội. Đa số không được huấn luyện các kỹ năng và dạy dỗ cách giải quyết các đòi hỏi của các công việc họ làm... Trong những tình huống xấu nhất, họ bị xâm phạm nhân quyền và "điều đó khiến chúng tôi lo lắng". Các nhà lãnh đạo Giáo Hội cần phải tôn trọng phẩm giá phụ nữ, đánh giá cao đời sống tận hiến của họ và nhìn nhận công việc của họ bằng cách 'trả công xứng đáng". Các nhà lãnh đạo Giáo Hội phải đi đầu trong việc cho phép nữ giới có những vị trí thích hợp*

trong Giáo Hội, bằng không 'sức ép dân chúng" sẽ tập hợp lại và 'phá đổ tầm nhìn của các nhà lãnh đạo Giáo Hội".[11]

B.II ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN GÓP PHẦN KIẾN TẠO SỰ THÁNH THIỆN CỦA DÂN CHÚA[12]

II.1 Ân huệ của Chúa Ba Ngôi: Ơn gọi thánh hiến là một ân huệ của Chúa Ba Ngôi, được lãnh nhận từ bí tích thánh tẩy, chia sẻ ơn gọi nên thánh phổ quát cùng mọi tín hữu.

II.2 Bị thúc bách nỗ lực nên thánh: Người thánh hiến bị thúc bách thực hiện lối sống theo gương Chúa Giêsu, Mẹ Maria và các tông đồ, trong một sự thánh hiến không ngừng được đổi mới vì lợi ích của Giáo Hội.

II.3 Chứng tá ngôn sứ và cánh chung: Khi bước theo và trở nên giống Chúa Kitô thanh khiết, khó nghèo và vâng phục, người thánh hiến khẳng định cho thế giới vị thế tối thượng của Thiên Chúa và cuộc sống vĩnh cửu, vừa là chứng tá vừa là báo trước đời sống cánh chung, nơi người ta không cưới vợ lấy chồng mà sống như con cái của Thiên Chúa.

II.4 Đề xuất lời mời gọi đáp trả ân sủng: Bằng chính cuộc sống kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa của mình, người thánh hiến đề xuất với thế giới tục hóa lời mời gọi đáp trả ân sủng thiêng liêng, bởi sự canh tân nhu cầu cầu nguyện và các việc đạo đức, phượng tự mỗi ngày.

II.5 Lời mời gọi hoán cải: Dù vẫn mang thân phận con người yếu đuối, người thánh hiến phải tỏa chiếu ánh sáng hoán cải trên mọi biến cố của cuộc sống; đồng thời cố giữ

---

[11] UCAN 3/3/2010.
[12] XPLTCK, số 8.

sống động và thăng tiến phẩm chất đời sống tu trì theo Tin Mừng bằng thực hành những việc sùng kính đạo đức vốn giúp họ kiên trì và trung thành trong đời sống và sứ vụ ơn gọi của mình, lúc ở trong nội vi Nhà Dòng cũng như khi ra sống giữa lòng trần thế đa nguyên đa diện.

II.6 Trung tâm nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng: Cộng đoàn tu phải trở nên Trung tâm nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng, bằng việc lắng nghe và chia sẻ Lời Chúa, cử hành phụng vụ, huấn luyện cầu nguyện và giúp đồng hành thiêng liêng, cùng nhau tìm kiếm và vâng phục ý Chúa, luôn có cái nhìn đức tin và phản ứng cách siêu nhiên trước mọi biến cố của cuộc đời.

Đức Thánh Cha Biển Đức XVI cho chúng ta mẫu gương của chính ngài: Khi bị ngã gãy tay phải vào bệnh viện bó bột và phải nghỉ ngơi, Ngài chia sẻ cái nhìn đức tin: "Thiên Thần giữ mình của tôi đã vâng lệnh Chúa không ngăn cản tôi khỏi ngã gãy tay, ngõ hầu cho tôi có thời gian hơn để cầu nguyện và suy niệm"

II.7 Trợ giúp hỗ tương trong đời sống thiêng liêng: Trong khi giúp giáo dân thánh hóa cuộc sống giữa đời, người thánh hiến cũng được trợ giúp tăng tiến trong đời sống thiêng liêng của chính mình, vì không ai cho cái mình không có: Trước khi nói về Chúa cho người khác thì mình phải có Chúa, sống trong Chúa và nói với Chúa đã.

B.III NGƯỜI THÁNH HIẾN TÍCH CỰC SỐNG SỨ VỤ VÌ NƯỚC TRỜI[13]

III.1 Tiếp tục sứ mạng của Chúa Giêsu nơi trần gian: Càng nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, người thánh hiến càng làm cho sự hiện diện mang ơn cứu độ của Chúa

[13] XPLTCK, số 9.

Kitô được sống động trong lịch sử nhân loại. ĐTC JP II dạy: "*Càng để cho mình nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, người tận hiến càng làm cho Người hiện diện và hành động trong thế giới để cứu độ nhân loại*"[14]

III.2 Nhạy cảm với nhu cầu của thế giới: Cởi mở với nhu cầu của thế giới để hướng thế giới tới niềm hy vọng Phục sinh. Công đồng Vaticano II viết ngay trong trang đầu tiên Hiến Chế Mục Vụ 'Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay – Vui Mừng và Hy Vọng' như sau: "*Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không có âm hưởng trong lòng họ... Họ phải cảm thấy thực sự liên hệ mật thiết với loài người và lịch sử nhân loại.*"[15]

III.3 Một thúc đẩy mới cho sứ vụ Phúc Âm hóa: Sự dâng hiến bản thân thật sự của người thánh hiến là một thúc đẩy mới cho sứ vụ Phúc Âm hóa, vì sứ vụ nhiệt tâm xây dựng Nước Chúa và mang ơn cứu rỗi cho mọi người "*cốt ở việc làm cho chính Chúa Kitô hiện diện bằng chứng tá bản thân người tận hiến"*

III.4 Đóng góp lớn lao của người nữ thánh hiến: Có một trùng hợp ý nghĩa là ĐHTSTQ IV của chúng ta diễn ra trong những lễ mừng Ngày Thế Giới Phụ Nữ tròn 100 tuổi. Xin nhiệt liệt chúc mừng các nữ tu. Hơn bao giờ cả, ngày nay người ta nói nhiều đến giải phóng và thăng tiến phụ nữ, và xem ra ngoài xã hội nhiều hơn trong Giáo Hội. Thật ra không phải thế, vì ngay từ thời của Ngài, Chúa Giêsu đã ân cần đón nhận sự cộng tác của nhiều phụ nữ theo giúp Ngài và cho họ một vị trí đặc biệt quan trọng, nhất là vai trò của Mẹ Maria và

[14] Đời Sống Thánh Hiến, số 72.
[15] Hiến chế Vui Mừng và Hy Vọng, số 1.

Maria Madalêna dưới chân thập giá, trong biến cố Phục sinh và thời kỳ đầu của Giáo Hội sơ khai, bắt đầu với Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống đầu tiên.

Tông huấn Đời Sống Thánh Hiến nói đến phẩm giá và vai trò của người phụ nữ tận hiến như sau: "*Giáo Hội chứng tỏ sự phong phú thiên hình vạn trạng của mình về mặt thiêng liêng, khi biết vượt lên mọi thứ kỳ thị và đón nhận như một hồng phúc đích thực những ân huệ Thiên Chúa ban cho những người nam và người nữ, bởi vì đôi bên đều bình đẳng về phẩm giá... Không thể chối cãi tính cách hợp lý của nhiều đòi hỏi liên quan đến vị trí của người nữ trong nhiều môi trường xã hội và Giáo hội. Cũng nên ghi nhận rằng những ý thức mới của các phụ nữ về chính mình đã giúp những người nam xét lại não trạng, cách hiểu về chính bản thân họ, cách họ tự định vị trong lịch sử, và cách họ giải thích lịch sử, tổ chức đời sống xã hội, chính trị, kinh tế, tôn giáo và đời sống Giáo Hội... Và người nữ tận hiến góp phần loại trừ một số quan niệm một chiều không giúp nhìn nhận trọn vẹn phẩm giá của người nữ, nhìn nhận phần đóng góp chuyên biệt của họ vào đời sống, hoạt động mục vụ và truyền giáo của Giáo Hội*"[16]

Tông Huấn viết tiếp: "*Giáo Hội trông chờ nhiều vào phần đóng góp độc đáo của các phụ nữ tận hiến trong việc phát triển đạo lý, phong hóa, đời sống gia đình và xã hội, đặc biệt trong những gì liên quan đến phẩm giá phụ nữ và tôn trọng đời sống con người... họ có nhiệm vụ thăng tiến một phong trào nữ quyền mới, không bị cám dỗ họa lại mô hình trọng nam khinh nữ ngõ hầu nhìn nhận và diễn tả thiên tài chân thực của nữ giới.*"[17]

[16] Đời Sống Thánh Hiến, số 57.
[17] Ibid., số 58.

Huấn thị Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô nói đến ***thiên tài nữ tính***, cũng là ***thiên tài mẫu tính*** của người nữ, với những đức tính dịu dàng, nhẫn nại, bao dung, từ tâm, đặc biệt là người nữ thánh hiến luôn sẵn sàng nghiêng mình xuống trên những người khổ đau, tinh thần lẫn thể chất, để phục vụ họ, nâng đỡ họ vì yêu thương họ, và nhận ra Chúa Giêsu trong họ. Phần IV của Huấn thị sẽ nói nhiều đến những phục vụ rất đa dạng và hiệu quả của thiên tài nữ tính này.

Do đó, ngày nay phải đào sâu và mở rộng cơ hội cho phụ nữ tham gia vào mọi lãnh vực, trên mọi bình diện, kể cả tiến trình quyết định liên quan đến phụ nữ, ngay cả trong các Bộ của Giáo triều Rôma. Một biến cố thời sự chứng minh điều vừa nói là Vatican loan báo rằng ngày thứ Năm 21/1/2010, ĐTC Biển Đức 16 đã bổ nhiệm Cô Flaminia Giovanelli là người phụ nữ đầu tiên nắm giữ vị trí Phó Thư Ký của Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình. Cô sẽ làm việc bên cạnh ĐHY Chủ tịch Peter Turkson và ĐGM Thư ký Mario Toso. Thông cáo của Vatican đã nói rằng "*việc bổ nhiệm cô Giovanelli khẳng định lòng tín nhiệm lớn lao mà Giáo Hội và ĐTC Biển Đức 16 đặt để nơi giới phụ nữ. Trong thời của Ngài, ĐTC đáng kính Gioan Phaolô II cũng đã nhấn mạnh sự cần thiết của một tham gia ý nghĩa và đầy đủ hơn của giới phụ nữ vào sự phát triển xã hội*."[18]

Hãng CWN ngày 22/1/2010 còn ghi thêm: "*Một nữ giáo dân người Úc, Rosemary Goldie, cũng đã ở vị trí tương đương tại HĐ giáo hoàng về Giáo Dân từ 1966 đến 1976. Một nữ tu người Ý, Soeur Enrica Rosanna, hiện đang giữ cùng chức vụ tại Thánh Bộ Tu Sĩ.*"[19]

Chính ĐTC Gioan Phaolô II đã tuyên bố: "*Ngõ lời với các phụ nữ tận hiến với khả năng tận tâm phi thường của họ,*

[18] CNA, Vatican City, January 21, 2010.
[19] CWN ngày 22/1/2010.

tôi nói lên một lần nữa sự thán phục và lòng biết ơn của toàn thể Giáo Hội. Giáo Hội nâng đỡ họ, vì họ đang sống viên mãn và vui tươi ơn gọi của họ, họ đang cảm thấy được kêu mời chu toàn một nhiệm vụ cao cả là huấn luyện người phụ nữ hôm nay"[20]

Chúng ta cùng xem những hoạt động nổi bật sau đây của thiên tài nữ tính của các người nữ thánh hiến mà huấn thị nói đến.

4.a Hăng say truyền giáo: Lời cám ơn đặc biệt được gửi đến những người đang ở tuyến đầu rao giảng Tin Mừng, được thôi thúc đi đến những nơi khó khăn, dù có phải gặp rủi ro hay hy sinh mạng sống[21]

4.b Công tác từ thiện bác ái: Với một quan tâm mới, họ tìm đến săn sóc các bệnh nhân, người túng thiếu và đau khổ vì sự nghèo khó theo hình thức cũ cũng như sự nghèo khó theo hình thức mới là thất vọng vì cuộc sống vô nghĩa, tình trạng nghiện ngập ma túy, sợ bị ruồng bỏ vì tuổi già hay vì bệnh tật, sống bên lề xã hội hay bị phân biệt đối xử trong xã hội. Người thánh hiến được mời gọi nhận ra nơi bản thân người nghèo sự hiện diện đặc biệt của Chúa Kitô; đồng thời nhận ra tiếng nói của Người qua lời cầu cứu vang lên từ thế giới nghèo đói, và qua cả lời van xin tha thứ của người lầm lỗi trong hình thức nghèo khó mới mà Chúa Giêsu vẫn tiếp tục cầu bàu cho họ như Ngài đã làm trên thập giá[22]

4.c Tham gia vào nền giáo dục kitô giáo: Người nữ thánh hiến ý thức sâu xa rằng chỉ trợ giúp người túng thiếu mà thôi thì không đủ, còn phải tìm cách loại trừ và nhổ tận gốc nguyên nhân gây ra cảnh túng thiếu.... qua việc dấn thân một cách nghiêm túc trong lãnh vực giáo dục, vì giáo dục là

---

[20] Đời Sống Thánh Hiến, số 58.
[21] Loan Báo Tin Mừng Evangelii Nuntiandi, số 69.
[22] x. XPLTCK, số 35.

chìa khóa vạn năng (passe-partout) mở được mọi cánh cửa của cuộc sống: giáo dục đức tin, dạy giáo lý, đào tạo tri thức... Cần cổ võ trong lòng đời sống thánh hiến một sự đổi mới trong việc dấn thân vào môi trường văn hoá, nhằm nâng cao trình độ cá nhân và chuẩn bị cho một cuộc đối thoại giữa đức tin và não trạng thời đại, cổ võ việc Phúc âm hoá các nền văn hoá như là việc phục vụ sự thật. Để việc đó được hiệu quả, người thánh hiến nối dài tiếng nói của Giáo Hội cổ võ sự biến đổi xã hội qua các phương tiện truyền thông xã hội là cần thiết hơn bao giờ hết[23]

Trong lãnh vực này, chúng ta không thể không lưu ý tới Quan điểm của HĐGMVN về nền giáo dục kitô giáo: "*Ngày nay, một trong những điều gây nhức nhối lương tâm là sự gian dối trong nhiều lãnh vực, kể cả trong môi trường cần đến sự thật nhiều nhất là giáo dục học đường. Chắc chắn tất cả những ai tha thiết với tiền đồ của đất nước và dân tộc không thể không quan tâm đến tình trạng này... Do đó, việc giáo dục đạo đức và lương tâm phải là trách nhiệm hàng đầu của toàn xã hội, và cần đến sự tham gia tích cực của người dân cũng như các tổ chức xã hội*"[24]

Cao hơn trong phẩm trật và xa hơn trong thời gian, các nghị phụ của Công đồng Vaticanô II viết trong Tuyên Ngôn về Giáo dục Kitô giáo (28/10/1965) rằng: "*Thánh Công Đồng tỏ lòng biết ơn sâu xa đối với các linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân, đã tự hiến theo tinh thần Phúc Âm dấn thân vào công cuộc trọng đại này là giáo dục trong các trường thuộc mọi cấp và mọi ngành. Đồng thời khuyến khích họ hãy quảng đại và kiên tâm trong bổn phận đã lãnh nhận, nỗ lực vươn lên trong việc đào luyện học sinh thấm nhuần tinh thần của Chúa Kitô, trong khoa sư phạm và trong việc trau dồi kiến thức, để*

[23] Ibid., số 39.

[24] Quan điểm của HĐGMVN về một số vấn đề trong hoàn cảnh hiện nay, I, 2&3, làm tại Xuân Lộc ngày 25/9/2008.

họ không những đẩy mạnh cuộc canh tân bên trong Giáo Hội mà còn duy trì và phát huy thêm sự hiện diện hữu ích của Giáo Hội trong thế giới ngày nay nhất là trong giới trí thức."[25]

4.d Hậu phương thiêng liêng: Đời sống cầu nguyện chiêm niệm của các nữ đan sĩ làm hậu phương thiêng liêng cho những người hoạt động tông đồ Phúc âm hóa thế giới ở tuyến đầu, vốn xác tín chọn sống giữa và chia sẻ với những người bị loại trừ, di dân và nhỏ bé[26]

4.e Chứng tá Đức tin và Tử đạo: Số chứng nhân đức tin và tình yêu Nước Trời đi đến tận thập giá gia tăng, dù cơ hội và hoàn cảnh khác nhau, động cơ tử đạo luôn vẫn là một: đó là trung thành với Chúa và Tin Mừng.

B. IV. NGƯỜI THÁNH HIẾN PHẢI LUÔN RỘNG MỞ CHO CHÚA THÁNH THẦN[27]

Trong chiều kích hướng nội (Ad intra), ba ngôi Thiên Chúa là một duy nhất, nhưng xét về chiều kích hoạt động hướng ngoại (Ad extra) cho tạo thành, ba ngôi Thiên Chúa có một ngôi vị khác biệt và một hành động bổ túc: Chúa Cha sáng tạo, Chúa Con cứu chuộc và Chúa Thánh Thần thánh hóa.

Thời đại chúng ta đang sống là thời Thánh Khí thấm nhập và mở ra những triển vọng mới qua các đặc sủng đa dạng mà Ngài không ngừng ban xuống, thúc đẩy và phát triển nơi mỗi con người, cũng như nơi mỗi cộng đồng của các hình thức thánh hiến.

Những người sống đời thánh hiến đang cộng tác cùng với Chúa Thánh Thần chuẩn bị Giáo hội cho ngày tái lâm

---

[25] Vat. II, Tuyên ngôn về Giáo dục kitô giáo, phần kết luận.
[26] x. Đức Ái Hoàn Hảo, số 7; Đời Sống Thánh Hiến, số 8 và 59.
[27] XPLTCK, số 10.

vinh quang trong Trời mới Đất mới của Chúa Kitô, Ngài là tương lai của nhân loại phát triển tới tầm mức viên mãn.

Mẹ Maria là người nữ toàn hiến bản thân đầu tiên đã nhờ Chúa Thánh Thần mà mang Chúa Kitô đến trong thế gian để cứu chuộc thế gian thế nào, thì người tận hiến hôm nay cũng nhờ ngoan ngùy với Chúa Thánh Thần mà đặt cược tất cả vào đức ái để thi hành lệnh truyền yêu thương cách thiết thực và cụ thể đối với mọi người thể ấy. Mẹ phụng sự Chúa cách nhiệt thành trong Thánh Thần, hân hoan trong hi vọng, mạnh mẽ trong thử thách, bền bỉ trong cầu nguyện, và Mẹ hằng bầu cử cho chúng ta, nâng đỡ chúng ta trong việc thực hiện những cam kết hàng ngày, bằng cách biến các lời cam kết ấy trở thành chứng tá của tình yêu.

Như vậy giữa Chúa Thánh Thần và người tận hiến có một khế ước sự sống năng động đặc biệt, nên họ phải luôn luôn rộng mở cho Ngài, Đấng ban mọi ân sủng cho họ trong Chúa Con và luôn hành động phù hợp với thánh ý Chúa Cha. Chính Thánh Thần soi chiếu cho người thánh hiến thấu hiểu mầu nhiệm trong mọi sự để họ tận tụy với Nước Trời và với quần chúng túng thiếu bị bỏ rơi.

Xem đó thì tương lai của đời sống thánh hiến tùy thuộc sự năng động và các đoàn sủng của Chúa Thánh Thần ban xuống trong Giáo Hội để giúp thấu hiểu và thực thi Tin Mừng của Chúa Kitô. Vì thế, Hội Nghị Chuyên Đề tại Thái Lan ước mong *"Mỗi cộng đoàn Dòng tu phải phát triển và đào sâu căn tính của các thành viên của mình với tư cách là những con người thánh hiến phù hợp với đặc sủng của Dòng, nhờ đó CÁI HỌ LÀM phát xuất từ CÁI HỌ LÀ khiến cho hoa trái của Chúa Thánh Thần có thể được biểu lộ ra trong những đường lối đa dạng của cuộc sống họ."*[28]

[28] Trích Tuyên Bố Chung của Hội Nghị Chuyên Đề về "***Ảnh Hưởng của Nền Văn Hóa Hôm Nay trên Đời Sống Thánh Hiến***" do Ủy Ban Đời Sống

C. KẾT LUẬN

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã nói với mọi người chúng ta rằng: "*Một thiên niên kỷ mới đang mở ra dưới ánh sáng của Chúa Kitô. Nhưng không phải mọi người đều thấy được ánh sáng này. Nhiệm vụ phi thường và cấp bách của chúng ta là "phản chiếu" ánh sáng đó… Đó là một nhiệm vụ dễ làm ta thối chí, nếu chúng ta băn khoăn về sự yếu kém của con người chúng ta, vốn thường làm cho chúng ta trở nên mờ đục và tràn ngập bóng tối. Tuy nhiên, chúng ta có thể chu toàn nhiệm vụ ấy được, nếu chúng ta quay về với ánh sáng của Chúa Kitô và mở rộng tâm hồn để đón nhận ân huệ biến đổi chúng ta thành tạo vật mới*"[29]

Dĩ nhiên phải Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô và luôn tiến bước dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, vì "*thử thách to lớn của đời sống dâng hiến hôm nay là* ***sự tục hóa bên trong của đời sống dâng hiến****. Đây là lúc để thừa nhận những sai lầm đã phạm. Các cộng đồng tu trì phải trở về với nguồn của đặc sủng thành lập và với những giá trị Tin Mừng. Phải trả lại vị trí trung tâm của đời sống thánh hiến cho đời sống cầu nguyện, đời sống huynh đệ cộng đoàn, ơn khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục. Tái khám phá những giá trị căn bản này để sống chúng và làm chứng cho chúng trong thế giới: đó là cách thế trao ban cho đời sống tu trì một đà vươn lên mới*," như ĐHY Rodé, Tổng trưởng Bộ Tu sĩ nói trong cuộc phỏng vấn do Nhật báo Osservatore Romano ngày 8/11/2007.[30]

Thánh Hiến thuộc Liên Hiệp Các Hội Đồng Giám Mục Á Châu tổ chức từ ngày 16-21/11/2009 tại Nhà Tĩnh Tâm Salêdiêng ở Hua Hin, Thái Lan.

[29] JP. II, Ngàn Năm Mới, số 54.

[30] x. Cuộc phỏng vấn ĐHY Rodé do nhật báo Osservatore Romano ngày 8/11/2007.

Và mới đây, ngày 3/2/2010 tại Naples, ngài còn lặp lại rằng "*Nền văn hoá tục hoá đã thâm nhập vào trong tâm trí và tâm hồn của một số cá nhân và một số cộng đoàn sống tận hiến, lấy cớ cần một sự cởi mở với tính hiện đại và một cách để tiếp cận với thế giới đương thời*"[31]

Đức JP II dường như cũng đang trực tiếp nói với chúng ta hôm nay: "*Các con không những phải nhớ và kể lại một lịch sử huy hoàng, mà còn phải kiến tạo một lịch sử vĩ đại nữa. Hãy hướng về tương lai, tới chỗ mà Thánh Thần đang sai các con đi để làm những việc trọng đại. Các con hãy biến cuộc đời các con thành cuộc trông đợi Chúa Kitô cách sốt sắng… Hãy sẵn sàng luôn luôn, hãy trung thành với Chúa Kitô, với Giáo Hội, với Tu hội của mình và với con người thời đại này. Nhờ thế, ngày qua ngày, các con sẽ được Chúa Kitô đổi mới, và nhờ Thánh Thần trợ giúp, các con sẽ kiến tạo những cộng đoàn huynh đệ,…và góp phần độc đáo của các con vào sự biến hình của thế giới… Mong sao cho thế giới đã được trao vào tay các con sẽ được nhân đạo hơn, công bằng hơn, trở nên dấu chỉ và hình ảnh báo trước thế giới sắp đến…*"[32]

Cũng trong tinh thần đó, chúng ta cùng chung quyết tâm với Hội Nghị Chuyên đề tại Thái Lan rằng: "*Đời sống thánh hiến, được bắt rễ sâu xa từ gương mẫu và giáo huấn của Chúa Kitô, là quà tặng của Chúa Cha ban cho Giáo hội qua Chúa Thánh Thần*" (VC 1). Chúng tôi cầu mong rằng sẽ góp phần làm cho quà tặng này trở nên dấu chỉ đầy sức sống của Nước Thiên Chúa cho thế giới hôm nay."[33]

---

[31] Theo thông tấn CNS ngày 5/2/2010.

[32] Đời Sống Thánh Hiến, số 110.

[33] Trích Tuyên Bố Chung của Hội Nghị Chuyên Đề về "***Ảnh Hưởng của Nền Văn Hóa Hôm Nay trên Đời Sống Thánh Hiến***"…

Để thực hiện được quyết tâm đó, ĐTC Biển Đức 16 nhắn nhủ chúng ta: "*Những ai tin nơi Chúa Giêsu Kitô thì càng có thêm động lực mạnh mẽ hơn để không sợ hãi*: *Thiên Chúa không bỏ rơi chúng ta và tình yêu của Ngài đến với chúng ta nơi chúng ta đang sống và trong thân phận của chúng ta, để mang lại cho chúng ta cơ hội mới để làm điều thiện… Tôi nồng nhiệt mời gọi đặt niềm hy vọng của chúng ta nơi Thiên Chúa... Niềm hy vọng hướng về Thiên Chúa không bao giờ chỉ là hy vọng cho chúng ta mà thôi, nhưng luôn luôn là hy vọng cho người khác nữa: hy vọng ấy không cô lập chúng ta, nhưng làm cho chúng ta liên đới trong sự thiện, kích thích chúng ta giáo dục lẫn nhau về sự thật và tình thương."*[34]

Trước khi kết thúc phần trình bày của con, con xin hết lòng cám ơn Đức Cha và toàn thể Hội Nghị đã nhẫn nại quan tâm theo dõi. Con xin kính chúc tất cả mọi người một ngày tốt đẹp và thật nhiều ơn Chúa. Nguyện xin Chúa Thánh Thần tiếp tục cho đến hoàn thành tốt đẹp những gì Ngài đã khởi sự với chúng ta và cho chúng ta, đặc biệt qua sự biểu lộ lòng cảm phục và biết ơn của cộng đồng Giáo Hội và thế giới đối với những cống hiến lớn lao trong nhiều lãnh vực cuộc sống của những người sống đời thánh hiến chúng ta, vì đó vừa là lời đánh giá tưởng thưởng cho những gì chúng ta đã làm và đã sống, nhưng quan trọng hơn, vừa là lời cổ vũ và nhắc nhở chúng ta phải cố gắng duy trì và nỗ lực làm tốt sống tốt hơn nữa hầu làm chứng tá cho tình yêu cứu độ của Thiên Chúa và không phụ lòng những kỳ vọng mà Giáo Hội và thế giới đặt để nơi chúng ta. "Chúng ta cùng nhau cám đội ơn Chúa đã ban cho chúng ta ân huệ sống đời tận hiến và hãy cầu xin

[34] Trích Thư ngày 23/2/2008 của ĐTC Biển Đức XVI về Giáo dục, VietCatholic News, Thứ Hai 25/02/2008 12:38.

được tiếp tục mãi như là một dấu hiệu tình xót thương của Chúa trên thế giới."[35] Amen.

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

[35] ĐTC Biển Đức XVI nói nhân Ngày Thế Giới Đời Sống Thánh Hiến 2006, Vatican City 29/1/2006, Zenit.org.

HAI

THƯ GỬI NGƯỜI PHỤ NỮ
của ĐGH. Gioan Phaolô II ngày 29/6/1995

Xin cám ơn, hỡi những người phụ nữ!

Tôi xin gởi đến chị em phụ nữ trên toàn thế giới lời chào thân tình nhất của tôi!

1. Tôi xin gởi thư này đến từng chị em và đến tất cả phụ nữ trên thế giới trong dấu chỉ chia sẻ và biết ơn, đang khi gần Hội Nghị Thế Giới lần thứ IV về Phụ Nữ, sẽ họp tại Bắc Kinh vào tháng chín sắp tới.

Trước hết, tôi muốn bày tỏ sự tán thành thật sự của tôi đối với Tổ Chức Liên Hiệp Quốc đã có một sáng kiến lớn lao như thế. Giáo Hội cũng muốn góp phần của mình vào việc bảo vệ phẩm giá, vai trò và những quyền lợi của người phụ nữ, không phải chỉ qua sự đóng góp đặc biệt của Phái Đoàn chính thức của Tòa Thánh vào những việc làm tại Bắc Kinh, nhưng cả bằng việc nói cách trực tiếp với con tim và trí óc của mọi người nữ. Mới đây, nhân cơ hội bà Gertrude Monella, Tổng Thư Ký của Hội Nghị, đến thăm tôi chính vì cuộc gặp gỡ quan trọng ấy, tôi đã muốn trao cho bà một Sứ Điệp trong đó gồm có một số điểm căn bản của giáo huấn Giáo Hội liên quan đến vấn đề. Đó là một sứ điệp mà ngoài

hoàn cảnh đặc biệt đã gợi hứng cho nó, còn mở ra đường hướng tổng quát hơn về thực tại và những vấn đề của người phụ nữ cách chung, nhằm phục vụ cho quyền lợi của họ trong Giáo Hội và trong thế giới hiện nay. Bởi vậy, tôi đã gởi sứ điệp đó cho tất cả các Hội Đồng Giám Mục để bảo đảm cho nó được phổ biến rộng rãi nhất.

Từ những gì tôi đã viết trong tài liệu ấy, bây giờ tôi muốn nói cách trực tiếp với mỗi người phụ nữ, để suy tư với chị em về những vấn đề và những viễn ảnh của điều kiện người nữ trong thời đại chúng ta, đồng thời đặc biệt dừng lại trên đề tài chính yếu về phẩm giá và các quyền lợi của người nữ, được nhìn dưới ánh sáng Lời Chúa.

Khởi điểm của cuộc đối thoại lý tưởng này không gì khác hơn là lời cám ơn. Như tôi đã viết trong Tông Thư Mulieris Dignitatem, Giáo Hội "ước ao tạ ơn Chúa Ba Ngôi Rất Thánh về "mầu nhiệm người nữ", và đối với mỗi người nữ, về những gì làm nên mức độ vĩnh cửu của phẩm giá người nữ, về "những công trình lớn lao của Thiên Chúa" mà trong lịch sử của các thế hệ loài người đã được thực hiện trong nàng và nhờ nàng" (số 31).

2. Lời cám ơn Chúa vì kế hoạch của Ngài cho ơn gọi và sứ mạng của người nữ trên thế giới, cũng trở thành một lời cám ơn cụ thể và trực tiếp đối với các người nữ, với mỗi người nữ, về những gì họ mang lại trong cuộc sống của toàn nhân loại.

Xin cám ơn chị em, hỡi người nữ làm mẹ, vì chị em đã cưu mang người con trong niềm vui và trong đau khổ về một kinh nghiệm độc nhất, chị em đã trở nên nụ cười của Thiên Chúa dành cho đứa trẻ mới chào đời, đã làm người hướng dẫn cho những bước đi đầu tiên của nó, là sự nâng đỡ để nó được lớn lên và là điểm qui chiếu trong những bước đường đời kế tiếp.

Xin cám ơn chị em, hỡi người nữ làm vợ, chị em đã kết hợp một cách không thể rút lại cuộc sống của mình với cuộc sống của một người nam, trong một mối dây của ân huệ hỗ tương giữa việc phục vụ sự hiệp thông và sự sống.

Xin cám ơn chị em, hỡi người nữ làm con và làm chị, làm em, chị em đã mang vào trong gia đình và sau đó trong cuộc sống xã hội những phong phú về sự nhạy cảm của chị em, trực giác của chị em, sự quảng đại của chị em, sự kiên nhẫn của chị em.

Xin cám ơn chị em, hỡi người nữ lao động, đang làm việc trong mọi lãnh vực của đời sống xã hội, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, chính trị, vì sự đóng góp không thể thiếu mà chị em cống hiến cho sự hình thành một nền văn hóa có khả năng nối kết lý trí và tình cảm, cho một quan niệm sống luôn mở ra với ý nghĩa của "mầu nhiệm", cho việc xây dựng những cơ chế kinh tế và chính trị giàu nhân tính hơn.

Xin cám ơn chị em, hỡi người nữ sống đời thánh hiến, theo gương của người nữ cao trọng hơn mọi người nữ, Mẹ của Đức Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể, chị em đã mở rộng lòng mình với cả sự dịu dàng và trung thành với tình yêu của Thiên Chúa, bằng việc giúp đỡ Giáo Hội và toàn thể nhân loại để sống một sự đáp trả "phu thê" đối với Thiên Chúa, bày tỏ sự hiệp thông cách tuyệt vời mà Ngài muốn thiết lập với thụ tạo của Ngài.

Xin cám ơn chị em, hỡi người phụ nữ, vì chính chị em là người nữ! Với nhận thức rằng chính vì về nữ tính của chị em, chị em làm cho sự cảm thông của thế giới trở nên phong phú và đóng góp cho sự thật của những tương quan nhân bản được trọn vẹn hơn.

3. Nhưng tôi vẫn biết, cám ơn mà thôi thì chưa đủ. Thật đáng tiếc, chúng ta thừa hưởng di sản của một lịch sử

của nhiều qui cách lớn, mà trong mọi thời và trong mỗi góc độ, đã làm cho bước tiến của người phụ nữ trở nên khó khăn, không nhìn nhận phẩm giá của họ, biến đổi những đặc quyền của họ, không thiếu những người nữ bị loại trừ và còn bị sống trong cảnh nô lệ. Tất cả điều đó ngăn cản họ thực hiện chính mình cách trọn vẹn, và đã làm cho toàn thể nhân loại nghèo đi về những phong phú thiêng liêng. Tất nhiên không dễ gì qui trách nhiệm chính xác, vì sức lắng đọng văn hóa mà qua nhiều thế kỷ đã hình thành tâm thức và định chế.

Nhưng nếu trong điều này, nhất là trong một số bối cảnh lịch sử nhất định nào đó, đã thiếu trách nhiệm khách quan nơi cả con cái của Giáo Hội, thì tôi thật sự hối tiếc. Sự hối tiếc ấy cần được thể hiện đối với cả Giáo Hội bằng một nỗ lực đổi mới lòng trung thành với linh ứng Tin Mừng, mà chính về đề tài giải phóng phụ nữ khỏi mọi hình thức bất công và thống trị, có một sứ điệp luôn hợp thời, phát xuất từ chính thái độ của Đức Kitô. Trong khi vượt qua mọi qui định hiện hành của văn hóa đương thời đối với người phụ nữ, Ngài đã có một thái độ cởi mở, tôn trọng, đón tiếp, dịu hiền. Như thế Ngài tôn trọng nơi người nữ phẩm giá mà nàng luôn có từ trong kế hoạch và trong tình yêu của Thiên Chúa. Trong khi nhìn vào Ngài, vào thời gian sắp kết thúc thiên niên kỷ thứ hai này, tự nhiên chúng ta phải tự hỏi: sứ điệp của Ngài đã được đón nhận và thực hành đến đâu?

Vâng, đã đến lúc nhìn với lòng can đảm của ký ức và thành thực nhìn nhận trách nhiệm vào lịch sử dài của nhân loại, mà người nữ đã đóng góp một phần không kém người nam, và nhiều lúc còn ở trong những điều kiện khó khăn hơn. Đặc biệt, tôi nghĩ đến những người nữ yêu chuộng văn hóa và nghệ thuật, đã dấn thân vào đó bắt đầu từ những điều kiện bất lợi, thường bị loại trừ khỏi một nền giáo dục bình đẳng, sẵn sàng chịu đánh giá thấp, chịu phủ nhận và chịu tước đoạt cả sự đóng góp trí tuệ của mình. Đáng tiếc thay, có nhiều công trình của người nữ, nhưng rất ít được ghi nhận

bằng những phương tiện khoa học kỹ thuật biên soạn lịch sử. Nhưng cũng may, nếu thời gian đã chôn vùi những dấu vết tài liệu, thì người ta vẫn không thể không nhận thấy những ảnh hưởng tốt trong nhựa sống đưa vào con người của các thế hệ nối tiếp nhau cho đến chúng ta. *Đối với "truyền thống" người nữ lớn lao và bao la này, nhân loại mang một món nợ không lường được.* Biết bao nhiêu người nữ đã bị và bây giờ vẫn còn bị đánh giá về khía cạnh thể lý hơn là về trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, công việc trí thức, sự phong phú của tính nhạy bén và nhất là về chính phẩm giá của con người họ!

4. Và rồi phải nói gì về những trở ngại mà tại nhiều nơi trên thế giới còn ngăn cản người phụ nữ hội nhập trọn vẹn vào đời sống xã hội, chính trị và kinh tế? Chỉ cần nghĩ đến ân huệ làm mẹ thường bị xem như hình phạt hơn là được biết ơn nhờ đó mà nhân loại được tồn tại. Chắc chắn còn nhiều việc phải làm để người nữ và người mẹ không phải mang một sự kỳ thị. Việc khẩn cấp là khắp nơi phải có được bình đẳng thật sự về các quyền lợi của con người và như vậy bình đẳng cả mức lương cũng như việc làm, bảo vệ người mẹ lao động, thăng tiến nghề nghiệp, bình đẳng giữa vợ chồng trong quyền gia đình, nhìn nhận những gì gắn liền với các quyền lợi và bổn phận của người dân trong thể chế dân chủ.

Đây là một hành động công bằng, nhưng cũng là một điều cần thiết. Trong chính trị tương lai, những vấn đề hệ trọng đang được tranh luận ngày càng liên quan đến người nữ hơn: thời gian nhàn rỗi, chất lượng sống, di dân, phục vụ xã hội, chết êm dịu, ma túy, y tế và an sinh, môi sinh, v.v. Đối với tất cả các lãnh vực này, sự hiện diện xã hội của người nữ sẽ rất quí giá, bởi vì nó sẽ góp phần làm cho thấy rõ những mâu thuẫn của một xã hội được tổ chức dựa trên những tiêu chuẩn thuần túy hiệu năng và sản xuất, sẽ bắt buộc tái lập những hệ thống tất cả nhằm ưu tiên cho tiến trình nhân bản hóa phác họa "nền văn minh tình thương".

5. *Và rồi khi nhìn vào một trong những lãnh vực tế nhị nhất của tình trạng người nữ trên thế giới, làm sao không nhớ đến chuyện dài và ô nhục – vì thường là những chuyện "ngầm" – về những lạm dụng phạm đến người nữ trong lãnh vực tính dục?* Vào lúc sắp bước vào thiên niên kỷ thứ ba, chúng ta không thể thụ động và chịu đựng hiện tượng này. *Đã đến lúc phải mạnh mẽ lên án, bằng cách đưa ra những phương tiện pháp lý bảo vệ, tránh những hình thức bạo lực tình dục, mà thường người nữ là đối tượng. Nhân danh sự tôn trọng con người, chúng ta cũng không thể không tố giác nền văn hóa lạc thú và thương mại đang lan tràn, nhằm cổ võ việc lạm dụng tình dục cách có hệ thống, bằng cách dẫn đưa cả những người con gái tuổi còn quá trẻ đi vào trong vòng hư đốn và dùng thân thể cho việc mua bán.*

Trái lại, đứng trước những đổi bại như thế, thật đáng ca ngợi những người nữ, mà với tình yêu anh hùng đối với con mình, vẫn tiếp tục cưu mang một thai nhi gắn liền với sự bất công của những quan hệ tình dục bằng bạo lực. Và điều đó không những chỉ trong khuôn khổ của sự tàn ác mà thật đáng tiếc thường xảy ra trong những bối cảnh chiến tranh còn đang tiếp diễn trên thế giới, mà ngay cả trong hoàn cảnh an lạc và hòa bình, thường bị hư hỏng bởi một nền văn hóa quá buông thả trong việc tìm hoan lạc, trong đó càng dễ dàng sinh ra cả những xu hướng của "phần thắng là của đàn ông*". Trong những điều kiện như thế, việc chọn lựa phá thai cho dù luôn là một trọng tội, nhưng trước khi đổ trách nhiệm cho người nữ, đó là một tội ác cần phải gán cho người nam và cho sự đồng lõa của môi trường chung quanh.*

6. Bởi vậy, lời cám ơn của tôi đối với người nữ cũng trở nên như lời mời gọi đầy đau buồn, để từ phía mỗi người, và đặc biệt từ phía các quốc gia, các cơ chế quốc tế, biết làm những gì cần thiết để trả lại cho người nữ sự tôn trọng đầy đủ và trọn vẹn vai trò của họ. Về vấn đề này, tôi không thể không bày tỏ sự khâm phục của tôi đối với những người nữ

thiện chí đã dấn thân bảo vệ phẩm giá của điều kiện người nữ qua việc lấy lại những quyền căn bản về xã hội, kinh tế và chính trị, và họ đã có những sáng kiến can đảm trong lúc việc dấn thân của họ bị coi như một hành động phạm pháp, một dấu hiệu thiếu nữ tính, một sự biểu lộ mang tính chất phô diễn, và có khi cũng là một tội!

Như tôi đã viết trong Sứ Điệp cho Ngày Hòa Bình Thế Giới năm nay, trong khi nhìn về diễn tiến lớn lao của việc giải phóng người nữ, người ta có thể nói rằng, đó "là một hành trình khó khăn phức tạp, và đôi lúc không thiếu những sai lầm, nhưng bản chất rất tích cực, mặc dù chưa hoàn tất vì nhiều ngăn trở mà nhiều nơi trên thế giới can thiệp vào để người nữ được nhìn nhận, được tôn trọng, được đánh giá trong phẩm giá riêng của họ" (số 4).

Cần phải tiếp tục trong hành trình này! Tuy nhiên, tôi tin rằng bí quyết để đi cách nhanh chóng con đường tôn trọng đầy đủ về căn tính người nữ, không chỉ qua việc tố giác, mặc dù cần thiết, những kỳ thị và bất công, mà còn và nhất là phải có một kế hoạch thăng tiến thực tế được soi sáng, gồm mọi lãnh vực của đời sống người nữ, khởi đầu từ việc có được một ý thức mới mẻ và phổ quát về phẩm giá của người nữ. Chính lý lẽ đón nhận luật Chúa đã được khắc ghi trong tâm hồn của mỗi người, mang lại cho chúng ta việc nhìn nhận phẩm giá này, dù có nhiều giới hạn lịch sử. Nhưng nhất là Lời Chúa mới cho phép chúng ta nhận ra cách rõ ràng nền tảng nhân học căn bản của phẩm giá người nữ, bằng cách chỉ cho chúng ta thấy nó trong kế hoạch của Thiên Chúa dành cho nhân loại.

7. Bởi vậy, chị em rất thân mến, chị em hãy cho phép tôi cùng chị em suy niệm trang Kinh Thánh tuyệt vời nói về việc tạo dựng con người, và nói nhiều về phẩm giá và sứ mạng của chị em trong thế giới.

Sách Sáng Thế nói về việc tạo dựng cách tổng hợp và bằng ngôn ngữ thi văn và biểu trưng, nhưng rất chân thực: "Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình; Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ" (St 1,27). Hành động sáng tạo của Thiên Chúa được khai triển theo một kế hoạch chính xác. Trước hết, đã nói rằng con người được sáng tạo "theo hình ảnh và giống Thiên Chúa" (xem St 1,26), lối nói làm sáng tỏ ngay đặc tính của con người trong toàn bộ công trình tạo dựng.

Tiếp đến, Kinh Thánh nói rằng ngay từ đầu con người được tạo dựng "có nam có nữ" (St 1,27). Chính Kinh Thánh cung cấp việc giải nghĩa về sự kiện này: con người, dù được bao bọc chung quanh bởi vô số các thụ tạo hữu hình, vẫn cảm thấy mình cô đơn (xem St 2,20). Thiên Chúa can thiệp để làm cho nó thoát khỏi cảnh đơn độc ấy: "Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó" (St 2,18). Bởi vậy, trong việc tạo dựng người nữ đã được khắc ghi ngay từ đầu nguyên tắc trợ tá: trợ tá – phải lưu ý kỹ điều này – không phải chỉ một bên, nhưng hỗ tương. Người nữ là sự bổ sung của người nam và người nam là sự bổ sung của người nữ: người nữ và người nam bổ sung cho nhau. Nữ tính thực hiện "nhân tính" cũng như nam tính thực hiện, nhưng bằng một cách thế khác biệt và bổ sung.

Khi Sách Sáng Thế nói về "trợ tá", thì không chỉ qui hướng về lãnh vực hành động, nhưng cả lãnh vực hữu thể. Nữ tính và nam tính bổ sung cho nhau không chỉ trên bình diện thể lý và tâm lý, nhưng cả trên bình diện bản thể nữa. Chỉ nhờ tính hai mặt của "nam" và "nữ" mà "nhân tính" mới được thực hiện cách trọn vẹn.

8. Sau khi tạo dựng con người có nam có nữ, Thiên Chúa nói với cả hai: "Hãy sinh sôi nẩy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất và thống trị mặt đất" (St 1,28). Ngài không chỉ ban

cho họ quyền truyền sinh để bảo tồn nhân loại trong thời gian, nhưng ủy thác mặt đất cho họ như bổn phận, đòi buộc họ có trách nhiệm quản trị các tài nguyên của mặt đất. Con người, hữu thể có lý trí và tự do, được mời gọi để biến đổi mặt đất. Trong bổn phận này, mà chủ yếu là công trình văn hóa, người nam cũng như người nữ ngay từ đầu đều có trách nhiệm như nhau. Trong tính hỗ tương vợ chồng và phong phú của họ, trong bổn phận chung làm bá chủ và thống trị mặt đất, người nữ và người nam không phản ảnh một sự bình đẳng lắng tĩnh và đồng đều, nhưng cũng không phải là một sự khác biệt sâu thẳm và xung đột cách khác biệt. Mối tương quan của họ tự nhiên nhất, phù hợp với ý định của Thiên Chúa, là "sự hiệp nhất của hai người", hay nói cách khác là một "tính duy nhất hai mặt" liên hệ với nhau, cho phép mỗi người cảm thấy mối tương quan liên vị và hỗ tương như một ân huệ phong phú và đầy trách nhiệm.

Thiên Chúa đã ủy thác cho "sự hiệp nhất của hai người" này không những chỉ công trình truyền sinh và đời sống gia đình, mà còn cả việc xây dựng lịch sử. Nếu trong Năm Quốc Tế Gia Đình, được cử hành vào năm 1994, người ta chú trọng đến người nữ như người mẹ, thì Hội Nghị ở Bắc Kinh là dịp để có được một sự nhận thức mới mẻ về nhiều đóng góp mà người nữ cống hiến cho đời sống của toàn thể xã hội và các quốc gia. Trước hết, là một sự đóng góp mang tính chất tinh thần và văn hóa, nhưng cũng mang cả tính chất xã hội-chính trị và kinh tế nữa. Thật quá nhiều lãnh vực khác nhau của xã hội, Nhà Nước, văn hóa quốc gia, và nói chung, cả sự tiến bộ của toàn thể nhân loại, có được là nhờ sự đóng góp của người nữ !

9. Thông thường sự tiến bộ được đánh giá theo từng loại khoa học và kỹ thuật, và cả theo cái nhìn này cũng không thiếu sự đóng góp của người nữ. Tuy nhiên, đó không phải là chiều kích duy nhất của sự tiến bộ, hơn nữa nó cũng không phải là chiều kích chính. Quan trọng hơn cả là chiều kích xã

hội-đạo đức, bao gồm những mối tương quan nhân bản và các giá trị của tinh thần: trong chiều kích ấy, thường được phát triển không rộn ràng, bắt đầu từ những liên hệ hằng ngày giữa con người, đặc biệt trong gia đình, chính nơi "năng khiếu của người nữ" mà phần lớn xã hội đang mang nợ.

Về vấn đề này, tôi muốn bày tỏ một tâm tình biết ơn đặc biệt đối với các người nữ làm việc trong nhiều lãnh vực khác nhau của hoạt động giáo dục, ngoài gia đình: các nhà mẫu giáo, trường học, viện đại học, an sinh xã hội, các giáo xứ, các hiệp hội và phong trào. *Bất cứ nơi nào có đòi hỏi về một việc huấn luyện, thì người ta có thể nhận ra ngay sự hiện diện của các người phụ nữ sẵn sàng dấn thân trong các tương quan nhân bản, đặc biệt dành ưu tiên cho những người yếu thế và không thể tự vệ.* Trong công trình ấy, họ thực hiện một hình thức của tình mẫu tử thật sự, về văn hóa và đạo đức, bởi giá trị thật sự là vô giá, vì ảnh hưởng mà nó mang lại trên sự phát triển của con người và tương lai của xã hội. Và làm sao không nhắc lại ở đây, chứng tá của bao người nữ công giáo và nhiều Dòng Nữ tại các lục địa khác nhau đã thực hiện về giáo dục, đặc biệt cho các trẻ em nam nữ, việc phục vụ chính của họ? Làm thế nào không nhìn với tâm hồn biết ơn đối với các người nữ đã hoạt động và tiếp tục hoạt động về phương diện sức khỏe, không những chỉ trong lãnh vực của các cơ sở y tế đã được tổ chức tốt đẹp, mà thường là trong những hoàn cảnh còn quá thô sơ, trong các nước nghèo nhất trên thế giới, mang lại một chứng tá về tính sẵn sàng mà không thiếu trường hợp phải chịu tử đạo?

10. Bởi vậy, các chị em rất thân mến, tôi ước mong rằng với sự chú trọng đặc biệt suy tư về chủ đề "năng khiếu của người nữ", không những chỉ để nhìn nhận nơi đó những đường nét của một kế hoạch chính xác của Thiên Chúa cần được đón nhận và tôn kính, nhưng còn phải dành cho kế hoạch đó chỗ lớn hơn trong toàn đời sống xã hội, và cả trong đời sống Giáo hội. Chính trên chủ đề này, hơn nữa đã được

bàn đến nhân dịp Năm Thánh Mẫu, tôi cũng đã trình bày cách rộng rãi trong Tông Thư Mulieris Dignitatem, được ban hành vào năm 1988. Và rồi năm nay, nhân ngày Thứ Năm Tuần Thánh, tôi đã muốn liên kết chính Tông Thư này vào *Lá Thư mà tôi thường gởi cho các linh mục, bằng cách mời gọi các ngài suy tư về vai trò đầy ý nghĩa mà người nữ thi hành trong đời sống của họ, như người mẹ, người chị em và người cộng tác vào những việc tông đồ.* Đó là một chiều kích khác – khác với chiều kích vợ chồng, nhưng nó cũng quan trọng – với vai trò "trợ tá" mà theo Sách Sáng Thế người nữ được mời gọi dành cho người nam.

Giáo Hội thấy trong Đức Maria lối diễn tả tối đa của "năng khiếu nữ giới" và tìm gặp trong Mẹ một nguồn mạch cảm hứng bất tận. Đức Maria đã tự định nghĩa mình là "tôi tớ của Chúa" (Lc 1,38). Chính vì vâng phục Lời Chúa mà Mẹ đã đón nhận ơn gọi đặc biệt của Mẹ, nhưng không dễ gì việc làm vợ và làm mẹ của gia đình Nazaret. Trong khi đặt mình phục vụ Thiên Chúa, Mẹ cũng sẵn sàng phục vụ con người: một việc phục vụ tình yêu. Chính việc phục vụ này đã cho phép Mẹ thực hiện trong cuộc đời Mẹ kinh nghiệm về một việc "cai trị" nhiệm mầu, nhưng đích thực. Không phải tình cờ mà Mẹ được gọi là "Nữ Vương Trời Đất". Toàn thể cộng đoàn tín hữu kêu cầu Mẹ như thế, nhiều quốc gia và dân dộc kêu cầu Mẹ là "Nữ Vương". Việc "cai trị" của Mẹ là phục vụ! Việc phục vụ của Mẹ là "cai trị"!

Quyền bính trong gia đình cũng như trong xã hội và trong Giáo Hội cũng phải được hiểu như thế. "Cai trị" là nói lên ơn gọi căn bản của con người, trong tư cách được tạo dựng theo "hình ảnh" của Đấng là Chúa của trời đất, được mời gọi để trở thành dưỡng tử trong Đức Kitô. Con người là thụ tạo duy nhất dưới trần gian "mà Thiên Chúa đã muốn vì chính họ", như Công Đồng Vaticanô II đã dạy, và Công Đồng còn nói thêm cách ý nghĩa rằng con người "chỉ có thể gặp lại

chính bản thân mình nhờ ân huệ chân thành của chính mình" (Gaudium et Spes, số 24).

Việc "cai trị" từ mẫu của Đức Maria hệ tại ở đó. Bằng cả con người của mình, Mẹ đã trở nên ân huệ cho Con Mẹ, và Mẹ cũng trở nên ân huệ cho mọi con trai và con gái của toàn thể nhân loại, khơi dậy lòng tin rất sâu xa của những ai chạy đến cùng Mẹ để được đưa dẫn theo những con đường khó khăn của cuộc đời, đi tới định mạng siêu việt của chính mình. Đến với cùng đích này, mỗi người trải qua các giai đoạn của ơn gọi riêng, một cùng đích định hướng bổn phận trong thời gian của người nam cũng như của người nữ.

11. Trong chiều hướng "phục vụ" này – mà nếu được thực hiện với tự do, hỗ tương và tình yêu, diễn tả "vương quyền" đích thực của con người – thì có thể đón nhận, mà không có những hậu quả bất lợi đối với người nữ, ngay cả một sự khác biệt nào đó về vai trò, trong mức độ khác biệt ấy, không phải là kết quả của sự áp đặt độc đoán, nhưng phát xuất từ những đặc tính của người nam và người nữ. Đó cũng là một điều cần được áp dụng đặc biệt trong nội bộ của Giáo Hội. Nếu Đức Kitô – với sự chọn lựa tự do và tối thượng, được chứng tỏ cách rõ ràng trong Tin Mừng và trong truyền thống liên tục của Giáo Hội – đã chỉ ủy thác cho những người nam nhiệm vụ trở nên "hình ảnh" của gương mặt "mục tử" của Ngài và "Chàng Rể" của Giáo Hội qua việc thực thi chức linh mục thừa tác, thì điều đó không lấy mất gì cả nơi vai trò của các người nữ, cũng như đối với những phần tử khác của Giáo Hội không lãnh lấy chức thánh, bởi vì mọi người đều có được phẩm giá riêng của "chức tư tế chung" đã được gắn liền trong Phép Rửa Tội. Thật vậy, những phân biệt ấy về vai trò không nên cắt nghĩa theo những giới hạn từ vai trò riêng của các xã hội loài người, nhưng bằng những tiêu chuẩn đặc biệt của nhiệm cục bí tích, nghĩa là nhiệm cục của các "dấu chỉ" đã được Thiên Chúa chọn lựa cách tự do để hiện diện giữa loài người.

Hơn nữa, chính trong đường nét của nhiệm cục các dấu chỉ này, cả bên ngoài lãnh vực bí tích, không phải là ít "nữ tính" được sống theo gương mẫu tuyệt vời của Đức Maria. Thật vậy, trong "nữ tính" của người nữ tín hữu, và đặc biệt trong người nữ "thánh hiến", có một loại "ngôn sứ" nội tại (xem Mulieris Dignitatem, số 29), một biểu tượng khơi động cách mạnh mẽ, người ta có thể nói được là một "tính hình ảnh" hàm súc, được thực hiện cách trọn vẹn trong Đức Maria và diễn tả đúng chính hữu thể của Giáo Hội trong tư cách là cộng đoàn được thánh hiến bằng tính tuyệt đối của một con tim "trinh khiết", để trở thành "Hiền Thê" của Đức Kitô và "Mẹ" của các tín hữu. Trong chiều hướng của tính bổ túc "hình ảnh" của các vai trò nam và nữ còn có hai chiều kích không thể tách rời của Giáo Hội được đưa ra ánh sáng cách rõ ràng hơn: nguyên lý mang tính chất của Đức "Maria" và nguyên lý mang tính chất của "Tông Đồ-Phêrô" (xem ibid. số 27).

Đàng khác – tôi đã nhắc cho các linh mục trong Thư Ngày Thứ Năm Tuần Thánh năm nay – chức linh mục thừa tác, trong ý định của Đức Kitô, "không phải là lối diễn tả thống trị, nhưng phục vụ" (số 7). Đó là bổn phận khẩn thiết của Giáo Hội, trong việc đổi mới hằng ngày của mình theo ánh sáng của Lời Chúa, luôn đặt nó rõ ràng hơn, trong việc phát triển tinh thần hiệp thông và trong việc chú tâm làm thăng tiến mọi phương tiện tham dự riêng của Giáo Hội, cũng như qua sự tôn trọng và thẩm định nhiều đặc sủng cá nhân và cộng đoàn mà Thần Khí Chúa khơi dậy để xây dựng cộng đoàn Kitô hữu và phục vụ con người.

Trong lãnh vực bao la của việc phục vụ ấy, lịch sử Giáo Hội trong hai ngàn năm qua, cho dù có nhiều giới hạn, vẫn thật sự nhìn nhận "năng khiếu của người nữ", trong khi đã thấy xuất hiện trong lòng mình những người nữ danh tiếng đã để lại những danh thơm tiếng tốt của chính mình vượt thời gian. Tôi nghĩ đến đoàn các người nữ tử đạo, các thánh nữ, các thánh mang dấu thần bí xếp hàng trước Thánh

Nhan. Đặc biệt, tôi nghĩ đến thánh nữ Catêrina thành Siênna và thánh nữ Têrêsa thành Avila, đã được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI ban cho tước hiệu Tiến Sĩ Giáo Hội. Và rồi làm sao không nhắc đến biết bao nhiêu người nữ, được đức tin thôi thúc, đã hiến dâng cuộc đời cho những sáng kiến mang tầm quan trọng xã hội cách lạ lùng nhằm phục vụ cách đặc biệt cho những người nghèo nhất? Tương lai của Giáo Hội trong thiên niên kỷ thứ ba chắc hẳn sẽ không thiếu việc ghi nhận những biểu hiệu mới và tuyệt vời của "năng khiếu nữ giới".

12. Bởi vậy, chị em rất thân mến, chị em thấy Giáo Hội có nhiều lý do để ước mong rằng, trong Hội Nghị sắp tới, được Liên Hiệp Quốc tổ chức tại Bắc Kinh, người ta sẽ đưa ra ánh sáng sự thật trọn vẹn về người nữ. Ước gì người ta thật sự nêu rõ "năng khiếu của người nữ", không những chỉ lưu ý đến những người nữ quan trọng và nổi tiếng đã sống trong quá khứ hay trong thời đại chúng ta, nhưng cả những người nữ đơn sơ đang bày tỏ năng khiếu nữ giới của mình, nhằm phục vụ người khác trong việc bình thường hằng ngày. Thật vậy, cách đặc biệt, chính trong việc dấn thân cho người khác trong cuộc sống hằng ngày, mà người nữ đón nhận ra ơn gọi sâu xa của đời mình, có thể người nữ thấy người nam còn hơn cả người nam, bởi vì nàng thấy bằng con tim. Nàng thấy người nam cách hoàn toàn độc lập khỏi những hệ thống ý thức hệ hay chính trị. Nàng thấy người nam trong sự cao cả và trong những giới hạn của họ, và tìm gặp gỡ người nam để trở nên người trợ tá cho người nam. Trong cách đó, kế hoạch căn bản của Đấng Tạo Hóa được thực hiện trong lịch sử nhân loại và không ngừng được đưa ra ánh sáng, trong nhiều ơn gọi khác nhau, vẻ đẹp – không những chỉ thể lý, nhưng nhất là thiêng liêng – mà Thiên Chúa đã ban ngay từ đầu cho loài người và đặc biệt cho người nữ.

Trong khi tôi phó thác cho Chúa qua việc cầu nguyện kết quả tốt đẹp của cuộc gặp gỡ quan trọng tại Bắc Kinh, tôi cũng mời gọi các cộng đoàn giáo hội hãy làm cho năm nay

trở thành cơ hội để có được một lời cảm tạ sâu xa đối với Đấng Tạo Hóa và đối với Đấng Cứu Độ thế gian về ân huệ của một thiện ích quá lớn lao như di sản sáng tạo của nhân loại và của chính Giáo Hội.

Xin Đức Maria, Nữ Vương tình yêu, chăm sóc trên các người nữ và trên sứ mạng của họ phục vụ nhân loại, hòa bình, và truyền bá Nước Chúa!

Với sự chúc lành của tôi.

+ Gioan-Phaolô II, Giáo Hoàng

Linh mục Agostino Nguyễn Văn Dụ *dịch*

(Sứ điệp của CĐ Vaticano II dịp Bế mạc)

Những người đồng trinh đã dâng mình cho Chúa trong một thế giới mà chủ nghĩa ích kỷ và sự ham tìm khoái lạc muốn trở nên qui luật sống, chị em hãy duy trì đức trong sạch, lòng vô vị lợi và tinh thần đạo đức. Chúa Giêsu, Đấng đã ban cho tình yêu vợ chồng trọn vẹn ý nghĩa của nó cũng đã đề cao sự từ khước tình yêu nhân loại này khi nó hướng về tình yêu vô biên và nhằm phục vụ mọi người.

Hỡi những người đang bị thử thách, chị em đang đứng thẳng dưới chân thánh giá như Đức Maria, biết bao lần trong lịch sử, chị em đã mang lại cho người đàn ông sức mạnh để chiến đấu tới cùng, đã giúp họ làm chứng nhân ngay cả tử vì đạo, một lần nữa xin hãy giúp họ can đảm làm những công cuộc lớn, đồng thời biết kiên nhẫn và biết bắt đầu bằng những công việc nhỏ.

PHẦN HAI

MỘT

NỮ TU SỐNG TỐT ĐỨC KHIẾT TỊNH TRONG BỐI CẢNH GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM HÔM NAY

Đây là các bài thuyết trình nhóm của hai lớp Học viện Liên Dòng Nữ Têrêsa Avila Bùi Chu sắp ra trường dựa trên hai câu hỏi:

1. Tương tác giữa ba lời khấn Khiết tịnh, Khó nghèo và Vâng Phục.
2. Bối cảnh thuận lợi và không thuận lợi cho lối sống thanh khiết do thực tế của Giáo hội và xã hội Việt Nam hôm nay, hay nói cách khác những nguy cơ vi phạm và sai lỗi thường có thể xảy ra.

[1]

DẪN NHẬP

Ba lời khấn làm nên đời sống của người thánh hiến, nhưng chúng có mối tương quan với nhau như thế nào? Nhất là trong xã hội Việt Nam hôm nay, nhu cầu tìm thỏa mãn các thú vui nhục dục ngày một gia tăng, xu hướng thích hưởng thụ, thích tự do sống thử đã làm người ta không còn quan tâm và trân trọng đến việc giữ sự thanh khiết. Vậy làm sao để

giữ và sống khiết tịnh khi mà ngay cả trong Giáo Hội cũng đã và đang phải gánh chịu lối sống này và đâu là phương cách giải quyết? Sau đây chúng ta cùng tìm hiểu từng vấn đề.

I. TƯƠNG QUAN GIỮA BA LỜI KHẤN KHÓ NGHÈO, THANH BẦN VÀ VÂNG PHỤC

Cuộc đời người tu sĩ gắn liền với ba lời khấn: KHÓ NGHÈO, THANH BẦN VÀ KHIẾT TỊNH, đụng chạm đến ba lãnh vực của con người là quyền lực, của cải, giới tính. Vâng phục mời gọi từ bỏ quyền lực thế gian để trở nên người vâng phục của tình yêu Thiên Chúa và tha nhân. Khó nghèo kêu mời từ bỏ của cải thế gian để trở nên những người anh chị em nhỏ bé của tình yêu, trở nên một với những ai đau khổ, cầu nguyện và hành động cho sự giải phóng của họ. Thanh khiết mời gọi từ bỏ khoái lạc thế gian để trở nên những người bạn của tình yêu, giúp người khác khám phá ra rằng họ đang được yêu và mời gọi yêu thương.

Chính vì thế mà ba lời khấn này không tách rời nhau, nhưng hỗ trợ bổ túc cho nhau. Chúng đều phát xuất từ lời mời gọi theo Đức Kitô và việc đáp trả của mỗi con người. Tuy vậy, mỗi lời khấn đều sở hữu những nét rất riêng của nó nhằm làm phong phú đời sống của người tu sĩ và trong tương tác với mọi mối tương quan.

Trước hết với lời khấn khó nghèo:

Chính Chúa Giê-su đã nói: *"Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi tiền của được"* (Mt. 6,24). Các sinh hoạt của con người luôn cần đến các phương tiện: Ta không thể mua thức ăn và vật dụng cần thiết nếu không có tiền, cũng không thể đi lại thuận tiện và nhanh chóng khi không có xe đạp, xe máy, ô tô, máy bay… Chính vì vậy người ta thường nói "*Đồng tiền đi liền khúc ruột*". Nhưng làm sao để sống tiết kiệm trong việc sử dụng thời gian sức khỏe,

của cải, tiền bạc? Làm sao để tiền của thành phương tiện hữu ích cho ta mà không khống chế ta? Với người tu sĩ, lời khấn khó nghèo giúp thực hiện điều đó. Nó giúp người tu sĩ có được tự do nội tâm trước của cải, tiền bạc để thực sự nhận Chúa làm gia nghiệp, và Chúa là giá trị cao nhất. Có Chúa là có tất cả và Chúa sẽ giúp biến của cải thành những phương tiện yêu thương và hiệp thông quy tụ những tâm hồn thanh thoát để giúp đỡ những người nghèo khổ, kém may mắn.

Tuy nhiên, lời khấn khó nghèo sẽ chẳng giúp gì cho người tu sĩ nếu người đó chỉ khấn môi miệng mà lòng không có: khấn khó nghèo mà lòng chất chứa ghen tương, đố kỵ khi người khác hơn mình, hoặc cứ tìm cách này cách khác để nhận tiền. Chẳng hạn một nữ tu có tới năm cha bảy mẹ, mà đồ đạc của họ thì không ai dám động tới, chỉ biết nhận mà không biết cho. Tu sĩ như thế thì làm sao có thể nói lời khấn khó nghèo giúp thanh thoát được.

Lời khấn Vâng Phục:

Người không thể sống khó nghèo thì vâng lời cũng không có, điều này dễ hiểu, vì vâng phục là từ bỏ tự do cá nhân để làm theo ý muốn của Chúa qua các thẩm quyền. Chính Chúa Giêsu đã làm gương cho chúng ta về đức vâng lời: “Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy” (Ga. 4,34).

Vâng phục giúp ta được tự do hy sinh chọn lựa riêng, can đảm từ bỏ những ham thích ở đời nhằm làm vinh danh Chúa, biết đặt mình trước ý muốn của Chúa được thể hiện qua Giáo hội, luật dòng, các bề trên. Tuy vậy, đây cũng chỉ mới là lý thuyết, vì thực tế đây là một vấn đề hết sức khó khăn, đụng chạm đến danh dự, tự ái và tự trọng của từng người. Không dễ gì ta vâng lời một bề trên kém cỏi mà lại bảo thủ, nóng nảy lại còn thiên tư tây vị, có chăng đó cũng

chỉ bằng mặt chứ không bằng lòng. Do đó, muốn giữ đức vâng phục thì buộc ta phải trở về với điểm xuất phát là Đức Kitô, nhìn lại mục đích ta đi tu để làm gì? Và mọi việc ta làm có làm vì vinh danh Chúa không hay chỉ làm vinh danh ta? Điều này thì chỉ có mình với Chúa biết mà thôi.

Lời khấn Khiết tịnh:

Nếu hai lời khấn khó nghèo và vâng phục được tuân giữ cách ý thức thì lời khấn khiết tịnh cũng không gặp mấy khó khăn. Dầu vậy thì Thánh kinh cũng nhắc nhở: "*Hỡi những ai nghĩ mình đang đứng vững, hãy coi chừng kẻo ngã*" (1Cr 10,2), bởi bản tính tự nhiên của con người có sự hấp dẫn tính dục với người khác phái, và con tim có những lý lẽ riêng mà lý trí không kiểm soát được. Sách Diễm ca cũng nói rằng "*Tình yêu mãnh liệt như tử thần, cơn đam mê dữ dội như âm phủ. Lửa tình là ngọn lửa bùng cháy, một ngọn lửa thần thiêng. Nước lũ không tài nào dập tắt được tình yêu*".

Những hấp dẫn khao khát tự nhiên của tình yêu, con người dễ bộc lộ mãnh liệt hơn nữa như một thứ bù trừ khi gặp đau khổ, buồn phiền, oan ức, chán nản, tuyệt vọng và cô đơn. Nó không loại trừ ai, dù là người thường hay giới tu hành. Cũng chính vì biết được điều này nên Chúa Giêsu đã căn dặn các môn đệ: "Các con hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn để khỏi sa chước cám dỗ, vì tinh thần thì nhẹ nhàng, nhưng xác thịt thì yếu đuối". Người Việt nam cũng có câu: "*Bảy mươi chưa què chớ khoe mình lành*", kẻo "*cười người hôm trước hôm sau người cười*". Quả thế, trong lãnh vực này, không ai được phép cho mình mạnh cả. Thánh Phaolô tâm sự: "*có ai trong anh em yếu đuối mà tôi không cảm thấy yếu đuối, có ai trong anh em sa ngã mà tôi không cảm thấy như thiêu như đốt*."

Tóm lại, mỗi người sống ơn gọi tu sĩ đều trải qua kinh nghiệm sống cái tôi của mình, hoặc đặt trọng tâm nơi mình hoặc đặt trọng tâm nơi Chúa, mà ta có định hướng đúng hay

sai. Định hướng sai lầm đi theo hình ảnh cái tôi khoái lạc, sở hữu của cải, địa vị quyền lực. Định hướng đích thực họa theo hình ảnh Thiên Chúa: Thanh khiết, Khó nghèo, Vâng lời.

II. BỐI CẢNH THUẬN LỢI VÀ KHÔNG THUẬN LỢI CHO LỐI SỐNG THANH KHIẾT, TỪ THỰC TẾ CỦA GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM HÔM NAY.

**** Những thuận lợi***

Ngay từ những thế kỷ đầu, để nói về lối sống khiết tịnh, Thánh Phaolô đã nhắn nhủ các tín hữu của mình: "*Tôi muốn anh em không phải bận tâm lo lắng điều gì, đàn ông không có vợ thì chuyên lo việc Chúa và tìm cách làm đẹp lòng Người. Cũng vậy, đàn bà không có chồng và người trinh nữ thì chuyên lo việc Chúa, để thuộc trọn về Người cả hồn lẫn xác*". Ngài đã cho ta cảm nhận được giá trị cao quý của đời sống khiết tịnh.

Đời sống khiết tịnh không làm mất đi phẩm giá con người, nhưng làm cho ta có được sự tự do, tự do kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và phục vụ Nước Chúa. Đồng thời, đời sống khiết tịnh diễn tả trước cuộc sống mai hậu bởi: "*Khi người ta từ cõi chết sống lại, thì chẳng còn lấy vợ lấy chồng, nhưng sẽ giống các Thiên thần trên trời*" (Mc12,25). Như vậy, ta có thể nói: Đời sống khiết tịnh là một ân huệ siêu nhiên, mà chỉ trong đức tin ta mới dễ chấp nhận và hiểu được lối sống này.

Nhưng rồi cùng với thời gian, với khoa học, các phương tiện truyền thông ngày càng hiện đại, con người có điều kiện học hỏi, trao đổi, tìm hiểu về vũ trụ thiên nhiên vạn vật, nhất là học biết về chính mình, với những khả năng, những khác biệt về giới tính, về tâm sinh lý… Chính sự khác biệt này giúp ta biết được những điểm mạnh hay những giới hạn, để thăng tiến cũng như để bảo vệ chính mình. Thật ra về điểm này thì

chỉ có ta mới biết rõ ta mà thôi. Chẳng hạn khi tiếp xúc với một người nam, ta biết được cảm xúc của ta lúc đó thế nào, có bị hấp lực bởi người đó không? Hay ta xem cách cư xử, cách tiếp xúc của người ấy thế nào? Vì khi biết được giới hạn của mình và của người khác ta sẽ biết cách giải quyết cách chủ động hơn. Chính sự nhận biết và ý thức này giúp ta giữ và bảo vệ cùng sống đời khiết tịnh cách dễ dàng. Nhưng chỉ có sự hiểu biết về mình và về người khác thì chưa đủ mà còn do môi trường và hoàn cảnh sống của ta nữa. Chẳng hạn, khi sống ở một môi trường mà người ta còn quý trọng những người thánh hiến, quý trọng sự thanh khiết, ta có thêm động lực giúp ta ý thức và cố gắng bảo vệ sự khiết tịnh của ta, bảo vệ danh dự và nhân phẩm của chính ta.

Một phương thế khác hữu hiệu giúp ta bảo vệ đức khiết tịnh mà chính Chúa Giêsu đã nói: "*Không có Thầy anh em chẳng làm gì được*", nghĩa là ta phải có đời sống kết hợp với Chúa qua việc học hiểu, đọc Lời Chúa, qua đời sống cầu nguyện, năng lãnh các Bí tích. Ta không làm được gì nếu không có ơn Chúa, cho dù đó là sự tự do từ bỏ, sự tự hiến của chính ta.

Một yếu tố nữa cũng nâng đỡ đời sống khiết tịnh của ta đó là đời sống huynh đệ cộng đoàn. Thường nơi người nữ, nhu cầu yêu và được yêu rất quan trọng đối với họ. Chính vì vậy, khi sống một mình mà không kết hôn thì tự nó đã làm ta không có sự cân bằng về tình cảm. Nên khi sống trong cộng đoàn biết yêu thương, chia sẻ, nâng đỡ cảm thông giữa chị em với nhau, nó sẽ giúp ta lấy lại được thế quân bình. Khi chị gặp khó khăn trong công việc, hay có chuyện trong gia đình, em đến bên trò chuyện, chia sẻ nói lên suy nghĩ của mình; khi thấy chị buồn và muốn được chia sẻ khó khăn, em đến với chị để hiểu, cảm thông và nâng đỡ chị hay chí ít là cầu nguyện cho chị. Hoặc khi em gặp khó khăn trong đời sống thiêng liêng, trong vấn đề phái tính, em chia sẻ cho chị, để

chị có thể cùng giúp em giải quyết, cùng giúp em tìm ra điểm yếu, tìm ra nguyên nhân, giúp em vượt qua khó khăn và khủng hoảng.

Chính đời sống cộng đoàn yêu thương này giúp chị em cảm nhận được tình yêu thương của nhau, cảm nhận được cộng đoàn là mái ấm của mình mà không tìm tình yêu khác trong khi tất cả đều yêu thương mình.

Một thế mạnh khác nơi cộng đoàn đó là ta được sống, được vui vẻ với mọi người và cho dù đôi lúc ta có bực bội với một người, nhưng nó không làm cho ta mất đi niềm vui dâng hiến, vì ta còn có Chúa có chị em khác nâng đỡ ta, không như đời sống vợ chồng yêu thương nhau đã vậy, nhưng khi tức giận thì biết đi đâu, tránh đâu, ra vào đều giáp mặt nhau. Cũng vậy, khi ta sống với mọi người, qua tiếp xúc với mọi người, ta không thể nói ta không yêu họ, không biết bày tỏ tình cảm, đó là lời nói dối. Một người không biết yêu là một người không bình thường và không thể sống đời thánh hiến, tình yêu với người khác phái là một nhu cầu hết sức tự nhiên, nó như nam châm có một sức hút hết sức kỳ diệu. Nhưng nhờ tình yêu trong cộng đoàn mà ta cảm nhận được sẽ không làm ta dễ dàng lung lay theo tiếng gọi tình yêu khác.

Tuy nhiên, không phải chỉ trong đời sống cộng đoàn ta mới giữ được đức khiết tịnh và đời sống khiết tịnh giúp ta gắn bó với Chúa hơn. Nhưng trong đời sống sứ vụ tông đồ, đời sống khiết tịnh giúp ta được tự do phục vụ theo khả năng, tự do đến với mọi người mà không gặp trở ngại như khi lập gia đình bị ràng buộc bởi chồng con, bởi việc nhà. Chính đời sống khiết tịnh giúp ta tìm được niềm vui trong khi phục vụ, cùng làm việc với mọi người, mà không bị bó khung bởi môi trường gia đình.

**** Những khó khăn***

Cuộc sống thường có mặt trái mặt phải của nó, thế giới càng hiện đại, càng văn minh giàu có… thì đời sống khiết tịnh càng gặp nhiều khó khăn. Trước đây, khi còn nghèo đói, con người yêu thương, quan tâm, chia sẻ cho nhau miếng cơm manh áo và chỉ mong có cuộc sống ăn no mặc ấm. Giờ thì xã hội tiến triển, nhu cầu tăng cao, không còn là ăn no mặc ấm nữa, mà là ăn ngon mặc đẹp, và cao hơn nữa là ăn sang mặc mốt. Chính vì thế mà các cửa hàng mỹ phẩm, tái tạo sắc đẹp, cửa hàng thời trang… mọc lên như nấm, khiến người ta không thể không làm đẹp, ngay cả một số nữ tu cũng tỉa tót lông mày mí mắt… không ai cấm chúng ta không được làm đẹp, nhưng làm đẹp thế nào cho xứng hợp, không có chuyện ăn mặc đua theo mốt, ta hãy nhớ rằng: "không bán hàng thì đừng rao bán". Nói như thế, có chị cho rằng không phải cứ trang điểm hay ăn mặc diêm dúa là… nhưng xét cho cùng thì không ai thích làm đẹp mà chỉ để một mình mình ngắm cả.

Và cũng chính vì các nhu cầu tiến triển, các phương tiện Intenet, điện thoại di động, xe máy thời @... ngày càng hiện đại nhằm phục vụ nhu cầu con người. Chúng là những phương tiện rất hữu ích cho con người. Nhưng chúng chỉ tốt cho những ai biết sử dụng chúng chứ không phải để ra oai, để tạo những mối quan hệ không lành mạnh, để truy cập những tin tức vô bổ. Riêng với người tu sĩ, xe máy, điện thọai di động ngày nay không mấy khó khăn, nhưng xem ra cũng dễ trở thành vật cản khi tu sĩ quá chú trọng, chỉ giữ cho riêng mình, chỉ sử dụng chúng tìm lợi cho mình. Đây là vấn đề chúng ta cần quan tâm, sử dụng tự do như thế nào cho hợp với tư cách là một tu sĩ chứ không phải như một người ngoài đời.

Dẫu vậy, đối lại xem ra cũng có một số Bề trên nghĩ rằng nếu để con em mình tiếp cận các phương tiện hiện đại,

chúng sẽ mất ơn gọi hoặc thấm nhiễm bên ngoài quá nhiều dẫn đến khó đào tạo. Điều này cũng tốt, nhưng nếu cái gì cũng cấm thì các em dễ tò mò và tìm cách thử tiếp cận xem sao, cho dù khi đó chưa có sự chuẩn bị tinh thần về sự phán đoán, về trí thông minh, về lập trường của sự trưởng thành, các em sẽ dễ vấp ngã. Và lúc đó có hối thì cũng đã muộn vì vô tình đánh mất một ơn gọi, bởi vì bề trên chỉ cấm mà không cho biết lý do, và giải thích cho con em mình hiểu được giá trị mà các phương tiện đó đem lại.

Đàng khác nơi môi trường xã hội Việt nam hôm nay, phong trào Âu hóa đã và đang thấm nhiễm vào từng ngóc ngách cuộc sống của con người. Nhu cầu được hưởng thụ, thích sống tự do thoải mái, không thích lệ thuộc của con người hôm nay nhất là các bạn trẻ, nhiều người trong họ có xu hướng lập gia đình, nhưng vẫn quan hệ và thích sống thử. Do đó đời sống khiết tịnh không còn được quan tâm, được chú trọng và ca ngợi. Điều này đã và đang ảnh hưởng rất lớn đến các linh mục, tu sĩ. Họ bị chao đảo lý tưởng dâng hiến vì nhu cầu hưởng thụ, yêu và được yêu. Và rồi nếu đời sống cộng đoàn, nhu cầu mục vụ thiếu vắng tình huynh đệ, thiếu vắng sự quan tâm, khích lệ càng làm cho người ta cô đơn, cộng với đời sống thiêng liêng sa sút, người ta càng dễ tìm về bản năng của mình. Vậy đâu là hướng để các linh mục tu sĩ can đảm, cương quyết dấn thân trong ơn gọi của mình?

**** Hướng giải quyết***

Để giúp người thánh hiến sống tốt đời sống khiết tịnh hôm nay, chúng ta cần lưu ý một số điểm thực hành khiết tịnh:

Đề cao sự kín đáo, e lệ nhất là với phái nữ. Muốn có sự kín đáo ta phải canh phòng các giác quan và con tim, đặc biệt thị giác và xúc giác. Nhưng cũng đừng quá khắt khe, đến nỗi không biết cảm giác là gì? Thánh phaolô nói: "*Mọi sự trong sạch với người trong sạch*". Một người càng có ý chân

thành bên trong thì sự kín đáo đoan trang càng được bảo đảm, dù với ngoại cảnh nào.

Đừng để con tim có thể hướng về những đối tượng khác giới, hay bị dồn nén tình cảm dẫn đến mất quân bình. Để tránh mối nguy hại đó, ta nên tránh sự kết nghĩa riêng, dễ làm mất sự khiết tịnh và cản trở cho việc nên trọn lành. Muốn vậy, nơi cộng đoàn chị em phải yêu thương nhau, đoàn kết, tôn trọng và nâng đỡ nhau.

Huấn luyện ý chí và huy động những phương tiện thiêng liêng: ham thích cầu nguyện, năng lãnh nhận các bí tích, có sự hãm mình thân xác. Chia sẻ cho nhau những khó khăn trong đời sống cộng đoàn, tông đồ, nhất là những cám dỗ về đức khiết tịnh.

KẾT LUẬN

Tóm lại ba lời khấn có mối tương quan mật thiết không tách rời nhau. Chúng là nền tảng để người tu sĩ sống trung thành trong ơn gọi của mình, cho dù cuộc sống có xô bồ, đời sống khiết tịnh không còn được tôn trọng mà thay vào đó là tiền của, địa vị, danh vọng, nhu cầu thỏa mãn tính dục hoặc sự thay đổi nơi môi trường hoàn cảnh sống. Trái lại, nếu thiếu một trong ba lời khấn, đời sống của người tu sĩ sẽ bấp bênh, dễ bỏ cuộc. Đàng khác, để sống đức khiết tịnh cũng đòi hỏi sự cố gắng nỗ lực bỏ mình của bản thân cộng với ơn Chúa nữa, mới có thể thích ứng với xã hội mà không đánh mất bản chất tu sĩ.

[2]

DẪN NHẬP

Khi thấy các môn đệ quá lo lắng về của ăn áo mặc, lo thu tích của cải vật chất ở đời này, Chúa Giêsu đã kêu gọi: "*trước hết phải lo tìm kiếm nước Thiên Chúa và sự công chính của Người, rồi mọi sự khác sẽ được ban thêm cho*" (Mt 6,33). Các tu sĩ đã đáp lại lời mời gọi đó qua việc tuyên khấn.

Công đồng Vatican II cũng khẳng định rằng: "*Đời sống thánh hiến là bậc sống được thiết lập do việc tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm*". Được thánh hiến là thuộc về Thiên Chúa – người thánh hiến là hiến dâng mình cho Thiên Chúa để thuộc trọn về Người. Vì thế người tu sĩ phải luôn ý thức rằng mình đã được Thiên Chúa chiếm hữu, tuy còn sống trong thế gian, nhưng không thuộc về thế gian, ngay từ bây giờ họ là công dân Nước Trời.

Để nhanh chóng tiến về với Thiên Chúa là Cha, người tu sĩ chọn lấy các lời khuyên Phúc Âm làm nền tảng căn bản cho đời sống của họ. Lời khuyên Phúc Âm thì có nhiều, nhưng theo truyền thống thì có ba: Khiết tịnh – Khó nghèo và Tuân phục, tiêu biểu hơn cả trong lối sống của Đức Giêsu.

Bàn về các lời khuyên Phúc Âm trong đời sống thánh hiến là một đề tài sâu rộng và thiết thực, dưới đây chúng con xin trình bày về tương tác giữa ba lời khấn. Những thuận lợi, những khó khăn đặc biệt của lời khấn khiết tịnh trong bối cảnh của Giáo hội và xã hội Việt nam hôm nay.

NỘI DUNG

Đời sống thánh hiến nhằm noi gương và kết hợp với Chúa Giêsu trong việc thờ phượng và yêu mến Chúa Cha. Chính Chúa Giêsu đã biểu lộ sự thờ phượng và yêu mến Chúa Cha một cách trọn vẹn trong của lễ tự hiến trên thập giá. Người tu sĩ cũng tự hiến mình một cách dứt khoát cho Thiên Chúa để hoàn toàn thuộc về Người. Hành động tự hiến đó được thực hiện qua việc tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm: Khiết tịnh – Khó nghèo, và Tuân phục. Các lời khuyên đó có tương tác với nhau thế nào trong đời sống thánh hiến?

1. Tương Tác Giữa Ba Lời Khấn

Trong đời sống tu trì, đức ái được nổi bật là nhờ các lời khấn Khiết tịnh, Khó nghèo và Tuân phục. Ba lời khấn đó có xuất xứ từ giáo lý và gương lành của Chúa Kitô: Chúa Kitô đã nêu gương khiết tịnh và kêu mời mọi người sống khiết tịnh theo mức độ của đoàn sủng mình. Chúa Kitô là hiện thân của sự khó nghèo, vì thế Ngài muốn mọi người sống khó nghèo như Ngài, đặc biệt là những ai dấn thân trong đời sống tận hiến. Đức vâng phục là phương thế duy nhất để Ngài thực hiện công cuộc cứu chuộc nhân loại.

Các lời khấn Khiết tịnh, Khó nghèo và Tuân phục, tương đương với ba thứ "tình, tiền, tài" đang là mục tiêu mà nhiều người trong thời đại này mong ước và tìm mọi cách để chiếm hữu. Với cái nhìn tiêu cực thì khi tuyên khấn ba lời khuyên Phúc Âm, người tu sĩ từ chối chính mục tiêu mà người đời tìm kiếm. Nhưng dưới lăng kính đức tin thì khi khấn giữ ba lời khấn Khiết tịnh, Khó nghèo và Tuân phục, người tu sĩ được yêu và yêu nhiều hơn, họ được Chúa yêu, mọi người tôn trọng, yêu mến; ngược lại họ cũng yêu mến Chúa và yêu mọi người, được sở hữu một kho tàng lớn hơn

là chính Nước Trời, được phát triển tài năng dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần và được bảo vệ bằng các rào chắn là luật dòng và bề trên hợp pháp của mình. Sự quan phòng đó bảo dảm cho sự sống đời đời.

Các lời khấn Khiết tịnh, Khó nghèo và Tuân phục làm nên và bao trùm toàn bộ đời sống của người tu sĩ trên mọi bình diện, từ vật chất tới tinh thần và trong mọi tương quan. Giáo hội cũng coi con đường khấn giữ ba lời khuyên Phúc âm là phương thế đặc biệt để cổ võ đức ái trọn hảo đối với Thiên Chúa và tha nhân. Mối kẹp ba giữa các lời khuyên Phúc Âm tóm kết và diễn tả những khát vọng về tình yêu tuyệt hảo và sự tháp hợp trung thành hơn với Thiên Chúa. Nhờ việc thực thi các lời khuyên Phúc Âm mà sự trọn lành đức ái của người thánh hiến đạt đến sự viên mãn. Ngược lại đời sống thánh hiến sẽ không trọn hảo khi thiếu một trong ba lời khấn Khiết tịnh, Khó nghèo và Tuân phục.

Trên đây là những dẫn chứng nhằm khẳng định rằng sự có mặt đầy đủ của ba lời khấn Khiết tịnh, Khó nghèo và Tuân phục mới làm nên đời tu và không thể thiếu một lời khấn nào trong cuộc đời của người tu sĩ. Vì mỗi lời khấn trình diện một vẻ đẹp khác nhau của đời sống thánh hiến và sự hiện diện đầy đủ của ba lời khấn mới làm nên đời tu hoàn hảo.

Đi vào hoàn cảnh cụ thể chúng ta mới thấy rõ hơn sự tương tác giữa các lời khấn. Khi tuân giữ đức Khiết tịnh người tu sĩ không lo tìm kiếm của ăn áo mặc để làm đẹp thể xác, do đó bớt đi việc tiêu xài tiền bạc, đồng thời cũng không lỗi lời khấn vâng phục trong việc sử dụng của cải cách trái phép; khi thực hành sống khó nghèo, người tu sĩ giản lược nhu cầu làm đẹp thể xác tránh dịp tội cho mình và cho người xung quanh, đồng thời tạo được sự điều độ trong ăn uống, tránh những kính thích dục vọng dễ làm thiệt hại cho đời

sống khiết tịnh; còn khi thực hành đức Tuân phục là chúng ta thực hành luôn cả đức Khiết tịnh và Khó nghèo.

Như vậy ba lời khấn Khiết tịnh, Khó nghèo và Tuân phục luôn gắn bó, bảo vệ và tác động lên nhau làm cho đời sống thánh hiến trở nên thánh thiện hơn, góp phần làm cho vườn hoa muôn màu của Giáo hội được thêm phong phú.

2. Những Thuận Lợi và Không Thuận Lợi Của Lời Khấn Khiết Tịnh trong Bối Cảnh Giáo Hội và Xã Hội Việt Nam

Công đồng Vaticanô II trong bản văn soạn thảo chương IV hiến chế về Giáo hội đã kể ra ba lời khuyên Phúc Âm theo truyền thống Khó nghèo, Khiết tịnh và Vâng phục, nhưng thứ tự này trong bản văn chính thức đã được đổi lại như sau: Khiết tịnh, Khó nghèo và Vâng phục. Như thế, Công đồng muốn cho chúng ta nhận thấy tầm quan trọng hàng đầu của đức Khiết tịnh, và qua đó Công đồng mời gọi các tu sĩ hãy coi đức Khiết tịnh là lời khuyên có tính quyết định nhất trong việc lựa chọn bậc sống của mình.

Đức Hồng y Leger trong bài phát biểu ngày 30/10/1963 tại Công đồng đã đề cao đức Khiết tịnh bằng những lời lẽ quả quyết hùng hồn rằng đức Khiết tịnh có một chỗ đứng đặc biệt cao trọng trong Thánh kinh và Thánh truyền. Các văn kiện từ trước tới nay của phụng vụ cho thấy đức Khiết tịnh và Phúc Tử Đạo được đặt ngang nhau, và theo một số tác giả khác thì chỉ mình đức Khiết tịnh cũng đủ làm nên đời thánh hiến.

a) Tìm Hiểu về Lời Khấn Khiết Tịnh

Khiết tịnh là hồng ân của Thiên Chúa. Thiên Chúa mời gọi ai thì đó là hồng ân của Ngài ban cho họ. Hồng ân ấy nói lên sự tuyển chọn của Thiên Chúa và hồng ân Khiết tịnh là ơn ban nhưng không được Chúa Cha ban cho một số người chứ không phải ban cho tất cả mọi người, chỉ những ai được hồng ân này mới hiến thân trọn vẹn cho Thiên Chúa. Ý tưởng

này đã được minh định trong Tin Mừng của thánh Matthêu chương 19 câu 11: "*Không phải ai cũng hiểu được câu nói ấy, nhưng chỉ những ai được Thiên Chúa cho hiểu, mới hiểu*".

Đức Khiết tịnh thánh hiến được đồng hóa với đời sống độc thân là một phương thế mới mẻ và tuyệt vời để con người được tận hiến cho Chúa Kitô, được thông phần vào cuộc sống và sứ vụ của Ngài. Chúa Kitô cũng là nguồn mạch và cùng đích của đức Khiết tịnh thánh hiến, mà đức Khiết tịnh lại đặt nền tảng trên sứ mạng tư tế của Chúa Kitô – Đấng trung gian giữa trời với đất, giữa Thiên Chúa và nhân loại. Trong sự hòa hợp trọn vẹn này, Chúa Kitô đã sống trọn cuộc đời của Ngài trong bậc trinh khiết, một bậc sống thể hiện sự dâng hiến trọn vẹn để phụng sự Thiên Chúa Cha và nhân loại. Do đó, việc người tu sĩ tận hiến tình yêu và thân xác cho Thiên Chúa cũng là một chứng tá sống động về niềm tin vào những giá trị siêu nhiên đồng thời cũng là một tiên trưng cho đời sống mai hậu – lúc đó người ta không còn dựng vợ gả chồng (Mt 22,30).

Đời sống khiết tịnh là một chứng tá, nhưng đồng thời cũng là một động lực khích lệ, mời gọi hãy gắng đạt được sự tự chủ nhiều hơn về tâm trí và thân xác, một điều cần thiết cho hết mọi người, kể cả những người sống bậc gia đình, nhưng cần thiết hơn cho người tu sĩ.

Đời sống Khiết tịnh là một phương tiện thích hợp nhất cho các tu sĩ hân hoan hiến mình phụng sự Thiên Chúa và làm việc tông đồ. Có thể nói rằng có một mối tương giao gần gũi giữa đời sống độc thân thánh hiến với việc tông đồ. Vì khi tuyên khấn Khiết tịnh vì Nước Trời người thánh hiến khước từ tình yêu đôi lứa, tình yêu chiếm hữu người bạn đời và những đứa con (nếu có), nhưng lại mở cửa cho tình yêu đại đồng tăng triển phong phú hơn và quảng đại chia sẻ tình yêu cho tha nhân cách vô vị lợi.

b) Những Thuận Lợi và Không Thuận Lợi của Lời Khấn Khiết Tịnh trong bối cảnh Giáo Hội Và Xã Hội Việt Nam Hôm Nay.

Giáo hội sống trong xã hội nên ảnh hưởng rất nhiều những trào lưu của xã hội. Như thế đức Khiết tịnh thánh hiến trong Giáo hội cũng chịu tác động của rất nhiều những yếu tố tốt – xấu do thời đại xã hội đem lại. Trong xã hội Việt nam hôm nay lối sống độc thân đang là yếu tố làm cho người tu sĩ khác với những ơn gọi khác và cũng là dấu chỉ để nhận biết được người đó có phải là tu sĩ không, hay nói cách khác đời sống Khiết tịnh là thẻ căn cước của tu sĩ đối với mọi người. Bên cạnh đó đời sống Khiết tịnh có giá trị cao quý được Giáo hội ghi nhận và xã hội tôn trọng. Đây là động lực thuận lợi cho việc phát triển và thăng tiến đời sống Khiết tịnh.

Tuy nhiên nhìn vào xã hội Việt Nam hôm nay những giá trị cao quý của đức Khiết tịnh dường như không được nhìn nhận mà còn bị một số những giá trị thế tục lấn át. Ngày xưa Khiết tịnh được coi như khuôn vàng thước ngọc để đo phẩm giá của người phụ nữ, nhưng ngày nay trong thời buổi "*hội nhập văn hóa*"; thời buổi của "*khoái lạc điên cuồng*"; của "*lạm dụng tự do*" và trong một thế giới có quá nhiều lối mở để chọn lựa thì đức Khiết tịnh là một thứ yếu trong xã hội. Hầu như trước mắt chúng ta không nhìn thấy được môi trường thuận lợi cho việc nuôi dưỡng đời sống Khiết tịnh mà chỉ nhìn thấy những khó khăn trong việc bảo vệ đức Khiết tịnh.

Sau đây là một vài những lý do làm cản trở cho đời sống Khiết tịnh trong xã hội Việt Nam hôm nay: trước hết phải kể đến vấn đề "hội nhập văn hóa", việc hội nhập văn hóa trong thời gian qua của Việt Nam đem lại những đổi thay lớn lao cả về tinh thần lẫn vật chất cho xã hội và con người. Nhưng việc hội nhập đó cũng du nhập vào Việt Nam không ít những tệ nạn làm ảnh hưởng không tốt đến giới trẻ, hủy hoại

một số những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chẳng hạn như ngày xưa quan niệm "nam nữ thụ thụ bất thân" nhưng ngày nay thì nếp nghĩ đó đã đổi thành "nam nữ thụ thụ rất thân" hay ngày xưa coi "cái nết đánh chết cái đẹp" nhưng ngày nay nhiều người cho rằng "cái đẹp đè bẹp cái nết" và còn rất nhiều những tiêu chuẩn khác bị thay đổi. Những cái đó làm cho đức Khiết tịnh bị coi nhẹ và thiếu ý thức bảo vệ. Song song với vấn đề hội nhập văn hóa thì lối sống hưởng thụ cũng là nguyên nhân sâu xa làm cản trở cho đời sống khiết tịnh. Chính tư tưởng vô thần đã làm cho nhiều người, nhất là giới trẻ không có quan niệm về sự sống đời sau. Do đó họ lo tìm thỏa mãn bản năng tính dục và hưởng thụ ở đời này.

Việc đề cao nhân quyền một cách thái quá cũng ảnh hưởng không tốt đến đời sống khiết tịnh của con người nói chung và của người tu sĩ nói riêng. Thật vậy do hiểu sai về luật tự do nhân quyền, nhiều người trẻ đã sống thử trước hôn nhân (tiền dâm hậu thú), họ cho rằng đó là quyền tự do của họ và coi hành vi cấm hưởng thú vui phái tính là bất nhân, là đi ngược với bản tính con người. Do đó, họ khinh chê, coi thường những người sống độc thân khiết tịnh, họ cho rằng những người đó là người lập dị, là đi ngược dòng đời.

Bên cạnh đó, xã hội hiện nay có rất nhiều bậc thang giá trị để chọn lựa, khi đã chọn cái này thì sẽ phải mất cái khác, nhiều lúc những giá trị chóng qua mau hết lại hấp dẫn hơn những bậc thang giá trị vĩnh cửu làm cho người ta nhầm lẫn khi chọn lựa. Chẳng hạn như một cô gái lương thiện làm công nhân vất vả cả tháng trời cũng chỉ lãnh được tiền lương hơn 1 triệu đồng, còn một cô gái bán hoa "ngồi mát ăn bát vàng" có khi một lần đánh đổi trinh tiết phẩm giá của mình cũng có được cả mấy triệu đồng.

Ngoài những nguyên nhân xã hội vừa kể trên thì trong cộng đoàn Giáo hội đôi khi do nhu cầu mục vụ, cũng ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống khiết tịnh. Tại các môi trường Giáo xứ đa số đòi hỏi các tu sĩ phải đàn, hát, múa giỏi, sinh hoạt giáo xứ cũng phải thế này thế kia. Để thỏa mãn được lòng dân và gây được tiếng vang ở đời nhiều tu sĩ đã dốc hết tâm lực, thời gian để trau dồi những khả năng, những kiến thức đó mà bớt xén và đôi khi lơ là hoặc thậm chí bỏ cả cầu nguyện, thiếu tình liên đới trong cộng đoàn dẫn đến lỗi lời khấn Khiết tịnh khi nào mà chẳng hay. Vì lời khấn Khiết tịnh được nuôi dưỡng bằng đời sống cầu nguyện và được bảo vệ bằng tình thân ái trong cộng đoàn.

Trên đây chỉ là một số trong vô vàn những nguyên nhân gây bất lợi cho đời sống Khiết tịnh thánh hiến. Vấn đề là người tu sĩ phải biết nhận định và tỉnh thức trước những cám dỗ cuộc đời, phải cố gắng vươn lên, không ngừng bảo vệ căn tính đời tu của mình, phải như hoa sen vươn mình lên từ trong bùn nhơ tỏa hương thơm cho đời.

c) Thực Hành và Bảo Vệ Đức Khiết Tịnh

Công đồng Vaticanô II coi lòng biết ơn về hồng ân Khiết tịnh là một hành vi bảo vệ nhân đức ấy, do đó Công đồng mời gọi các tu sĩ hãy có một tâm tình biết ơn về hồng ân họ đã lãnh nhận, tin tưởng vào Chúa, tín thác vào ơn Chúa nâng đỡ, vui tươi thanh thản trong quyết định, trung thành nỗ lực không ngừng và quảng đại sống hồng ân Khiết tịnh đã được ban tặng. Để đạt được những mục đích đó, người tu sĩ phải tránh xa những gì đe dọa đức Khiết tịnh và đồng thời liên lỉ gia tăng mối tương quan tình yêu với Thiên Chúa và với tha nhân vì Chúa.

Việc thực hành đức Khiết tịnh luôn đòi hỏi phải có một đời sống thần hướng mạnh mẽ, không ngừng phấn đấu với

đức tin, cậy, mến; tinh thần này sẽ gạt bỏ đi được bất cứ hoàn cảnh nào gây nguy hại cho đời sống Khiết tịnh.

Đức Khiết tịnh giúp ta cảm nhận được sự hiện diện của Thiên Chúa một cách gần gũi hơn, phấn khích ta chuyên tâm hơn đến những công việc của Chúa và thực hiện những ý định của Người. Do đó người sống đời khiết tịnh thánh hiến quyết ra đi gặp gỡ tha nhân trong tinh thần phục vụ, kiến lập tình thân như trong một gia đình với mọi người, đặc biệt là những người khốn khổ, bệnh tật bị bỏ quên. Tình yêu siêu nhiên này làm nhẹ bớt những gánh nặng do việc từ bỏ và dẫn đến một tình thân ái không dựa trên động lực nhân loại ích kỷ, nhưng dựa trên một tình thân thánh thiện phản ảnh tình yêu Thiên Chúa.

Khiết tịnh là đỉnh cao thánh thiện của tình yêu giữa con người với con người và được biểu lộ trong tình hữu nghị, thân mật, nhân ái và tin tưởng lẫn nhau, đồng thời đó cũng là nguồn bảo vệ và nuôi dưỡng đức ái huynh đệ.

Người tu sĩ phải luôn ý thức bảo vệ đức Khiết tịnh của mình bằng nhiều phương pháp khác nhau, nhưng hai phương pháp thuộc lãnh vực tu đức và phương thế siêu nhiên. Về lãnh vực tu đức, biết nghi ngờ chính mình (con người bị tổn thương do tội nguyên tổ), khổ chế, canh phòng giác quan và tình cảm, tránh xa những dịp nguy hiểm, và phải hiểu biết đầy đủ những mối nguy hiểm đe dọa nhân đức này. Phương thế siêu nhiên quen thuộc và hiệu nghiệm nhất đó là việc siêng năng lãnh nhận các Bí tích, sống nội tâm, cầu nguyện theo gương Mẹ Maria và bồi dưỡng cho đức Khiết tịnh bằng việc luôn chiêm niệm các mầu nhiệm về Chúa Kitô, tình yêu mật thiết với Thiên Chúa.

Bên cạnh đó sự thông cảm, kính trọng và yêu thương nhau giữa các phần tử trong cộng đoàn sẽ tạo nên một sức

mạnh không gì có thể thay thế được, giúp người tu sĩ vượt qua những cám dỗ của sự chán chường, cô đơn và ngăn ngừa được nguy hiểm kiếm tìm bù trừ trong những giao tiếp với người ngoài. Phải có một thời khóa biểu hợp lý để làm việc, nghỉ ngơi, một chế độ dinh dưỡng đầy đủ, tuân giữ các nguyên tắc vệ sinh cũng có thể ngăn ngừa và giúp tu sĩ vượt thắng được nhiều khó khăn trong đời sống thánh hiến.

KẾT LUẬN

Trên đây là một tiểu luận nhỏ chủ yếu xoay quanh vấn đề về lời khấn Khiết tịnh, do nhiều nguyên nhân mà giá trị của lời khấn này không được nhìn nhận và bảo vệ, đó là nguy cơ làm ơn gọi thánh hiến của Giáo hội bị giảm sút trầm trọng và làm cho cánh đồng lúa chín của Giáo hội thiếu nhiều thợ gặt, với những bàn tay rành nghề. Vì thế Giáo hội luôn khẩn thiết kêu mời các tu sĩ dùng chính phương tiện là các lời khấn, nhất là lời khấn Khiết tịnh để làm chứng cho Chúa trong trần gian này, hầu khơi gợi lên trong lòng các bạn trẻ sự quảng đại dấn thân cho Tin Mừng, theo con đường tận hiến bằng việc tuân giữ ba lời khuyên Phúc âm Khiết tịnh, Khó nghèo và Tuân phục để nên giống Chúa Giê-su hơn, thánh hóa chính mình và tha nhân, đồng thời khẳng định đặc tính “thánh thiện” của Giáo hội Công giáo trong một thế giới đa tôn giáo hôm nay.

[3]

DẪN NHẬP

Câu truyện kể như sau: Một hôm người bố nói với cậu con trai: con hãy nhớ mọi lời nói, hành động của con đều phải làm theo như thầy giáo đã dạy cho con, cậu con trai ngây thơ dễ thương tỏ vẻ tuân lời. Một dịp kia, nhân ngày sinh nhật cậu bé được cùng đồng bàn ăn cơm với thầy giáo, cậu chú ý nhìn và làm theo tất cả các động tác của thầy giáo, thầy giáo ăn như thế nào cậu bé cũng ăn như vậy, thầy giáo uống như thế nào cậu bé cũng uống như thế, thầy giáo chuyển mình, cậu bé cũng làm theo. Thầy giáo nhìn cậu bé cứ làm theo bắt chước mình thì cười thầm trong miệng và hắt xì một cái, cậu học trò cũng làm theo, nhưng cố thế nào cũng không thể hắt xì được, cuối cùng hết cách, cậu bé liền cúi đầu thật sâu trước mặt thầy giáo, hổ thẹn, ray rứt và nói "chỗ kỳ diệu của thầy thực là khó học quá." Cũng vậy: mục đích của những người muốn sống đời Thánh hiến là trở nên môn đệ đích thực của Chúa Giêsu: nên trọn lành, họa lại mẫu gương của Chúa Kitô, như cậu bé nói trên đã cố bắt chước mọi hành động của thầy giáo mình.

Tiếp đến là Đức Trinh Nữ Maria và các Thánh nam nữ; dấu chỉ này được diễn tả qua cuộc sống và tuân giữ Ba Lời khuyên Phúc Âm, qua việc hiến dâng cho một mình Thiên Chúa trái tim không bị chia sẻ.

Tuy nhiên trong bối cảnh xã hội Việt nam nhiều biến động với các trào lưu hưởng thụ dẫn đến sự xuống dốc của các giá trị đạo đức luân lý. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống Thánh hiến, đặc biệt với hàng ngũ Tu sĩ trẻ.

Đây là một đề tài rộng lớn cũng là thao thức của Giáo Hội nói chung và những người Thánh Hiến nói riêng. Phạm vi bài này chỉ đưa ra vài suy tư về sự tương tác giữa Ba Lời khấn, cũng như những khó khăn và thuận lợi cho lối sống Thanh Khiết trong bối cảnh Giáo Hội và xã hội Việt Nam hôm nay.

I. TƯƠNG TÁC GIỮA BA LỜI KHẤN KHIẾT TỊNH, KHÓ NGHÈO và VÂNG PHỤC.

Để sống đời Thánh hiến một cách trọn vẹn, tốt đẹp và sinh nhiều hoa trái, cũng như để vượt qua những khó khăn thách đố trong ơn gọi tu trì, thiết nghĩ, tiên vàn phải xác định rõ căn tính của đời sống Tu trì là hoàn toàn hiến thân để sống Tin Mừng một cách trọn vẹn và triệt để, bằng việc tự nguyện thề hứa sống Ba Lời Khấn công khai, được Giáo Hội chuẩn nhận một cách hợp pháp.

1. Đức Thanh khiết

Khuynh hướng bẩm sinh của con người là muốn yêu và được yêu, vừa mang tính ích kỷ muốn chiếm hữu đối tượng, vừa có thể sống tình yêu bằng một lối sống hoàn toàn quên mình và không cần thể hiện bằng hành vi tính dục. Nhưng đức Khiết Tịnh vì Nước Trời mà các Tu sĩ khấn giữ hôm nay phải được hiểu và quý trọng như Ân huệ cao cả Thiên Chúa ban cho nhân loại. Với đời sống khiết Tịnh, người Tu sĩ dâng hiến cho Thiên Chúa khả năng yêu thương của mình để thuộc trọn về Chúa cả hồn lẫn xác, để đạt tới sự thánh hóa bản thân và mưu ích cho tha nhân cách dễ dàng hơn.

Tuy nhiên, lời khấn khiết Tịnh không che lấp được những dòn mỏng yếu đuối tự nhiên của một con người như Thánh Phaolô nói: "*nhưng kho tàng ấy, chúng tôi lại chứa đựng trong những bình sành, để chứng tỏ quyền năng phi thường phát xuất từ Thiên Chúa, chứ không phải tự chúng*

tôi" (2 Cr 4,7). Vẫn còn đó những yếu đuối, những rung cảm yêu thương, xúc động của một con tim bằng thịt. Vì thế, người Thánh hiến phải luôn ý thức mình được hiến dâng cho Chúa cả hồn lẫn xác trong đó có tình yêu phái tính, tất cả phải hướng tình yêu về Chúa. Điều này đòi hỏi phải có sự trưởng thành về toàn thể tâm sinh lý, phải phấn đấu không ngừng để làm chủ thân xác, tâm hồn và tình cảm của mình.

2. Đức Khó nghèo

Để tự tin hơn trong khi phấn đấu sống Khiết tịnh, người Tu sĩ không quên có một lối sống là hàng rào bảo vệ, đó là lối sống Khó nghèo theo gương Chúa Giêsu. Đây là điều kiện để được nên trọn lành và được theo Chúa: "*nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời, rồi hãy đến theo tôi*" (Mt 19,21). Người Tu sĩ bắt chước bước theo Đức Kitô, là mẫu gương về đức khó nghèo. Từ chính cuộc đời và những lời giảng dạy của Ngài, chúng ta có thể xác định rằng, cái nghèo mà người Tu sĩ nguyện sống theo không phải chỉ là cái nghèo sở hữu mà còn phải là cái nghèo trong chính hiện hữu tức là chẳng những không có, mà còn không muốn tiền bạc, của cải, chức quyền, địa vị, tiện nghi, lợi lộc; không phải là cái nghèo vật chất mà còn phải là cái nghèo tinh thần, tình cảm nữa, nghĩa là không phải không có tình cảm mà là tương đối hóa tất cả mọi tình cảm nhân loại, để chỉ quy chiếu về một tình yêu tuyệt đối, đó là tình yêu Thiên Chúa; không phải là cái nghèo về lợi ích cá nhân, mà còn là cái nghèo vì ích lợi cộng đoàn và Tông đồ, nghĩa là nếu chúng ta chỉ lo hoàn thiện bản thân mà không lo hoàn thiện tha nhân, chị em xung quanh mình là chưa phù hợp với tinh thần Tin Mừng.

Nghèo khó tu sĩ là tự mình khước từ của cải vật chất, để tâm hồn thoát khỏi sự ràng buộc của vật chất là thứ chóng qua hầu được tự do kết hợp với Chúa hơn, sự nghèo khó

được Chúa chúc phúc: "*Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó vì Nước Trời là của họ*" (Mt 5 3). Người giàu có mà không bị mê hoặc bởi việc tiêu xài hưởng thụ cũng làm đẹp lòng Chúa, bởi vì họ đã "tìm Nước Thiên Chúa trước," biết lấy Chúa làm kho tàng quý giá của họ. Khi sống tinh thần nghèo khó, chúng ta có thể chia sẻ với người nghèo khó, với chị em thiếu thốn, chị em thất vọng, chị em lầm lỡ…một cách dễ dàng và đồng cảm. Bởi chúng ta sống phó thác trọn vẹn cho Chúa, không quá lo cho ngày mai, không sống xa xỉ và khi đó chúng ta có thể làm chủ được cả tình cảm, tương quan cách quân bình và sẽ mở lòng ra với Chúa và với mọi người.

Người thánh thiến sống nghèo khó để bắt chước bước theo Đức Kitô trong niềm tin tưởng phó thác cho sự quan phòng của Thiên Chúa; bước lại trong thời đại hôm nay những bước mà Ngài đã đi ngày xưa, trong cuộc hành trình liên tục không bao giờ chấm dứt để loan báo Tin Mừng. Chúng ta cũng phải sống thế nào để mọi người nhận biết Đức Kitô và Thiên Chúa nơi chính con người của mình.

3. Đức Vâng phục

Mỗi người chúng ta được mời gọi thực hiện ý Chúa trong cuộc sống Dâng hiến hôm nay với đức Vâng phục. Người tu sĩ khấn Vâng phục phải ý thức rằng mình đang nối dài sự hiện diện và sứ mạng của Đức Kitô giữa trần gian trong khuôn khổ cộng đoàn, bởi vì cả cộng đoàn cũng như từng thành viên đều phải thực thi ý Chúa và diễn tả sự hiện diện của Ngài trong chính cuộc sống mình đang sống. Như vậy, Vâng phục không phải là phương thế để người dưới sống khổ hạnh, cũng không phải là chuẩn mực để bề trên kiểm soát hay ra lệnh, để có một trật tự chung, để điều hành tổ chức sinh hoạt đối nội đối ngoại, mà đức Vâng phục đời tu trì mang đậm nét độc đáo và sâu sắc hơn nhiều: đó là cùng nhau tìm kiếm và thực thi ý Chúa, để Chúa đến hiện diện trong môi trường sống của gia đình cộng đoàn.

Thời đại hôm nay đề cao tính tự do của con người, đặc biệt tự do ý chí. Còn đối với đời sống thánh hiến, nếu ý chí không phục vụ lòng mến thì vô giá trị, nhờ lòng mến, ý chí chúng ta có khả năng mang lại hạnh phúc cho bản thân và tha nhân: nguyên tổ Ađam và Evà đã không biết sử dụng ý chí tự do để phục vụ lòng mến nên phải bất hạnh, nhưng ngược lại, Đức Giêsu đã mang lại sự sống và hạnh phúc cho nhân loại, vì Ngài đã biết hiến dâng ý muốn để làm trọn Thánh ý Chúa Cha. Công Đồng Vaticanô II đã nói: "các tu sĩ theo Chúa Ki tô Đấng Khiết Tịnh và khó nghèo bởi vâng lời cho đến chết trên thập giá". Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cũng quả quyết: "mọi công việc của Tu sĩ chỉ có giá trị cứu rỗi khi được thi hành trong đức Vâng phục"

Bởi vậy để đức Vâng phục được thực hành cách trọn hảo, chúng ta cần phải có đức tin mạnh mẽ để nhận ra ý Chúa qua bề trên, lại cần có ý chí để tuân hành cách vui tươi, mau mắn và bền lâu. Vâng lời vì đúng ý mình hay bắt bề trên chiều ý mình thì không phải là vâng lời đúng ý Chúa. Tuy nhiên, có thể trình bày và đối thoại cách đúng mức cho công việc đem lại hữu ích, rồi để mặc ngài định liệu, phải vâng lời với tinh thần trách nhiệm, lấy ý bề trên làm ý mình và chu toàn mệnh lệnh của ngài cách chu đáo.

Như thế, cả ba Lời Khấn đều đụng chạm đến những khuynh hướng căn bản của cuộc sống con người. Vì qua Ba Lời Khấn, người Tu sĩ dâng cho Chúa không những tài sản, mà khả năng yêu thương và tự do, để rèn luyện bản thân bằng những phấn đấu hy sinh, thực hiện một chọn lựa căn bản: tương đối hóa những của cải và giá trị trần gian; tương đối hóa những tình cảm nhân loại cũng như tương đối hóa tự do và ý riêng của mình. Ba Lời khấn vừa ràng buộc vừa làm cho mỗi Tu sĩ chúng ta được thực sự tự do. Hay nói cách khác chính khi ràng buộc mà lời khấn làm cho chúng ta được

tự do trong tình yêu của Đức Kitô. Như vậy, khi sống ba lời Khuyên Phúc Âm, người Tu sĩ trình bày bức chân dung sống động của Đức Kitô: Vâng phục hướng dẫn con người sử dụng tự do và giúp khống chế thói kiêu ngạo, Khiết Tịnh giúp sống đúng đắn tình cảm và tình dục, còn Khó nghèo giúp chế ngự thói tham lam của con người.

II. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÔNG THUẬN LỢI

Nhìn vào thực tế tình hình Giáo Hội và xã hội Việt Nam hôm nay, ta thấy có khá nhiều cơ hội thuận tiện để người Tu sĩ diễn tả và chứng tỏ rõ nét tầm quan trọng và giá trị của đức Thanh khiết thánh hiến cho văn hóa xã hội và môi trường sống hiện thời. Nhưng cũng không thiếu những tệ nạn, mối đe dọa của thời đại tục hóa, cám dỗ và lôi kéo làm cho đức Thanh khiết nhiều lúc bị chao đảo, lung lay và dẫn đến những lầm lỡ không ngờ ngoài tầm kiểm soát bởi sự mỏng dòn yếu đuối của mỗi người.

1. Những thuận lợi

Nhìn một khía cạnh nào đó, xã hội chúng ta đã có công nghệ tiên tiến, đời sống tiện nghi đầy đủ, nhưng cũng có nhiều tệ nạn phát triển dường như song song. Tuy vậy, đời sống độc thân Khiết tịnh xem ra vẫn là một giá trị được coi trọng (với xã hội) được quý mến, thán phục (với Giáo Hội). Người ta coi bậc chân tu có một nét bí ẩn nào đó vô cùng linh thiêng, đến nỗi không cần giới thiệu mà người ta cũng nhận ra tu sĩ hay linh mục: sự thánh thiện như hiện rõ trên khuôn mặt, và cả con người họ, bởi vì họ đã là người của Chúa, đã bị Chúa chiếm đoạt. Ngoài ra, nhờ được đào tạo và với ơn Chúa, họ có khả năng thắng vượt những thèm muốn xác thịt tự nhiên để sống cho lý tưởng cao cả.

Trong nhãn quan Kitô giáo, đức Thanh khiết kiện toàn đời sống và là cách thức diễn tả tình cảm tính dục nghiêm túc

và trọn vẹn. Người đời thường quan niệm và hiểu đức Thanh khiết như một sự bó buộc, kiêng giữ trong đời sống và hành vi tình dục. Dĩ nhiên, trong thực tế đời sống, những người sống Khiết tịnh đòi buộc phải nỗ lực hết mình trước những nhu cầu đòi hỏi của bản năng. Nhưng Khiết tịnh của bậc Thánh Hiến không chỉ là sự tiết chế, kiêng cữ mà là một nhân đức trỗi vượt. Người sống ơn gọi vợ chồng, hay bậc Thánh Hiến đều được mời gọi sống Khiết tịnh theo bậc sống của mình. Sự Khiết tịnh bao gồm trọn vẹn đời sống con người, thành một htể thống nhất hài hòa giữa tâm hồn và thể xác, giữa cảm xúc và ngôn ngữ. Như vậy, Khiết tịnh không làm thui chột hay lu mờ đời sống chúng ta, nhưng làm cho viên mãn và có khả năng mở ra với mọi người và với vô biên nữa.

Nhìn ra bên ngoài xã hội hôm nay nhiều lúc chúng ta thấy ngợp khi sống đời sống Thanh khiết, đặc biệt với các Tu sĩ trẻ. Nhưng với ơn Chúa chúng ta có thể tự tin diễn tả lối sống Thanh khiết bằng tình yêu mở rộng, sự quan tâm giúp đỡ những thành phần kém lòng tin giữa lòng xã hội trong môi trường sống Tông đồ. Các phương tiện truyền thông, khoa học kỹ thuật hiện đại đều là những dụng cụ thuận lợi cho việc cập nhật thông tin: những hình ảnh tuyệt vời về gương Thanh khiết giúp cho người Tu sĩ động lòng, còn về những hình ảnh bi kịch, thảm thương, đau khổ của lối sống chơi với tình cảm tình dục cũng phần nào báo động nhắc nhở và đánh thức sự đam mê yếu đuối của người Tu sĩ. Tuy nhiên, điều này rất đòi hỏi người sống Khiết tịnh cần có một đời sống trưởng thành thật sự về mặt tình cảm, một lối sống cư xử giao tiếp quân bình, sống hòa đồng nhưng không được để bị đồng hóa.

Đời sống cộng đoàn có vai trò quan trọng trong việc sống và giữ đức Khiết tịnh: khi ta bị cám dỗ mà không có chị em nhắc nhở, bảo ban thì ta rất dễ sa ngã, bởi không có lý do hay vật cản nào ngăn lối chúng ta, nhưng nhờ cộng đoàn

nâng đỡ bảo vệ, nếu bị cám dỗ ta cũng có chị em thức tỉnh và giúp ta dừng lại đúng lúc.

2. Những khó khăn

Do bối cảnh chung quanh, nhất là trong thời đại toàn cầu hóa này, trước khi vào dòng, người dự tu đã chịu ảnh hưởng của học đường, của xã hội, không được giáo dục về lối sống nhân bản cũng như lối sống tương quan, cộng thêm những hình ảnh xấu, những tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, những cách cư xử thiếu tình người của một số giảng viên đã in vào não trạng tâm lý của người Tu sĩ trẻ, nên bước vào đời sống Thánh Hiến mặc dù được đào tạo có vẻ kỹ càng, nhưng không thể xóa tan được những ấn tượng xấu. Do đó, mối nguy cơ sa ngã về đức Thanh khiết luôn đe dọa và sẽ làm cho vấp ngã trong bất cứ lúc nào nếu chúng ta không biết tự chủ và tin tưởng Chúa đang nhìn mình và mình là của Chúa.

Những vấp ngã có thể xảy ra, không nên cầu toàn và t quan trọng là rút ra bài học để lớn lên từ những vấp ngã đó. Nam tu hay Nữ tu đều có những khó khăn riêng do tâm sinh lý của từng giới. Vì thế, người huấn luyện cũng như các thành viên trong cộng đoàn cần phải thông cảm, nâng đỡ những anh chị em bị lầm lỡ, tránh phán đoán sai lệch và giúp họ vượt qua những yếu đuối do xác thịt của một con người.

KẾT LUẬN

Mỗi người chúng ta được mời gọi vào đời sống Thánh Hiến là triệt để đi theo Chúa Giêsu, nhằm biến đổi con tim nhân loại qua việc sống ba lời khuyên Phúc Âm Khiết Tịnh, Khó Nghèo và Vâng Phục. Nhưng điều đáng cho chúng ta cần phải quan tâm hơn trong xã hội hôm nay là đời sống Khiết tịnh. Mỗi chúng ta cần phải đấu tranh cho một thế giới Khiết tịnh, vì thế gian ngày càng đề cao những tình cảm và hành động không lành mạnh. Chúng ta không chỉ phấn đấu và giữ gìn cho mình cũng như cho người khác khỏi những tình cảm thiếu trong sáng hay những hành động mất tình

người, mà còn phải đi xa hơn tới mức đôi khi từ khước cả những tình cảm được phép như tình cảm gia đình bạn bè người thân, để vươn tới những tình cảm cao thượng, siêu nhiên hơn đó là tình yêu Đức Kitô. Điều đó diễn tả qua việc dấn thân cho sự nghiệp chung của Giáo Hội, của cộng đoàn, dấn thân vì người nghèo, người kém may mắn, người thiếu vắng tình cảm yêu thương. Tất cả để phục vụ chương trình cứu độ của Thiên Chúa.

Lời Khấn Khiết tịnh mang nhiều ý nghĩa quý giá: chứa đựng tình yêu trọn vẹn cho sứ vụ của mình; chứa đựng tình yêu trọn vẹn mà mỗi người dành cho Thiên Chúa và tha nhân; sống đời Khiết tịnh là sống kết hợp với Chúa một cách tuyệt vời nhất. Ở đây, người Tu sĩ hiến dâng tình yêu của mình cho Chúa cách vô điều kiện qua Giáo Hội.

Như vậy, đức Thanh khiết là một Ân Huệ Chúa ban, là dấu chỉ của sự sống muôn đời mà mỗi người Tu sĩ luôn cố gắng đạt đến. Nó vượt lên trên cả giá trị truyền sinh để đến với tình yêu đích thực là Đức Kitô.

Nguyện xin tình yêu của Đức Kitô luôn đồng hành trong mọi bước đi của những tâm hồn tận hiến sống Khiết tịnh vì Nước Trời, để trong bối cảnh của thời đại, mỗi người luôn can đảm đối diện và thăng hoa những cám dỗ của thể xác cũng như xu hướng xấu của bản năng, hầu lý tưởng cao cả mà chúng con đang bước theo được bảo toàn và thánh thiện.

[4]

DẪN NHẬP

Có thể nói việc tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm là một trong những yếu tố làm nên chân dung người tu sĩ, vì khi chọn đời sống thánh hiến các tu sĩ lấy việc khấn giữ các lời khuyên Phúc âm như phương tiện hữu hiệu để đạt được đức ái trọn hảo để theo sát Chúa Kitô. Ba lời khấn: vâng phục, khiết tịnh, khó nghèo có mối liên hệ nào với nhau và tác động như thế nào đối với nhau? Bối cảnh mới của Giáo Hội cũng như xã hội Việt Nam hôm nay có những thuận lợi và khó khăn gì ảnh hưởng đến các tu sĩ trong việc tuân giữ các lời khấn ấy, cách riêng về lời khấn khiết tịnh?

I. TƯƠNG TÁC GIỮA BA LỜI KHẤN VÂNG PHỤC, KHÓ NGHÈO, VÀ KHIẾT TỊNH

Từ khi lãnh Bí Tích Rửa Tội, người tín hữu được trở nên con Thiên Chúa, con Giáo Hội. Họ được mời gọi phải nên thánh trong từng bậc sống của mình. Đức Kitô đã yêu thương Giáo Hội như Hiền Thê của mình và được hiến thân để thánh hóa Giáo Hội (Ep 5,25-26). Người kết hợp với Giáo Hội như thân thể Người và ban đầy ơn Thánh Thần để làm vinh danh Thiên Chúa. Vì thế, tất cả mọi người trong Giáo Hội đều được kêu gọi nên thánh, như lời thánh Phaolô “ý muốn của Thiên Chúa là anh em nên thánh” (1Tx 4,3). Sự thánh thiện đó được diễn tả dưới nhiều hình thức nơi tất cả những ai đang cố đạt tới đức ái trọn hảo trong bậc sống của mình biểu lộ qua những hoa trái ân sủng mà Thánh Thần đã kết sinh nơi các tín hữu. Đặc biệt hơn sự thánh thiện đó tỏ lộ qua việc thực hành các lời khuyên Phúc Âm nhằm theo sát Chúa Kitô trong đời sống khó nghèo, vâng phục, khiết tịnh.

Nhờ Chúa Thánh Thần thúc đẩy, nhiều kitô hữu thực hành đời sống đó với tư cách cá nhân hay qua những tổ chức được Giáo Hội công nhận. Họ thành những tu sĩ qua việc tự nguyện tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm cách triệt để, hầu đời sống của họ trở nên chứng tá và mẫu gương rạng ngời cho thế giới về sự thánh thiện của Giáo Hội cũng như dấu chỉ Nước Trời ngay tại trần gian này. Như thế, có thể nói trong Giáo Hội các tu sĩ ra đời do nhu cầu thánh thiện của Giáo Hội. Khi chọn đời sống thánh hiến qua việc tự nguyện tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm như thế, người tu sĩ không làm mất ý nghĩa của Bí Tích Rửa Tội, trái lại họ sống triệt để và hoàn tất hiến lễ bắt đầu khi lãnh Bí Tích này. “Ba lời khấn ấy còn giúp họ tháp nhập vào Mầu Nhiệm Chúa Kitô cách mật thiết hơn” (GL 306)

Đời sống thánh hiến đã được tìm thấy trong mối tương quan đặc biệt mà Chúa Giêsu đã chọn một số môn đệ, không những để họ đón nhận Nước Thiên Chúa nhưng còn biết đem đời sống phục vụ Nước Thiên Chúa bằng cách từ bỏ tất cả và sống theo nếp sống của Người. Hình thức theo chân Chúa Kitô mà cội nguồn luôn là do Chúa Cha khai sáng mang dấu vết của Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần đã chứng tỏ phần nào sự viên mãn cánh chung mà Giáo Hội hướng đến. Trong Tin Mừng có rất nhiều lời nói, việc làm của Chúa Kitô soi sáng ý nghĩa ơn gọi đặc biệt này. Nhưng, để có cái nhìn bao quát vô cùng hữu ích, chúng ta chiêm ngắm gương mặt rạng rỡ của Chúa Kitô trong Mầu Nhiệm biến hình. Nơi Mầu Nhiệm này, chúng ta không chỉ được mạc khải vinh quang của Chúa Kitô mà còn là một sự chuẩn bị đón nhận Thánh Giá. Đây là một trình thuật Tin Mừng đánh dấu một giai đoạn quyết định trong sứ vụ của Chúa Giêsu.

Giáo Hội chiêm ngắm dung nhan biến hình của Chúa Kitô để được vững mạnh trong đức tin và sẽ thoát khỏi nguy

cơ bối rối trước gương mặt xấu xí trên thập giá. Giáo Hội đã thông phần Mầu nhiệm của Người, được ánh sáng của Người bao phủ. Chính ánh sáng đó đã soi dẫn mọi Kitô hữu bước theo Chúa Kitô bằng cách đặt Người là ý nghĩa tối hậu của đời mình "đối với tôi sống là Đức Kitô" (Pl 1, 21). Những người được mời gọi sống đời thánh hiến chắc chắn cảm nghiệm cách kỳ lạ nguồn sáng phát xuất từ Ngôi Lời Nhập Thể. Cuộc sống của họ phải phản chiếu gương mặt rạng rỡ của Đức Kitô khi Người biến hình. Thật vậy, việc khấn giữ các lời khuyên Phúc Âm làm họ trở thành dấu chỉ tiên tri cho thế gian. Nhất thiết họ cũng sẽ rung động sâu xa như Thánh Phêrô "chúng con ở đây thì tốt quá" (Mt 17, 4). Việc khấn giữ các lời khuyên Phúc âm làm cho người được thánh hiến không chỉ hài lòng đón nhận Chúa Kitô làm ý nghĩa đời mình mà còn tìm cách tái lập trong chính mình chừng nào có thể "nếp sống mà Con Thiên Chúa đã nhận khi Người xuống thế" (LG 44)

Bắt chước đức khó nghèo của Người để nhận biết Đức Kitô như người con lãnh nhận mọi sự nơi Chúa Cha vì tình yêu (Ga 17,7). Gắn bó với mầu nhiệm đức vâng phục đầy tình con thảo, ta càng nhận biết Chúa Kitô đáng được yêu mến như Người Con chỉ biết thi hành ý muốn của Chúa Cha (Ga 4, 34)

Trong Phúc Âm không phải chỉ có ba lời khuyên đó thôi, nhưng khiết tịnh, khó nghèo, và vâng phục cô đọng tinh thần của Đức Kitô hơn cả. Và mỗi người đều được mời gọi diễn tả lối sống ấy trong từng ơn gọi của mình. Các tu sĩ đã chọn một đường lối riêng theo đặc sủng và linh đạo của Dòng mình để thực hành lời khấn ấy. Ý nghĩa chung của việc giữ ba lời khuyên phúc âm được nhìn dưới hai khía cạnh: tiêu cực là từ bỏ những ngăn trở và tích cực là hiến dâng.

Theo cái nhìn tu đức cũ, từ bỏ là khinh chê tất cả những gì là thế gian và cho chúng là tội lỗi. Nhưng với thời gian, cái nhìn thoáng hơn: người tu sĩ chỉ khước từ những giá trị tự nó là tốt để lựa chọn cái tốt hơn vì bị thu hút bởi điều thiện duy nhất là Tình Yêu Đức Kitô. Người tu sĩ không từ bỏ các giá trị thế gian vì chúng xấu xa nhưng vì coi chúng chỉ tương đối sánh với một tình yêu có hấp lực thu hút cuộc đời mình, tình yêu có tầm mức vĩnh cửu.

Khía cạnh tích cực là hiến dâng: Qua ba lời khấn, chúng ta dâng cho Chúa những giá trị cao quý nhất của con người. Đức Phaolô VI phân tích trong Tông thư "Chứng tá Tin Mừng" số 7 rằng: Qua lời khấn khiết tịnh, chúng ta dâng khả năng yêu và muốn được yêu; qua lời khấn khó nghèo, chúng ta dâng hiến khả năng chiếm hữu và sử dụng tài sản trên đời; qua lời khấn vâng phục, chúng ta dâng khả năng tự do, muốn làm chủ cuộc đời. Bên cạnh đó các tu sĩ đã chọn cách theo sát Đức Kitô qua việc họa lại chính nếp sống cụ thể của Ngài, họa lại tâm tình của Ngài như hiền lành, nhẫn nhục, yêu như Ngài đã yêu, sống như Ngài đã sống: sống cho Thiên Chúa và tha nhân. Muốn được thế họ phải sống với Ngài, tin tưởng, yêu mến Ngài và để tình yêu Ngài thôi thúc, như thánh Phaolô khẳng định "Tình yêu Đức Kitô thúc bách tôi". Chúa Kitô đã chấp nhận vâng phục, khiết tịnh, khó nghèo nhằm cứu chuộc nhân loại thì các tu sĩ khi chấp nhận lối sống ấy cũng được chia sẻ vào công cuộc cứu rỗi thế giới. Đó cũng là mục đích của đời tu là làm vinh danh Chúa qua việc thánh hóa bản thân và làm mưu ích cho tha nhân.

Khía cạnh này thể hiện rõ hơn cả qua lời khấn khiết tịnh: Chúa Giêsu đã mời gọi chúng ta sống thanh tịnh hoàn toàn và vĩnh viễn làm một phương tiện thánh hóa bản thân và hoạt động hữu hiệu hơn để xây dựng Nước Thiên Chúa. Cần phải nhấn mạnh rằng đức khiết tịnh là Hồng Ân của Chúa ban cho một số người nên ta phải có thái độ biết ơn, khiêm

tốn và biết trân trọng, gìn giữ. Việc tuyên khấn sống khiết tịnh diễn ra trong một khung cảnh của Giao Ước tình yêu giữa cá nhân đáp trả lại Tình Yêu Thiên Chúa nhưng không dừng ở đó. Đây còn là một thiện ích dành cho Giáo Hội và nhân loại. Chúa Giêsu đã nêu gương sán lạn bằng chính cuộc đời của mình. Cuộc đời đó hoàn toàn quy hướng về Chúa Cha trên trời và phần rỗi nhân loại. Tình yêu đó thôi thúc Ngài Nhập Thể để suốt đời trái tim Ngài chỉ đập vì tình yêu. Noi gương Ngài, các tu sĩ cam kết tiết chế hoàn toàn trong sự độc thân vì Nước Trời.

Khó nghèo là mối phúc được Chúa đưa lên đầu trong bài giảng trên núi. Bước theo lối sống nghèo trong tinh thần vì Nước Trời thể hiện việc tuyên xưng Thiên Chúa là gia nghiệp duy nhất, đích thực của con người. Theo gương Chúa Kitô "Người vẫn giàu sang nhưng tự ý trở nên nghèo" (2 Cr 8,9). Đó còn là sự trao hiến toàn thân như Ba Ngôi Thiên Chúa trao ban cho nhau. Nếu người tu sĩ chấp nhận sự nghèo khó vì Nước Trời thì mới mong đạt được những giá trị đích thực của lời khấn này: tinh thần khó nghèo đặt con người có thái độ khiêm tốn trước mặt Thiên Chúa. Sự khó nghèo của người tu sĩ muốn theo Đức Kitô trong thái độ tự hạ, Ngài không chiếm hữu gì, "không có chỗ tựa đầu" (Lc 9, 57), chỉ lo tìm kiếm Nước Thiên Chúa, tin tưởng Cha trên trời sẽ liệu cho những thứ khác (Lc 12,22). Noi gương Đức Kitô đi đến với người nghèo để phục vụ họ (Lc 4). Khó nghèo của tu sĩ còn để thể hiện yêu thương bác ái khi chia sẻ với cộng đoàn cũng như anh chị em ngoài cộng đoàn. Bên cạnh đó, việc chọn đời sống khó nghèo thể hiện trong việc không ham hố chức quyền, danh vọng nhưng còn dứt quyến luyến của những tình cảm cao thượng. Cùng với việc noi gương Chúa Kitô trong đời sống khiết tịnh, khó nghèo, người tu sĩ chọn lối sống vâng phục thể hiện việc thi hành ý Chúa như lương thực cho mình (Ga 4,34), biểu lộ vẻ đẹp của người con thảo

chứ không như nô lệ. Họ tự nguyện theo ý Bề trên hợp pháp, qua luật Dòng như những đại diện của Chúa.

Như vậy lần nữa xin được khẳng định lại rằng Ba lời khấn vâng phục, khiết tịnh, thanh bần là ba lời khấn cần thiết để kiến tạo bậc tu trì. Mỗi lời khấn ấy đều giúp vào việc kiến tạo trên, và cả ba đều bổ túc cho nhau. Những lời khấn vâng phục, khiết tịnh, thanh bần còn được gọi là lời khấn phụng tự, vì nó làm cho đời sống của người tuyên thệ giữ nó trở nên một hành vi thờ phượng, một việc phụng tự Thiên Chúa.

Ba lời khấn này khác hẳn với những lời khấn khác vì chúng làm nên một bậc sống đặc biệt. Người tuyên thệ những lời khấn khác vẫn ở nguyên trong thân phận họ sống trước, họ chỉ giao kết với Chúa một trách vụ nào đó thôi. Chẳng hạn khấn ăn chay một số ngày nào đó, khấn dự lễ một số ngày… thì họ đã giao kết thi hành những trách vụ đặc biệt, nhưng cuộc sống của họ vẫn không thay đổi dù họ còn độc thân hay đã kết hôn, làm thợ máy hay làm vườn, giàu hay nghèo, thân phận họ vẫn như trước, và họ được thay đổi tùy theo ý họ, theo giới hạn có thể và được phép. Nhưng người tuyên thệ các lời khấn tu trì thì chọn một nếp sống đặc biệt và liên kết với nếp sống đó. Thật ra khi còn tập sinh, họ đã sống nếp sống đó rồi, nhưng họ vẫn còn được tự do chọn nếp sống ấy hay nếp sống khác. Khi đã tuyên khấn rồi, họ không còn được tự do như vậy nữa. Lời khấn đem họ vào bậc tu trì, thắt buộc họ bằng những trách vụ sẽ trưng dụng tất cả hoạt động và cuộc đời họ, cả đến những khả năng tiềm ẩn và độc đáo nhất của họ.

Bậc sống ấy mô phỏng hoàn hảo nhất cuộc đời Chúa Giêsu và tinh thần đã phấn khích Ngài. Thật vậy, trót cả cuộc sống của Chúa Giêsu, từ máng cỏ tới núi Calve, đều đã qua đi trong khung cảnh một cuộc đời nghèo nàn và cam go, sự thanh tịnh giãi ánh lạ lùng nơi Ngài, sự tuân phục Chúa Cha

dẫn dắt Ngài tới cái chết trên khổ giá. Ngài đã chỉ sống vì vinh quang Chúa Cha, đã chỉ làm việc và đau khổ vì Nước Trời và phần rỗi các linh hồn, hết mọi nhịp đập của trái tim Ngài đều rung lên vì Chúa Cha và vì loài người mà Ngài đến cứu chuộc.

Phàm ai đã chọn sống đời tu trì đều phải khước từ hạnh phúc trần gian để nhằm một cuộc chinh phục thiêng liêng; họ quy hướng về Thiên Chúa và các linh hồn tất cả khả năng yêu thương của họ, và chỉ hoạt động để phục vụ Nước Trời. Trong đời sống đó, họ không thể có một gương mẫu nào, một mô phạm nào hoàn hảo hơn, một lý tưởng nào cao cả hơn cuộc sống và tinh thần của Chúa Giêsu.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI VIỆT NAM ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỜI KHẤN KHIẾT TỊNH

Mặc dù việc khấn sống ba lời khuyên Phúc âm tạo nên nét đặc thù tu trì và các nam nữ tu sĩ cũng đã tìm được mẫu gương lý tưởng cho đời sống là Đức Giêsu. Tuy nhiên thực tế cho thấy trước những bối cảnh Giáo hội và xã hội Việt nam ngày hôm nay, các tu sĩ dường như gặp phải thách đố để có thể trung thành với điều họ tuyên khấn.

Thật vậy, nếu trong thiên nhiên ta thấy có những cơn lốc của khí và nước làm cuốn đi một phần của quốc gia hay một tỉnh, một làng, kéo theo những thảm cảnh vô cùng ghê sợ như bệnh tật, đói khát, không cửa nhà… (thời gian vừa qua chúng ta đã chứng kiến cơn lũ miền Trung) thì có thể nói các tu sĩ ngày nay dường như cũng đang đứng trước cơn lốc thời đại…và vì thế dù muốn hay không, họ vẫn bị ảnh hưởng tốt hoặc xấu, thuận lợi hay khó khăn trong việc sống đời tu, đặc biệt là trong việc tuân giữ các lời khấn nói chung và lời khấn khiết tịnh nói riêng.

- Cơn lốc của đời sống kinh tế xã hội

Thời nay kinh tế đầy đủ, thuận tiện, sung túc, con người thích hưởng thụ theo khuynh hướng hiện sinh… Nền kinh tế phát triển, đời sống, nhu cầu sinh hoạt của con người, của các tu sĩ cũng được nâng cao hơn, có nhiều thuận lợi để phát triển trí, lực, các phương tiện cũng hiện đại hơn, tốt hơn, phục vụ nhu cầu của con người đắc lực hơn…

Tuy nhiên nếu cộng đoàn nào chưa đáp ứng được đầy đủ cho các thành viên để họ có những phương tiện phục vụ hữu hiệu thì chắc chắn cộng đoàn đó hoặc là các thành viên đó cũng phải tìm cho mình các vị ân nhân, các "đại gia" với danh nghĩa "giúp đỡ ơn gọi". Ta không phủ nhận bao điều tốt lành các vị ân nhân đã giúp cho cộng đoàn, cũng như cá nhân để có điều kiện thuận lợi nuôi dưỡng đời sống ơn gọi, nhưng cũng có nhiều trường hợp được khởi đi từ sự giúp đỡ đó đến việc cộng đoàn cũng như các thành viên bị ràng buộc quá đáng vào các phương tiện hay các vị ân nhân.

Khi chọn đời sống khiết tịnh, người tu sĩ muốn trở thành "người của mọi người" không phân biệt giàu nghèo, lứa tuổi…nhưng biết đâu được khi nền kinh tế xã hội phát triển, con người ngày nay kính trọng kẻ có tiền, thì các cộng đoàn tu trì cũng có thể rơi vào cám dỗ: kính trọng những ai giúp đỡ cộng đoàn nhiều hơn.

Một xã hội ưa hưởng thụ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến các tu sĩ, trước đây chỉ cần "ăn no mặc ấm" thì nay phải là "ăn ngon mặc đẹp". Tại Việt nam, do một số hoàn cảnh chính trị nên các tu sĩ đa số không mặc tu phục thường xuyên. Vì thế nhiều khi thường phục của một số tu sĩ cũng rất "đời". Họ lấy cớ rằng nếu mặc "kiểu tu" thì ra đường nhìn "chẳng giống ai cả", sẽ như bị lạc lõng. Vẫn biết bộ áo dòng không làm nên thầy tu nhưng nhiều khi cách ăn mặc của các tu sĩ thời nay cũng ít nhiều ảnh hưởng đến người khác.

Một xã hội đề cao khoái lạc sẽ làm cho các bạn trẻ không còn quý trọng đức khiết tịnh nữa, người độc thân thành cổ điển, lỗi thời. Thỏa mãn tình yêu, tính dục đều là đúng, điều tự nhiên, bình thường. Điều này dễ làm cho các tu sĩ nếu thiếu trưởng thành sẽ thấy nghi ngờ về đức khiết tịnh có là hồng ân Chúa ban hay không?

Một xã hội ưa bề ngoài, hình thức…cũng tác động trên đời tu ngày nay. Các cụ ngày xưa đề cao cái nết, cái vẻ đẹp tâm hồn đến độ khẳng định: *"Tốt gỗ hơn tốt nước sơn" hay là "cái nết đánh chết cái đẹp."* Nhưng xem ra xã hội thời nay, giá trị đó đã bị đảo lộn: *"cái đẹp đè bẹp cái nết"*. Nhiều cộng đoàn hay các thành viên cũng bị ảnh hưởng lối sống vụ hình thức, chăm chú những gì là bề ngoài mà quên đi hoặc ít chú trọng đến xây dựng nền tảng cái đẹp nội tâm, thánh thiện, ân sủng.

Tinh thần hội nhập một đàng giúp người tu sĩ có cái nhìn cởi mở hơn, hòa đồng với mọi thành phần trong xã hội, lao vào xã hội đau khổ đói nghèo để yêu thương họ, cứu giúp họ. Điều đó làm chúng ta thấy rất hợp tình hợp lý. Tuy nhiên nếu không thực sự trưởng thành và với ơn Chúa cách đặc biệt, ta sẽ dễ dàng bị đồng hóa, mất đi chính bản thân mình.

Một xã hội đang tôn vinh sự phát triển vượt bậc của nghành khoa học kỹ thuật cũng ảnh hưởng đến đời sống tu sĩ. Nếu ta không chạy mau, không tiến mau và không dành tất cả cho công việc đào tạo kiến thức thì ta sẽ đánh mất vị trí của mình, sẽ thụt lùi theo thời đại… và thế là một cuộc tranh đua, cạnh tranh theo tinh thần thế tục xảy ra trong các cộng đoàn tu trì. Nếu ta không giữ quân bình đủ giữa đạo đức và kiến thức xã hội, liệu ta có đứng vững trong ơn gọi không?

Một xã hội đề cao tự do cá nhân giúp cho phẩm giá, ngôi vị của từng người được tôn trọng, đồng thời cũng giúp người tu sĩ không bị lệ thuộc quá vào ai đó, nhưng đàng khác cũng dễ bị ảnh hưởng kiểu tự do thích làm gì thì làm, khó vâng lời kỷ luật, Bề trên… Từ đó chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới việc sống đức khiết tịnh.

- Cơn lốc về sự phát triển lãnh vực truyền thông:

Không phải là đề tài chính để bàn về lãnh vực này nhưng có lẽ ai cũng hiểu rằng lãnh vực này như con dao hai lưỡi: nếu sử dụng đúng sẽ thấy biết bao lợi ích, nhưng ngược lại nếu ta lạm dụng nó thì hậu quả xấu cũng sẽ không kém gì những hậu quả tốt nó đóng góp cho nhân loại. Một trong những phương tiện thuộc lãnh vực này là Internet. Đây là một thứ truyền thông đa phương tiện, kết hợp cả ba nghành truyền thông đã có lâu nay: báo chí (văn bản), ti vi (hình ảnh), và radio (âm thanh).

Một phương tiện truyền thông có thể qua lại hai chiều giữa người truyền đi và người nhận, phá vỡ được thế đơn phương độc thoại. Một phương tiện truyền thông có tốc độ gần như tức thời. Một phương tiện truyền thông vượt mọi biên giới… Cứ thế theo thời gian và sự phát triển khoa học kỹ thuật, Internet ngày càng mạnh hơn, nhẹ hơn, rẻ hơn, đẹp hơn, hấp dẫn hơn và cũng nguy hiểm hơn trong khi kích thước thì càng ngày càng nhỏ hơn: có khi chỉ như món đồ chơi, mỏng dẹp, nhẹ tênh, bỏ lọt túi áo túi quần, cầm đi đâu cũng được mà lại bao gồm đủ thứ chức năng và phương tiện làm việc, để liên hệ, để giải trí nữa.

Sự tiến triển của Internet, của báo chí, truyền thanh, truyền hình…cùng với thế giới tự do ngôn luận đã đem đến cho nhân loại bao ích lợi. Nhờ các lãnh vực này mà Giáo hội đến được với muôn người…nhân loại mở rộng tầm nhìn ra thế giới, biết nhiều nền văn hóa… Nhiều nhà dòng đã lợi

dụng những điểm tốt của truyền thông để loan báo Tin Mừng, kêu gọi bảo vệ sự sống, nhân phẩm, để giao lưu học hỏi, tạo thân tình…

Tuy nhiên cũng phải nhìn nhận rằng các phương tiện truyền thông đã có nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống người tu sĩ, đặc biệt trong việc sống đức khiết tịnh của họ. Báo chí, truyền hình, Internet… nhan nhản các bài viết, phim ảnh đề cao tình dục. Trên đài phát thanh, báo chí, ca nhạc, quảng cáo… cách nào đó người ta đang triệt để khai thác các bản năng tính dục vì mục đích thương mại. Nếu tu sĩ thường xuyên xem các hình ảnh hay đọc bài viết có tính cách khiêu dâm, liệu họ có đứng vững trước những cám dỗ?

Điện thoại – một trong những thứ cũng thuộc lãnh vực truyền thông, cũng đáng để chúng ta lưu tâm. Những năm gần đây, không nói thì ai cũng thấy những tiện ích của phương tiện này… Mặt khác, nếu ta thiếu khôn ngoan và trưởng thành thì nó lại nên cớ ảnh hưởng tiêu cực cho ta. Một chiếc di động bé xíu, nếu cài GPRS ta cũng có thể tán gẫu, đọc báo, tin tức như Internet vậy.

Theo lối tu đức xưa, người ta nhấn mạnh đến việc khiết tịnh thân xác nhưng với cái nhìn thần học mới, khiết tịnh mang tính sâu xa hơn, đó là một đức khiết tịnh từ trong tâm hồn. Điều này giúp ta có cái nhìn đúng đắn về thân xác, biết tôn trọng cả xác lẫn hồn nhưng sợ rằng sẽ có những lạm dụng cho rằng tâm hồn, tinh thần mới là chính, bề ngoài chẳng ảnh hưởng gì dẫn đến việc thiếu nết na, đoan trang trong cách ăn mặc, đi đứng, lời nói… Trước một xã hội phát triển, nhiều nhu cầu cần được đáp ứng… vậy nếu tôi đam mê tạo vật nào quá đáng như thích lên mạng, chơi game, thích sắm đồ may kiểu dáng model… thì cũng kể như tôi “ngoại tình” trước tình yêu Thiên Chúa” rồi!

Khi người tu sĩ phải đương đầu với công việc mục vụ cũng tác động trên đời sống của họ. Họ có điều kiện tiếp xúc với mọi tầng lớp: từ tu sĩ đến giáo dân, người ngoại đạo, lớn tuổi, bé tuổi… để thông cảm, chia sẻ, đem Chúa đến cho họ… nhưng giả thiết họ quên đi sự cao quý của bậc sống mình, không có một khoảng cách, chừng mực nhất định.. sẽ có những hậu quả đáng tiếc. Mặt khác, khi làm việc mục vụ, việc tông đồ nếu làm tốt sẽ được khen, được kính trọng.. và đôi khi bị lệ thuộc vào những lời khen quá vì một lúc nào đó có ai chê thì buồn bực, mất ngủ… Lần nữa, lại "ngoại tình" vì chiều theo cơn cám dỗ danh vọng.

KẾT LUẬN

Đời sống chung luôn là môi trường tốt giúp các thành viên yêu thương, thông cảm, chia sẻ vui buồn… nhưng nếu cộng đoàn đó thiếu sự chân thành cũng dễ khiến các thành viên tìm đến chia sẻ với người ngoài cộng đoàn.

Nói chung, trước một xã hội có nhiều thách đố như hiện nay, ta không nên chụp mũ xấu cho tất cả mọi vấn đề. Trái lại, để có thể sống trung thành với đời sống ta muốn chọn lựa thì mỗi tu sĩ phải cố gắng đào tạo thành một tu sĩ trưởng thành bằng đời sống nội tâm, cầu nguyện xin ơn Chúa, trau dồi nhân bản và đạo đức kitô giáo, khôn ngoan trong việc sử dụng, lựa chọn các nền văn minh của nhân loại, trong đó có nền văn minh truyền thông.

[5]

DẪN NHẬP

Một ngày mới, một năm mới và một thế kỷ mới sẽ đến, đang đến và qua đi. Hà Hải Châu, tác giả tập chuyện "Hãy tự mình tỏa sáng" có thuật lại: Một nhà quý tộc còn rất trẻ được giới thiệu gặp một vị chủ tịnh công ty quảng cáo nổi tiếng để xin việc. Vừa bắt đầu buổi gặp mặt, vị chủ nói như quát: Tôi cho cậu 20 phút thôi đấy!

Chàng trai trẻ ngồi đấy, không nói một lời. Vị chủ tịch nhắc lại: Tôi đã nói là cậu chỉ có 20 phút thôi. Chàng trai trẻ vẫn tiếp tục không lên tiếng. Vị chủ tịnh nói tiếp, thời giờ của cậu đang hết dần. Sao cậu không nói gì hết vậy? Bây giờ chàng trai mới đáp: Ông cho tôi 20 phút thì chúng là của tôi, tôi muốn làm gì với chúng thì tôi làm. Vị chủ tịch phá ra cười. Sau đó, họ đã thảo luận trong một tiếng rưỡi và chàng trai được nhận vào làm việc.

Chàng trai trong câu chuyện trên đã sử dụng hiệu quả 20 phút của mình: 20 phút im lặng để thể hiện bản lãnh, cá tính, ý tưởng độc lập tự chủ của anh. Vậy nhìn vào thế giới hôm nay, thế giới của khoa học, kỹ thuật: rất sinh động, rất hấp dẫn, đang phát triển đến không ngừng mà không ít người đã dùng thời gian, sức lực, trí tuệ, kể cả tình yêu để chạy đua với đà tiến này. Nói như Đức cố Giáo Hoàng Gioan Phaolô II thì đây là một nền văn minh sự chết.

Đứng trước thực trạng của thời thế, thời gian giữa xưa và nay thì đã ảnh hưởng nhiều đến đời sống của các Tu sĩ, nhất là trong việc sống và giữ ba lời khấn: vâng phục, khó nghèo, thanh khiết.

I- NHỮNG NHẬN ĐỊNH KHỞI ĐẦU

1. Lời khấn nào khó nhất ?

Đề cập đến "tự do" chỉ gồm 2 từ 4 chữ mà những trang đầu trong sách Sáng Thế ký nói đến: đó là nguyên tổ Ađam - Evà đã dùng tự do mà ưng theo lời xúi giục của con rắn nên đã phạm tội đầu tiên là tội "không vâng lời". Phải chăng "vâng lời" làm mất tự do của con người? Nhưng đi vào thực tế thì con người đã xử dụng tự do cách tối đa, đến vượt mọi rào cản để đạt được mục đích, đối tượng mình muốn. Thật vậy con người ngày nay đang được mời gọi dùng tự do để thể hiện bản lãnh, cá tính trong mọi lãnh vực, thì vâng phục được xem như một rào cản trong bước tiến của thời đại khi một cuộc sống phóng túng, tự do đang len lỏi vào từng ngõ ngách ngay từ những sinh hoạt thường ngày của con người.

Đối ngược với lối sống này là đời sống của các Tu sĩ. Họ là những con người đang lội ngược dòng đời để phác họa rõ nét hình ảnh của Thầy Giêsu "lương thực của Thầy là làm theo Ý Chúa Cha" (Ga 4,34). Khi khấn vâng phục, người Tu sĩ đã tình nguyện dâng tự do cho Chúa qua các vị đại diện, qua luật Dòng hay trong mọi trách vụ họ thi hành. Công Đồng Vatican II định nghĩa họ là "*những người nam, người nữ muốn theo sát Đức Kitô và tỏ lộ rõ ràng hơn sự tự hủy của Ngài... hầu nên giống Ngài, vâng phục cách hoàn hảo hơn*" (LG 42). Tuyên khấn vâng phục, người Tu sĩ còn được khích lệ bởi lời giáo huấn của Đức cố Giáo Hoàng Gioan Phaolô II: *Hỡi anh chị em tu sĩ nam nữ, hãy nhớ rằng vâng phục mà anh chị em cam kết là một cách diễn tả đặc biệt sự nội tâm, cũng như diễn tả dứt khoát sự vâng phục của Chúa Kitô - vâng phục cho đến chết*: "Ta hiến dâng mạng sống Ta và Ta lấy lại. Không ai cất được mạng sống Ta nhưng Ta hiến ban mạng sống Ta" (Ga 10, 17-18).

Nhưng để thực hành đức vâng lời trong xã hội mà tự do đang lên ngôi và cái tôi đang thể hiện thì đó còn là một

thách đố. Vâng lời để thi hành lệnh truyền của Bề Trên hay vâng lời một chị làm đầu ít tuổi, kém tài thì không ít lần người Tu gặp khó khăn, đau khổ: có khi là sự nghiêm khắc, áp đặt của Bề Trên hay cái oai của chị làm đầu. Do vậy người Tu sĩ trở nên khép kín, luôn bị dồn nén, họ buộc vâng phục mà không dám cởi mở để nói lên điều thao thức, ý kiến đóng góp của họ.

Bên cạnh đó người Tu sĩ còn gặp nhiều khó khăn khi phải đối diện về quan điểm giữa xưa và nay: người trẻ hôm nay dễ nhạy cảm trước những vấn đề của thời đại; họ mau chán những gì bình thường, tẻ nhạt, thiếu sức sống, không hấp dẫn... thích đặt vấn đề, tìm tòi, canh tân, sáng tạo và những gì độc đáo; thích dùng ngôn ngữ biểu tượng, văn hoa bóng bảy, nên họ rất dễ bị lôi cuốn bởi những cái mới, cái hay, cái lạ. Người trẻ còn thích tự lập, khát khao tự do và tìm được tôn trọng, lắng nghe, được thể hiện hết mình trong công việc. Họ cũng rất chú trọng đến học hành và phát triển tài năng. Não trạng này đã ảnh hưởng nhiều đến các Tu sĩ: Luật Dòng được ví như lan can để bảo vệ đời sống của người Tu sĩ, thì không ít lần đã trở nên vật cản, một khuôn khổ gò bó như: ăn đúng giờ, ngủ đúng lúc, đi đến nơi về đến chốn, rập theo một chương trình cơm – kinh - kẻng.

Nhiều khi vâng phục còn đòi hỏi người Tu sĩ từ bỏ những cái mình được cho, được nhận, được biếu để nộp lại cho Hội Dòng. Vịn đến lý do hơn thiệt, thiệt hơn giữa luật Dòng này với Dòng kia, giữa tu và không tu, mà không ít lần người Tu sĩ tự chuẩn cho mình thôi giữ những điều luật nhỏ vì cho rằng điều đó cổ hủ, lỗi thời và không còn phù hợp với thời @.

2. Tương Tác Giữa Ba Lời Khấn Thanh khiết - khó nghèo – vâng phục.

Dường như xã hội hôm nay đang đặt người Tu sĩ trước sự lựa chọn trong thế dằng co giữa con người và cuộc sống,

để quyết định sống cuộc đời thánh hiến "một ngày là Tu sĩ sẽ là Tu sĩ mãi mãi" nhưng vẫn còn đó con người trần tục bên cạnh con người thiêng liêng. Tuy nhiên người Tu sĩ không xin cho được thôi giữ một trong ba lời khấn vì đó là bộ ba có mối tương quan chặt chẽ và bổ túc cho nhau. Lời khấn thanh khiết mở rộng con tim cho đến chiều kích con tim của Đức Kitô và làm cho nó có thể yêu mến như Người đã yêu. Lời khấn khó nghèo giải thoát ta khỏi nô lệ các sự vật và các nhu cầu giả tạo đang lôi cuốn xã hội tiêu dùng và dẫn ta tới việc tái khám phá Đức Kitô, kho tàng duy nhất đáng để ta tìm kiếm. Lời khấn vâng phục đặt cuộc sống hoàn toàn trong bàn tay Đức Kitô ngõ hầu Người có thể sử dụng theo kế hoạch của Thiên Chúa và biến nó trở nên một tuyệt tác. Vâng, sống và giữ ba lời khấn giúp người Tu sĩ nên giống Chúa Kitô, được tháp nhập và được kết hợp với Chúa Kitô trong Mầu Nhiệm Tử nạn và Phục sinh. Người Tu sĩ được ví như "năm cô trinh nữ khôn ngoan, đèn dầu luôn cháy sáng", họ phản chiếu tình yêu Chúa cho tha nhân giữa một thế giới đang thiếu bóng tình yêu, họ là người môn đệ ưu tuyển của Thầy Giêsu.

II. THANH KHIẾT- THÁCH ĐỐ CỦA THỜI ĐẠI

Sách xưa có tích: một người thợ vẽ nọ được Vua cho mời đến vẽ mấy bức tranh. Vua hỏi: Vẽ gì khó? - Thưa vẽ chó, vẽ ngựa. Vẽ gì dễ? - Thưa vẽ ma, vẽ quỷ.

Sao lại thế? - Thưa bởi chó, ngựa ai cũng đã từng trông từng thấy, nếu vẽ không giống người ta sẽ thấy ngay chỗ bất tài của họa sĩ. Còn ma quỷ xưa nay đã từng ai trông thấy đâu. Nói như La Roche "ái tình giống ma, giống quỷ. Ai ai cũng đều nói đến, nhắc đến nhưng có ai đã từng trông thấy đâu?" Còn thi hào Xuân Diệu quan niệm: yêu là chết trong lòng một ít. Vâng "yêu'' có nhiều mầu sắc, có muôn hình vạn trạng cách thể hiện.

1. Nhìn nhận có khuynh hướng phái tính.

Theo trình thuật sáng tạo thì con người là thụ tạo được Thiên Chúa dựng nên sau cùng, nói đúng hơn con người là chóp đỉnh trong công trình tạo dựng của Thiên Chúa. Con người đầu tiên được dựng nên là Ađam, Thiên Chúa đặt ông vào vườn Eđen để cầy cấy và canh giữ đất đai: "con người đặt tên cho mọi súc vật, mọi chim trời và mọi dã thú, nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá xứng hợp" (St 2,20).

Trình thuật còn kể tiếp: "*Đức Chúa là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người, con người nói: đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi*" (St 2,23). Điều đó khẳng định con người có phái tính: 2 cực âm dương luôn hướng vào nhau, hỗ trợ và bổ túc cho nhau, nói cách khác mọi thân xác đều mang giới tính và bất cứ tương quan nam nữ nào cũng đều có yếu tố phái tính. Vì thế, quà tặng độc thân thánh hiến có thể bị nguy hiểm, bị đe dọa: vì người tu sĩ vẫn không thôi là những con người với trái tim bằng thịt biết yêu và muốn được yêu, bởi phái tính là một yếu tố ăn sâu bên trong hữu thể và đánh dấu toàn diện hữu thể: nó không chỉ ở nơi thân xác mà thấm vào tận sâu thẳm tâm hồn cũng như mọi tiềm năng của con người, nó nổi dậy bất cứ lúc nào khi cơ thể đòi hỏi.

Vi thế, Chúa Giêsu khuyên "*anh em hãy tỉnh thức và cầu nguyện, để khỏi lâm vào cơn cám dỗ, vì tinh thần thì hăng hái nhưng xác thịt lại yếu đuối*" (Mt 26,41). Thánh Phaolô cũng nói: "*có ai trong anh chị em yếu đuối mà tôi không cảm thấy yếu đuối, có ai trong anh chị em sa ngã mà tôi không cảm thấy như thiêu như đốt*'' Người Tu sĩ không chạy chốn phái tính, lại cũng không phản ứng lại bằng nét mặt khó thương hay bằng lời nói cứng cỏi, nhưng cũng không nhào dô. Trái lại, người Tu sĩ được mời gọi sống trong

mối tương quan với tha nhân bằng tình tương thân tương ái vì cùng là con của Cha trên trời.

2. Chọn Lựa Và Thách Đố.

Đứng trước sự phát triển đến chóng mặt của khoa học, kỹ thuật thì không ít người đã băn khoăn lo lắng khi nền đạo đức, luân lý đang bị tục hóa đến mức báo động. Trước đây là cảnh lũy tre làng "tay chắp tay che" mà có lần họa sĩ Nguyễn Cát Tường hô hào trên báo phong hóa: "Ngày xưa các cụ ăn mặc cốt để che khuất thân thể, nên làm ra vẻ bề ngoài lụng thụng còn bây giờ phải mặc sao cho có dáng có điệu được uyển chuyển được thướt tha thêm". Nhận định chung trong tâm lý con người: tiền, tài, tình... luôn mời mọc, quyến rũ, nó làm con người xiêu ngã, té nhào, đây là những "ma lực" chúng buộc con người đứng trước chọn lựa: một là buông thả sống theo xung lực sôi động của bản năng hay thăng hóa những huynh hướng xấu tiềm ẩn trong ta.

Nhiều bạn trẻ ngày nay đang rơi vào vòng xoáy của thời đại hưởng thụ khoái lạc. Từ thời ăn bo bo đến thời hiện đại hóa, từ thế hệ khép kín đến mở rộng, sử dụng tối đa Internét - A còng - Amóc. Một duyên cớ xem như hữu duyên trong mối giao lưu, gặp gỡ dù chẳng quen biết hay gặp mặt một lần. Sự "bình đẳng trên mạng" gây ấn tượng tự tin, tạo ước mơ bay bổng cho người trẻ kết bạn bốn phương. Phía sau những hào nhoáng, quyến rũ đó là cả một vấn đề về luân lý. Có người đã cảnh cáo: "*trong hoạt động dịch vụ văn hóa: Karaôkê, vũ trường, quán bar... không ít cơ sở đã biến thành môi giới cho hoạt động mua dâm, bán dâm, ăn chơi xa hoa*." Không thiếu những bạn trẻ đã nản chí buông xuôi, giải quyết bằng tình dục. Ủy ban dân số gia đình và trẻ em thú nhận: độ tuổi quan hệ tình dục lần đầu tiên ở trẻ em là 14,2 tuổi, trong các trường tiểu học với những "mầm non" cần được chăm sóc, được bảo vệ cũng đã bước vào "thế giới tình dục" của người lớn. Trên thế giới khả năng làm mẹ còn quá sớm, do

quan hệ thiếu lành mạnh mà báo chí, phim ảnh mang lại. Đứng trước thảm cảnh này nhiều người lo âu đặt câu hỏi: liệu chúng ta có bao nhiêu hy vọng vào những thanh niên đang say mê tốc độ vào đêm khuya, tìm tình cảm trong khách sạn. Bên cạnh đó quan hệ "đồng tình luyến ái đang phát triển, lan tràn...

Chỉ một vài nét phác họa đó thôi cũng thấy được đức Thanh khiết – nét thanh cao nơi con người đã bị hoen ố, con người đối nghịch với lương tâm, nhất là giới răn của Chúa "chớ làm sự dâm dục". Vậy trước bối cảnh của Giáo Hội và Xã Hội Việt nam hôm nay, người Tu sĩ đã gặp những khó khăn và thuận lợi gì?

a. Những thuận lợi.

Các phương tiện truyền thông hiện đại đã nâng cao kỹ năng của các Tu sĩ, nhất là trong công tác mục vụ: giúp nắm bắt, cập nhật những thông tin, tài liệu cần thiết cho sứ vụ tông đồ. Đồng thời giúp người Tu sĩ mở rộng con tim đến với mọi người trong niềm mến yêu, cảm thông và chia sẻ. Người Tu sĩ còn có điều kiện và phương tiện tìm hiểu về tâm lý lứa tuổi để giúp cho mình và cho người khác sống tốt ơn gọi. Các phương tiện hiện đại cũng tạo cơ hội để người Tu sĩ học hỏi, phát triển tài năng và đi sâu vào chuyên môn hơn, đồng thời đáp ứng được những đòi hỏi của thời đại để vươn tới chất lượng cao.

Trong lãnh vực đời sống thánh hiến của Giáo Hội, người Tu sĩ còn được nâng đỡ bởi 4 cột trụ [Chúa Giêsu và Phúc Âm, tình huynh đệ cộng đoàn, kiên trì chu toàn sứ vụ] giúp sống và giữ lời khấn tốt hơn: Chúa Giêsu chính là trung tâm, là chủ, là người lãnh đạo, là căn bản cuộc sống của mình. Nhờ sự gắn bó này, người Tu sĩ có khả năng sống một cuộc sống từ bỏ vì Nước Trời cách quyết liệt hơn. Con người không thể kiện toàn chính mình, cứu độ chính mình bởi sức

riêng nên Phúc Âm là cột trụ dẫn đến sự hoán cải của con người đó tận căn của con tim vì đời sống thánh hiến không thể tồn tại nếu không quy chiếu vào Phúc Âm của Chúa Kitô, chính qua Phúc Âm mà chúng ta biết được Chúa Giêsu và sứ vụ của Ngài, chính nhờ Phúc Âm mà chúng ta chiêm ngắm mỗi ngày trong cầu nguyện và phụng vụ, để tương quan của chúng ta với Chúa phục sinh được đào sâu mỗi ngày. Ngoài ra người Tu sĩ còn được nâng đỡ bởi cộng đoàn trong tình "chị ngã em nâng", cùng nhau chu toàn sứ vụ tông đồ khởi đi từ đời sống cầu nguyện như mối liên hệ thường xuyên với Chúa Giêsu là thiết yếu cho cam kết và kiên trì chu toàn sứ vụ của người Tu sĩ.

b. Những khó khăn

Vì người Tu sĩ vẫn không thôi là những con người, vẫn sống trong, sống với và sống cùng Xã hội nên người không tránh hết những khó khăn và nguy hiểm đe dọa đến đời sống thánh hiến, nhất là trong việc sống và giữ lời khấn thanh khiết. Bộ ba tiền - tài – tình được xem như căn bệnh của thời đại mà không ít người cho đó là hạnh phúc nên cố đi tìm dưới mọi hình thức: mê học, ham làm, chịu chơi cũng vì đó. Tình dục lại trở nên nhu cầu trong sinh hoạt của con người: trước kia nam nữ thụ thụ bất thân thì ngày nay nam nữ thụ thụ rất thân, chưa lấy nhau đã dắt nhau về. Đây là một thách đố trong quan hệ nam nữ - nó là một loại vi rút của thời đại mà ai cũng có thể bị lây nhiễm.

Vì vậy, ngày nay phải sống thanh khiết trong một thế giới vô đạo gây tổn thương sự chung thủy hôn nhân cách trầm trọng: trụy lạc, tự do luyến ái đã phô diễn những tệ nạn của nó qua sách báo, phim ảnh. Những nguy hiểm này chắc chắc đã gây ảnh hưởng trên người Tu sĩ, dẫn đến một sự tục hóa bên trong: nhiều khi là ước muốn hay sự mơ tưởng trong trí vì thiếu vắng tình cảm giữa các Tu sĩ trong cộng đoàn hay người Tu sĩ không được chia sẻ, không được cảm thông và

nâng đỡ, họ dễ hướng về một đối tượng khác dưới hình thức là những cuộc gặp gỡ thường xuyên không rõ ràng, không cần thiết hay vì công tác mục vụ, những sinh hoạt đoàn hội mà người Tu sĩ cần gặp gỡ riêng tư với Cha này, Thầy nọ, huynh trưởng này với huynh trưởng kia. Vì vậy mà người nữ tu cần rõ ràng, thành thật hơn với chính mình, với người khác, với chính Chúa, bởi vì sự "hẹn hò ấy" thường được che giấu dưới những cớ hợp pháp và chính đáng, nhưng thực tế đó lại là những nghiêng chiều nguy hiểm của con tim.

Ngoài ra cần quan tâm đến các yếu tố về nơi chốn, thời gian, thời lượng, khoảng cách và phạm vi cần thiết về thể lý cũng như về tâm lý của các cuộc gặp gỡ, vì tình yêu không có tuổi và giới hạn. Rõ ràng trong sự chọn lựa đòi hỏi người Tu sĩ bỏ mình nhiều hơn: chọn sống tinh thần của Chúa mà nói không với thế gian, chọn Chúa hơn chọn làm công việc của Chúa.

3. "Không ai được gắn huy chương khi thất trận"

Đức Giáo Hoàng Bênêdictô XVI ban hành sứ điệp nhân ngày thế giới cầu cho ơn gọi lần thứ 46, năm 2009 với chủ đề "*lòng trung thành vào sự khởi xướng của Thiên Chúa - và sự đáp trả của con người*". Đức Thánh Cha đặt câu hỏi: Ai có thể đi trọn đời sống thánh hiến trong khi chỉ dựa vào sức mạnh của con người? Trước thách đố của thời đại, Đức Thánh Cha còn ân cần nhắn gửi "*các con đừng trở nên nhát đảm trong khi đối diện với những khó khăn và hồ nghi, hãy phó thác cho Thiên Chúa và bước theo Đức Giêsu cách trung thành, các con sẽ là những chứng nhân của niềm tin mà xuất phát từ sự kết hợp thân mật với Người*".

Cũng từ xác tín này mà đã có rất nhiều Vị Thánh và những nhân vật đáng kể được biết đến như: Đức Piô "năm dấu" với câu nói thời danh "Tôi chỉ muốn trở nên một người đang cầu nguyện mà thôi" hay như tông đồ Phêrô - con

người luôn ý thức mình là đầy tớ của Đức Kitô qua việc gặp gỡ Ngài ngay trong chính sứ vụ tông đồ, nơi Thánh Phaolô có một sự thống nhất giữa đời sống thiêng liêng và hoạt động tông đồ. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II và Mẹ Têrêsa trở nên tri âm, tri kỷ với Chúa Giêsu Thánh Thể qua đời sống kết hợp mật thiết với Chúa. Ý thức người tông đồ chỉ là một thừa sai, một dụng cụ và nếu tách rời khỏi nguồn, thì không còn gì nữa: "Không có Ta, các con không thể làm gì được" (Gioan 15,15).

Chúng ta không thể đi theo con đường khó nếu không có một thứ khổ chế đặc biệt, một ý chí cao để chống chọi với nhịp sống sinh động và hấp dẫn, quyến rũ và mời gọi. Bằng đời sống cầu nguyện và kết hợp với Chúa, giúp người Tu sĩ thanh luyện cái nhìn của mình và được tăng cường như Chúa nói: ơn Ta đủ cho ngươi. Xác tín Chúa luôn hiện diện trong cuộc đời chúng ta như là "người canh giữ", như là "bóng mát" của cột mây ban ngày và cột lửa ban đêm để soi đường trong sa mạc, và như là "cánh tay uy quyền" của người bảo vệ. Đức Thánh Cha đương kim nhắn nhủ: "*để sống ơn gọi cách sung mãn và chu toàn sứ mạng của Dòng, chúng ta cần học biết cách thinh lặng và chiêm niệm để lắng nghe chân lý là chính Lời Đức Kitô giữa thế giới ồn ào, náo động ngày nay*".

KẾT LUẬN

Kính thưa Cha giáo, thưa các chị, đó là đôi chút đóng góp của nhóm chúng con. Chúng con cám ơn Cha giáo và quý Chị đã quan tâm theo dõi. Xin Cha giáo và quý chị thêm lời cầu nguyện cho chúng con, để mỗi ngày chúng con biết cố gắng không ngừng đào sâu ơn gọi thánh hiến và sống tốt lời khấn trong thế giới hôm nay.

[6]

NHẬP ĐỀ

Nhìn vào xã hội hôm nay chúng ta có thể thấy khi đã có đủ cơm ăn áo mặc, tiền dư gạo thừa, thì người ta lại đua nhau chạy theo quyền lực và đề cao tự do cá nhân, tự do hưởng thụ; và khi có mọi thứ cần thiết thì người ta lại tự cho mình quyền hưởng thụ tất cả, bất chấp mọi phạm vi luân lý đạo đức. Tình yêu, tình cảm và xác thịt được bày bán, được rao quảng cáo như một món hàng phổ biến có mặt khắp nơi lôi kéo mọi người không phân biệt tuổi tác, chức vị, nghề nghiệp, tôn giáo hay không tôn giáo ....

Khi vấn đề hưởng thụ được đặt lên trên tất cả thì xem ra đời sống người tu sĩ có vẻ lạc lõng, kỳ dị và đi ngược lại với văn hóa của thời đại. Sống giữa nhưng con người với những chuẩn mực đạo đức và hưởng thụ ấy, người Tu sĩ sống ba Lời khấn, nhất là Lời khấn Khiết tịnh quả là một hành trình lội ngược dòng. Vậy, liệu người tu sĩ sống 3 lời khuyên Phúc Âm có còn là một chứng từ sống động và thiết thực, cần thiết cho thế giới hôm nay hay không? Và môi trường, bối cảnh, con người xã hội liệu có làm cản trở đời sống thánh hiến của người Tu sĩ hôm nay chăng?

Để trả lời cho những câu hỏi này, xin Cha Giáo và quý chị cùng tổ 3 chúng con tìm hiểu về lời khấn Khiết tịnh, giá trị của lời khấn trong đời sống, những thuận lợi và những bất lợi cho người tu sĩ trong việc sống Khiết tịnh hôm nay.

NỘI DUNG

1/ Lời khấn Khiết Tịnh?

Vậy sống Khiết Tịnh là gì? Giáo luật số 599 có nói: "*Người tuyên khấn sống khiết tịnh vì Nước Trời là người công khai cam kết tiết dục hoàn toàn trong nếp sống độc thân" (x. GL 599).* Nhìn từ góc độ xã hội, thì đời sống độc thân không được ủng hộ một cách hoàn toàn, vì độc thân không mang giá trị truyền sinh và bảo tồn nòi giống, độc thân là dần đưa xã hội tới chỗ diệt vong. Vì, sự tồn tại của một cộng đồng xã hội phụ thuộc rất nhiều vào sự truyền sinh.

Còn nhìn từ góc độ Kitô Giáo, thì đời sống độc thân luôn được trân trọng. Độc thân có ý nghĩa và giá trị rất lớn bởi vì nó được gắn liền với lý tưởng Phúc Âm, và chính Đức Kitô đã nêu gương cho chúng ta trong nếp sống độc thân hoàn hảo này, Ngài còn mời gọi một cách nhiệm mầu một số người bước theo nếp sống đó. Đồng thời, độc thân vì Nước trời còn đem lại cho con người sự giải thoát, được nếm hưởng trước thực tại trên trời và góp phần trong việc mưu cầu ích lợi thiêng liêng cho các linh hồn.

Ý nghĩa của Lời khấn Khiết tịnh trong cuộc sống:

Lời khấn Khiết tịnh giúp người tu sỹ củng cố và kiện toàn đức bác ái – nhân đức vượt lên trên mọi nhân đức khác (GLCG số 1826). Thiên Chúa mời gọi tất cả mọi người sống đức ái; nhưng sự trọn hảo của đức ái chỉ dành cho những ai tự nguyện dấn thân trong đời sống thánh hiến qua việc thực hành các nhân đức khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục vì Nước trời.

Lời khấn Khiết Tịnh mang nhiều ý nghĩa quý giá: Trước hết, sống khiết tịnh giúp người tu sỹ dấn thân trọn vẹn trong sứ vụ Dòng và Giáo hội trao phó. Với lời khấn khiết

tịnh, người Tu sĩ trở nên chứng tá cho mối tình duy nhất, mối tình không chia sẻ mà Hội Thánh dành cho Đức Ki-tô - Vị Lang Quân của mình (2 Cr 11,2). Sống khiết tịnh còn giúp người Tu sĩ kết hợp thâm sâu với Đức Ki-tô, yêu như Chúa đã yêu, một tình yêu đại đồng, một tình yêu quảng đại không bị bó hẹp ở tình yêu chiếm hữu, tình yêu dành trọn cho một người nào đó, hay một vài người nào đó, nhưng là yêu tất cả.

Đức Khiết tịnh là một quà tặng Thiên Chúa trao ban cho những tâm hồn thiện chí thao thức tìm kiếm. Lòng khao khát sống Khiết tịnh trong tình yêu của Đức Ki-tô giúp người Tu sĩ lướt thắng được những khuynh hướng làm Mẹ, một thiên chức được phú bẩm nơi người phụ nữ, để vươn tới một niềm vui cao đẹp hơn trong việc sinh ra cho Giáo hội những người con tinh thần, những người con của Nước Trời.

2/ Tương quan Lời khấn Khiết Tịnh với lời khấn Vâng phục và Khó Nghèo.

Các lời khấn là những ràng buộc tự nguyện của người tu sĩ. Những ràng buộc này đòi hỏi ta vượt lên trên các khuynh hướng tự nhiên của con người là danh vọng, giầu sang, quyền thế. Tương ứng với 3 khuynh hướng tự nhiên rất căn bản THAM – SÂN – SI của con người là Ba Lời khuyên Phúc Âm mà Đức Kitô đã sống và đã mời gọi chúng ta sống để đạt tới hạnh phúc đích thực. Nếu bộ ba THAM – SÂN – SI luôn gắn kề với nhau, thì Ba lời khấn Khó Nghèo – Vâng Phục – Khiết Tịnh cũng luôn có tương quan chặt chẽ với nhau và tiêu diệt 3 khuynh hướng tự nhiên ấy, lời khấn này sẽ giúp cho lời khấn kia được thực hiện một cách hoàn hảo. Người tu sĩ giữ tốt một lời khấn thì cũng sẽ kiện toàn 2 lời khấn còn lại. Ngược lại, nếu vi phạm hay sống không tốt một lời khấn nào đó thì cũng sẽ dẫn đến với tình trạng bê trễ 2 lời khấn còn lại.

Lời khấn Vâng phục đòi người tu sĩ sống tùy thuộc, mềm mại để Chúa dẫn đi qua trung gian Bề trên, qua người phụ trách. Để vâng phục, có lúc phải hy sinh ước muốn và phán đoán riêng tư của mình. Lời khấn Khiết Tịnh đụng chạm đến khuynh hướng tự nhiên của thân xác và những thèm muốn tự nhiên về mặt tâm lý tình cảm: muốn yêu một người và muốn được yêu lại, để cùng nhau xây dựng một mái ấm gia đình. Lời khấn Khó nghèo đòi người tu sĩ trở nên tay trắng, không dành lấy gì làm của riêng cho mình, không sử dụng điều gì, vật gì, hay người nào như một ông chủ.

Lời khấn Vâng phục giúp người Tu sĩ sống tốt hơn lời khấn Khiết Tịnh: vì sống vâng phục, người Tu sĩ sẽ không đặt ước muốn của mình lên trên, nhưng luôn chọn Thánh Ý Chúa, chọn ý của Bề trên. Nhờ đó, người tu sĩ tránh được nhiều dịp làm họ bị lôi kéo lỗi Đức Khiết Tịnh, bởi lẽ ý kiến của người ngoài cuộc thì luôn khách quan, luôn sáng suốt hơn người trong cuộc, nhất là ý kiến của Bề trên - người đang có trách nhiệm về ơn gọi của ta trước mặt Thiên Chúa thì càng có những quyết định khôn ngoan sáng suốt hơn.

Lời khấn Khó Nghèo đòi người tu sĩ thanh thoát với tiền của, với những khuynh hướng làm chủ vật chất – đây là một trong những phương thế giúp ta sống Thanh Khiết. Khi con người ta càng làm chủ nhiều tiền của, dư thừa vật chất, với đầy đủ tiện nghi, thì dễ nảy sinh khuynh hướng thích sở hữu, sở hữu vật chất, sở hữu tình cảm, sở hữu cả con người; đồng thời dễ dàng nảy sinh khuynh hướng hưởng thụ, nhu cầu thỏa mãn những tình cảm tự nhiên. Khi không biết tiết chế về tiền bạc, thì con người cũng thật khó có thể tiết chế trong tính dục. Nhất là, khi chưa đủ trưởng thành trong việc sử dụng tiền bạc, sử dụng các phương tiện truyền thông, kèm theo chưa đủ trưởng thành trong việc giữ lời khấn Khó Nghèo, thì quả là khoảng cách rất mong manh dẫn ta đến với những nguy cơ gây hại đến đời sống Khiết Tịnh.

Như vậy, để giữ lời khấn Khiết Tịnh thì phương thế cần thiết là sống tốt hai lời khấn Khó Nghèo và Vâng Phục, bởi lẽ hai lời khấn này có thể được sánh ví như khiên thuẫn che chắn người tu sĩ khỏi những cám dỗ, những nguy cơ cản trở cho lời khấn Khiết Tịnh.

3/ Những thuận lợi cho đời sống Khiết Tịnh

Đời sống cộng đoàn Dòng tu:

Cộng đoàn là cái nôi nuôi dưỡng và phát triển tình huynh đệ giữa các tu sĩ với nhau. Nơi cộng đoàn, người tu sĩ tìm kiếm được tình yêu thương chân thành và cũng là nơi họ được trao ban, chia sẻ tình yêu của mình với người khác. Có một câu hỏi được đặt ra: con người chỉ có gì? Và con người chỉ cần gì? Thì thật thú vị, một câu trả lời luôn có sẵn trong mỗi người nhưng nhiều người lại ít khi nghĩ tới, bởi nó thật hiển nhiên là con người chỉ có tình yêu và con người cũng chỉ cần tình yêu mà thôi. Do vậy, người tu sĩ cần tạo cho mình và chị em có một đời sống huynh đệ lành mạnh, để phát triển tình yêu thanh khiết giữa chị em với nhau, biết thông cảm chấp nhận và luôn biết nâng đỡ nhau bằng một tình yêu chân thành. Có như vậy, cộng đoàn dòng tu mới thực sự là cộng đoàn của tình yêu, cộng đoàn của những người theo Đức Kitô.

Bên cạnh đó, đời sống cộng đoàn còn giúp chị em tránh được những tình cảm bất chính và cùng giúp nhau vượt qua những khủng hoảng của tình cảm, giúp nhau dùng những phương thế thiêng liêng để khước từ những gì nguy hại tới đức Khiết Tịnh. Cũng chính trong môi trường đào luyện đời sống cộng đoàn, người tu sĩ được trang bị hành trang cần thiết để chống lại các nguy hại đến lời khấn, giúp họ trưởng thành trong việc sống lời khấn. Một người Tu sĩ trưởng thành sống khiết tịnh là người biết dùng những phương thế có lợi cho sức khỏe thể lý cũng như tâm lý, biết khổ chế giác quan tình cảm, sống đoan trang khiêm nhường

theo mẫu gương Đức Maria, luôn biết duy trì thái độ vui tươi và lòng biết ơn mà Thiên Chúa đã dành cho họ nhờ tình yêu đó, Đức Kitô đã nhìn đến và chọn gọi họ, vì thế mỗi người tu sĩ cần phải mang niềm vui tươi đến với chị em, tạo bầu khí tình yêu huynh đệ trong Đức Kitô ngay trong đời sống cộng đoàn.

Đời sống cầu nguyện:

Đức Khiết tịnh là ân huệ cao cả Chúa ban giúp giải thoát con người để yêu mến Chúa và tha nhân hơn, đó cũng là dấu chỉ của kho tàng trên trời, là phương tiện thích hợp nhất cho việc hiến thân phụng sự Chúa và làm việc tông đồ. Tuy nhiên để đạt được điều đó, người Tu sĩ cần phải phát triển tình yêu thân mật với Đức Kitô qua việc chuyên cần học hỏi Lời Chúa, thường xuyên lãnh các Bí tích. Đời sống cầu nguyện, đời sống kết hợp thâm sâu với Chúa Giê-su sẽ giúp ta kín múc được sức mạnh thiêng liêng để lướt thắng tất cả trong tình yêu của Đức Kitô. Một khi đã cảm nếm được tình yêu của Đức Kitô một cách đích thực, thì chúng ta chẳng cần đến một tình yêu nào khác, nơi lòng người khó dò và dễ đổi thay.

Kỷ luật tu trì:

Nói đến bối cảnh thuận lợi cho người sống Thanh Khiết không thể không nói đến bầu khí kỷ luật Tu trì của các Dòng tu. Đây là một phương thế hữu hiệu bảo vệ người tu sĩ trước những mưu mô, những cám dỗ của xác thịt và thế gian. Kỷ luật của các Hội dòng thường giúp người tu sĩ sống tốt các lời khấn của mình, nhất là lời khấn Khiết Tịnh, như: luật "Thiên Thần", luật sống chung, luật Nội vi, kỷ luật giờ giấc, quy định không nhận Bố Mẹ đỡ đầu, kết nghĩa, anh em thiêng liêng, kỷ luật trong các tương quan với người khác phái, và kỷ luật sử dụng các phương tiện truyền thông trong việc giao tiếp với những người có thể gây trở ngại cho việc giữ lời khấn khiết tịnh … Vì vậy, để sống tốt lời khấn Khiết

Tịnh người tu sĩ cần phải trân quý và yêu mến kỷ luật của Dòng như chiếc áo che chắn bảo vệ mình.

Bầu khí của Giáo hội:

Giáo hội luôn trân quý bậc sống của những người thánh hiến và luôn quan tâm đến những thách đố mà người thánh hiến gặp phải trong mọi bối cảnh. Gần đây Giáo hội đã ra một loạt các văn kiện chú trọng đến việc huấn luyện tâm lý các chủng sinh và tu sĩ, nhằm lưu ý đến sự đào luyện các tu sĩ trưởng thành về tình cảm tính dục, về sự khiết tịnh trong bậc sống. Đồng thời tại các Giáo hội địa phương, các Tu sĩ được đào tạo về Tu đức rèn luyện các Tu sĩ sống tốt mối thân tình với Chúa và trưởng thành trong các tương quan nhất là tương quan với người khác phái….

Với những giáo huấn, những đường hướng đào tạo của Giáo hội, và với mẫu gương sống động của Mẹ Maria và các Thánh đồng trinh, các Tu sĩ được nâng đỡ về tinh thần, được củng cố về hiểu biết, và có thêm kinh nghiệm ứng phó trước những thách đố về nếp sống Thanh Khiết. Đây quả là một bầu khí thật thuận tiện cho người Tu sĩ được gia tăng lòng nhiệt huyết trong đời sống thanh khiết.

4/ Những bất lợi cho đời sống Khiết tịnh

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi ấy, cũng không hiếm những điều kiện, hoàn cảnh và môi trường gây nhiều trở ngại cho người Tu sĩ trong việc sống lời khấn Thanh khiết, là lời khấn được xem là khó giữ, bởi vì đã là người thì ai cũng mang trong mình nhu cầu yêu và được yêu. Người Tu sĩ không nằm ngoài quy luật đó, họ cũng cần được yêu thương, tình yêu của người Tu sĩ được nuôi dưỡng được ấp ủ, được phát triển trong tình yêu của Đức Ki-tô và được cụ thể hóa nơi đời sống cộng đoàn. Thế nhưng, khi họ không cảm nghiệm được tình yêu nơi Đức Kitô và họ cũng không tìm thấy tình yêu nơi cộng đoàn thì họ sẽ tức khắc phải đi tìm

kiếm tình yêu cho mình trong các tương quan khác bên ngoài cộng đoàn. Vì vậy, có thể nói nguyên nhân trước tiên cho việc ngăn trở lối sống Khiết tịnh của người Tu sĩ cũng chính là bầu khí của cộng đoàn.

a/ Bầu khí cộng đoàn

Sở dĩ, nhiều người tìm đến với đời sống thánh hiến bởi vì họ xác định rằng cộng đoàn dòng tu này sẽ mang đến cho họ hạnh phúc. Hạnh phúc trong cộng đoàn chính là mô phỏng trước hạnh phúc được hứa ban ở đời sau. Chính Đức Giê-su đã nói: *"cứ dấu này, người ta sẽ nhận biết anh em là môn đệ Thầy, là anh em hãy yêu thương nhau, như Thầy đã yêu thương anh em".* Như vậy, khi người tu sĩ trong hành trình tìm kiếm hạnh phúc và vươn tới hạnh phúc, mà họ không tìm thấy hạnh phúc nơi cộng đoàn mình đang sống, trái lại họ chỉ tìm thấy những ganh ghét, những cạnh khóe cay nghiệt, những thiên tư tây vị, những vùi dập, những bới lông tìm vết… thì chắc chắn họ sẽ phải tìm kiếm hạnh phúc ở một nơi nào đó ngoài cộng đoàn.

Nơi đó có thể là trong tương quan với bạn cùng giới ở bên ngoài, nhưng trầm trọng hơn khi họ tìm kiếm sự đồng cảm, tình yêu nơi những người khác phái, lúc đó tình yêu họ tìm kiếm sẽ không chỉ đơn thuần dừng lại ở một tình yêu thánh thiện như các Thánh. Nhiều người cho rằng tôi yêu cha nọ, thầy kia đó là một tình yêu thánh thiện, tình yêu của Thánh Phanxico và Clara. Vâng, nếu chúng ta yêu được một tình yêu thánh thiện thì đó quả là một tình yêu thánh, một tình yêu cần thiết cho đời tu của chúng ta, những con người luôn hướng tới sự thánh thiện. Tuy nhiên, cám dỗ của Đức Khiết Tịnh cũng nằm ở chỗ đó, không có cám dỗ nào lại mời gọi bạn hãy bước vào cám dỗ, vào chỗ chết, nhưng cám dỗ luôn được mặc bên ngoài một lớp áo thánh thiện, có như vậy nó mới có thể lôi kéo được chúng ta sa ngã. Vì vậy, chúng ta

hãy coi chừng và cảnh giác những tình cảm mà tưởng chừng như thánh thiện ấy trong tương quan nam nữ.

Và một nguyên nhân khá phổ biến nữa đó là do một số Hội Dòng chưa có thể lo được cho chị em về chi tiêu sinh hoạt thường ngày, dẫn đến tình trạng mặc dù luật dòng cấm không cho nhận Cha đỡ đầu nhưng một số chị em vẫn lén lút nhận. Từ việc ban đầu nhận sự giúp đỡ về kinh tế, nhưng đáp lại nhiều khi chị em phải đền trả bằng tình cảm … và có thể làm mất cả đời tu.

b/ Môi trường xã hội, với những tiến bộ khoa học

Sống trong thời đại của công nghệ hóa, với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật không ngừng phát triển, người Tu sĩ không khỏi không bị ảnh hưởng. Tất cả các phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại: Sách báo, phim ảnh, internet, máy vi tính, TV kỹ thuật số, cell phone …. đều là những dụng cụ tốt cho người biết sử dụng, nhưng chúng cũng có thể là những đường dẫn "hữu hiệu" đưa tinh thần thế tục vào đời tu, cản trở việc sống các lời khấn, hủy hoại đời sống chung cũng như đời sống cầu nguyện. Câu hỏi được đặt ra: Làm sao người tu sĩ trẻ tự biết trưởng thành trong việc chọn lựa phim ảnh, âm nhạc thích hợp với đời tu của mình và biết thưởng thức chúng với tinh thần phê phán? Làm sao để những quyến rũ được nhiều người trẻ ngoài xã hội, như tình dục và bạo lực, lại không có thể cuốn hút, mê hoặc được người tu sĩ trẻ? Làm sao để người tu sĩ có khả năng từ chối, quay đi, xa tránh những cám dỗ nguy hiểm, mà không do sợ hãi, ép buộc, và sau đó cũng không thấy mình bị dồn nén hay tiếc nuối? Trong việc huấn luyện và được huấn luyện, không ai muốn tạo lên một môi trường tu trì với bầu khí bưng bít. Thế nhưng, vấn đề được đặt ra là làm gì đây khi bầu khí mở nhưng vẫn không làm cho người tu sĩ bị đánh mất căn tính của mình. Chắc hẳn sự mở ra phải song song với sự trưởng thành của từng cá nhân.

c/ Quan điểm của con người về tính dục.

Người tu sĩ trẻ, trước khi vào Dòng, lúc còn là dự tu, đã chịu ảnh hưởng của gia đình, của học đường, của xã hội mình sống. Có nhiều giá trị tích cực, nhưng cũng không thiếu những điều tiêu cực ảnh hưởng trên lối suy nghĩ, lối sống, trên bậc thang giá trị của mỗi người. Lối sống tiêu thụ và hưởng thụ của con người hôm nay làm cho việc tuân giữ kỷ luật, hy sinh từ bỏ, khổ chế giác quan, trở nên khó chịu và nặng nề; thái độ đề cao tự do cá nhân quá đáng dẫn đến cá nhân chủ nghĩa và óc vụ lợi; tinh thần thế tục khiến cảm thức về những giá trị thánh thiêng trở nên khó khăn. Chính vì vậy, thật khó cho người tu sĩ tự do trưởng thành trong lời khấn họ đã tự do lựa chọn.

Bên cạnh đó, trong môi trường học hành, nhất là các môi trường Đại học, nơi mà người tu sĩ luôn gặp phải những phản đối, những ngạc nhiên thậm chí những quan điểm cho là lạc hậu là có vấn đề từ phía bạn bè, từ phía thầy cô về lựa chọn sống không lập gia đình. Họ cho rằng cuộc sống đời này chẳng được bao lâu, mà phải tự mình giam hãm trong điều thuộc về bản năng, cứ hưởng thụ đi, cứ yêu đi cho cuộc sống bớt buồn. Quả thât, đối với con người chạy đua trong vòng xoáy của cuộc đời, thì chỉ trong những giây phút hưởng thụ ngắn ngủi ấy mới đem lại cho họ những khoảnh khắc hạnh phúc mong manh. Thế nhưng, cũng chính những tư tưởng ấy, những cách sống buông thả ấy lại có ảnh hưởng không nhỏ đến chuẩn mực về nếp sống lời khấn Khiết Tịnh của người tu sĩ trẻ ngày nay. Và cũng không ít tu sĩ trẻ mạo hiểm cho rằng: cứ yêu đi, có cảm nhận được tình yêu nam nữ là gì thì mới có thể yêu được tình yêu với Đức Kitô Đấng mình chẳng bao giờ nhìn thấy. Phải chăng đây cũng là một cám dỗ, và là một mạo hiểm của người tu sĩ với lời khấn khiết tịnh.

d/ Thiếu trưởng thành về tâm lý tính dục

Nhiều người cho rằng Lời khấn Khiết tịnh là lời khấn khó giữ nhất, vì xu hướng tính dục ngày càng phổ biến trong xã hội, vì đó là nhu cầu của con người là được chăm sóc và được yêu thương, vì sự cô đơn trong cuộc sống, vì tính dục là bản năng của con người. Nhưng có lẽ, nguyên nhân sâu xa vì không biết cách giải quyết các cảm xúc và các mối quan hệ với người khác phái – vì chưa trưởng thành về mặt tâm lý tính dục, tâm lý tình cảm. Khi chưa đủ trưởng thành, người ta cũng không đủ khả năng để biện phân đâu là tình cảm chân chính, đâu là tình cảm cần phải loại bỏ. Khi không biện phân được thì cũng là lúc dẫn người Tu sĩ đến lựa chọn, đến lối sống sai lạc.

e/ Thiếu đời sống nội tâm

Trong tất cả những thách đố, những nguyên nhân dễ làm cho người tu sĩ khó sống khiết tịnh, thì có thể nói nguyên nhân chính là người tu sĩ đó còn thiếu đời sống nội tâm. Sống đời thánh hiến là gắn bó chặt chẽ với Đức Kitô, chọn Đức Kitô là bạn trăm năm và chúng ta là Hiền thê của Ngài, phải chung thủy tín trung với Ngài. Thế nhưng, nhiều khi người tu sĩ lại chưa cảm thức rõ được căn tính ấy, chưa thực sự kết hợp mật thiết với Người, chưa thực sự gặp gỡ và trao đổi với Ngài, nên thường hay đi tìm sự trao đổi, sự gỡ rối ở một nơi nào khác không phải nơi Chúa Giê-su Thánh Thể. Khi không tìm được sự bàn hỏi nơi Thiên Chúa, thì với nhu cầu tự nhiên của con người, chúng ta sẽ dễ dàng có khuynh hướng ra ngoài, và chính khi không có được sự gặp gỡ thân mật với Chúa Giê-su là lúc dễ làm chúng ta bị lầm đường, dễ nuông chiều theo bản tính xác thịt tự nhiên…. Và cứ như vậy, thì thật khó để ta sống Lời khấn Khiết Tịnh một cách trọn hảo. Theo các nhà Tu đức, một trong những phương thế quan trọng nhất để người Tu sĩ sống tốt lời khấn khiết Tịnh là kết hợp mật thiết với Chúa Giê su Thánh Thể, là siêng năng đến với Ngài trong các Bí tích, trong các cử hành phụng vụ của

Hội Thánh, trong kỷ luật dòng và nhất là siêng năng tham dự Thánh Lễ và rước Mình Thánh Chúa.

KẾT LUẬN

Sống trong một xã hội với muôn vàn những thách đố, những lôi cuốn như xã hội ngày hôm nay, người Tu sĩ, nhất là người tu sĩ trẻ phải đối mặt với rất nhiều những khó khăn cần phải trải qua trong nếp sống Khiết tịnh. Vì vậy, vấn đề được đặt ra là chúng ta - người tu sĩ cần được huấn luyện và tự huấn luyện đủ trưởng thành, đủ bản lãnh, nhờ đó có thể đứng vững một mình trước bất cứ phong ba nào của thời cuộc mà không lo sợ và bối rối.

Trong hành trình ơn gọi của mỗi người, những vấp ngã có thể xảy đến, nhưng chúng ta không nên cầu toàn. Điều quan trọng là biết đứng dậy từ những vấp ngã đó và rút ra cho mình cũng như cho người khác bài học. Đặc biệt về phía người Tu sĩ trẻ chúng ta phải tự đào luyện mình trưởng thành và quân bình trong tâm lý tình cảm … Chính sự thiếu hiểu biết hay hiểu sai về căn tính của việc sống đức Thanh khiết là nguyên nhân dễ dẫn ta đến với những sai lầm: không những sai lầm trong việc sống Lời khấn Thanh khiết, mà còn sai lầm trong nếp sống tương quan tình bạn, tình huynh đệ trong cộng đoàn.

Chúng ta cũng cần phải ý thức được rằng: thực hành đức Thanh khiết, không chỉ dừng lại ở chỗ đề phòng các cơn cám dỗ, cũng không phải là tiêu diệt, là bóp nghẹt mọi thứ tình cảm đang chỗi dậy trong chúng ta, nhưng phải là tiến tới một tình yêu trao hiến. Lý tưởng người thánh hiến đạt tới phải trở nên chứng nhân cho tình yêu của Đức Kitô cho nhân loại, chứ không phải là những người ủ rũ thất tình, hoặc dồn nén gắt gỏng hoặc tìm những bù trừ bồi đắp.

Cầu mong các tu sĩ trẻ chúng ta, những người đang được đào tạo hãy cùng nhau chung tay xây đắp lên một môi trường cộng đoàn chan chứa tình yêu thương, nơi mà mọi người có thể tìm thấy tình yêu của Đức Kitô, nơi mà mọi người có thể cảm thông chia sẻ, nơi mà mọi người có thể cùng nhau giải gỡ những mối tơ vò – có như vậy, đời tu mới thực sự có ý nghĩa và lý tưởng sống Thanh khiết của chúng ta mới thực sự nở hoa và kết trái.

[7]

NHẬP ĐỀ

Tình yêu thánh hiến không phải là cái gì mơ hồ hoặc thoáng qua. Đó là một giao ước tình yêu. Vì yêu thương, Thiên Chúa đã tuyển chọn một người, dành riêng người đó ra để thi hành một sứ mệnh. Một khi nhận thức ra tình yêu đặc biệt ấy, con người đáp lại tiếng gọi với một tình yêu tuyệt đối không chia sẻ. Tình yêu thánh hiến được diễn tả qua một ý chí dâng trót mình, một cách vĩnh viễn, qua việc tuyên giữ các lời khuyên Phúc âm: Khiết tịnh, Khó nghèo và Vâng phục. Việc tuyên giữ ấy biểu lộ ý chí muốn theo gương Đức Kitô trong việc vâng phục Chúa Cha và dâng mình làm hy lễ để thánh hóa nhân loại. Đây là lối sống diễn tả tình yêu trao hiến toàn thân cho Thiên Chúa và nhân loại.

NỘI DUNG

1. Mối liên hệ giữa 3 lời khấn Khiết tịnh - Khó nghèo - Vâng Phục:

Đời tu là đời dâng hiến, dâng mình cho Chúa để phụng sự Ngài và đồng thời phục vụ sứ mệnh của Giáo hội (*Lumen*

Gentium chương VI số 44). Căn cước của đời sống dâng hiến được hình thành bởi việc tuân giữ ba lời khấn. Chính nhờ việc tuyên giữ ba lời khấn, người tu sĩ đã biến đổi căn cước của mình để được *"trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô".* Chính Chúa Kitô là động lực làm nẩy sinh đời sống thánh hiến. Do đó đời sống tu trì mang dấu vết thần linh, hoán cải con người mang đầy tham sân si, đang làm nô lệ cho những đam mê hư hèn, để trở thành con người mới, con người được giải thoát khỏi sự kiềm chế của dục vọng xác thịt, hoàn toàn nên giống Đức Kitô: vâng phục, khiết tịnh và khó nghèo. Khi sống "vâng phục, không có của riêng và khiết tịnh", những người tận hiến tuyên xưng rằng Đức Giêsu là Mẫu Mực, nơi Người mọi nhân đức đạt tới mức hoàn hảo. Thực vậy, lối sống khiết tịnh, nghèo khó và vâng phục của Người xuất hiện như một cách sống Tin Mừng triệt để nhất trên trái đất này.

Ba lời khấn Khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục đi song hành với nhau như kiềng 3 chân, không thể có lời khấn này mà thiếu lời khấn kia được. Lời khấn khiết tịnh của người tu sĩ không chỉ mang ý nghĩa hạn hẹp qua những phương cách bảo vệ sự trinh khiết của mình, để dâng hiến sự trinh khiết đó lên cho Thiên Chúa. Hiểu như vậy là chúng ta giới hạn quyền năng của Thiên Chúa. Thiên Chúa không giàu sang hơn hay nghèo kém hơn dựa trên sự trinh khiết của mỗi con người. Sống khiết tịnh đòi hỏi chúng ta phải bước xa hơn một bước nữa trong sự dứt khoát với tất cả mọi tạo vật để chỉ chọn một mình Chúa là đối tượng duy nhất và dành tất cả nghị lực trong cuộc đời để phục vụ Chúa qua tha nhân. Tình yêu khiết tịnh của chúng ta không dừng lại nơi tình cảm ướt át, xem Chúa Kitô như người tình riêng của mình, nhưng hệ tại ở tình yêu trung thành với sứ mạng được ủy thác và tình yêu thao thức trước những bất toàn, những nỗi thống khổ của nhân loại đến từ những bất công con người dành cho con người.

Để đạt được tình yêu này, chúng ta không có cách nào khác hơn là tìm những phương thế để có được sự mật thiết với Chúa Kitô qua đời sống cầu nguyện. Nói cách khác, sống khiết tịnh là sống đời cầu nguyện, luôn hướng về Thiên Chúa là trung tâm điểm của mọi suy tư, mọi sinh hoạt trong cuộc đời. Con tim tự do hạnh phúc để yêu thương là con tìm hiền lành và trinh khiết. Chỉ có con tim thuộc trọn về Chúa mới cảm nhận được hạnh phúc tình yêu đích thực, mới hiểu được giá trị sâu xa của tình thương Thiên Chúa dành cho con người.

Lời khấn khiết tịnh mang một tầm vóc đặc biệt bởi một đàng đó là lời khấn duy nhất mang nội dung bất di dịch cho mọi hình thức thánh hiến tu trì qua mọi thời đại, và đàng khác, đó cũng là lời khấn, với nghĩa vụ độc thân kèm theo, có tính chất "lời khuyên Phúc Âm" nhất theo nghĩa chặt của ngôn từ. Có lẽ cũng chính vì thế mà thay vì sắp xếp theo trình tự cổ điển (khó nghèo, khiết tịnh, vâng phục), các văn kiện Công đồng đã đặt lời khấn này lên trước, bởi đó là lời khuyên được Chúa Giêsu kêu mời rõ ràng nhất (x. Mt 19,12), được thánh Phaolô nhấn mạnh nhất (1 Cr 7, 32-35), được nhìn nhận và tuân giữ như một hình thức của cuộc sống tận hiến sớm nhất (x. Cv 21,9). Công đồng khẳng định lời khấn khiết tịnh là "ân huệ nổi bật" làm nguồn mạch và dấu chỉ sự thánh thiện của Giáo Hội, là "dấu chỉ và động lực của đức ái" (x. GH 42), là "dấu chỉ đặc biệt của kho tàng trên trời", là dấu chỉ sáng chói của giao ước mới và hôn nhân mầu nhiệm giữa Chúa Kitô và Giáo Hội (DT 12).

Như vậy, việc sống lời khấn khiết tịnh làm nên chứng tá về tình yêu thuần khiết vô biên, vô điều kiện, vô vị lợi mà Thiên Chúa dành cho con người, một tình yêu con người cần đáp trả và cần thể hiện đối với nhau. "Khiết tịnh tận hiến nhắc lại cuộc duyên tình (giữa Chúa Kitô và Giáo Hội) một cách trực tiếp hơn và làm cho mối tình ấy vươn đến một cao độ

mà lẽ ra mọi tình yêu nhân loại phải gắng đạt tới... Khiết tịnh chứng tỏ tình yêu Thiên Chúa được đề cao hơn hết...” Quả thực, lời khấn khiết tịnh mở rộng con tim người thánh hiến, giúp họ “đạt đến chiều kích của con tim Đức Kitô và làm cho nó có thể yêu mến như Người đã yêu” (XPL 22).

Trong đêm tối của “văn hoá hưởng thụ” vốn đang tháo thứ những quy luật đạo đức khách quan về tính dục, thì việc vui vẻ thực hành đức khiết tịnh hoàn hảo loé sáng lên như một “chứng tá về quyền năng của Thiên Chúa trong sự mỏng dòn của mong manh phận người”. Đây chính là một trong “những chứng tá cần thiết cho hôm nay hơn bao giờ hết” để minh chứng sức mạnh phi thường của tình yêu Thiên Chúa và đáp ứng nhu cầu thèm khát sự trong sáng ngày càng tăng trong mối quan hệ giữa người với người (x. DSTH 88).

Đời sống thánh hiến, một mặt đòi chúng ta phải khước từ tình cảm phái tính, một mặt đòi chúng ta phải khước từ những sở hữu vật chất bên ngoài, để theo gương Đức Giêsu trong tinh thần hy sinh qua lời khấn khó nghèo. Thiên Chúa không bao giờ muốn chúng ta nghèo. Trái lại, Người luôn muốn cho chúng ta được phong phú: "*Tôi đến để cho chiên được sống và sống dồi dào*" (Jn 10,10). Muốn sống dồi dào, thì tại sao Đức Giêsu lại chọn sinh ra trong một gia đình nghèo khó, chọn một cuộc sống lữ thứ thiếu thốn và đón nhận cái chết tủi nhục trần truồng trên cây thập giá? Hơn ai hết, Đức Giêsu hiểu được rằng sự giàu có vật chất khó có thể đi đôi với đời sống thần linh sung mãn: "*Thầy bảo thật, con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn là người giàu vào nước Thiên Chúa*" (Mt 19:24). Đức Giêsu là tấm gương sống động cho những ai muốn sống đời nghèo khó để thảnh thơi theo đuổi sự giàu sang của Nước Trời.

Lời khấn khó nghèo không đòi buộc người tu sĩ sống trong sự nghèo nàn thiếu ăn, thiếu mặc, nhưng đòi buộc hy

sinh, quên mình, chấp nhận giới hạn của con người, thánh hóa những đau khổ trong cuộc sống, học nơi Đức Giêsu bài học từ bỏ để mưu tìm hạnh phúc đích thực cho chính mình và cho tha nhân. Sống khó nghèo để ao ước sự giàu sang của Nước Trời là dám đồng hóa và cảm thông với những phần tử thấp kém trong xã hội, để tìm ra một giải đáp giúp con người sống sung mãn, là biết chọn ngân hàng vĩnh cữu để gửi trao tài sản tinh thần đã sắm được, là chọn những điều kiện nêu trong Hiến Chương của Nước Trời. Do đó, một nếp sống đơn sơ, khiêm tốn, không dính bén, không chiếm đoạt là điều phải có để dành thời giờ cho những sứ mạng quan trọng hơn.

Với lời khấn khó nghèo, người tu sĩ thực hiện lời Chúa dạy "*Hãy về bán hết mọi của cải, và phân phát cho người nghèo và đến đây đi theo Thầy*" (Mt 19,21)... Không có của riêng, để tuỳ thuộc hoàn toàn vào Chúa trong tín thác, lệ thuộc vào Dòng và tùy thuộc Bề Trên... Trong một xã hội vật chất và tiện nghi, lời khấn khó nghèo mời gọi chúng ta khước từ sự sở hữu, chấp nhận việc sử dụng vật chất trong sự tùy thuộc vào bề trên và cộng đoàn, chị em... đúng là một sự ngược dòng, đòi hỏi hy sinh và đấu tranh liên lỉ...

Lời khấn khó nghèo được hiểu và sống cách đa dạng và phong phú trong lịch sử Giáo Hội. Có khi là bán hết tài sản, có khi chỉ là “tinh thần nghèo khó” thôi. Ngày hôm nay, lời khấn khó nghèo được đặt trong mối liên hệ sâu xa hơn với việc phục vụ và phát triển người nghèo, trong viễn tượng là xây dựng một Giáo Hội của người nghèo, cho người nghèo, vì người nghèo, và hơn nữa, một Giáo Hội nghèo.

Lời khấn khó nghèo là chứng tá về một tình yêu trao ban. Dù được diễn tả dưới hình thức nào thì cốt lõi của việc sống khó nghèo cũng là một lối sống bước theo Chúa Kitô trong tâm tình bác ái, trao tặng... Đó là một tình yêu luôn

khao khát và tìm kiếm Thiên Chúa như là Đấng tuyệt đối, như là kho tàng đích thực của lòng mình. Dưới khía cạnh xã hội, đó là một tình yêu liên đới và chia sẻ dành cho anh em chị em mình, nhất là những người nghèo khổ.

Lời khấn khó nghèo cũng là dấu chứng về sự giàu có đích thực chỉ có nơi Thiên Chúa, nơi kho tàng trên trời. Đó là thái độ sống phó thác vào Thiên Chúa và biết liên đới với người khác. Sắc lệnh canh tân Dòng tu đã khéo léo đề cập tới khía cạnh "khó nghèo tập thể" với những chỉ dẫn rằng "hãy làm chứng tập thể về khó nghèo" qua việc sẵn lòng chia sẻ của cải với Giáo Hội, với các nhà khác của Hội Dòng cũng như những người túng thiếu (DT 13đ); đồng thời, khuyến cáo họ "hãy tránh mọi hình thức xa hoa trục lợi quá đáng (DT 13e).

Mỗi người thánh hiến cần trở nên chứng nhân của sự nghèo khó đích thực. Trong thế giới hôm nay, đức khó nghèo trở thành một chứng tá hùng hồn trước sự hoành hành của "chủ nghĩa vật chất thèm khát chiếm hữu, dửng dưng với những nhu cầu và đau khổ của những người yếu đuối" và hững hờ trước sự huỷ hoại của môi trường sinh thái (x. TH 89). Vì thế, đây phải là một sự khó nghèo "mở", "khó nghèo Phúc Âm để phục vụ người nghèo" (TH 90), "phản đối thói thờ tiền tài, thói dửng dưng vô cảm trước khổ đau túng thiếu, thói tiêu dùng của cải cách ích kỷ và hoang phí, để thể hiện một tình yêu ưu tiên dành cho người nghèo, cổ võ việc sử dụng của cải cách có trách nhiệm và trong tinh thần liên đới, đấu tranh chống lại bất công, hầu xây dựng một thế giới nhân đạo hơn" (x. TH 90).

Con tim chúng ta một khi đã thanh thoát với tiền của, không vướng bận tình cảm phái tính sẽ giúp chúng ta sống tốt lời khấn vâng phục hơn. Tâm điểm của công cuộc thích nghi và canh tân đời tu chính là lời khấn vâng phục - một

quyền bính được thi hành không phải để thống trị mà là phục vụ trong đức ái. Thánh Tôma đã không ngần ngại coi lời khấn vâng phục là "lời khấn cao trọng nhất trong tất cả các lời khấn", vì qua đó người tu sĩ dâng cho Thiên Chúa điều cao quý nhất là ý chí tự do và quyền định đoạt về đời sống. Tuy lời khấn vâng phục cao cả nhưng lại không dễ dàng, nhất là trong bối cảnh hôm nay, vì lời khấn này đòi hỏi chúng ta phải hi sinh chính mình, hi sinh ý chí, hi sinh ý riêng, hy sinh chính bản ngã như là một hiến lễ dâng tiến Thiên Chúa, noi gương vâng phục khiêm hạ của Chúa Kitô, "Đấng đã tự huỷ mình, nhận lấy thân phận tôi tớ... và vâng lời cho đến chết" (Pl 2, 7-8; GH 42d).

Vâng phục là chứng tá về tinh thần phó thác trọn vẹn nơi Thiên Chúa: "Lời khấn vâng phục đặt cuộc sống hoàn toàn trong bàn tay Đức Kitô ngõ hầu Người có thể sử dụng theo kế hoạch của Thiên Chúa và biến nó trở nên một tuyệt tác." (x PL22). Công đồng Vatincanô II làm nổi bật giá trị cứu độ và tư tế của hành vi tuân phục nơi Chúa Giêsu (x. GH 3, 36, 37, 41; TG 24) và vai trò tích cực đầy trách nhiệm của Mẹ Maria (x. GH 56, 61, 63). Đức tuân phục tu trì chói lọi như một hiến lễ toàn thiêu dâng tiến Chúa, noi gương Chúa Kitô tuân phục và Mẹ Maria "xin vâng" (DT14).

Đức vâng phục cũng là chứng tá về sự khiêm nhường thẳm sâu và sự hiệp thông trong cộng đoàn. Nếu như thánh Biển Đức đã trình bày đức vâng phục trong tương quan với đức khiêm nhường và các nhân đức khác, thì thánh Basiliô và thánh Đa Minh lại đề cao tính hiệp thông và bác ái của lời khấn này.

Đức vâng phục cũng làm chứng về sự tự do đích thực của con cái Chúa, khi con người được giải thoát khỏi mọi ràng buộc khiến họ xa rời ý Chúa. Lời khấn vâng phục vì thế phải được hiểu như là "lắng nghe" và "thi hành" thánh ý của

Thiên Chúa, cả dưới góc độ cá nhân cũng như tập thể. Qua việc tìm kiếm và thi hành ý Chúa, người thánh hiến tìm được tự do đích thực và tìm thấy con đường tốt nhất để thực hiện và tăng tiến sự tự do đích thực đó. Vì chính qua vâng phục, họ tìm được ý nghĩa đích thực của cuộc đời, là thi hành ý muốn cứu độ của Ngài trên đời mình, là tháp nhập ý mình vào ý Chúa, hiệp nhất với cộng đoàn để thực thi cùng một chứng tá và cùng một sứ vụ trong tinh thần con thảo với Chúa và hiệp thông huynh đệ với anh chị em mình (x. TH 91-92).

Tóm lại, qua việc khấn giữ 3 lời khuyên Phúc Âm Khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục, người tu sĩ dâng hiến cho Thiên Chúa những giá trị cao quí nhất của con người: Tự do, tài sản và thân xác. Đó là ba chiều kích quan thiết nhất của bản ngã con người. Nếu lời khấn vâng phục được coi là quan trọng nhất, thì lời khấn khiết tịnh giúp chúng ta định hướng tâm tình và hướng tâm hồn lên với Chúa. Lời khấn khiết tịnh làm cho hai lời khấn còn lại có ý nghĩa và là điều chính yếu trong đời sống ơn gọi, giúp định hướng các thái độ và quan hệ của người tu sĩ.

2. Những thuận lợi và nguy cơ lỗi đức khiết tịnh

a. Những thuận lợi

Tuyên khấn khiết tịnh, người tu sĩ không còn bị ràng buộc tình cảm với riêng ai nên rất dễ dàng đến với mọi người. Đây là ân ban đặc biệt Thiên Chúa dành cho những con người tận hiến, để chúng ta có đủ khả năng hành động cách hiệu quả trong các lĩnh vực, nhất là trong lãnh vực truyền bá sự thật.

Đời sống cộng đoàn là một gia đình, trong đó các thành phần đã hiến dâng mình cho Thiên Chúa và dành trọn cuộc sống để sống chung với các chị em, cùng nhau thực thi bác ái yêu thương, cùng tiến tới lý tưởng, chia sẻ và cầu nguyện

cùng nhau, giúp đỡ nhau thăng tiến trong đường tu đức, băng bó những vết thương, nâng nhau dậy và tự do đáp lại ơn gọi của Chúa. Mỗi khi chị ngã em nâng: Chỉ một lời nói, một cử chỉ, một ánh nhìn cảm thông có thể giúp nhau vơi nỗi niềm, cùng chung chia với nhau niềm vui nho nhỏ: ” Chị ơi, chị nhận được tin gì mà vui thế?” hay “ Chị à! Chị để em xách đỡ thùng nước cho” hoặc “em này, chị chia sẻ phương pháp này xem có hay hơn không nhé”... Những lúc chia sẻ chan hoà như thế sẽ giúp chị em nhận được niềm vui, tình thương, ấm tình Chúa chan tình người. Trong đời sống cộng đoàn, có người tự nhiên cảm thấy mình hợp tính với số người này, đồng thời cảm thấy số người khác sao mà khó tính, khó nết quá đi. Nhưng không phải hợp tính nhau mới làm nên cộng đoàn, các khác biệt cho thấy sự giàu có và phong phú của một Thánh Thần duy nhất.

Nhờ đời sống cầu nguyện và được nuôi dưỡng bằng Thần lương Mình và Máu Đấng Hằng Sống, những giây phút thinh lặng trước Thánh Thể, ta có được nguồn sức mạnh thiêng liêng, để thắng vượt những cám dỗ về tình cảm xác thịt, những đòi hỏi tình yêu phái tính, được thanh thoát và quân bình trong đời tu và những ham muốn.

Kỷ luật Dòng sẽ giúp người tu sĩ sống tốt đức khiết tịnh. Luật giúp ta đi đúng đường lối, giúp nhìn lại để sửa sai, để bàn hỏi. Đức Cha Đaminh Hồ Ngọc Cẩn đã viết rất sâu sắc: “thức có luật bàn, ngủ có luật canh”. Kỷ luật Dòng là áo giáp che chở chúng ta, để chúng ta sống tốt đức khiết tịnh.

Sứ vụ tông đồ đòi ta dâng hiến cuộc đời mình cho Thiên Chúa, không chỉ mong bản thân được cứu độ, mà còn mong vinh danh Chúa và ơn cứu độ cho mọi người, nên chúng ta không ngần ngại hy sinh cuộc sống để phục vụ, để chia sẻ cho muôn người tình thương của Chúa, cho dù gặp nhiều trở ngại. Chúng ta có thể đưa Chúa đến cho tất cả mọi người qua những lời kinh nguyện, những cảm thông đồng cảm, những hy sinh, hay qua chia sẻ Lời Chúa, chia sẻ đời

thường, những giờ tập hát, dạy Giáo lý, tuỳ theo linh đạo của mỗi Dòng. Tất cả những hoạt động ấy giúp ta đem tình thương của Chúa đến cho mọi người và nhận lại được niềm vui, hạnh phúc giúp ta sống đức khiết tịnh cách dễ dàng hơn.

Ngoài ra, với sự phát triển ngày nay, chúng ta có nhiều cơ hội học hỏi, hiểu sâu rộng hơn về tâm lý - thể lý - sinh lý của mình hầu sống đức khiết tịnh cách hữu hiệu hơn.

b. Những khó khăn (nguy cơ):

Đời thánh hiến hôm nay, dù muốn dù không cũng bị ảnh hưởng bởi thế giới bên ngoài. Cái khó cho tu sĩ là phải sống nhập thế, sống cùng với nhân trần và sống trong nhân trần, cho nhân trần. Nhân trần ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống tu trì khiến tu sĩ gặp rất nhiều khó khăn trong việc tuân giữ lời khấn.

Dường như sự tĩnh lặng trầm lắng là một cái gì đó vô bổ, xa xỉ đối với nhiều tu sĩ trẻ. Đánh mất đi sự thinh lặng của cõi lòng bằng ước muốn "thăng tiến ồn ào" trong đời tu; chểnh mảng đời sống thiêng liêng, nhất là sau khi làm việc tông đồ về, thân xác mỏi mệt rã rời thì chẳng thiết gì kinh hạt nữa. Giới tu ngày nay dường như cũng đang cố gắng khẳng định mình bằng một số bằng cấp hay khả năng nào đó. Khi hướng chiều quá về những cái chóng qua ấy thì đời sống thiêng liêng giảm sút, thời gian cầu nguyện bị cắt xén, những giây phút lắng đọng tâm hồn để cảm nhận sự ngọt ngào của Thiên Chúa bị ngắn lại. Rồi khi không đạt được mục đích hay không thành công, không theo ý mình, tu sĩ cảm thấy trống vắng, dễ sinh phiền lòng và đi tìm một điểm tựa, một an ủi nơi một ai đó không phải là Thiên Chúa.

Tu sĩ còn bị ảnh hưởng bởi các nền văn hoá, giáo dục. Việt Nam đang trong tình trạng một chiều, mang nặng tính lý thuyết kiến thức mà quên đi việc giáo dục nhân cách con người, dẫn đến khủng hoảng trầm trọng về đạo đức trong

nhà trường, cũng như trong gia đình và xã hội. Giáo hội cũng không nằm ngoài vòng vây đó: nhiều người sống bừa bãi, tự do trong lối sống, từ ăn mặc tới thái độ sống, từ giao tiếp dẫn tới các tình cảm lố lăng, làm mất đi những giá trị, phẩm chất của chính mình. Người nữ tu chúng ta sống và làm việc trong xã hội ấy cũng chịu ảnh hưởng nhiều, không thể tránh khỏi bởi con người giới hạn.

Người tu sĩ gặp khó khăn trong việc giữ lời khấn khiết tịnh còn do chính bản thân, chưa trưởng thành về đời sống tâm linh cũng như tình cảm, thiếu chín chắn, chưa quyết đoán. Có những người "lội ngược dòng" thiếu kiên nhẫn do "thiếu một tình yêu sâu đậm đối với Thiên Chúa và đối với tha nhân, tâm hồn trở thành bại liệt và khô cứng, lại vất vả che đậy sự cằn cõi thiêng liêng và tâm lý. Những trường hợp đó dễ gặp những náo động nguy hiểm, mà trước hoặc sau sẽ ngã sang một tính dục trá hình, kiêu căng hoặc những hình thức khác".

Khuynh hướng do bản năng giới tính, một bất lợi chi phối lớn đến người chọn bậc độc thân khiết tịnh: người đời gọi những người chọn đời sống độc thân khiết tịnh là những người "lội ngược dòng" vì một người bình thường luôn có nhu cầu yêu và được yêu rất mãnh liệt từ nội tâm, và định hướng đối tượng thường tình là người khác phái.

Khó khăn nữa đến từ phía cộng đoàn: Sống trong cộng đoàn đông người nhưng vẫn cảm thấy cô đơn, do thiếu sự yêu thương, cảm thông chân thành, không hiểu nhau, không chấp nhận những khác biệt, thiếu sự tin tưởng nâng đỡ, thiếu lòng chân thành, không cho nhau cơ hội sửa sai để tiến lên bắt đầu lại, còn xét đoán phiến diện, ganh tị, không tìm được niềm vui nơi công việc. Những điều đó gây cho chúng ta rất nhiều đau khổ, khiến ta dễ sinh phiền lòng, rồi mong muốn được tìm ai ngoài cộng đoàn để sẻ chia, đồng cảm. Ban đầu là những ý tưởng tốt lành nhưng sau đó thường kết thúc bằng một tình yêu tính phái.

Môi trường mục vụ có khi cũng gây khó khăn cho người tu sĩ: thường chỉ có hai chị em, hoặc có khi chỉ có một mình. Hai chị em lại không thuận hoà, những người có trách nhiệm thiếu quan tâm, động viên, nâng đỡ, khiến họ cứ phải lùi lũi một mình nên dễ sa ngã khi có bàn tay khác phái cảm thông, an ủi. Lại có khi dễ bị người khác tấn công nữa.

Con người ngày nay nghiêng chiều về khuynh hướng thực dụng, dẫn đến lối sống chủ nghĩa duy cá nhân, duy vật chất, duy khoái lạc, trật tự luân lý bị đảo lộn dễ làm chúng ta mất phương hướng, ảnh hưởng đến đời tu.

Các phương tiện truyền thông rất đa dạng và tiện lợi, nếu ta sử dụng không trưởng thành, sẽ là dịp cho ta khó giữ đức khiết tịnh.

Như thế, để sống đức khiết tịnh cách hoàn hảo và thánh thiện, người tu sĩ phải chiến đấu không ngơi nghỉ, phải rướm máu trước bao khó khăn thử thách. Khi tuyên khấn, chúng ta được gọi là người bạn trăm năm của Đức Kitô, nhưng chúng ta vẫn còn vương mang nhiều yếu đuối và giới hạn của phận người. Cuộc đời chúng ta không biến hình để trở thành người của thế giới siêu phàm. Dâng hiến không có nghĩa là biến trái tim trở nên khô cứng lạnh giá, không còn biết rung cảm trước những vẻ đẹp. Dâng hiến cũng không phải là trở nên lạc lõng, cô độc, khinh thường tình yêu trần thế. Trái lại, khi sống đời sống khiết tịnh, chúng ta vẫn là người trước cuộc đời, vẫn tiếp nhận những làn sóng yêu thương mời gọi trong rung động trái tim, vẫn có thể bị dao động trước một đối tượng mình tiếp xúc, vẫn nhìn thấy những điều kỳ lạ trong tình yêu đi tìm một nửa hồn mình. Nhưng chúng ta dám từ bỏ tất cả, chỉ để dâng tình yêu cho Thiên Chúa và chọn Chúa làm gia nghiệp đời mình.

c. Giải quyết những khó khăn

Hạnh phúc đời dâng hiến chỉ có thể đạt được khi chúng ta biết cách giải quyết những khó khăn cho đời sống khiết

tịnh. Điều không thể thiếu đó là chúng ta phải sống tâm tình cầu nguyện, sống mối tương quan mật thiết với Thiên Chúa, tín thác nơi Thiên Chúa, phó thác cuộc đời cho Chúa, đặc biệt qua lòng yêu mến Thánh Thể, những giây phút thinh lặng trước Thánh Thể và để Thánh Thể Chúa hiện diện thực sự trong cuộc đời mỗi chúng ta, chi phối chúng ta, giúp chúng ta sống tốt đức khiết tịnh và thoát khỏi những cám dỗ. Vì chính Chúa đã dạy "anh em hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn để khỏi sa chước cám dỗ, vì tinh thần nhẹ nhàng hăng hái nhưng thể xác lại nặng nề yếu đuối" (Mt 26,41).

Để sống sung mãn đức khiết tịnh cũng đòi hỏi chúng ta phải có tấm lòng yêu thương thực sự, yêu thương mọi người, đặc biệt yêu thương chị em trong Hội Dòng. Cùng nhau chia sẻ sứ vụ, công việc, không gây áp lực cho nhau, nhưng biết sống chân thành, cởi mở, quảng đại, nâng đỡ nhau qua việc chia vui sẻ buồn, động viên khích lệ tinh thần và tạo cơ hội để sửa sai, vì đời sống cộng đoàn chính là điểm tựa giúp ta sống tốt đức khiết tịnh.

Chúng ta còn cần phải trưởng thành trong đời tu, trong nhân cách, trong các mối quan hệ, biết làm chủ tình cảm cũng như dục tình. Biết sử dụng trưởng thành các phương tiện truyền thông, xa tránh những cơ hội dễ làm ta phạm đến đức khiết tịnh như khi giao tiếp quá thân thiện, trong thời gian lâu giờ, khoảng cách quá gần và nơi kín đáo riêng tư với người khác phái.

Hội nhập văn hoá với dân tộc nhưng không được "đánh mất mình". Bối cảnh xã hội hôm nay có nhiều vấn đề phức tạp liên quan tới tình cảm, đòi hỏi Giáo hội cũng như các Dòng, các vị hữu trách cần có những phương pháp giáo dục trưởng thành hơn, quan tâm hơn tới chị em bằng sự yêu thương, giúp đỡ, tạo cơ hội cho chị em yên tâm sống đời tu.

KẾT LUẬN

Khước từ cuộc sống có sức hấp dẫn dường như trở thành điều nghịch lý trong cuộc sống nhân trần. Do vậy đời sống dâng hiến nơi người tu sĩ càng trở nên một phản chứng cho những gì thế giới bên ngoài đang tôn thờ. Thế nhưng nó lại trờ thành lời hùng biện vĩ đại, có sức lôi cuốn con người nhìn đến thực tại cao hơn.

[8]

DẪN NHẬP

Trong thế giới hôm nay có nhiều cái đòi hỏi mỗi người phải có sự lựa chọn cho mình điều gì tốt và cái gì không cần để loại đi. Nói đến lựa chọn là phải chọn cái đẹp và bỏ đi cái xấu, cái không thích, cái không cần, cái chưa tốt.. để chọn cái tốt hơn. Đời sống thánh hiến cũng là sự lựa chọn, nhưng không phải chọn một lần là xong, mà sự lựa chọn ấy còn phải kéo dài trong suốt cuộc sống dâng hiến, qua việc tìm hiểu, làm mới lại sự lựa chọn ban đầu, qua mối tương quan giữa ba lời khấn, cùng với những thử thách mà tu sĩ có thể gặp trong xã hội Việt Nam hôm nay. Nhờ đó họ có thể tìm ra cho mình cái đẹp của sự lựa chọn đúng đắn, một cái đẹp cho lối đi mới cho đời sống thánh hiến của mình.

NỘI DUNG

I. TƯƠNG TÁC GIỮA BA LỜI KHẤN

1. Lời khấn là gì?

Sách “Thánh Hiến Cuộc Đời” đã cho chúng ta biết: Lời khấn là một lời hứa mà ta đã suy xét và tự do đoan thệ với

Chúa, tự buộc mình theo đức thờ phượng làm một việc lành, một việc lành tốt hơn. Điều đó cho thấy một mối tương quan ràng buộc của ba lời khấn Dòng qua những nét đẹp của một tâm hồn thánh hiến và nét đẹp đó được đặt trên nền tảng vững chắc trong tòa nhà Giáo Hội.

2. Nền tảng Thánh Kinh

Trình thuật Mátthêu 19, 16-30 có thể được coi là bản văn cổ điển nói về sự phân biệt giữa lời Truyền và lời khuyên. Theo cách giải thích cổ điển, thì việc giữ các giới răn là điều truyền để được vào Nước Trời, còn việc theo Chúa, giữ khó nghèo là điều khuyên dành cho ai muốn nên trọn lành. Tuy nhiên có những nhà chú giải không đồng ý điều đó, theo họ vấn đề ở đây không phải là sự phân biệt giữa lời truyền và lời khuyên.

Trong Mátthêu 19, 3-12, các Pharisiêu chất vấn Chúa Giêsu về vấn đề ly dị: "người đàn ông có được phép rẫy vợ vì bất cứ lý do gì?" Chúa Giêsu đã khẳng định tính cách bất khả ly của hôn nhân và các môn đệ nói khó khăn như vậy thì thà đừng lấy vợ thì hơn. Chúa bảo: "*không phải ai cũng hiểu được điều ấy, nhưng chỉ có ai được ơn thì mới hiểu được. Có những người yêm hoạn từ lòng mẹ sinh ra, có những người yêm hoạn do bàn tay con người, có những người yêm hoạn vì Nước Trời. Ai hiểu được thì hiểu*".

Phải chăng có thể tìm thấy ở đây sự đối chọi giữa hôn nhân (điều truyền) và sự độc thân (điều khuyên). Trong chương 7 của thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô, người ta tìm thấy hai chữ "truyền" và "khuyên" ở câu 25. Trong chương này có nhiều nhà thần học hiện đại đã hiểu cách khác. Luật cũ cho rằng: sự độc thân là điều xấu (người nam ở một mình thì không tốt) nhưng luật mới thì khác, sự độc thân là một hồng ân, một đặc sủng.

Ngoài việc tìm hiểu trên nền tảng Kinh Thánh, chúng ta có thể tìm hiểu trên toàn thể bối cảnh tư tưởng của nó. Khi

nói đến lời khuyên phúc âm (LKPÂ), Công đồng nói rằng chúng bắt nguồn từ các lời giảng dạy và gương mẫu cuộc đời của Chúa Kitô, khiết tịnh, nghèo khó và vâng lời (LG 43, PC 1,25).

Cần sửa đổi lại não trạng theo đó là khuyên không buộc mà là để tùy ý. Nhưng hãy hiểu lời khuyên như là lời mời của tình yêu, lời mời gọi hãy tiến lên hơn nữa trong tình yêu. Đây là điều đặc trưng của Tân Ước, của luật mới, đối lại với luật cũ. Tất cả luật mới đều tóm lại trong các lời khuyên theo nghĩa nó hướng tới con tim, tới tình yêu, chứ nó không cưỡng ép.

3. Tương tác giữa ba lời khấn

Ba lời khấn Dòng là cách cắm thập giá Chúa Kitô vào trung tâm cuộc sống trưởng thành của chúng ta, ngõ hầu sự sống lại của Chúa Kitô ngự trị nơi ta.

Lời khấn khó nghèo là một trong ba lời khuyên trong tám mối phúc, là nền tảng vững mạnh cho các mối khác và mở đường cho bài giảng trên núi. Đức khó nghèo Phúc âm giải thoát chúng ta trong sự sống mới. Muốn tham dự đời sống mới của Chúa khải hoàn, phải buông bỏ những sở hữu làm chướng ngại. Phải từ chối vơ vét chiếm ngự, để Chúa Kitô có thể chụp bắt được chúng ta. Đó là những chân lý mà mỗi người chịu phép rửa phải hiểu rõ, và khi đáp lại lời mời của Thiên Chúa, người tu sĩ phải tìm phương tiện hiệu nghiệm để những chân lý đó thở thành hiện hữu nơi mỗi người.

Cũng tương tự như hai lời khấn kia, nhưng lời khấn khiết tịnh đòi hỏi nhất. Đức khiết tịnh hoàn hảo vì Nước Trời minh chứng thực tại cánh chung huyền nhiệm. Sống yêm hoạn vì Nước Trời là chứng minh thực tại huyền nhiệm của tình yêu Thiên Chúa đã chiến thắng trong Đức Kitô, đã thắng

bao sức lực của tình yêu giả dối mà chúng ta thường gặp trong đời người.

Đôi tay chúng ta mở rộng để tập bỏ tính chiếm hữu của cải bao nhiêu, chúng ta càng biết lãnh nhận và cho đi bấy nhiêu, qua đó chúng ta càng có thể vui sống nhờ vào tình thân đó bấy nhiêu.

Đức vâng phục dấn thân đi vào một mệnh lệnh vừa khai mở, đảm nhận như một chọn lựa của riêng mình, thánh ý Chúa được tỏ ra như một tự do khác. Chúa Giêsu đã nói: "Xin đừng theo ý con, một theo ý Cha". Đức Giêsu là một Người sống vâng phục cách tuyệt đối và trọn vẹn. Ngay khi còn ở với Thánh Giuse và Đức Maria, Ngài hằng vâng phục các ngài và đến tận cuối đời, Ngài đã vâng phục Chúa Cha cho đến chết".

Quả thật ba lời khấn khiết tịnh, khó nghèo, vâng phục có một mối tương quan chặt chẽ không thể tách rời. Việc sống ba lời khuyên làm nền một đời sống biến hình,có sức chiếu tỏa ánh sáng của những chứng từ đời sống. Ba lời khấn không chỉ là con đường nên thánh mà còn là liệu pháp thiêng liêng cho nhân loại trước trào lưu tôn thờ ngẫu tượng. Với ba lời khuyên được đem ra sống triệt để và sáng tạo đời Thánh Hiến trở thành một dấu chỉ cho thế giới hôm nay.

II. NGUYÊN NHÂN LỖI ĐỨC THANH KHIẾT.

1. Nguyên nhân chủ quan

a. Do sự thiếu trưởng thành

Trước tiên sự trưởng thành thường được hiểu như là trưởng thành nhân bản, trưởng thành đời tu, trưởng thành về đời sống thánh hiến: sống đời tu một cách sáng suốt đầy đủ và với một thiện chí hoàn toàn. Đó là một thực tại bao trùm tất cả (3 lời khấn, đức ái, đời sống chung, các mối liên hệ).

Nhưng được đạt đến một cách tiệm tiến qua những nguyên động lực là Thiên Chúa, kinh nghiệm, trí năng và ý chí.

Công Đồng đòi các ứng sinh phải có sự trưởng thành về tâm lý và tình cảm, để tuyên khấn sống khiết tịnh. Sự trưởng thành tình cảm quan trọng, nhưng trong đời sống thánh hiến cần có một sự trưởng thành và phát triển toàn diện hơn: Thể lý, tâm lý, tri thức và tình yêu nữa (tình yêu con cái, tình yêu huynh đệ, tình bạn, tình yêu cha mẹ, tình yêu đam mê xác thịt).

Sự trưởng thành trong đời sống nhân vị là trưởng thành nhân vị toàn diện, được thể hiện qua các tiêu chuẩn, khả năng yêu thương và đón nhận yêu thương, khả năng can đảm và đối thoại, khả năng làm việc và cộng tác có trách nhiệm, khả năng tự lập, khả năng lấy Thiên Chúa làm trung tâm.

Người Thánh Hiến hôm nay được mời gọi đạt tới sự trưởng thành cần thiết để có sự quân bình chín chắn trong cách suy nghĩ, cách chọn lựa và quyết định, cách phán đoán và hành động sao cho toát lên vẻ đẹp chứng tá vui tươi và thuyết phục của đời sống Thánh Hiến. Chính vì những yếu tố này chưa hội đủ nơi người Thánh Hiến nên nó cũng làm cản trở cho việc giữ đức Thanh khiết hôm nay.

b. Tu sĩ cũng là một con người.

Vì vẫn mang bản chất con người, người khấn Khiết Tịnh vẫn còn nhu cầu tự nhiên của mình: yêu và được yêu, nên vẫn còn khát vọng muốn thuộc về một người và có một người thuộc về mình. Vì thế, trong những năm gần đây Giáo Hội đã phải rơi lệ khóc thương khi có những người con tự ý bỏ cuộc, không sống trong lý tưởng Thánh Hiến của mình. Điều này có thể là do nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến, nhưng chúng ta không thể nào không nói một trong những nguyên nhân đó là do xã hội tục hóa tiêu thụ và hưởng thụ.

Ngày nay, con người có nhiều cơ hội gặp gỡ trao đổi giúp nhau thăng tiến đi lên cùng thế giới, nhưng cũng không thể nào tránh được những tiêu cực vẫn xảy ra như: xử dụng điện thoại không đúng mục đích, những cuộc trao đổi không cần thiết, đặc biệt là giữa những người khác phái. Thật đáng tiếc khi những điều này lại xảy trong những mối tương giao giữa "Bố con thiêng liêng, anh em thiêng liêng". Những mối liên hệ nhiều khi đi quá giới hạn của mình nên dẫn đến tình trạng "lửa gần rơm lâu ngày cũng bén".

Hơn thế nữa nơi con người còn có những tư tưởng lệch lạc khi cho rằng phái tính là điều thiết yếu của con người, bắt nguồn từ cuộc "cách mạng" về phái tính hay tình dục nên cho rằng đó là một ý thứ hệ coi phái tính là điều thiết yếu của con người nên họ cũng cho việc hưởng thụ thú vui phái tính là quyền lợi của con người.

Ngày nay có nhiều người nghi ngờ khích bác đời sống độc thân thánh hiến, và họ sống buông thả, lại đòi quyền sử dụng ngừa thai, coi thường thủ dâm, cho phép phá thai: Việt Nam là một đất nước đứng thứ ba trên thế giới trong việc phá thai. Những tư tưởng tệ hại này cũng thâm nhập vào đầu óc một số tu sĩ, làm đảo điên lời khấn thanh khiết của họ, khiến họ ngày càng khép kín với anh chị em, không dám nói ra nhưng trong lòng thì đã ngả theo cách suy nghĩ và tự biện minh và tìm cách hưởng thụ. Bên ngoài độc thân nhưng trong lòng thì không độc thân theo tinh thần lời khấn khiết tịnh. Do đó chúng ta cũng không lạ gì khi ngày nay vẫn có tu sĩ "chân trong chân ngoài" làm mất đi vẻ đẹp đời sống thánh hiến.

Ngòai ra, não trạng cá nhân chủ nghĩa coi cá nhân là tuyệt đối, đánh mất giá trị đời sống chung, khiến việc nhiệt tâm sống lời khấn khiết tịnh cũng bị giảm sút.

2. Nguyên nhân khách quan

Những lý do chủ quan về chính phía đương sự đã ngây ảnh hưởng cho nhiều tu sĩ khó giữ được lời khấn khiết

tịnh. Nhưng xét cho cùng ngoài khía cạnh chủ quan ta cũng còn phải xét khía cạnh khách quan đưa đến thách đố đó.

a. Thiếu giáo dục giới tính thích hợp

Quan niệm của giới trẻ Việt Nam hôm nay về phái tính hoàn toàn khác với quan niệm của các thế hệ đi trước. Họ cho rằng cha mẹ họ sống quá câu thúc, gò bó, cố chấp, giả tạo về phương diện tình dục, hầu như khước từ một cách vô lý mọi thú vui và thực sự không có hạnh phúc. Còn họ không thể chấp nhận quan niệm câu thúc đó, họ muốn sống trung thực với lòng mình, sống hạnh phúc thực sự, dám yêu ào ạt và lập tức.

Cho đến nay những người làm giáo dục ở Việt Nam vẫn lay hoay mãi về nội dung và cách thức đưa giáo dục giới tính vào chương trình đào tạo. Lại khoảng 73% giáo viên giảng dạy giáo dục giới tính vẫn chưa được đào tạo chuyên môn. Trong khi đó độ tuổi quan hệ tình dục đầu tiên của giới trẻ Việt Nam ngày càng hạ thấp và con số trẻ gái nạo thai đã tăng gấp 3 lần so với năm 1990.

Ủy ban dân số gia đình và trẻ em thú nhận độ tuổi quan hệ tình dục đầu tiên của giới trẻ Việt Nam bây giờ là 14,2 tuổi, thay vì 19 tuổi như trước kia. Như vậy, cô cậu bé lớp 8, lớp 9 đang là những "mầm non" cần được chăm sóc bảo vệ thì đã bước vào "thế giới tình dục" của người lớn. Tỉ lệ công nhân có quan hệ tính dục trước hôn nhân đang tăng cao: nếu năm 1997 chỉ có 8,6% thì năm 2005 đã tăng 37,8%

Tài liệu thống kê trong mấy năm gần đây cho thấy hiện nay sinh viên tự do hơn trước trong lãnh vực tính dục. Kết quả tại một cuộc thăm dò tại một trường đại học cho thấy: trong 4 năm đại học có tới 72,4% nữ sinh đã có quan hệ "tính dục". Một số nữ sinh viên có học vấn và trẻ đẹp còn chấp nhận làm "sân sau" cho các "đại gia", những người có gia đình, tuổi tác chênh lệch để có tiền ăn tiêu, may sắm theo sở thích. Tệ hơn nữa có một số nữ sinh làm "dịch vụ tình cảm"

theo nhu cầu của khách, nghĩa là một hình thức mại dâm cao cấp, ngày càng gia tăng.

Các nhà giáo dục và các nhà khoa học công nhận là trong những năm qua Việt Nam đã đạt được một số thành tựu về giáo dục, nhưng so sánh với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, cũng như trình độ kiến thức của các nước trong khu vực và trên thế giới thì tình trạng giáo dục của nước ta quá lạc hậu và bất cập, và một nền giáo dục đã có điều nghịch lý. Có một sự khác biệt lớn lao giữa các mục tiêu đã được xác định và việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm đạt mục tiêu đó. Việc quá chú trọng đến thi đua thành tích trong giáo dục trong khi thiếu thốn những điều kiện tối thiểu để làm hoàn thành nhiệm vụ thường làm cho hao mòn sức lực và niềm vui của nhà giáo nên dẫn đến hiện tượng khá phổ biến là thiếu trung thực, lừa dối nhau bằng những thành tích ảo và vô số những hiện tượng tiêu cực khác.

Lối giáo dục thiếu hụt như vậy cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống thánh hiến.

b. Môi trường văn hóa.

Ngày xưa, đời sống độc thân rất được quý trọng nên người tu sĩ cũng thận trọng trong đời sống độc thân của mình và cảm thấy ai sống trong ơn gọi đó cũng thật hãnh diện trước công chúng. Ngày nay, đời sống độc thân không còn được chú ý và coi trọng lắm, vì cũng có nhiều người không tu trì nhưng vẫn sống độc thân, được hiểu là không có cam kết ràng buộc hôn nhân, nhưng vẫn có quan hệ nam nữ. Trong một bối cảnh văn hóa như thế, một số tu sĩ có thể bị chao đảo với lời khấn khiết tịnh và đời sống độc thân, vì một đàng thiếu sự khích lệ từ bên ngoài, đàng khác chính mình cũng hồ nghi về giá trị hay sự hữu ích của lời khấn.

c. Môi trường mục vụ

Trước tiên trong môi trường mục vụ, tu sĩ cần phải được đào tạo mục vụ cho vững chắc theo khuôn mẫu của Chúa

Kitô - vị mục tử nhân lành. Cần đào tạo huấn luyện sao cho người trẻ được trải qua những thách đố để quyết tâm, triệt để đi theo Chúa Kitô và những đòi hỏi sâu xa của sự thánh thiện, giúp biện phân ơn gọi vượt quá con người họ, hay vượt quá các ý tưởng ban đầu đã lôi cuốn họ gia nhập một tu hội nào đó.

Bởi đó việc huấn luyện phải có những những đặc tính của việc đi theo Đức Kitô cách triệt để, và mục đích của đời sống thánh hiến là đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô. Điều đó sẽ giúp hội nhập các kiến thức thần học, nhân văn và kỹ thuật vào đời sống thiêng liêng và tông đồ của hội dòng, luôn duy trì tính chất của một trường dạy sự thánh thiện.

Huấn thị *Xuất Phát Lại Từ Chúa Kitô* còn đưa ra nhiều hướng dẫn về việc đào tạo: việc huấn luyện cần chú ý gieo trồng trong tâm khảm những người thánh hiến trẻ, các giá trị nhân bản thiêng liêng và đời sống, phải chuẩn bị cho biết đối thoại trong cộng đoàn, với lòng chân thành và bác ái của Chúa Kitô. Xem sự khác biệt như một sự phong phú và làm quen với các cách nhìn và cảm nghĩ khác nhau. Đối thoại văn hóa đi đôi với thời đại và đối thoại với nỗ lực tìm kiếm ý nghĩa của đời sống con người ngày hôm nay. Vì thế, các tu sĩ cần được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn trong lãnh vực triết học, thần học cũng như tâm lý. Đây là những cách để chúng ta chống lại những thách đố khó khăn xảy ra trong môi trường phục vụ khi làm việc tông đồ: có sự hiểu biết, có tình yêu thương, tôn trọng, cảm thông thì chắc chắn tu sĩ sẽ có phương tiện bảo vệ mình hơn trong lời khấn khiết tịnh.

III. NHỮNG PHƯƠNG THẾ BẢO VỆ ĐỨC KHIẾT TỊNH

Qua việc tìm hiểu về những nguyên nhân sai lỗi có thể xảy ra cho việc sống đức trinh khiết trong tương quan ba lời khuyên Phúc âm, chúng ta nỗ lực tìm ra những bài học hữu ích cho mỗi người thánh hiến trong xã hội Việt Nam hôm nay. Để có đôi chân vững vàng trong đời dâng hiến, mỗi người

phải tìm cho mình những phương tiện vững chắc để bước đi. Xin đưa ra một hướng đi qua ba chữ S đời dâng hiến.

1. Say mê Đức Kitô

- Thuộc về Đức Kitô: Mỗi người chúng ta đã được thuộc về Đức Kitô khi lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội.

- Hướng về Đức Kitô: Những người thánh hiến, cách riêng những người đã tuyên khấn, đã chọn Đức Kitô làm lẽ sống đời mình, phải luôn hướng về Đức Kitô. Một khi đã hướng về Đức Kitô thì dù được phân công làm gì vẫn cứ an tâm đi theo Đức Kitô là lẽ sống, vì luôn gặp được cánh tay "quan phòng" kéo lên hay đẩy từ phía sau.

- Tìm về Đức Kitô: Trước những vấn đề mới của thời đại, người tu sĩ được mời gọi tìm về Đức Kitô tại những địa chỉ mà huấn thị Xuất Phát Lại Từ Đức Kitô đã mách bảo:

1. Lời Chúa (số24)

2. Bí Tích Thánh Thể (số 26)

3. Ý Cha qua hình ảnh Chúa Kitô bị bỏ rơi trên thập giá (số 27).

Như vậy là chúng ta tìm lại tình đầu say mê Đức Kitô. Nếu tình đầu đó có bị mờ đi qua lớp bụi thời gian, thì đây là lúc phủi đi lớp bụi ấy mà tìm lại nét xuân tươi đời dâng hiến, tìm lại hương vị tươi mát của mùa xuân thuở ban đầu.

2. Sống đời hiệp thông

a. Hiệp thông với cộng đoàn Dòng

Người ta bảo "tu là cõi phúc", nhưng phúc này không phải tự nó mà có, song phải xây dựng trên sự tìm kiếm. Hạnh phúc đời tu là hạnh phúc mà ngày nào cũng phải được củng cố. Nếu mình biết gia cố đúng mức thì đó là cõi phúc thật, vì mối giao hảo giữa anh chị em với nhau luôn cần đến chữ nhân và chữ tín.

Truyện cô bé mồ côi trong phim “Giầy thủy tinh” của hàn quốc cho ta một triết lý sống nhân hậu qua lời của cô bé: “*chính khi buồn nhất, mình phải cười lên, không chỉ để vượt lên số phận mà còn để người xung quanh không phải lo lắng về mình*”. Trong cộng đoàn cũng thế, nếu ai cũng biết vượt lên bản thân mình, nhất là biết nở nụ cười rạng rỡ để người khác không phải lo buồn, thì từ những sợi chỉ đơn giản mong manh ấy, mọi người đều đang góp phần dệt nên tấm áo hạnh phúc.

Huấn thị Xuất Phát Lại Từ Đức Kitô nói đến đối thọai, nghĩa là phải biết chấp nhận những cái khác biệt của nhau. Đừng bao giờ đẩy cái “khác nhau” thành cái “khắc nhau”. Nếu ai cũng giống ai thì chẳng còn gì hấp dẫn, nhưng bởi vì ai cũng khác nhau nên mới cần đến nhau, tương trợ nhau. Những cây tre già biết nép mình để cho những chồi măng mọc lên. Mặc dù nép mình như thế nhưng vẫn cảm thấy hạnh phúc khi thấy cả bụi tre đang rạng rỡ hơn, đó là nét đẹp của cộng đoàn dâng hiến. Đây là cách diễn tả mối hiệp thông cộng đoàn đẹp nhất, cụ thể nhất, và không chỉ là chuyện tử tế mà còn là chuyện thực tế.

b. Hiệp thông trong địa bàn dâng hiến.

Nếu hiệp thông với đời sống cộng đoàn là chìa khóa mở vào hạnh phúc hiến dâng, thì hiệp thông với địa bàn dâng hiến xung quanh sẽ là một dấu chỉ khả tin, cũng là một tiếng nói đẹp cho hạnh phúc đời tu. Địa bàn xung quanh đây có thể là các Hội dòng cùng chia sẻ với Hội dòng mình một thao thức tâm linh hay một trăn trở mục vụ. Hay địa bàn xung quanh cũng có thể là nơi mình lên đường.

Đối với những ai đã hết mình sống với điều này sẽ thấy rõ khi ta ở, ta vẫn sống dung dị như tất cả mọi người, dầu có phải “khoái ăn sang, sáng ăn khoai”, nhưng khi được đổi đến chỗ khác ta mới thấy quyến luyến, nghe sao “đất bỗng hóa tâm hồn”.

3. Sẵn sàng chèo ra chỗ nước sâu

a. Bằng rời xa bến bờ yên ả.

Để chèo ra chỗ nước sâu người ta phải chấp nhận rời xa bến bờ bình an, ấm êm của một đời sống đủ đầy. Ngày nay khi cuộc sống khá lên dân chúng có của ăn của để, và nhà tu cũng "nước lên thuyền lên" sửa nhà sửa cửa trang bị trong ngoài đầy đủ thì khó nghèo và sự dính bén lại xảy ra mặc dù tiện nghi đời sống đều là phương tiện giúp ta phục vụ tốt hơn không ai chối cãi, nhưng khi phương tiện đó trở thành dấu hiệu phản chứng cho lời khấn thì lúc đó chúng ta phải biết rời xa những bến bờ êm ả, ấm êm để vào sa mạc tìm gặp tình yêu đích thực. Bến bờ êm ả của lòng mình là những tập quán "tìm kiếm hiệu năng và duy hoạt động" trong khi lại xem nhẹ việc cầu nguyện, không cầu nguyện không có sức sống, chiếc dù đẹp nhất là làm bằng Cầu nguyện.

b. Lướt đi bằng đuôi mái chèo truyền thống và sáng tạo.

Trung thành với ơn gọi và trung thành với tôn ý của Đấng Sáng Lập nhưng đồng thời cũng phải hợp với tính sáng tạo của địa phương, của thời đại. Đó là hai bước chân của người truyền giáo, của người sẵn sàng không phải chỉ dấn thân nhưng còn biết hiến thân để phục vụ cho ơn gọi mình đã chọn. Nếu truyền thống ơn gọi mỗi hội Dòng vốn cần đến một sự trung thành mang tính sáng tạo, thì đây là lúc mở ra một nhãn giới lớn hơn, rộng hơn, đẹp hơn để phục vụ Thiên Chúa và Giáo Hội cũng như ơn gọi Hội Dòng mình một cách hạnh phúc hơn.

c. Thả lưới chỗ nước sâu của thời đại

Trong Huấn thị Xuất Phát Lại Từ Đức Ki-tô, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nhắc tới "Thiên tài nữ tính" bao năm qua đã trở nên những vị anh hùng, nhưng chưa có ai dám táo bạo chèo ra chỗ nước sâu như mẹ Têrêsa Calcutta. Nơi mẹ trái tim người nữ đã chứng minh được đặc tính "tái truyền

giáo" của mình. Huấn thị nhắc tới "thiên tài nữ tính" vì Giáo Hội vẫn tôn trọng tất cả những gì Thánh Thần thổi đến trong nhịp sống hôm qua và cách riêng thời nay vốn được coi là thời đại của giới nữ. Nữ giới thường nhạy cảm hơn mà trái tim càng nhạy càng cung cấp cho Giáo Hội những sáng kiến truyền giáo phù hợp hơn với thời đại.

Cũng trong huấn thị, người ta còn thấy chữ "nghèo" với những nhấn mạnh đặc biệt. Vẫn biết rằng từ xa xưa Giáo Hội đã nói tới chữ "nghèo" với nhiều trân trọng, ngày nay thần học Tây Phương cho rằng người nghèo là "Bí tích của Thiên Chúa". Nghèo về nhiều mặt: nghèo về kinh tế, tri thức, nghèo về tôn giáo, nhân cách, nghèo hạnh phúc, nghèo tình thương. Vậy ta phải cung cấp cho họ Tin mừng, Tin mừng giải thoát ngay cả về kinh tế để họ có cơm ăn áo mặc và sống ổn định rồi từ đó phục hồi sự sống cho họ bằng cách đẩy lùi và tẩy trừ "văn hóa sự chết" vốn là kẻ thù không đội trời chung với văn minh tình thương.

Trên đây là ba chữ "S" đọc được trong huấn thị "Xuất phát lại từ Đức Kitô": say mê Đức Kitô, sống đời hiệp thông, sẵn sàng chèo ra chỗ nước sâu. Ba chữ "S" tất nhiên cùng âm vang trong đời sống Giáo Hội và cho mọi người, cách riêng cho những ai đi theo con đường thánh hiến. Con đường ấy dù hoa mĩ ngoằn ngoèo như chữ "S", vẫn là con đường Thiên Chúa dẫn chúng ta đi trong hạnh phúc làm con người và làm con Thiên Chúa giữa lòng thế giới hôm nay.

KẾT LUẬN

Trước một đồ vật chúng ta cũng phải chọn xem cái đẹp nào tốt để chọn, huống chi trước một ơn gọi, cách đặc biệt ơn gọi Thánh Hiến. Mặc dù biết rằng chọn cái đẹp đời sống Thánh Hiến đó là một con đường phía trước đầy chông gai. Nhưng vì cái đẹp đó người Thánh hiến đã lên đường đi tiếp con đường Thánh Hiến qua ba lời khấn với những mối

tương quan chặt chẽ bổ túc cho nhau. Và chắc chắn đi theo con đường đẹp đó không phải là không có những khó khăn ràng buộc. Nhưng với ơn Chúa và ý chí vững mạnh, mỗi người chúng ta sẽ chiến thắng, sẽ vượt qua những thử thách và sẽ đứng vững trước mọi hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống, cách riêng trong xã hội Việt Nam hôm nay.

HAI

LINH MỤC HÔM NAY, ĐỐI TƯỢNG CỦA CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN HAY BUỒN LO VÀ CẦU NGUYỆN?

Các nữ tu trẻ nhìn về đời sống và sứ vụ thực tế của linh mục. Đây là những bài thuyết trình nhóm của hai lớp Học viện Liên Dòng Nữ Têrêsa Avila Bùi Chu sắp ra trường

[1]

A. DẪN NHẬP

Giữa thời buổi cơ chế thị trường, khi kim tiền lên ngôi, đời sống hưởng thụ được đề cao, thì việc chọn đi theo Đức Kitô trong việc tuân giữ 3 Lời khuyên Phúc Âm (Vâng lời – Khiết tịnh – Khó nghèo), là một cái gì khác lạ, trái khoáy, dở hơi đối với người đương thời. Chắc hẳn không ít người trong chúng ta đều đã từng nghe hoặc được hỏi: Tại sao lại đi tu, tháng được bao nhiêu tiền lương, thất tình nên bỏ đi tu à?, v.v và v.v…

Thế đấy! Có nhiều người cho rằng đi tu là một nghề kiếm tiền hoặc thất tình, không bình thường mới đi tu. Đó là suy nghĩ và quan niệm của một số người hiện nay. Còn chúng ta, là những người đang ở trong cuộc, chúng ta nghĩ

gì? Chúng ta có dở hơi, thất tình, trốn tránh nghĩa vụ làm vợ làm mẹ như một số người đang nghĩ về chúng ta không?

Chúng ta nghĩ mình chẳng trốn tránh hay khác người ở điểm nào cả. Vì dù đi tu hay không chúng ta vẫn đang ở giữa thế gian, vẫn là những con người bằng xương bằng thịt với những yếu tố rất người. Có khác là khác ở cái ý thức mình là người "ở giữa thế gian nhưng không thuộc về thế gian." Cuộc sống của chúng ta không chỉ dành cho riêng mình nhưng là của Chúa và cho tha nhân nữa. Việc chúng ta làm hay cách chúng ta sống không để thoả mãn sở thích, ý muốn riêng mình nhưng còn phải sinh hoa trái, lợi ích cho cộng đồng, cho cuộc sống mai hậu. Để sống được lý tưởng ấy cần phải nhờ rất nhiều vào ơn Chúa, tình cảm gia đình, cộng đoàn, tha nhân trong đó không thể không nói đến tương quan với các Linh mục - chủng sinh – nam tu sĩ, những người cùng chung lý tưởng.

B. NỘI DUNG

1. Điều khiến ta cảm phục và biết ơn

Vậy đối với các vị ấy chúng ta cảm phục và biết ơn ra sao? Hay nói khác đi: các vị ấy giúp gì cho chúng ta trong việc tuân giữ 3 Lời khuyên Phúc Âm?

Trước tiên đó là sự quảng đại dấn thân hy sinh của họ: Sự quảng đại đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa. Họ là những thanh niên đẹp đẽ, khoẻ mạnh, nhưng vì lợi ích và ơn cứu độ các linh hồn, họ đã can đảm từ bỏ nhu cầu hạnh phúc riêng tư, dấn thân loan truyền Lời Chúa và trao ban Bí tích không kể ngày đêm, mưa nắng…, thậm chí có linh mục không kể tuổi cao sức yếu, luôn đảm bảo một ngày hai Thánh lễ, thăm nom các bệnh nhân, những người cô thế cô thân trong giáo xứ, khuyến khích giới trẻ học hành…, bằng lối sống đạm bạc trong từng việc chi tiêu ăn uống, với cử chỉ

khiêm nhường trong giao tế..., trở nên hoạ ảnh sống động của Giêsu giữa đời.

Rất nhiều nữ tu nhận được sự nâng đỡ vật chất cũng như tinh thần từ các linh mục. Nhờ sự hướng dẫn thiêng liêng, nhiều chị nhận ra ơn gọi dấn thân sống đời tu cách quảng đại. Có những chị vì hoàn cảnh gia đình nghèo, được các linh mục giúp cho có đủ phương tiện học tập, mục vụ tông đồ cách này hay cách khác. Trong các dịp Khấn Dòng – Ngân, Kim khánh, các ngài còn tổ chức lễ tạ ơn tại quê nhà cho chị em. Khi cha mẹ hoặc người thân qua đời, các ngài dâng lễ cầu nguyện, thăm viếng chia buồn…, nhờ đó chị em nhận được nguồn động viên, khích lệ tinh thần rất lớn. Có nữ tu, vì lý do này hay lý do khác không còn muốn tiếp tục đời tu nhưng nhờ sự động viên kịp thời, phân tích điều hơn lẽ thiệt giúp tìm lại lý tưởng ơn gọi.

2. Những điều cần góp ý, cầu nguyện cho linh mục

Bên cạnh những điều tích cực đó vẫn còn tồn tại những điều khiến mọi người buồn phiền lo lắng, thấy cần phải quan tâm cầu nguyện nhiều hơn nữa cho các linh mục.

Ngày nay, các linh mục - chủng sinh được giao lưu học hỏi hơn trước rất nhiều, không những học nơi nhà trường mà cả trên trường đời nữa, qua các phương tiện truyền thông, sách báo thật phong phú. Rồi lại cả những giờ huấn đức tĩnh tâm luôn được nhắc nhở trong giao tế - đời sống gương sáng. Nhưng xem ra cũng chưa mấy hiệu qủa. Có những linh mục ăn nói rất tế nhị, nhưng cũng có những vị rất thiếu lịch sự, khi tiếp khách là tu sĩ không nên kể những chuyện không hay kích thích trí tò mò (vd: chuyện bãi tắm hoặc chuyện con cái).

Còn về nơi tiếp khách, chúng con rất ngạc nhiên khi thấy có linh mục dùng phòng ngủ làm nơi tiếp khách nữ tu rất

thân mật, trừ Toà Giám Mục không có phòng tiếp khách riêng không nói làm gì, nhưng linh mục xứ có phòng khách rất rộng, sao không tiếp ở đó?! Về vấn đề này có lẽ tại cả hai phía: không những linh mục ấy không nên gặp khách trong phòng ngủ mà nữ tu kia càng phải ý thức không nên vào mới phải, dù cho đó là cha cố. Nội quy số 122,8 Dòng Đaminh qui định như sau: "vào phòng riêng nam giới là phạm lỗi nặng, trừ khi phòng đó được dùng làm nơi tiếp khách."

Vấn đề thứ hai đó là lối sống xa hoa hưởng thụ, ham mê tiền của. Ai cũng biết các linh mục là người rất có uy tín trong việc lạc quyên, gây quỹ và xây dựng. Những tiền ấy phần lớn nhờ lòng hảo tâm, với thiện chí giúp Giáo xứ, Giáo hội. Nhưng tiếc thay có những vị lại sử dụng rất rộng rãi, với những mục đích không nên. Nói về việc này, xin trích dẫn một đoạn trong cuốn "Đối thoại" của thánh nữ tiến sĩ Catharina viết về Mặc khải của Chúa Cha lên án tính ham mê của cải của các linh mục như sau: "*Tính ham mê của cải làm cho các ngươi không còn muốn nuôi mình bằng ơn cứu độ các linh hồn và vinh quang của Cha nữa nhưng chỉ muốn làm nô lệ cho tiền bạc… Hỡi những tên trộm cắp đáng án phạt đời đời, các ngươi ăn cướp tiền bạc của người nghèo và của Hội Thánh để tiêu pha vào việc riêng mình. Các ngươi phung phí tiền bạc đó với những phụ nữ và những người mất nết, các ngươi làm giàu cho bà con họ hàng. Với tiền bạc của Hội Thánh các ngươi dùng vào việc tìm kiếm những lạc thú cho mình và nuôi dưỡng những đứa con đẻ hoang"* (x. Đối thoại tr. 297).

Không hẳn tất cả các linh mục đều mắc phải tật xấu này nhưng không phải là không có. Có nơi giáo dân phản ảnh rất gay gắt việc cha xứ của họ nói quá nhiều về tiền bạc trong các bài giảng lễ, thậm chí Bí tích cũng trở thành phương tiện kiếm tiền. Xin lấy ví dụ: tại một xứ kia có hai đôi hôn phối chưa đủ tuổi Giáo Luật cho phép, vào xin Cha xứ làm lễ cưới, nhưng không được chấp thuận. Một trong hai

đôi biếu linh mục xứ 1 chỉ vàng, liền được làm lễ cưới còn đôi kia thì không. Chuyện khó tin, mà có thực!

Còn chuyện nữa cũng rất đáng để chúng ta suy nghĩ làm bài học. Đó là cách dùng người. Thật lạ khi nghe một vị đáng kính trong cộng đoàn chia sẻ rằng có cha xứ nọ khuyên vị ấy "thà chọn người dốt một tí mà nó biết nghe mình hơn chọn đứa giỏi mà nó chống đối mình." Quan niệm này có lẽ chúng ta cũng sẽ gặp đâu đó trong cộng đoàn của mình. Nghĩ thế không biết đúng hay sai?

Theo ý kiến đóng góp của chị em trong tổ về cách dùng người ấy như sau: Khi chọn những người chỉ biết răm rắp tuân lệnh Cha thì cha cũng phải vị nể chiếu cố họ. Để đáp lại việc vâng lời răm rắp họ đã có với Cha thì khi họ có điều gì cần sự chấp thuận nơi cha thì cha cũng phải đồng ý cho đẹp cả làng, mà chẳng cân nhắc xem lợi hại thế nào cho cộng đồng. Đúng là cha ấy đã qui tụ được một "bộ máy" ban hành giáo ngoan ngoãn, nhiệt tình, nhưng thiếu năng lực và hiểu biết (nhiệt tình + ngu dốt = phá hoại).

Kết quả là linh mục đó đã tự đào hố chôn mình: Với ban hành giáo như thế thì công việc nhà xứ chẳng có gì tiến triển, lại gây mất đoàn kết vì kém hiểu biết, lúc cần bàn bạc ai cũng chỉ thích giữ ý riêng mình…, khi hiểu ra thì sự đã rồi. Hy vọng đây sẽ là bài học kinh nghiệm hữu ích cho những Bề trên – linh mục nào chỉ thấy cái tĩnh lặng của vẻ bề ngoài mà không lường được những cơn sóng ngầm ẩn bên trong cái vỏ bọc bình lặng của những con người chân chất.

3. Nên làm gì để tự bảo vệ mình, bảo vệ chị em và bảo vệ các chủng sinh, linh mục?

Qua những điều tiêu cực cũng như những điều tích cực đã trình bày trên đây, chúng ta cũng nên nhìn lại chính mình. Là những người đồng chí hướng và hiểu hơn ai hết

những tâm tư – tình cảm của con người bên trong. Cô gái nào lại chẳng thấy xao lòng trước vẻ đẹp điềm đạm, phong thái ung dung nho nhã của một chàng trai. Ngược lại có thanh niên nào cưỡng lại được sự rung động của con tim khi bắt gặp vẻ đẹp dịu dàng, duyên dáng, đáng yêu của một thiếu nữ.

Nếu không như vậy chắc hẳn đó không phải là những cô gái, những chàng trai bình thường, mà là những Thiên Thần. Nhưng nói thế không có nghĩa là chúng ta phải yêu hay gắn bó với ai đó một cách mật thiết mới là những con người bình thường. Là Linh mục –tu sĩ chọn lối sống khiết tịnh, chúng ta biết mình vẫn có bản năng yêu thương, có quyền yêu và được yêu, nhưng cách thức thể hiện tình yêu của chúng ta cần được thăng tiến và triển nở cách phong phú phổ quát chứ không được đóng khung với một ai. Vì chúng ta vẫn là một con người với trái tim bằng thịt chứ không phải gỗ đá. Điều ấy phải được minh chứng cách cụ thể ngay trong lối sống thường nhật của mỗi người.

Về điểm này hiến chương Dòng Mến Thánh giá số 19,2 nói như sau*: "Với xác tín sâu sắc về giá trị cao quí của đức khiết tịnh thánh hiến và bằng chính đời sống tươi vui hạnh phúc của mình, chị em hãy chứng tỏ cho thế gian thấy rằng đời sống độc thân vì Nước Trời không cản trở sự phát triển nhân cách và nữ tính, nhưng trái lại, tạo cho chị em một trái tim rộng mở và biết thao thức về hạnh phúc của mọi người."*

Nhưng nói thường dễ, thực hành mới khó, chỉ những ai đang sống và chiến đấu với bản ngã của mình mới hiểu được mình yếu đuối ra sao? Quả thực chúng ta chỉ là những bình sành dễ vỡ. Nếu không nhờ ơn Chúa giữ gìn thì cái bình sành mỏng manh trong chúng ta có lẽ đã vỡ từ lâu rồi. Vậy khi ý thức được sự cao quí mình đã được Chúa yêu thương chọn gọi, chúng ta phải đáp trả lại ra sao, bảo vệ

mình như thế nào trước những mời gọi ngọt ngào của các cơn cám dỗ?

4. Bảo vệ và vun trồng đời sống thánh hiến

Không biết mọi người nghĩ về tình yêu như thế nào? Riêng con vẫn tin rằng: khi Thiên Chúa ươm gieo hạt giống tình yêu nơi trái tim mỗi người, thì Ngài cũng bảo vệ để hạt giống ấy mọc lên và triển nở đúng mùa đúng lúc. Tuy nhiên khi hoa nở Thiên Chúa không tự ý ngắt cũng không ép buộc chúng ta trao dâng cho Ngài, nhưng Ngài để cho chúng ta tự do dâng hiến hay tặng cho ai tuỳ ý.

Nhìn vào vườn hoa thánh hiến của Giáo phận thấy rực rỡ đủ màu muôn sắc hương rất đáng mừng, nhưng cũng đáng lo. Bởi hoa đẹp cũng lắm mà giông bão cũng nhiều. Bao chàng trai cô gái khi bắt đầu bước vào đời sống linh mục – tu sĩ, với trái tim náo nức quyết dấn thân phụng sự Chúa và tha nhân, bằng tất cả nhiệt tâm, hăng say tuổi trẻ. Nhưng rồi theo thời gian nhiệt huyết vơi dần, không chống cưỡng lại được những đam mê, cám dỗ của xác thịt, của tiền tài. Họ dần dần lấy lại những gì mà họ đã lý tưởng dâng hiến Thiên Chúa lúc ban đầu. Họ bắt đầu tìm cách thu tích tiền của, mua sắm cho mình những bộ cánh, phương tiện đắt tiền, khoác lên mình vẻ phong lưu đài các, trau truốt cho mình như những công tử tiểu thư giàu sang, mà nhìn vào thực tế gia cảnh của họ thì…!

Đâu là chứng tá khó nghèo của Phúc âm? Vừa có địa vị chỗ đứng trong Giáo Hội, được mọi người kính trọng vị nể khác nào những Ông vua con, tiền tiêu xả láng với những chuyến du lịch đổi gió khi hè đến, lại có biết bao bông hoa biết cười luôn ngưỡng mộ chung quanh. Cuộc sống ấy ai chẳng ham. Nhưng nếu ai cũng thích tìm cho mình cuộc sống như thế thì có lẽ mỗi người một Chúa mới đáp ứng đủ những nhu cầu, đòi hỏi của họ, mà tiếc thay lại chỉ có một

Chúa, Thiên Chúa lại là Đấng cả ghen, nghiêm khắc với những ai chọn đi theo Ngài rằng *"Anh em không thể làm tôi Thiên Chúa lẫn tiền tài."*

Để sống trung thành với giao ước đã ký kết với lang quân của mình, Giáo Hội cũng như các Dòng tu đã rất khôn ngoan đưa ra những phương thế tự nhiên - siêu nhiên giúp các con cái mình bảo vệ và vun trồng đức thanh khiết như sau:

- Để trung thành giữ đức thanh khiết, hãy dùng những phương thế tự nhiên và siêu nhiên.
- Cẩn trọng trong việc sử dụng những phương tiện truyền thông giao tế xã hội và những hình thức giải trí.
- Thận trọng, giữ luật nội vi, chế ngự giác quan.
- Khước từ hoặc thăng hoá những tình cảm tự nhiên *(Hiến Pháp Thăm Viếng số 8)*

Về phương thế siêu nhiên, Hiến pháp dòng Đa minh số 12 khuyên như sau: *Để trung thành với đời sống khiết tịnh, chúng ta:*

- *Chuyên cần cầu nguyện, tin tưởng vào Lời Chúa và cậy trông vào ơn thánh của Người.*
- *Năng suy gẫm Lời Chúa và lãnh nhận Bí tích Hoà giải.*
- *Sùng kính Mẹ Maria đồng trinh.*
- *Xây đắp tình huynh đệ và bằng hữu đích thực trong cộng đoàn…*

Ngoài những phương thế đã trích dẫn trên, thiết nghĩ điều quan trọng hơn nữa là chính mình phải tự bảo vệ mình

và giúp chị em, các linh mục, chủng sinh tránh những cơ hội có thể dẫn tới sự sa ngã. Những việc chúng ta nên làm như:

- Ăn mặc cách kín đáo, đoan trang, nói năng tế nhị.

- Nên báo cho chị em mình biết về hành vi xấu của linh mục – chủng sinh mà mình biết để chị em cẩn thận đề phòng khi gặp họ.

- Không nên đi một mình khi có việc cần gặp các linh mục, chủng sinh.

- Chúng ta cũng cần giúp họ: quan tâm – động viên giúp đỡ thăm nom những khi đau ốm – quan thầy… là việc tốt, tỏ rõ tình huynh đệ, tương thân tương ái; nhưng phải đi ít là hai người và đừng quá thường xuyên liên tục, phải đúng nơi đúng cách, lịch sự tránh gây sự chú ý hoặc hiểu lầm dẫn đến gương xấu gương mù cho giáo hữu.

- Nhất là vấn đề điện thoại - thư từ: ngày nay việc truyền thông phát triển với những phương tiện hiện đại, siêu nhỏ, gọn. Chỉ với chiếc di động hay 3G là có thể du lịch thông tin trên toàn cầu (thế giới trong lòng bàn tay). Đó cũng là một thách đố lớn cho các linh mục – tu sĩ –chủng sinh.

- Làm người sao tránh khỏi những phút xao động trước lời mời gọi của cám dỗ: Evà xưa biết trái cấm không được phép dùng nhưng trông thì ngon và đẹp mắt, sao cưỡng lại được. Linh mục thi sĩ Nguyễn Tầm Thường cũng có lúc phải thú nhận rằng:

  ‘Hễ biết mặn mà là có sa ngã
  Hễ biết thương nhớ là có xót xa

Tôi biết thế, biết mình sẽ khổ,

Vẫn không muốn tim mình là gỗ'

Thật trung thực khi thừa nhận sự yếu đuối của lý trí trước tiếng gọi của con tim : Dẫu biết *thương nhớ là có xót xa – đau khổ* nhưng lại vẫn muốn. Điều này gợi cho ta nhớ đến tư tưởng thánh Phaolô: «*điều thiện muốn làm, tôi lại không làm, điều dữ không muốn tôi lại cứ làm'.* Vậy đấy ! trong chúng ta có những hai con người đối lập, giằng co khiến đôi lúc ta phải lao đao giữa những chọn lựa : *yêu Chúa hay yêu người,* vì tình yêu xưa nay có trừ ai đâu, mà hình tượng nó thế nào chẳng ai hay:

Tình yêu không biết từ đâu

Đố ai đo được nông sâu thế nào

Bắc thang lên hỏi trời cao

Nửa đường thang gãy ngã nhào vào yêu.

Đường đời có trăm phương ngàn hướng tìm được hướng đi đúng đã khó mà đi sao cho trọn lại càng khó hơn. Thầy Giêsu chính là người hướng đạo duy nhất sẽ chỉ đường cho ta. Chúa Thánh Thần sẽ là nguồn sức mạnh giúp ta có đủ can đảm lên đường. Thánh Phaolô đã dạy rằng "*Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí thì cũng hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước* " (Gl 5, 25). Hãy luôn nhớ ta còn có Đức Kitô hằng an ủi "*chính Thầy đây đừng sợ* ". Chỉ sợ rằng chúng ta không "sống nhờ Thần Khí" mà lại đem thân quí giá với địa vị *Tân Nương* của Chúa đổi sang thân *tầm gửi* sống nhờ một bóng *tùng quân* nào đó thôi.

Sống cho nhau và vì nhau là thái độ sống đẹp cần có nơi các linh mục, tu sĩ, chủng sinh. Nhưng cho gì và vì cái gì lại là điều cần suy nghĩ. Tặng cho nhau những lời cầu nguyện trong âm thầm, khiêm tốn, mong muốn cho nhau những điều thánh thiện là những ước mơ đẹp. Vì các Linh

mục là những Kitô thứ hai Chúa Cha đã đặt ở trần gian này như những ngọn hải đăng, ánh sáng và nhân đức, sự thánh thiện của họ phải có sức lan toả, soi sáng giúp các tội nhân tìm thấy đường trở về với Chúa. Chính Chúa Cha cũng đòi hỏi nơi các linh mục rằng "*cũng như họ muốn chén thánh để dâng lễ vật phải thanh sạch, thì Cha cũng muốn trái tim và linh hồn họ phải thanh khiết. Vì thân xác là dụng cụ của linh hồn, Cha yêu cầu họ hãy giữ gìn thân xác trong Đức ái hoàn thiện, họ đừng để thân xác ra dơ nhớp bởi bùn đen của tội phạm đức khiết tịnh…*" (*Đối thoại tr.113)*

Chắc hẳn ai trong chúng ta cũng hiểu rằng đồ vật càng quí giá càng cao; vị thế đứng càng cao ngã càng đau. Mong rằng các linh mục, tu sĩ, chủng sinh hãy luôn ý thức mình là ai trước khi ý thức mình phải là gì.

Thiết tưởng trong mỗi chúng ta hôm nay cũng nên mặc lấy tâm tình thao thức, trở trăn cùng Giáo hội về những yếu đuối sa ngã của chị em, của linh mục, chủng sinh. Chúng ta có quyền ghét cái xấu nhưng không có quyền lên án và loại trừ những con người yếu đuối khi còn có thể vãn hồi được họ. Phải hiểu rằng linh mục cũng chỉ là những con người với tất cả hạn chế của một thụ tạo, dù cho con người ấy được coi là Chúa Kitô thứ hai, song họ không có thiên tính như Ngài đâu !

C. KẾT LUẬN

"*Các con hãy nên thánh vì Ta là Đấng Thánh*" là lời mời gọi, thúc giục linh mục, tu sĩ, chủng sinh can đảm lên đường. Hãy vững tin rằng Chúa luôn luôn hiện diện với chúng ta, hy sinh đến giọt máu cuối cùng cho chúng ta và dành cho chúng ta những gì tốt nhất, hơn hẳn các cha mẹ trần gian đã làm cho con cái mình. Vấn đề của chúng ta hôm nay là **chúng ta chọn Chúa hay chọn ai?** Thánh Phaolô nói: *"có ai trong anh chị em yếu đuối mà tôi không cảm thấy*

yếu đuối, có ai trong anh chị em sa ngã mà tôi không cảm thấy như thiêu như đốt." Thiết tưởng mỗi chúng ta hôm nay nên lấy tâm tình tương trợ và tha thứ, cùng trăn trở với những yếu đuối sa ngã của chị em, của các Linh mục. Chúng ta có quyền phê phán và ghét những tính mê nết xấu, nhưng không có quyền lên án và loại trừ những con người yếu đuối. Hãy coi đó là bài học nhắc nhở mình và chị em phải cẩn thận đề phòng. Người còn đứng vững trên đàng thánh thiện hãy biết tạ ơn Chúa, đồng thời kiên trung giữ vững tinh thần và cầu nguyện cho những người đang gặp cơn gian nan thử thách, chứ đừng vội cười khi thấy người khác sa ngã. Cha ông ta từng dạy: *"cười người chớ vội cười lâu - cười người hôm trước hôm sau người cười".* Thánh Phao lô cũng nhắc nhở chúng ta: *"Anh em đứng tưởng mình đứng vững. Ai tưởng mình đứng vững hãy ý tứ kẻo ngã"* (1Cr 10, 12). Lời nhắn nhủ ấy phải luôn vang vọng trong tâm hồn mỗi người hầu giúp chúng ta có đủ sức mạnh và tỉnh táo giữa trăm sự vàng thau lẫn lộn của thế gian hôm nay.

[2]

A. DẪN NHẬP

Chúng ta đang sống trong một thế giới phát triển, với những đột phá của kinh tế toàn cầu, sự bùng nổ của công nghệ thông tin và những bước nhảy vọt của khoa học kỹ thuật hiện đại, với lối sống tiện nghi, hưởng thụ đang hấp dẫn nhiều người, nhất là giới trẻ. Tuy nhiên, vẫn có một số người dường như thản nhiên với chuyện đó. Đó là các linh mục, tu sĩ. Họ sống giữa trần gian nhưng không thuộc về trần gian. Họ sống với thế gian nhưng không theo những tiêu chuẩn của thế gian. Họ muốn theo sát Thầy Giêsu qua việc tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm: khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục.

Bài thuyết trình này là dịp để chúng ta lượng giá về sứ mệnh của linh mục, tu sĩ trong thực tế, từ đó rút ra bài học cho chính mình và cho người khác.

B. NỘI DUNG

I. Linh mục hiện thân của Chúa giữa trần gian

Linh mục là những người được thánh hiến đặc biệt cho Thiên Chúa, trở nên đồng hình dạng với Chúa Kitô. Linh mục không chỉ là người chăn dắt mà còn phải trở thành đuốc sáng để hướng dẫn đoàn chiên được giao phó về cùng đích là chính Thiên Chúa. Linh mục sống lý tưởng và sứ mệnh ấy xuyên qua lời hứa độc thân khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục theo gương Đức Kitô.

a. Lời hứa độc thân khiết tịnh

Độc thân khiết tịnh là dấu chỉ niềm hy vọng cánh chung, là sống trước hạnh phúc Thiên đàng, nơi đó con cái

của sự sống lại không còn dựng vợ gả chồng (x. Lc 20, 34-35).

Sống ở Thiên đàng là sống hạnh phúc, sống trong tình yêu Chúa. Để đời sống chúng ta thực sự là dấu chỉ cho con người thời đại thấy trước hạnh phúc vĩnh cửu thì tiên vàn ta phải chứng tỏ hạnh phúc ấy ngay trong cuộc sống của mình. Làm sao họ có thể nhận ra Nước Thiên Chúa khi các chứng nhân lại sống trong buồn thảm, bỏ mà không dứt.

Có dịp tiếp xúc với một số linh mục, con có hỏi, đã bao giờ cha cảm thấy hối tiếc hay buồn phiền vì đã chọn đời sống linh mục chưa? Các cha đều trả lời là chưa bao giờ. Điều đó chứng tỏ rằng các ngài cảm thấy thực sự hạnh phúc trong đời linh mục. Hy vọng chị em chúng ta cũng có một câu trả lời tương tự.

Thứ đến, độc thân linh mục là một tự nguyện. Không phải vì sự chênh lệch giới tính, nam nhiều hơn nữ, mà người linh mục buộc phải sống độc thân. Cũng không phải vì sợ gánh nặng gia đình, sợ mất tự do mà linh mục từ chối lập gia đình. Càng không phải linh mục cố tình từ chối nhu cầu yêu và được yêu của kiếp người. Trái lại, đa số họ có học thức và nhiều điều kiện thuận lợi khác để tạo lập một tương lai huy hoàng và một gia đình hạnh phúc. Nhưng họ tự nguyện từ bỏ tình yêu có tính vị kỷ ấy để có tình yêu lớn nhưng không bị san sẻ. Vì thế, đã có người nói:

Là tu sĩ có tình yêu không nhỉ
Nếu nói có là những kẻ si tình
Nếu nói không là những vật vô tri
Không là thứ tình cảm li ti
Có là có thứ tình yêu đại hải
Có mà không, không mà có thế mới kì.

Tuy nhiên, linh mục cũng bị cám dỗ về đức khiết tịnh. Ai trong chúng ta có thể khẳng định là chưa một lần bị cám dỗ về nhân đức khiết tịnh? dù tuyên khấn rất cương quyết, ý thức và tự do. Linh mục cũng không tránh khỏi. Ai trong chúng ta cũng biết quá rõ linh mục là phái mạnh, nếu nữ tu là phái yếu mà còn phải chiến đấu thì linh mục càng phải chiến đấu hơn rất nhiều, dù khi chịu chức rất sốt sắng và thánh thiện. Hơn nữa, nữ tu phần lớn sống với cộng đoàn, còn linh mục thì không hoặc rất ít. Vì thế, cám dỗ về đức khiết tịnh là điều dễ xảy ra. Chính cha Nguyễn Tầm Thường cũng đã nói lên tâm sự của một linh mục với Chúa về sự cô đơn ấy: *"Đêm nay, nhìn màu áo trong thinh lặng của đêm trằn trọc tâm tư. Có nhiều thứ cô đơn trong cuộc sống. Cô đơn con muốn nói với Chúa đêm nay là cô đơn mà một linh mục thấy cô đơn hơn cả. Nỗi cô đơn con muốn nói với Chúa đêm nay ở sâu mãi trong tâm hồn con. Những cô đơn khi con không muốn nghĩ về Chúa, không muốn nói về Chúa*". Tuy vậy, các ngài đã can đảm vượt qua để sống độc thân khiết tịnh dù hiểu quá rõ mình sẽ phải đối mặt rất nhiều thử thách khi bản năng con người chỗi dậy.

b. Khó nghèo như Chúa Kitô

Linh mục được mời sống khó nghèo để nên giống Chúa Kitô. Là người có bằng cấp, nghĩa là có tương lai với nghề nghiệp tốt, nhưng các linh mục đã từ bỏ tất cả, chấp nhận chọn lựa một "nghề nghiệp" mà trần gian cho là điên rồ. Sống có tiền như không có, sử dụng như không sử dụng, để trở nên giống Đấng không có chỗ tựa đầu.

Với nữ tu, một mặt đã khấn khó nghèo, một mặt đã có nhà Dòng cung cấp, nên không phải lo gì về cuộc sống, về tiền bạc. Nhưng với linh mục triều thì hầu hết họ phải tự lo. Dù vậy, họ vẫn không lo lắng sao cho có vật chất. Họ *"Giũ bỏ khỏi lòng mình khát vọng chiếm hữu bất cứ thứ gì không cần*

thiết, dư thừa hoặc không thích hợp đối với người muốn theo Chúa" (Lm 17).

Thứ đến, việc sống nghèo nơi linh mục như một điều cần thiết để có thể giúp đỡ những người cần được giúp đỡ. Có một thực tế không thể phủ nhận là các mầm non ơn gọi nam hầu hết nhận được sự giúp đỡ từ các linh mục. Sự giúp đỡ không chỉ về mặt tinh thần mà còn được cụ thể bằng phương tiện vật chất nữa. Sự giúp đỡ ấy sẽ không thể có nếu linh mục không sống nghèo.

Cuối cùng, nhờ sống nghèo nên linh mục không lo cho nhu cầu cá nhân mà chỉ lo cho giáo xứ, họ đạo. Một mẫu gương về đời linh mục mà ai trong chúng ta cũng biết và cảm phục, đó là Cha thánh Gioan Maria Vianey. Ngài dùng mọi thời giờ để giúp giáo xứ thăng tiến về đạo đức – ngày giải tội đến 17 tiếng/ngày. Còn về cuộc sống, nhu cầu của cá nhân thì dường như không quan tâm, đến độ khoai luộc một lần ăn cả tuần.

Tình thương và lòng bao dung quảng đại không những chỉ thể hiện qua đời sống tinh thần, nhưng còn được thể hiện qua việc trao ban cách quảng đại bằng vật chất. Có những linh mục không làm ngơ trước hoàn cảnh sống khổ cực của anh em dân tộc, và đã dâng cúng cả số tiền lớn để giúp họ xây dựng nhà thờ và phục vụ cho nhu cầu sống của họ. Còn về phần các ngài lại sống rất giản dị.

Còn nữ tu chúng ta, tuy không có tiền vì đã tự nguyện dâng hiến cho Chúa tất cả, nhưng nhiều khi chúng ta vẫn muốn chiếm hữu, đem lòng ước ao của cải. Ta hay mong có điện thoại di động sành điệu, mong có vi tính xách tay sang trọng, mong có xe máy xịn… Nếu vậy, chúng ta đã thực sự dâng hiến và sống tinh thần khó nghèo chưa ?

c. Vâng phục theo gương Đức Kitô

Tự do là một trong những món quà cao quý nhất mà Thiên Chúa ban cho con người. Nhưng linh mục đã tự nguyện dâng cho Chúa món quà quý giá này cách long trọng và công khai trong ngày thụ phong. Từ đây, ngài không còn sống theo ý của cá nhân mình nữa mà sống theo ý Chúa, qua việc vâng lời bề trên hợp pháp. Đây không phải là sự vâng lời của tôi tớ, nhưng của người con sinh ra trong tự do của con cái Thiên Chúa (Rm 8, 21).

Sự vâng lời này được thể hiện rõ ràng qua việc thuyên chuyển từ xứ này sang xứ kia khi nhu cầu mục vụ của giáo phận đòi hỏi. Dẫu biết rằng, linh mục hẳn sẽ lưu luyến ít nhiều với giáo xứ mình đã quen, đã đặt hết tâm huyết xây dựng. Có khi linh mục còn lo lắng về nhiệm sở mới với bao khó khăn. Chính giáo dân cũng không muốn cha xứ đổi. Họ ước mong, và thậm chí còn làm đơn xin cha ở lại với họ. Nhưng đó không phải là lý do đủ để linh mục không chấp nhận sự bổ nhiệm mới của Đức Giám Mục. Trái lại, bằng tinh thần vâng phục, linh mục sẵn sàng vâng theo ý bề trên, dù có khó khăn.

Tuy nhiên, ta tìm thấy lý do sâu xa cho sự vâng phục nơi các linh mục là chính căn tính của linh mục. Linh mục được gọi là Chúa Kitô khác (Alter Christus), phải trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô. Điều ấy được thể hiện ở nhiều khía cạnh, trong đó vâng phục đóng một vai trò không thể thiếu. Như Chúa Kitô đã vâng lời Chúa Cha đến nỗi bằng lòng chịu chết, thì linh mục cũng phải vâng lời Thiên Chúa, qua bề trên như vậy.

Vì thế, khi sống đức vâng phục là linh mục đang họa lại hình ảnh của Chúa Kitô, không còn sống cho chính mình, mà sống cho Chúa và cho Giáo hội của Người.

II. Thực trạng linh mục trong thế giới ngày nay

1. Thực trạng thế giới

Ánh sao Giêsu rạng ngời đang bị che chắn bởi ánh sương mù vật chất. Cuộc đời trần tục đã từ chối Đấng dâng hiến mình trên thập giá để đổi lấy cho chúng ta sự sống siêu nhiên và hạnh phúc vĩnh cửu. Cha Gioan Vianey đã thẳng thắng vạch rõ: *"Anh chị em đã xúc phạm đến danh Thiên Chúa, đã ngày đêm mê say trong thanh lâu tửu quán. Anh chị em cuồng loạn theo đuổi những cuộc khiêu vũ độc hại, anh chị em đã gặt trộm sang ruộng lúa bên cạnh".* Ngày xưa có những cô gái, cậu trai vừa chăn trâu vừa đọc sách, vừa xem tranh vừa đan áo trên cánh đồng. Các cậu các cô lợi dụng thời giờ để nên thánh. Ngày nay nếu còn chăn trâu, các cô các cậu dành thời gian đọc tiểu thuyết và mơ mộng. Sự ồn ào đã phá hủy sự thinh lặng của Thiên Chúa. Thế giới quay cuồng đang biến thành dàn nhạc mà Satan là nhạc trưởng. Ngọn roi của Satan đã vụt trên lưng nhân loại tội lỗi. Satan đã chiếm ưu thế trên thế giới. Ngoài cái chết của thân xác, nó còn dẫn con người đến một cái chết vô cùng thảm khốc: cái chết đời đời của linh hồn.

Trước thảm trạng quá nguy ngập của thế giới đang mất dần ý thức về sự hiện diện của Thiên Chúa như thế, đời sống linh mục hôm nay cũng dễ bị rơi vào những cơn cám dỗ về cải vật chất. Thật vậy, chỉ cần nhìn vào thực trạng của đời sống linh mục ngày nay ta thấy vấn đề tiền bạc có một vị trí quan trọng trong đời sống linh mục. Một số linh mục rơi vào vòng xoáy của tiền, tài, tình. Lý do sâu xa dẫn đến thảm trạng này là việc người linh mục chưa sống theo sát Đức Kitô qua các lời khuyên Phúc Âm.

2. Những điều chưa hoàn thiện nơi một số linh mục

a. Về đức khó nghèo

Tự bản chất, tiền bạc là phương tiện phục vụ con người. Nhưng không phải ai cũng hiểu và thực hành như vậy. Một số người đang phục vụ cho tiền bạc. Họ tôn thờ tiền bạc và coi chúng như mục đích của cuộc sống. Họ cho rằng, người coi khinh tiền bạc là những hạng ngu đần. Tiếc thay, trong số họ lại có cả một số linh mục.

Hẳn các linh mục đều biết lời của Chúa Giêsu nói với người thanh niên giàu có: *"Ngươi hãy đi bán tất cả gia tài, bố thí cho người nghèo khó thì sẽ được kho tàng trên Trời rồi đến theo Ta."* Ở một chỗ khác, Ngài đã kêu gọi người Tông Đồ không được dính bén của cải: "*Này ta sai các con như chiên vào giữa bầy sói… Đừng mang ví tiền, bao bị, giầy dép…"(*Lc 10, 1-12).

Tuy nhiên, biết và sống là hai việc khác xa nhau nơi một số linh mục. Họ vẫn sống trong nhà lầu, xe hơi. Họ sinh hoạt với tiện nghi sang trọng, đắt tiền… Nếu ai hỏi thì câu trả lời thường là: "chỉ là phương tiện thôi mà!"

Linh mục được coi là họa ảnh của Chúa Kitô, nhưng dường như giữa Chúa Kitô và một số linh mục là hai bức họa khác xa nhau, nếu không muốn nói là đối lập nhau. Đức Kitô là người sống vô gia cư, chết vô địa táng; nhưng thánh Phaolô bảo: *"Đức Kitô vốn giàu có đã trở nên nghèo khó vì chúng ta, để chúng ta được nên giàu có nhờ sự khó nghèo của Ngài"*. Nơi khác, thánh nhân còn nói: Đức Giêsu đã "*không đòi cho được ngang hàng cùng Thiên Chúa",* nhưng trái lại đã tự hủy mình ra không mà nhận lấy thân phận tôi đòi (Pl 2, 6-7). Tất cả cho ta cảm nhận rõ cái nghèo nơi Con Thiên Chúa làm người. Còn nơi một số linh mục thì ngược lại: trước khi làm linh mục chẳng có gì, mà sau khi làm linh mục lại chẳng thiếu gì. Như thế, trong khi Chúa Giêsu, vốn giàu trở nên nghèo, thì linh mục vốn nghèo lại trở nên giàu.

Thật ra, mẫu gương nghèo khó của Đức Kitô phải nâng linh mục lên đồng hình đồng dạng với Người trong sự tự do nội tâm đối với của cải và sự giàu sang trần thế. Chỉ có Thiên Chúa là của cải đích thực duy nhất, và sự sống đời đời là sự giàu sang chân thật duy nhất: *"Được lời lãi cả và thế gian mà thiệt mất sự sống mình nào có ích gì ?"*

Hơn thế nữa, linh mục nhận được nhưng không thì cũng phải ban phát nhưng không. Tất cả những gì nhận được khi thi hành chức vụ, ngoài việc đảm bảo cuộc sống, linh mục phải sử dụng phần còn lại cho lợi ích của Giáo Hội. Dù không khấn đức khó nghèo, linh mục vẫn phải sống một cuộc sống giản dị và xa lánh tất cả những gì là phù phiếm. Linh mục phải tự nguyện sống khó nghèo để theo sát Đức Kitô, trong mọi lãnh vực nhà ở, đồ ăn thức uống, phương tiện đi lại, nghỉ ngơi giải trí… Linh mục phải loại trừ mọi kiểu cách xa hoa và phô trương. Là bạn hữu với người nghèo, linh mục phải dành cho họ những chăm sóc tế nhị của đức ái mục tử. Linh mục không bao giờ quên rằng sự khốn cùng mà con người cần được giải phóng là sự nghèo khó thiêng liêng.

b. Về đức vâng lời

Hy lễ thập giá của Đức Kitô có giá trị và ý nghĩa cứu độ là nhờ sự vâng phục và trung thành với ý muốn của Chúa Cha. Ngài đã vâng lời cho đến chết và chết trên thập giá (Pl 2, 6). Ngài đã học vâng phục qua đau khổ. Sự vâng phục Chúa Cha của Đức Kitô nằm ở trung tâm chức tư tế của Ngài. Nhờ vâng phục, linh mục học biết ý Thiên Chúa biểu lộ nơi bề trên hợp pháp. Sẵn sàng vâng phục diễn tả sự tự do cá nhân, kết quả của sự lựa chọn trưởng thành trước mặt Chúa trong mọi việc. Sự vâng phục của linh mục gắn liền với lời hứa trong bí tích Truyền chức thánh. Qua lời hứa này, linh mục nhấn mạnh ý muốn phục tùng Đức Kitô và Giáo Hội. Vậy phải sẵn sàng đón nhận mọi chỉ bảo đúng đắn của bề trên và

chấp nhận trung thành chu toàn nhiệm vụ Đấng bản quyền trao phó.

Thế nhưng thật đáng tiếc, trong thực tế, một số linh mục đã lãng quên lời hứa vâng phục Thiên Chúa và Hội Thánh trong ngày lãnh tác vụ thánh. Đôi khi họ chưa dễ dàng vâng theo sự sắp đặt của Giám mục trong việc thuyên chuyển từ xứ này sang xứ kia, từ nơi này đi nơi khác. Đôi khi một số linh mục còn tỏ ra không hài lòng, nếu không nói là bất mãn khi được Đức Giám Mục nhắc nhở về công tác mà mình đảm trách, hoặc về tương quan với người này người kia.

c. Về đức khiết tịnh

Độc thân khiết tịnh không phải là chuyện lấy vợ hay không, nhưng là một sự tự ý kiêng hãm vì Nước Trời. Đây cũng không phải là một mệnh lệnh nhưng là một lời khuyên. Sắc lệnh về đời sống linh mục của Vaticano II đã khẳng định: *"Sự tiết dục vĩnh viễn vì Nước Trời đã được Chúa Kitô khuyến khích, mà qua các thời đại và cả ngày nay, vẫn được một số đông Kitô hữu sẵn lòng chấp nhận và tuân giữ một cách đáng khâm phục. Giáo Hội vẫn luôn quý trọng đời sống độc thân linh mục. Giáo Hội và con người càng cảm phục và biết ơn các linh mục bao nhiêu càng đòi linh mục phải sống đúng với những gì các ngài đã lãnh nhận."*

Nhưng đi sâu vào thực tế đời sống, ta thấy, đức khiết tịnh linh mục bị sa sút rất nhiều trong những năm gần đây. Mặc dầu các linh mục đã hy sinh sống độc thân, nhưng vì họ cũng là con người, cũng mang tính xác thịt, nên không tránh khỏi những lỗi lầm ảnh hưởng đến đức thanh khiết. Những vấp ngã trong chuyện tình cảm giữa người này với người kia là một vấn đề lớn. Cứ nhìn vào việc một số linh mục nhận nữ tu làm con thiêng liêng ta sẽ rõ. Ban đầu với ý tưởng tốt lành và thánh thiện là giúp nhau trong đời sống tu trì, nhưng trong

thực tế đâu chỉ có như vậy. Nó còn nảy sinh bao mối tương quan ngang trái, nặng mùi phái tính. Vì thế, người ta thường nói, khởi đầu trong tinh thần, kết thúc trong xác thịt. Hoặc nhẹ nhàng hơn cũng dẫn đến đời tu bị chao đảo, nếu không muốn nói là mất tu, hoặc có tu nhưng tình yêu bị chia năm sẻ bảy.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LÀM

1. Đối với các linh mục

Thời nào cũng vậy, nhất là trong xã hội hôm nay, nhiều linh mục sống xa tinh thần của Đức Kitô, tinh thần mà Thiên Chúa và Giáo hội muốn cho họ theo sát. Vậy điều đầu tiên chị em chúng ta phải làm cho các linh mục là cầu nguyện, để các ngài sống đúng với căn tính của mình. Chỉ có sức mạnh của lời cầu nguyện mới giúp các linh mục can đảm và cương quyết, lướt thắng tất cả những khó khăn, bất công và những nỗi đau khổ mà linh mục phải chịu. Nhờ cầu nguyện, linh mục sẽ tiếp tục dâng thánh lễ cách thánh thiện mà kéo nhiều ơn Chúa xuống cho con người và thế giới. Nhờ cầu nguyện, linh mục sẽ đón nhận cuộc đời lao nhọc, vất vả, gian khổ như Chúa Giêsu. Nhờ cầu nguyện, đời sống linh mục sẽ trở nên thanh cao siêu thoát giữa trần gian đầy quyến rũ, mê hoặc, để chỉ say mê những gì thuộc về Thiên. Cầu nguyện để các linh mục ý thức đời linh mục phải là một đời lý tưởng trỗi vượt hơn hết các lý tưởng trần gian, và hăng say theo đuổi hơn bất cứ lý tưởng nào khác.

Có được như thế, linh mục sẽ trở thành tấm gương phản chiếu Chúa Giêsu khiêm nhường, hiền từ, khôn ngoan, nhã nhặn, biết yêu thương tất cả mọi người. Khi có được sức mạnh của Thiên Chúa qua cầu nguyện, đời linh mục sẽ luôn vui tươi, hăng hái với đầy lòng tin, cậy, mến yêu Thiên Chúa. Nhờ cầu ngyện, linh mục sẽ luôn biết thưa “vâng” liên lỉ đối với Thiên Chúa trong hết mọi hoàn cảnh của cuộc đời trong

tình con thảo đối với vị đại diện của Thiên Chúa ở trần gian này. Nhờ cầu nguyện, linh mục sẽ được Thiên Chúa thông ban cho sự khôn ngoan, giàu thiện chí và quảng đại để gạt ra ngoài những mối lợi riêng tư, để chỉ chuyên lo một việc là hiến tế cho Thiên Chúa và tìm an vui hạnh phúc cho các linh hồn. Cầu nguyện để các linh mục biết dùng đôi môi thanh khiết mà hôn yêu chính Chúa Kitô hàng ngày. Cầu nguyện để các linh mục biết dùng miệng lưỡi của mình nói những lời xây dựng, hiền từ, hòa nhã, khôn ngoan và dịu dàng với tình yêu chân thành, trong sạch…. Cầu nguyện để linh mục đừng bao giờ nóng nảy, giận giữ, đôi khi căm hờn. Cầu nguyện để linh mục đừng bao giờ tự đề cao mình mà chê bai anh em đồng nghiệp.

2. Đối với chính mình và chị em

Là người được thánh hiến cho Thiên Chúa và là người của Chúa, chị em chúng ta cũng không mất đi, hay Chúa cũng không cất đi cho chúng ta khỏi tính yếu đuối của kiếp người. Chính vì thế, trong khi cầu nguyện cho các linh mục, chúng ta cũng không quên cầu nguyện cho chính mình và cho chị em của mình nữa.

Cầu nguyện để chị em chúng ta hiểu và sống đúng với những gì mình đã cam kết với Chúa trong ngày tuyên khấn. Cầu nguyện để chị em chúng ta sống đúng sứ mạng của người tuyên khấn là tham dự vào sự thánh thiện của Thiên Chúa. Phải ý thức mình là người được chọn từ muôn thuở "trong" và "nhờ" Đức Kitô để nên thánh, để tham dự vào "đời sống thánh thiện" của Thiên Chúa. Hơn nữa, theo một cách thức triệt để và hiển nhiên hơn, người thánh hiến được mời gọi trở thành bức họa sống động của Đức Kitô, như Tông huấn đời sống thánh hiến đã viết: *"Sự thánh hiến đặc biệt của họ không là gì ngoài lời mời gọi trở nên đồng hình dạng với Đức Kitô, nghĩa là nên một với Người, có cùng một nhịp đập với trái tim của Người, có chung một ước mơ và nguyện vọng*

với Người. Sẵn sàng từ bỏ để tìm thấy chính mình trong Người, làm cho mọi cảm nghĩ của Người trở thành của mình và luôn xác tín rằng mình chẳng làm gì được nếu không có Thiên Chúa".

Ý thức rõ được điều đó nên chị em phải cầu nguyện và sống kết hợp với chính Thiên Chúa trong cuộc sống thường ngày. Phải tránh những "dịp" có nguy cơ lỗi các lời khấn của mình. Không nên gần gũi thân thiện với bất cứ một ai nếu đều đó làm mất đi vẻ trong trắng hồn nhiên thánh thiện của một nữ tu đã là của Chúa và thuộc về Chúa. Không nên sống lệ thuộc vào người khác nếu sự lệ thuộc đó đánh mất căn tính của chính mình. Là nữ tu, không nên nhận bố-con cách tuỳ tiện, với ý định bù đắp những thiếu thốn.v.v. Hơn thế nữa, điều chúng ta cần làm và nên làm là luôn ý thức mình là người đã được thánh hiến dành riêng cho Thiên Chúa. Đời sống của mình phải trở thành dấu chỉ và sự hiện diện sống động của Thiên Chúa, một dấu chỉ trung thực và dễ đọc, để con người thời nay chóng nhận ra khuôn mặt của Đức Kitô qua cuộc sống chúng ta.

Ngoài ra, chúng ta không chỉ cầu nguyện mà còn cần giúp đỡ chị em mình nữa. Hãy giúp đỡ chị em qua việc nhắc nhở trong tình huynh đệ, cách chân thành, đơn sơ. Hãy giúp đỡ chị em chỉ vì mục đích cao cả là cùng dìu dắt nhau trên con đường mình đã chọn, để con đường đó dẫn chị em chúng ta đến gặp chính Thiên Chúa là Đấng chị em chúng ta ngày đêm kiếm tìm. Có được như thế đời sống chị em mới dễ thông cảm và hiểu nhau hơn, biết chấp nhận nhau hơn, dù mỗi người một tính nết khác nhau.

C. KẾT LUẬN

Con xin mượn lời nhạc phẩm CHỌN TÔI ĐỜI LINH MỤC của Linh mục Tiến Linh để thay lời kết cho phần thuyết trình hôm nay.

[3]

A. DẪN NHẬP

Trước thực trạng toàn cầu hoá, mối quan hệ của con người ngày nay biến đổi, không còn khép kín như các thế hệ trước nữa: một cái nhìn mở rộng và hướng về hoạt động nhiều hơn. Vì thế, con người đòi hỏi phải có sự liên đới giao tiếp nhiều hơn với nhiều tầng lớp khác nhau để học tập, làm việc, buôn bán, trao đổi, giao tiếp, v.v...

Hơn bao giờ hết, quan niệm về tự do được giải phóng khỏi những ràng buộc, những giới hạn và những hình thức áp lực được coi là " *thời sự nóng*". Nhân loại phải đổ mồ hôi nước mắt và thậm chí cả máu nữa mới đạt được những tự do căn bản sau những cuộc đấu tranh. Tuy nhiên, cuộc sống con người không bao giờ đạt được tự do tuyệt đối khỏi những ràng buộc và giới hạn, vì sống là tương giao, là nhập cuộc, dấn thân, liên luỵ. Chính Chúa Giê-su đã nhập thể làm Người và đã đi bước trước trong việc sống hoà đồng với mọi người, không phân biệt giai cấp giàu - nghèo, tốt hay xấu, bất chấp những khác biệt về phái tính, chủng tộc, màu da… với mục đích thăng tiến họ.

Vấn đề là con người ngày hôm nay đã sử dụng tự do ấy như thế nào? nhất là trong thời đại văn minh đề cao chủ nghĩa cá nhân? Kể cả những người sống đời thánh hiến đang làm việc trong xã hội thay đổi không ngừng đó. Tất cả những hoạt động như mục vụ giáo xứ, truyền giáo, giáo dục đức tin cần phải có sự cộng tác với nhau để cùng làm việc và xây dựng Giáo Hội mỗi ngày thêm thăng tiến hơn, vì bên cạnh những ý hướng ngay lành đó vẫn còn có những mặt trái của nó.

B. NỘI DUNG

I. Những điều khiến chị em cảm phục và biết ơn đối với các linh mục liên quan tới 3 lời khấn dòng của chị em.

"Không ai là một hòn đảo" vì con người được sinh ra mang bản tính xã hội, sống phải có sự liên đới với nhau để bổ túc cho nhau tuỳ theo lãnh vực mà mình liên quan chẳng hạn: cha mẹ với con cái, anh chị em với nhau, bạn bè, những người cùng lý tưởng như tu sĩ, linh mục. Họ liên đới với nhau trong khía cạnh tinh thần như cầu nguyện, chia sẻ lý tưởng đời tu…hay trong công việc mục vụ giáo xứ, tông đồ, giáo dục đức tin. Vì thế, giao tiếp là vấn đề cần thiết trong thời đại hôm nay, đặc biệt liên quan đến:

a/ Lời khấn khó nghèo

Tinh thần nghèo khó bắt nguồn từ mầu nhiệm tự hạ của Đức Ki-tô (Pl 2,6-8) và linh đạo gia đình Nazaret. Với lời khấn nghèo khó, người thánh hiến cam kết chấp nhận sự hạn chế, tuỳ thuộc vào bề trên, vào Hội Dòng trong việc định đoạt, sử dụng tài sản theo Hiến Chương và Nội Quy (GL 600). Khi làm bất cứ việc gì liên quan tới của cải vật chất đều phải có phép của bề trên. Như vậy khó nghèo là tự nguyện để đi theo Đức Giê-su.

Đời sống con người ngày nay không ngừng được cải thiện, nhưng con người lại quá nghiêng chiều về xác thịt, sống chỉ thích hưởng thụ mà thôi. Họ cố gắng làm sao ngày càng làm ra thật nhiều tiền để có thể mua sắm, vui chơi, nhằm phục vụ cho nhu cầu và lợi ích cá nhân. Nhưng với lời khấn nghèo khó, người nữ tu dấn thân trên con đường thánh hiến như lội ngược dòng thời đại đang coi của cải như là phương tiện cứu cánh để đạt được mục đích. Vì thế, một số linh mục có sự hiểu biết về luật dòng đã sẵn sàng giúp đỡ

một số chị em về vật chất để chị em có cơ hội học tập hay chữa bệnh cũng như có phương tiện để phục vụ mà không đòi hỏi điều kiện gì, miễn là chị em đạt tới mục đích ơn gọi.

Nếu không vì tình yêu Đức Ki-tô và thao thức ơn gọi cho cánh đồng truyền giáo của Giáo Hội thì chắc hẳn ít có ai dám hy sinh của cải mình cho người khác mà lại không mong đợi họ đền ơn đáp nghĩa cho cân xứng với điều mình cho đi. Các ngài không chỉ nâng đỡ về vật chất mà thôi, mà còn bằng cả tinh thần nữa qua lời cầu nguyện, gương sáng tông đồ, cử hành các Bí Tích…. Sự giúp đỡ của các ngài có mục đích rõ ràng, cần thiết nên chị em đã đón nhận với lòng biết ơn sâu xa nhưng vẫn giữ được tinh thần thánh hiến nghèo khó.

b/ Lời khấn khiết tịnh

Người thánh hiến bắt chước Đức Ki-tô sống khiết tịnh vì Nước Trời, lấy Đức Ki-tô làm điểm xuất phát vì chính nơi Ngài mà đức khiết tịnh được mạc khải và biểu lộ. Sống khiết tịnh thánh hiến là gìn giữ trái tim không bị phân chia và hiến dâng trọn vẹn con người mình cho Đức Ki-tô (1Cr 7,32-35; Đsth 21), để cùng với Người hân hoan phục vụ Nước Trời (Mt 19, 12). Bằng lời khấn khiết tịnh, người thánh hiến cam kết giữ sự tiết dục hoàn toàn trong đời sống độc thân vì Nước Trời (GL 599).

Tấm gương hy sinh từ bỏ của các linh mục đã làm cho chúng con cảm phục và trân trọng: là một con người rất bình thường, nhưng đã từ bỏ bậc sống gia đình, sự nghiệp và cả tương lai hứa hẹn phía trước để đi theo tiếng gọi của Chúa. Đứng trước một xã hội xáo trộn, tự do sống thử trước hôn nhân, tự do yêu đương, đồng tính luyến ái… đang là vấn đề "thời sự nóng"… cùng với lối giáo dục phi tôn giáo và đạo đức đã làm suy đồi nền luân lý nơi con người, thế nhưng, các ngài vẫn là những tấm gương sáng ngời làm chủ tình cảm

yếu đuối của mình. Để được như vậy chắc chắn các ngài phải có đời sống cầu nguyện thân mật với Chúa và có một đời sống thánh thiện đích thực.

Ý thức được bản tính yếu đuối mong manh vốn dễ sa ngã của con người nên trong những mối tương quan, các ngài luôn thể hiện là con người đứng đắn, có Chúa hiện diện, làm gương sáng trong lời ăn tiếng nói, trong cách cư xử, lối sống của mình khiến mọi người nhận được sự bình an khi gặp gỡ các ngài. Chính lối sống tốt lành ấy đã ảnh hưởng rất lớn tới những người sống xung quanh.

Tóm lại, phong cách sống của mỗi người sẽ ảnh hưởng đến những người khác, nhất là những người có vai trò lãnh đạo như các Giám mục, linh mục, nữ tu… thì ảnh hưởng ấy có sức lan rộng lớn hơn. Vì vậy đời sống của các ngài phải luôn chiếu sáng niềm vui thánh thiện, phản chiếu khuôn mặt tốt lành của Thiên Chúa cho mọi người.

c/ Lời khấn vâng phục

Sống đức vâng phục thánh hiến là thao thức tìm kiếm thánh ý Chúa qua những yếu tố trung gian, đem hết sức lực trí tuệ và ý chí, năng khiếu tự nhiên và ân huệ siêu nhiên để thi hành Thánh ý Người (Dt 14-2).

Các linh mục hay những tu sĩ cũng là những con người như bao người khác, nên cũng có cái tôi của mình. Nhưng với mục đích siêu nhiên, họ sẵn sàng đón nhận ý muốn của bề trên thay cho ý muốn của mình. Quả thực sống tinh thần vâng phục không phải là chuyện đơn giản, nó đòi hỏi phải hy sinh chính bản thân mình. Nào ai hiểu được nỗi đau ấy nhất là khi linh mục phải chuyển tới xứ mới có nhiều khó khăn, thiếu thốn tiện nghi cùng với những tập tục không hợp với ý muốn của mình, đặc biệt khi phải chuyển tới những nơi hay xảy ra sự va chạm giữa cha xứ với giáo dân.

Tuy rằng gánh nặng và thách đố đang ở phía trước, song các ngài vẫn một lòng vâng theo sự sắp xếp của bề trên, sẵn sàng ra đi minh chứng cho tinh thần trung thành, vâng lời với sự tín thác, tin tưởng vào sự quan phòng của Chúa.

Khi được chứng kiến tấm gương ấy, chúng con không thể không cảm phục mà còn được đánh động để nhìn lại chính mình để rồi cố gắng dấn thân hơn nữa, từ bỏ hơn nữa và vâng lời hơn nữa.

II. Những buồn phiền lo âu và thấy cần cầu nguyện hơn nữa cho linh mục?

Một thực tế cho thấy tiện nghi vật chất đang được con người ngày nay đề cao và người ta ít hiểu được thế nào là khó nghèo theo tinh thần Phúc âm. Đời sống linh mục hôm nay cũng dễ rơi vào cơn cám dỗ bởi trào lưu hưởng thụ của cải vật chất. Có những linh mục chỉ thích chơi với người giàu thôi, bởi vì họ thường xuyên biếu cha những món quà rất quý giá cùng với những lần mời cha xứ tới nhà dự tiệc… Còn với giáo dân nghèo thì sao? Dường như cha không quan tâm gì tới họ là mấy. Chính vì thế họ cảm thấy ái ngại khi đến thăm cha.

Tuy linh mục không có lời khấn khó nghèo công khai như tu sĩ nhưng các Ngài cũng được kêu mời sống tinh thần nghèo khó trong cách ăn mặc, cũng như việc sử dụng các tiện nghi. Tránh mọi hình thức sang trọng, xa hoa. Thế nên, để sống đời linh mục như Chúa đòi hỏi thì người linh mục cần phải có đời sống kết hợp với Chúa, suy niệm Lời Chúa để lắng nghe Chúa dạy và làm chứng cho Chúa: *“Phúc cho ai có tinh thần nghèo khó”* (Mt 5,3).

Trong bối cảnh xã hội đầy đủ tiện nghi hiện nay, một số linh mục cho rằng phải có những phương tiện để hoạt động tông đồ. Nhưng người linh mục của Chúa cần phải khiêm tốn, chỉ nên sử dụng nó như phương tiện để xây dựng mở mang Nước Chúa mà thôi. Đây chính là lý do khiến linh mục không được sử dụng của cải để kinh doanh nhưng các Ngài cần phải nghĩ tới việc xây dựng mở mang Giáo Hội, cổ võ việc giáo dục đức tin như: dạy giáo lý, mở các lớp bồi dưỡng nhân cách con người.

Với công nghệ tiên tiến như vậy thì người linh mục cần phải trưởng thành trong việc sử dụng internet, các phương tiện truyền thông. Nhất là việc lựa chọn các tài liệu sách báo, coi chừng phim ảnh thiếu trong sạch rất dễ kích thích tính dục nơi con người.

Linh mục cũng không nên lạm dụng rượu bia: chính khi uống rượu quá nhiều nó sẽ làm cho người ta không làm chủ được lý trí, lại kích thích mạnh bản năng khiến dễ sa ngã về đức khiết tịnh.

Người linh mục cần phải trưởng thành về vấn đề tình cảm, phát triển tình yêu phổ quát, không nên quá thân mật, tin tưởng tuyệt đối nơi người giúp việc cho ngài, điển hình như cô bếp. Một số linh mục coi cô bếp như “number one”, mọi vấn đề đều được thông qua cô bếp của Cha. Ai có muốn gặp Cha thì cũng phải được sự cho phép của cô bếp. Cô có cho ai gặp thì người ấy mới được. Chính vì vậy khiến cho giáo dân cảm thấy rất khó chịu.

Linh mục cũng nên tránh nói những lời khiếm nhã, những lời nói dâm dật để khỏi bị cám dỗ về sự thiếu trong

sạch. Một điều đáng buồn nữa là có một số linh mục thiếu lịch sự, thiếu khôn ngoan trong cách phát ngôn: lợi dụng tòa giảng thay vì giảng dạy Lời Chúa thì ngài đã cao giọng chửi, trút giận trên giáo dân, thậm chí còn bêu xấu một số linh mục, tu sĩ khác khiến cho giáo dân thay vì đi lễ ở giáo xứ mình thì chạy sang giáo xứ khác để đi lễ.

Linh mục cần tránh việc yêu thương riêng tư, xây dựng tình cảm lén lút với những người cộng tác với cha trong công tác mục vụ tông đồ như: nữ tu, giáo lý viên, ca viên… Ngoài ra cũng không nên liều mạng đến những nơi cám dỗ, nên có khoảng cách và giới hạn đối với những người hấp dẫn mình. Cần phải cảnh giác với những yếu đuối của mình.

Vì mỗi người đều có một giới hạn, không ai hoàn hảo cả ngoại, trừ một mình Thiên Chúa, cho nên linh mục không nên đòi hỏi quá mức so với khả năng phục vụ của nữ tu.

Một cha xứ vui vẻ hòa đồng là dấu chỉ sự bình an. Vì thế để trở nên giống Chúa Kitô, linh mục cần phải đối xử tế nhị trong khi giao tiếp với mọi người, nên tạo mối quan hệ thân thiết với các anh em trong hàng ngũ linh mục để giúp đỡ, chia sẻ cho nhau những kinh nghiệm sống. Nhờ đó anh em càng hiểu nhau và thông cảm cho nhau nhiều hơn.

Linh mục cần sám hối để canh tân bản thân để nên thánh. Gần đây Giáo Hội rất đau lòng bởi những bê bối của linh mục, đã làm biến thái sứ vụ của mình vì lạm dụng tính dục, lợi dụng sự đơn sơ của trẻ em và người trẻ. Thay vì dẫn đưa những người trẻ đến sự trưởng thành nhân bản và trở nên mẫu gương cho họ, thì các linh mục đó, qua sự lạm dụng của mình đã làm cho họ coi thường.

Sau cùng, người linh mục cần có kỷ luật bản thân, kiềm chế ngũ quan, có đời sống nội tâm kết hiệp với Chúa, nghe được tiếng Chúa và để cho Người uốn nắn.

III. Cần phải làm gì để bảo vệ mình và chị em?

Trong thực tế nhiều người sống trong đời sống tu trì, tuy đã khấn giữ đức khiết tịnh nhưng cũng lén lút vụng trộm quan hệ với người khác phái, đã lạm dụng tình dục. Chính vì thế đã làm đau lòng và gây thiệt hại lớn cho thanh danh Giáo Hội và Hội Dòng.

Quả thực nói khiết tịnh thì dễ nhưng giữ khiết tịnh trọn vẹn thì quả là khó. Nếu không có ơn của Chúa thì ta sẽ không gìn giữ được. Bởi vì con người ta vốn yếu đuối và còn nhiều tham - sân - si. Do đó người nữ tu cần phải cậy dựa vào ơn Chúa để chiến đấu vượt qua.

Chị em chúng ta cần trưởng thành trong vấn đề giao tiếp với người khác phái nhất là với linh mục, chủng sinh. Không nên đi một mình vào phòng riêng để gặp các Ngài, cũng không nên quá gần gũi nói chuyện quá lâu nếu không thực sự cần thiết.

“Bộ áo dòng không làm nên thầy tu” nhưng qua cách ăn mặc của ta thì người khác cũng có thể nhận xét, đánh giá về nhân cách của ta. Vì thế chị em chúng ta cần ăn mặc nết na, đoan trang, kín đáo, giản dị không nên chạy theo mốt như người đời. Khi giao tiếp chị em cần nói những lời thanh tao tránh những lời nói mang tính khêu gợi tình tứ, tránh nói lời ẩn ý.

Một điều quan trọng nữa là: chị em cần có đời sống cầu nguyện nội tâm, tuân giữ kỷ luật dòng cho tốt. Tạo mối quan hệ tốt trong cộng đoàn, chị em có tinh thần cởi mở, chia sẻ chân thành với nhau, giúp đỡ nhau trong cuộc sống nhất là lúc người chị em gặp khó khăn hoạn nạn.

Chị em cần phải biết nói "không" khi không cần thiết, tránh sự lệ thuộc vào các linh mục, cần giữ khoảng cách thích hợp khi giao tiếp với các Ngài vì họ cũng là con người có trái tim bằng thịt, cũng có nhu cầu yêu và muốn được yêu. Vì khiết tịnh thánh hiến là quà tặng "viên ngọc quý" Thiên Chúa ban cho, nên chị em hãy giữ gìn nó bằng tình yêu trọn vẹn cho Thiên Chúa. Không chia sẻ cho bất cứ thụ tạo nào khác.

C. KẾT LUẬN

Để thi hành sứ mạng yêu thương và phục vụ của Chúa Kitô trong hoàn cảnh ngày nay, Hội Thánh phải là chất xúc tác của nền văn hoá sự sống và văn minh tình thương. Vì thế chúng con ước mong những người sống đời thánh hiến, nhất là Giám Mục, linh mục, tu sĩ không chỉ là những người quản trị giỏi nhưng trước hết là người của Chúa và là những mục tử nhân lành, biết gắn bó với Chúa Kitô trong cầu nguyện, trở nên dấu chỉ và chứng nhân sống động của tình yêu vô điều kiện mà Thiên Chúa dành cho con người, nhất là những người bé mọn trong xã hội, để có thể phục vụ cộng đoàn theo gương Thầy chí thánh, biết tôn trọng, nâng đỡ và phát huy vai trò của những người cùng cộng tác với mình, trong tinh thần đối thoại và cộng tác hầu mở mang Nước Chúa mà không đánh mất đi căn tính của mình.

[4]

A. DẪN NHẬP

Chuyện kể rằng một vị vua tài đức nọ giàu đức hạnh, nhưng không có hoàng tử nối ngôi. Vị vua nghĩ tới việc chiêu mộ những người trẻ tài đức để có thể kế vị ông sau khi ông qua đời.

Một ngày kia, vua cho mời tất cả các trẻ em từ 5 đến 12 tuổi vào hoàng cung. Vị vua giải thích cho các em ý định của ông là muốn tìm người tài đức để thay ông cai quản đất nước. Ông trao cho mỗi em một hạt giống và dặn các em rằng sau 3 năm, các em hãy mang cây mà mình đã trồng đến trình diện tại cung điện. Sau khi nhận hạt giống, tất cả các em đều nhiệt tình trồng hạt giống của mình và ngày đêm chăm sóc chúng với hy vọng là cây của mình sẽ lớn nhanh và sẽ sinh hoa kết quả. Một số em nghĩ rằng, mình phải gây sự chú ý của nhà vua bằng cách làm cho cây của mình thật lớn và có hoa quả.

Đúng ngày đã hẹn, cả nước nhộn nhịp tiến vào cung điện để xem thử cây nào là cây đẹp nhất, có nhiều trái nhất, và để xem ai sẽ là vị vua tương lai cho đất nước. Quả đúng như dự tính, mỗi em đều mang đến cây mà mình đã trồng với nhiều màu hoa hương sắc. Người ta cũng thấy có những cây kết trái thật xum xuê. Nhà vua đi đến từng địa điểm để hỏi thăm các em, cách thức các em trồng cây. Sự hồi hộp và im lặng của đám đông càng tăng lên khi nhà vua tiến đến những cây tươi trái tốt, nơi mà nhiều người nghĩ rằng một trong số các em này sẽ được chọn làm hoàng tử. Thế nhưng, nhà vua vẫn tiếp tục đi qua và bỗng dưng ông dừng lại trước một cậu bé. Trên tay cậu bé là một chậu đất không cây. Thấy nhà vua đứng lại bên mình, cậu biểu lộ sự thất bại bằng dòng nước

mắt chảy dài trên má. Nhà vua hỏi: *"Tại sao con khóc?"* Cậu bé thưa: *"Con đã gieo hạt giống vào chậu đất này, con đã bón phân cho nó, con đã tưới nước cho nó hằng ngày, con đã che nắng cho nó và con đã làm nhiều cách để chăm sóc hạt giống của con, nhưng cuối cùng không có cây nào."* Càng nói, cậu bé càng khóc lớn tiếng. Nhà vua ôm cậu vào lòng và ra lệnh cho quân lính đưa cậu lên chỗ cao danh dự.

Giờ đây, trước sự sửng sốt của bao nhiêu người, và kể cả cậu bé, nhà vua bắt đầu lên tiếng: *"Hôm nay, bệ hạ đã tìm được người mà bệ hạ mong đợi từ lâu. Cậu bé đây đã chân thật nhận thất bại của mình. Và thực đúng là như vậy. Vì tất cả hạt giống ta trao cho các con cách đây 3 năm, chúng đã bị luộc chín cả rồi!"*. Nhà vua quay qua cậu bé và nói: "*Con đã biết trung thành và trung tín trong việc nhỏ, con đã không bị ngai vàng và danh lợi mê hoặc, con đã cần mẫn chu toàn công việc của con với hết khả năng của mình. Đó là điều ta mong muốn".* Nhà vua nói tiếp: "***Trên tay con là chậu đất không cây, nhưng chính trong trái tim con, con đã gieo hạt giống sự thật vào lòng mọi người hôm nay!"***

Cũng vậy, Linh mục là những người được Thiên Chúa tuyển chọn cách đặc biệt để trở nên cánh tay nối dài của Chúa gieo vào đời hạt giống sự thật vĩnh cửu, sự thật về một Thiên Chúa đã làm người, chịu chết và sống lại chỉ vì yêu thương nhân loại tội lỗi. Hạt giống đức tin ấy của các tín hữu có sinh hoa kết trái là nhờ công các Linh mục vun trồng và chăm sóc xuất phát từ lòng trung thành và trái tim mục tử yêu thương của các ngài. Sứ mạng cao cả ấy đã được thực hiện suốt hơn hai mươi thế kỷ qua nhờ công lao của bao thế hệ các Linh mục trong Giáo Hội. Và hôm nay, trong tâm tình tri ân, chúng ta cùng nhau nhìn lại những giá trị tốt đẹp mà các ngài đã và đang thực hiện cho nhân loại. Đồng thời, chúng ta chia sẻ, cảm thông với những khó khăn mà các ngài đang phải đối mặt để cầu nguyện cho các ngài. Và với cương vị

một nữ tu, chúng ta có thể làm gì để giúp các ngài chu toàn sứ mạng mục tử trong thế giới hôm nay?

B. NỘI DUNG

I. NHỮNG CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN

1. Linh mục, người được Chúa tuyển chọn

Cách đây không lâu, trong một buổi chia sẻ về ơn gọi, một linh mục đã kể lại câu chuyện khởi đầu ơn gọi Linh mục của ngài rằng ngài là con trai duy nhất trong gia đình có 6 người con. Là con trai một nên ngài được cha mẹ cũng như mọi người trong gia đình chiều chuộng, quý mến. Tốt nghiệp đại học, cánh cửa tương lai rộng mở cho những giấc mơ đẹp về sự nghiệp và một cuộc sống ổn định. Bỗng một ngày đẹp trời, ngài được gặp vị linh mục có họ hàng với gia đình. Như thấy được ơn thiên triệu nơi người cháu, vị linh mục thủ thỉ: *"Hãy theo chú đi làm vườn nho cho Chúa!"* Và rồi điều gì phải đến đã đến. Sau một thời gian suy nghĩ và cầu nguyện, lời nói của vị linh mục kia cứ như một lời mời gọi thúc bách người cháu can đảm đáp lại tiếng Chúa cho một sứ mệnh đã được Thiên Chúa an bài, sứ mệnh làm linh mục chăm sóc vườn nho cho Chúa.

Đó chỉ là một sự khởi đầu trong muôn vàn sự khởi đầu cho một ơn gọi. Có muôn vàn cách gọi và cũng có muôn vàn cách đáp trả cho một ơn gọi cao quý và thánh thiêng nhất trong Giáo Hội, ơn gọi Linh mục.

Ơn gọi Linh mục là quà tặng cao quý mà Thiên Chúa đã ban cho nhân loại. Khi tặng quà, ai cũng muốn đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho người nhận. Thiên Chúa muốn ở lại với con người, muốn cho con người được sống hạnh phúc, được biết và yêu mến Thiên Chúa, được nên đồng hình đồng dạng với Người nên đã tặng ban chức Linh mục,

chức tư tế thánh dù con người hoàn toàn bất xứng. Ơn gọi bắt nguồn từ sáng kiến của Thiên Chúa. Chính Thiên Chúa đã chọn gọi để con người trở nên chứng nhân của tình yêu Chúa: *"Không phải anh em chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn anh em để anh em ra đi và sinh nhiều hoa trái."*

Nhưng không vì thế mà ơn gọi trở thành dễ dãi. Có một người mẹ dẫn đứa con trai của mình đến cha sở và tỏ bày: *"Cháu ở nhà ngoan lắm, ai cũng thương. Xin cho cháu được đi tu để sau này làm cha cho sướng, chứ ở đời như con khổ lắm."* Một em lễ sinh khi được hỏi *"Mục đích nào khiến em muốn làm Linh mục?"* đã trả lời rất hồn nhiên*"để được làm lễ và được chụp hình."* Ơn gọi không dễ dàng như người ta tưởng. Đâu phải hễ Chúa gọi ai thì người ấy cứ việc đi và ắt có ngày thành đạt theo kiểu "kẻ trước người sau, sống lâu thành lão làng" mà phải trải qua đào luyện và nhiều thử thách cam go.

Khi Thiên Chúa lên tiếng gọi thì con người đáp lại tiếng gọi ấy với tất cả tự do Chúa ban. Thiên Chúa gọi nhưng Ngài không bắt ép. Con người có quyền chọn lựa bằng tất cả tự do, ý chí và hiểu biết. Có chọn lựa là có từ bỏ. Khi chọn đời tu ắt phải từ bỏ những giá trị trần gian để chọn lấy những giá trị của trời cao. Từ bỏ những gì là quan trọng đối với một người bình thường là cha mẹ, sự nghiệp, tình cảm riêng tư,…thì phải xác tín rằng mình sẽ đạt được những điều cao quý và có giá trị hơn, nếu không thì sự từ bỏ đó là vô nghĩa, cuộc sống hy sinh kia là thừa và hạnh phúc kiếm tìm nơi đời sống tu trì là hão huyền và vô vọng. Phêrô đã hỏi Chúa: *"Thưa Thầy, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy thì chúng con được gì?"* Câu hỏi nghe như có pha chút vụ lợi, nhưng không vô tình đâu. Ai trong chúng ta ở đây cũng đã hơn một lần trải qua kinh nghiệm của sự chọn lựa và chính chúng ta cũng không ngần ngại tự đặt câu hỏi ấy cho mình. Đời tu là cao quý song cũng phải hiểu rất rõ giá trị của những điều chúng ta từ bỏ cũng như những đòi buộc cùng những khó

khăn mà người tu trì phải vượt qua, không phải trong một ngày, một tháng hay một năm mà trong suốt cuộc đời.

Mặt khác, linh mục là ơn gọi thánh thiêng và cao quý. Linh mục là người được Thiên Chúa chọn gọi nhưng không phải chọn gọi giữa hàng thần thánh trên trời, cũng không phải là những bậc chính nhân quân tử, anh hùng hào kiệt mà là giữa loài người. Trước khi là Linh mục, họ là những con người bình thường với một cuộc sống dung dị giữa những con người bình thường khác trong gia đình nhân loại. Trước khi thuộc về Chúa Kitô một cách đặc biệt qua thánh chức Linh mục, họ là những người Kitô hữu gần gũi, gắn bó với mọi Kitô hữu khác trong cuộc sống đức tin với những thăng trầm tự nhiên theo dòng thế sự.

Ngày xưa khi chọn các môn sinh, Chúa cũng đã chọn một Phêrô đánh cá, một Matthêu thu thuế, một Simon quá khích, một Tôma cứng đầu…Và trong lịch sử Giáo hội đâu phải các linh mục luôn là những người xuất phát từ những "danh gia vọng tộc"? Thế nhưng các ngài đã trở nên những chứng nhân kiên cường, những con người vĩ đại làm thay đổi bộ mặt thế giới bằng chính đời sống chứng tá của các ngài. Thế đấy, Thiên Chúa luôn viết thẳng trên những đường cong của cuộc đời. Thiên Chúa có kế hoạch và Người luôn khởi sự từ những điều tưởng như nhỏ bé để thực hiện những điều vĩ đại. Thiên Chúa dùng những con người tầm thường để làm những việc phi thường.

2. Linh mục ướp muối trần gian

Thật vậy, Linh mục được Thiên Chúa tuyển chọn không phải để làm bác sĩ, kĩ sư hay tổng thống mà là làm "muối", làm muối để ướp cho khỏi hư thối, không chỉ cho một người, hai người mà là "cả trần gian". Vị thế tuy khiêm tốn, nhưng lại mang sứ mạng thật lớn lao. Người Linh mục của Chúa tuy âm thầm làm việc một mình, nhưng mang trên vai

cả gánh nặng sứ mạng cho hết mọi người. Cả cuộc đời là phụng sự Chúa và làm cho thế gian nhận biết và yêu mến Chúa, bằng chính sự sống của Chúa: "*Tôi sống nhưng không còn là tôi mà là Đức Ki tô sống trong tôi.*"

Giữa cuộc đời đầy dẫy tội lỗi và lầm lạc thì sự hiện diện của Linh mục như muối tinh thần ướp cho thế gian khỏi hư đi: sẵn sàng hàn gắn những đổ vỡ, xoa dịu những đau thương của con người để họ được sống lại phẩm giá làm con Thiên Chúa và làm cho họ trở nên những viên đá sống động xây dựng Hội Thánh Chúa ở giữa trần gian. Giữa cuộc đời đầy bất công và giả dối, sự hiện diện của Linh mục như bằng chứng cho sự thật theo gương Thầy Chí Thánh: *"Tôi đến thế gian là để làm chứng cho sự thật."* Thật vậy, Linh mục đọc Lời Chúa hằng ngày, giảng dạy cho dân Chúa sứ điệp của Người. Lời Chúa là sự thật và lời giảng dạy của Linh mục cũng phải là sự thật. Đó cũng là điều mà Đức Giám Mục nhắc cho các ứng viên Linh mục: *"Các con sắp lên chức Linh mục, các con sẽ thi hành nhiệm vụ giảng huấn trong Đức Kitô, là Thầy chúng ta. Các con đã vừa lãnh nhận Lời Chúa, các con hãy đem ra phân phát cho mọi người. Khi suy niệm Lời Chúa, các con hãy chú tâm tin điều các con đọc, dạy điều các con tin và thi hành điều các con dạy".*

Là muối thế gian, Linh mục càng giữ cho muối sứ mạng mặn nồng trong tâm hồn thì càng có thể mang lại nhiều lợi ích cho các linh hồn mà ngài được trao phó. Thế nhưng, cuộc đời người Linh mục được đặt giữa lằn ranh mỏng manh của thân phận con người yếu đuối và sứ mạng cao cả là rao giảng, thánh hóa và cai quản Dân Chúa, trong niềm lo sợ rằng rồi đây biết đâu có lúc muối chẳng còn đủ mặn để trung thành với sứ mạng: *"Nếu muối mà nhạt đi thì lấy gì làm cho nó mặn lại được"* (Mt 5, 13). Cuộc đời Linh mục là cuộc đời hy sinh vượt lên những giới hạn của bản thân, những khó khăn của hoàn cảnh, chấp nhận gian khổ để hạt giống đức tin được gieo vãi và lớn lên, luôn nỗ lực kiên trì và phó thác

hết mực. Nỗ lực để vươn lên, phó thác để chọn yêu Chúa, yêu người cách trung trinh: đời Linh mục chỉ đẹp khi sống trọn vẹn ý nghĩa của chữ hy sinh.

3. Linh mục họa lại chân dung Chúa Giêsu

Cuộc đời người Linh mục họa lại bức chân dung của Đức Kitô, Thiên Chúa làm người với tất cả ý nghĩa của chữ "làm người:" chấp nhận sinh ra trong một gia đình nhân loại, lớn lên giữa một dân tộc với tất cả lề luật và văn hóa, sau cùng chấp nhận cái chết đau thương trên thập giá vì yêu nhân loại trong sự vâng phục hoàn toàn thánh ý Chúa Cha. Đó là con đường Đức Giêsu đã đi để cứu độ nhân loại, để rồi hôm nay linh mục cũng sẽ bước theo Thầy Chí Thánh trên con đường Thập giá ấy. Con đường Thập giá hôm nay không còn gập ghềnh vì sỏi đá, cát bụi như xưa nhưng là con đường giăng đầy thử thách gian nan. Thánh giá mà Linh mục vác hôm nay không là cây thánh giá bằng gỗ năm xưa nhưng là mang trên mình tất cả gánh nặng của nhân loại như lời mở đầu trong Hiến chế Mục vụ về Giáo hội đã nói: *"Vui mừng và hi vọng, âu sầu và lo lắng của con người thời đại cũng chính là vui mừng và hi vọng, âu sầu và lo lắng của người môn đệ Chúa Kitô."* Cùng với Đức Kitô, Linh mục hiến tế chính mình làm lễ vật để làm vinh danh Thiên Chúa Cha. Linh mục phải bỏ mình, vác thập giá mình và của anh em, coi đau khổ của anh em là của mình. Đó cũng chính là điều mà mẹ của thánh Gioan Bosco đã nói với con ngày thánh nhân thụ phong linh mục: *"Khi con bắt đầu dâng thánh lễ là con bắt đầu vác thập giá."*

Đau khổ chính là sức mạnh của linh mục và chính nhờ sức mạnh đó mà đã 20 thế kỷ qua, với bao quyền thế và binh lực trong tay, các kẻ thù của Giáo hội vẫn không đè bẹp được. Từ trước đến nay và từ nay cho đến tận thế, linh mục vẫn mãi là con người được người ta quý trọng nhất, song cũng là con người bị người ta hiểu lầm, bị ghen ghét nhiều

nhất, đến nỗi văn hào Bernanos đã chua chát nhận định: *"Phải bị ghét bỏ mới là linh mục."* Quả thế, không những bị kẻ thù của Hội thánh ghét cay ghét đắng mà còn bị chính con cái trong Giáo hội ghét bỏ nữa.

Trong khi thi hành chức vụ, linh mục phải dấn thân vào đời nhiều nhất nhưng lại phải siêu thoát hơn ai hết. Ngài phải có rất nhiều tình cảm để đến với mọi người, yêu thương, dẫn dắt mọi người song lại không được thuộc về một ai cả. Trái tim ngài phải mở rộng cho tất cả, nhưng phải đóng lại trước mỗi người… Ngài là bạn hữu thân thích của mọi người: trẻ, già, lớn, bé, nam, nữ, giàu, nghèo. Mọi hạng người đều có thể đến với linh mục bất cứ lúc nào, nhưng rút cục ngài lại là con người cô đơn nhất trần gian: cô đơn trong trách nhiệm, trong hoàn cảnh khó khăn và nhất là cô đơn khi đời đã về chiều, trong lúc tuổi già xế bóng.

Tuy nhiên giữa những khó khăn của đời linh mục, ngài phải biết can đảm quảng đại thưa với Chúa những lời kinh nguyện như cha Michel Quoist:

"Lạy Chúa, xin cho con được cao thượng đủ để vượt lên khỏi thế gian. Xin cho con được mạnh mẽ đủ để nâng đỡ thế gian. Xin cho con được trong sạch đủ để ôm ấp thế gian vào lòng mà không hề muốn giữ lại nó. Xin cho con trở nên một nơi gặp gỡ, nhưng chỉ là một nơi gặp gỡ tạm thời thôi. Xin cho con trở nên một con đường không dừng lại ở bản thân, bởi vì nếu có thể tiếp nhận một ai, chỉ là để dẫn đưa họ về cùng Chúa.

Lạy Chúa, chiều nay khi mọi vật đều im tiếng, và khi trái tim con cảm thấy đau nhói vì cô quạnh, khi bao nhiêu khốn nạn và tội lỗi của thế gian là cả một khối nặng đang đè trên vai con, thì con xin nói lại với Chúa tiếng xin vâng, không phải là trong một tiếng cười vang, nhưng là chầm chậm,

khiêm tốn, sáng suốt, một mình trước mặt Chúa, giữa cảnh chiều tà êm ả."

Cuộc đời Linh mục phải họa lại khuôn mặt của Đức Kitô khiết tịnh, nghèo khó và vâng phục.

*** VÂNG PHỤC**

"Đức Giêsu Kitô đã hạ mình vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự" (Pl 2, 8). Là người môn đệ Chúa Kitô, khi Linh mục lãnh chức thánh cũng là lúc được lãnh "bài sai" thông dự vào thập giá Đức Kitô: *"Tôi cùng chịu đóng đinh với Đức Kitô vào thập giá"* (Gl 2, 18).

Ơn gọi và căn tính linh mục là được sai đi. Khi tự nguyện đáp lại tiếng Chúa mời gọi trong chức vụ linh mục, thì linh mục không có quyền chọn nơi mình đến và công việc mình làm nữa. Ngài bình thản đón nhận bài sai trong Hội thánh để chấp nhận đến những nơi mình không muốn và làm những việc mình chẳng hề ưa thích, đón nhận những hiểu lầm, chê bai, chỉ trích, ghét bỏ, cô đơn, ốm đau, bệnh tật, và cuối cùng là cái chết. Đó là những "bài sai", là những thập giá trong cuộc đời người linh mục. Linh mục phải đóng đinh tiêu diệt nơi thân xác mình tất cả những đam mê tội lỗi, để *Siêng năng quét rác vườn TÂM, cho cây VÂNG PHỤC nảy mầm tốt tươi*…

Hơn thế nữa, linh mục phải thông dự vào những đau khổ của Đức Kitô trong cuộc đời của mình, qua những khó khăn, thử thách, bách hại trong công tác mục vụ dưỡng giáo hay trên đường truyền giáo. Ngài phải chấp nhận là người bị ngược đãi vì thập giá của Đức Kitô. Thậm chí dù ngày nay có bị chỉ trích gay gắt, có chịu tư bề xâu xé, linh mục cũng phải như Phaolô đi tới chỗ quả quyết với giáo dân rằng: *"Tôi vui mừng được chịu đau khổ vì anh em. Những thử thách Đức*

Kitô còn phải chịu, tôi xin mang lấy vào thân cho đủ, vì lợi ích cho thân thể Người là Hội thánh" (Cl 1, 24).

Người mục tử như lòng Chúa mong ước chỉ mang lấy vào thân những đau thương của đoàn chiên mà chẳng chút hãnh diện vì mình đã làm được công trình này, đã nắm được chức vụ kia. Sắc lệnh về *Chức vụ và đời sống linh mục* của Công đồng Vaticano II nêu rõ: *"Các Linh mục được mời gọi để có tâm hồn luôn sẵn sàng và khiêm nhường đối với thánh ý Chúa. Là thừa tác viên đích thực của Chúa Kitô, các ngài phải ý thức được sự yếu hèn của mình, phải nhận biết rõ sự cần thiết phải vâng lời để củng cố sự hiệp nhất với anh em và với các vị thủ lãnh hữu hình của Giáo hội, để cộng tác trong việc xây dựng nhiệm thể Chúa Kitô."*

*** KHIẾT TỊNH**

Ngày 23/10/2005, trong dịp bế mạc Thượng Hội Đồng Giám Mục thế giới, Đức Thánh Cha Benedicto XVI đã long trọng tái khẳng định truyền thống ngàn đời của Giáo Hội Công Giáo về luật độc thân Linh mục cho dù số linh mục còn rất khiêm tốn cho một thế giới gần 8 tỷ người. Bất cứ tổ chức, đoàn thể, tôn giáo nào cũng có những nội quy, luật lệ, kỷ cương mà những người muốn gia nhập phải tôn trọng tuân giữ. Giáo hội Công giáo cũng có những luật lệ, mà đặc biệt cho đời sống giáo sĩ là luật độc thân Linh mục. Muốn dấn thân lãnh nhận thiên chức Linh mục hay không là việc hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc cả. Muốn làm Linh mục thì phải sẵn sàng chấp nhận đời độc thân. Đành rằng đây chỉ là Giáo luật chứ không phải thiên luật, nhưng Giáo hội mô phỏng theo gương Đức Giêsu độc thân. Các Tông đồ, tuy hầu hết có gia đình, nhưng khi đã theo tiếng Chúa gọi thì đều tức khắc bỏ hết mọi sự để sống độc thân lo việc rao giảng Tin Mừng. Trong số mười hai Tông đồ, Chúa thương Gioan hơn cả vì ngài độc thân trong trắng. Phải chăng trong thực tế, người ta kính trọng các Linh mục Công giáo hơn các mục sư

Tin lành cũng ở điểm đó. Linh mục có nổi bật hơn giáo dân là ở điểm này chứ về tài đức thì chưa chắc.

Nhìn về quá khứ, nhất là trong văn hóa cổ truyền Việt Nam, đời sống độc thân được người dân coi trọng như một giá trị quý báu và cảm phục người Linh mục và tu sĩ sống đời độc thân. Sống trong môi trường văn hóa đó, chính các Linh mục hay tu sĩ cũng trân trọng đời sống độc thân và cũng cảm thấy hãnh diện trước mắt dân chúng.

Trong bối cảnh văn hóa xã hội của thế giới văn minh, nhiều Linh mục có thể chao đảo đối với đời sống độc thân vì một đàng thiếu sự khích lệ bên ngoài từ dân chúng, đàng khác chính mình cũng hồ nghi về giá trị, hay ít nữa về sự hữu ích của đời sống độc thân. Dưới nhiều hình thức và nhiều lý do, có khi là những lý do thần học và mục vụ, đề nghị phong chức Linh mục cho cho những người lập gia đình phản ánh phần nào tâm trạng chao đảo đối với giá trị của đời sống độc thân. Trong đó cũng không loại trừ những ảnh hưởng không nhỏ của những phương tiện thông tin liên lạc đã đi sâu vào đời sống tu trì. Bấy nhiêu khó khăn đã nhiều phen làm cho các Linh mục của Chúa phải băn khoăn, nghi ngại. Thế nhưng, trong niềm tín thác và với tất cả ý thức và tự do, Linh mục tự hiến mình cho Nước Trời, tự làm con đường cho trăm vạn người đi, đem tình yêu sống trọn một chữ "Vì": vì Thiên Chúa và vì các linh hồn.

***NGHÈO KHÓ**

"Vì chọn Chúa là gia nghiệp nên các Linh mục được mời gọi tình nguyện sống nghèo khó để nên giống Chúa Kitô một cách rõ ràng hơn và tận tụy hơn với chức vụ thánh. Thật vậy, dù giàu có, Chúa Kitô đã trở nên nghèo hèn vì chúng ta, để nhờ sự nghèo khó của Người mà chúng ta trở nên giàu có. Cũng thế, các Tông đồ đã làm gương chứng minh rằng đã lãnh nhận cách nhưng không thì cũng phải ban phát cách

nhưng không, và các ngài đã biết sống khi được sung túc cũng như khi phải túng thiếu" (Sắc lệnh về *Chức vụ và Đời sống các Linh mục).*

Chọn sống khó nghèo là chọn cho mình sự tự do nội tâm trước của cải, tiền bạc để thực sự nhận Chúa làm gia nghiệp, coi Chúa là giá trị cần thiết nhất, để sẵn sàng ra đi phụng sự Chúa và biến của cải thành phương tiện yêu thương và hiệp thông.

Trong những năm vừa qua ở Việt Nam có câu nói: *"Ti vi, tủ lạnh, hon đa. Có ba thứ ấy mới ra con người."* Ở thời đại nào thì tiền bạc, của cải vật chất và sự giàu sang cũng có một mãnh lực rất lớn thôi miên lòng người. Chính Chúa khi thấy người thanh niên giàu có khước từ việc bán gia tài, của cải để theo Chúa, Chúa đã thốt lên: *"Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa"* (Mt 14, 24). Chúa muốn con người phải lựa chọn phục vụ Chúa hay tiền bạc: *"Không ai có thể phục vụ hai chủ: hoặc yêu chủ kia hay thích chủ này và khinh chê chủ kia. Các con không thể vừa phục vụ Chúa vừa phục vụ tiền bạc được"* (Mt 6, 24).

Của cải, tiền bạc tự nó là tốt, nhưng nó không còn tốt nữa khi ta sử dụng nó không đúng, vì *"Tiền bạc là một đầy tớ tốt nhưng lại là một ông chủ xấu."* Vì thế, phải khôn ngoan khi sử dụng nó, đừng nại vào lý do "vì nhu cầu mục vụ" để bào chữa cho lòng dính bén. Thiết nghĩ cũng nên đặt một câu hỏi: "Trong công tác mục vụ, nên có nhiều hay ít phương tiện vật chất?" Thực ra, vấn đề không phải là nên có nhiều hay ít phương tiện vật chất nhưng là khả năng sử dụng phương tiện vật chất. Khi một người có khả năng sử dụng vật chất như phương tiện, Chúa lại cho nhiều hơn: *"Ta nói thật, không ai bỏ nhà cửa, ruộng vườn, anh em, vợ con, cha mẹ vì Nước Trời, mà không nhận được gấp trăm ngay ở đời này và sự sống vĩnh cửu trong ngày sau hết* (Lc 18, 29-30). Người Linh mục hãy giải thoát lòng mình khỏi sự lôi cuốn của tiền bạc để

đặt trọn con tim nơi Chúa và nhận Chúa làm gia nghiệp, là kho tàng quý giá nhất của lòng mình. Để rồi từ chính tinh thần thanh thoát và trái tim rộng mở, Linh mục của Chúa có thể dễ dàng đến với những người nghèo khó để cảm thông, yêu thương và sẻ chia. Có thể Linh mục không biết tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha,…Nhưng ngài phải thông thạo ngôn ngữ của tình yêu, yêu thương tất cả mọi người không phân biệt, không loại trừ, nhất là những người nghèo phải chiếm chỗ lớn trong trái tim của ngài như lời thánh Vincent đã nói với các linh mục của Dòng ngài: "*Khi con cho người nghèo cái gì, con hãy gói lại bằng rất nhiều tình yêu, để họ tha thứ cho con vì hành động ban cho là hành động xúc phạm đến nhân phẩm người nghèo."*

Ước gì qua đời sống nghèo khó giản dị của các Linh mục, thế gian có thể thấy được ở nơi các ngài khuôn mặt của Đức Kitô, để rồi họ có thể sống tín thác, đặt trọn niềm tin vào Thiên Chúa quan phòng, Đấng đã yêu thương họ cho tới cùng: *Nhận đời manh áo hạt cơm, tặng đời trọn cả tâm hồn thanh cao.*

II. NHỮNG TRĂN TRỞ VỀ ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ CỦA LINH MỤC

Để tiến tới chức Linh mục đã khó, nhưng để sống trọn vẹn ý nghĩa của thiên chức cao cả ấy lại càng khó hơn. Lý tưởng linh mục quá cao cả, nhưng lại nhập thể trong thân xác của con người với những khuyết điểm và tội lỗi đầy tham, sân, si: *"một kho tàng quý báu chứa đựng trong chiếc bình sành"* (2Cr 4, 7).

Theo cái nhìn của người đời, ngày thụ phong linh mục là ngày "vinh quy bái tổ", đánh dấu một sự thành đạt trên con đường lập thân lập nghiệp. Nhưng với cái nhìn đức tin thì đó mới chỉ là ngày bắt đầu, ngày mang hành trang lên đường

cho một sứ mạng mới, một sứ mạng nhiều cam go, theo chân Thầy Chí Thánh Giêsu Linh mục.

Những kiến thức học được ở Đại chủng viện vẫn là những kiến thức còn nằm ở trên cao, cần phải đợi một ngày nào mưa xuống mới thấm nhuần vào lòng đất thấp, theo dòng thời gian… Hơn nữa đó là những kiến thức của triết học và thần học cao siêu. Là cha sở hay cha phó, linh mục phải là một người cha nhân từ, một mục tử tận tâm ở giữa cộng đoàn dân Chúa. Khi bắt đầu xa mái nhà Chủng viện, bắt đầu thi hành sứ mệnh mục vụ, Linh mục cảm thấy nhiều thi vị cao đẹp. Nhưng đàng sau những lời chúc mừng, ca ngợi trong ngày lễ mở tay là những chông gai và cạm bẫy đang chờ sẵn, người Linh mục chỉ còn biết thành tâm trông cậy vào ơn Chúa mà thôi.

Và rồi 10, 15, 20 năm sau Linh mục cũng phải đặt lại cho mình câu hỏi: con đường tình yêu với Chúa có còn đẹp như thuở ban đầu hay đã nhạt nhòa theo năm tháng? Lời thề sắt son thủy chung với Chúa có còn hay đã quên vì những toan tính thế gian, những mối bận tâm của con người? Quả vậy, khi va chạm với cuộc sống hôm nay, Linh mục làm sao tránh được hết những dang dở, xao xuyến? Thực tế khi ngồi tòa giải tội, Linh mục được coi là người thánh thiện, thay mặt Chúa để tha thứ hay buộc tội, nhưng nhiều giáo dân có tâm hồn thật thánh thiện khiến linh mục phải nhận ra rằng chính mình mới là người cần xin ơn tha thứ hơn?

Làm sao không dang dở và xao xuyến được, vì mỗi khi Linh mục đọc lời truyền phép *"Này là Mình Thầy sẽ bị nộp vì các con,"* Linh mục nhận ra rằng mình còn sống cho bản thân nhiều quá mà chưa dám chịu nộp mình cho đàn chiên. Làm sao không dang dở và xao xuyến được khi Linh mục dạy người tín hữu trung thành vâng phục mà chính Linh mục lại nghi ngại trước lời dạy dỗ hay lệnh truyền của đấng bản quyền? Làm sao không dang dở và xao xuyến được khi va

chạm với thực tế, Linh mục mới thấy rằng những kiến thức của trường lớp vẫn còn là lý thuyết, quá lý tưởng trong khi Linh mục đang còn mang nặng thân phận con người, với biết bao tham, sân, si như những người khác?

Chức Linh mục là thánh, nhưng không còn ở trong sách vở hay ở tận trời cao, mà đã đi vào cụ thể trong chính con người xác thân của Linh mục, với tất cả hệ lụy thế thái nhân tình của nó. Chức thì thánh nhưng con người linh mục chưa phải là thánh. Nói đúng hơn còn đang lần mò để nên thánh. Con đường nên thánh của Linh mục còn dài, còn nhiều chông gai. Đó là chặng đường đòi hỏi phải cố gắng nỗ lực không ngừng mới mong chiến thắng những cám dỗ đang giăng mắc đầy dẫy trong cuộc đời. Vì thế, từng ngày, từng giờ, từng phút, cuộc đời linh mục phải thuộc trọn về Chúa, cả linh hồn lẫn thể xác.

Đời sống cầu nguyện của ngài là điểm tựa vững chắc cho các việc mục vụ. Thiếu cầu nguyện, mọi lời ngài nói, mọi việc ngài làm chỉ là trống rỗng và vô nghĩa. Nói khác đi đó chỉ là những việc làm vì bổn phận mà thôi. Nếu linh mục làm việc mà không làm vì danh Chúa nhưng vì danh cá nhân thì sẽ dễ dàng chán nản và buông xuôi khi không thành công. Ngài không vẽ khuôn mặt của Chúa trong lòng mọi người mà là tô điểm cho khuôn mặt của ngài mà thôi. Vì thế, giữa những bộn bề của những việc có tên và không tên trong bổn phận, linh mục phải dành ưu tiên cho việc cầu nguyện trong thinh lặng nội tâm. Linh mục của Chúa phải luôn ý thức rằng mình chỉ là dụng cụ Chúa dùng cho sứ mạng cao cả là đem ơn cứu độ đến cho nhân loại. Trách nhiệm của linh mục rất nặng nề, vì ngài được sai đến không phải cho những người công chính nhưng là đến với người tội lỗi để giúp họ trở nên công chính.

Nói những điều này không có nghĩa là bi quan yếm thế, nhưng để nhìn rõ con đường phải phấn đấu trong suốt

cuộc đời. Không chỉ các Linh mục mà chính mỗi người chúng ta cũng phải ý thức rõ thân phận mỏng manh của mình để rồi sống tín thác vào lòng thương xót của Chúa. Can đảm chiến đấu và tin tưởng vào sự gìn giữ, chở che của Chúa, của Mẹ Maria và của Giáo hội, bởi vì chúng ta xác tín rằng ơn gọi hiến dâng là một Hồng Ân để phụng sự Chúa, phục vụ tha nhân và xây dựng Giáo hội.

III. CHÚNG TA CÓ THỂ GIÚP GÌ?

Là những người thánh hiến, chúng ta cũng đã thụ ơn các linh mục rất nhiều. Qua các Bí tích các ngài cử hành, chúng ta được trở nên con cái Thiên Chúa, được sống và lớn lên trong ân sủng của Chúa. Những kiến thức về các môn học thánh mà chúng ta được lãnh hội là do công lao các ngài dạy dỗ, hướng dẫn. Vậy có bao giờ chúng ta nghĩ đến bổn phận phải cầu nguyện cho các ngài? Chúng ta đã làm được gì cho các ngài?

Chúng ta không nên dừng cái nhìn ở hình thức bên ngoài để đánh giá bất cứ ai chứ chưa nói đến các linh mục là những người mà đáng ra ta phải kính trọng. Chúng ta đừng vội tin vào những lời nói vô căn cứ để rồi có cái nhìn phiếm diện về đời sống các linh mục. Nhưng chúng ta hãy kính trọng các ngài không chỉ vì những hy sinh và đời sống gương sáng của các ngài nhưng còn là vì thánh chức linh mục xuất phát từ Thiên Chúa, Đấng đã và đang hoàn thành chương trình cứu chuộc qua các thừa tác viên của Ngài là các linh mục. Giáo hội đã có một Maximiliano Kolbe chết thay cho bạn tù, một Đamien sẵn sàng dành cả cuộc đời cho những người cùi, một Charles de Foucauld hiến thân phục vụ những người khốn cùng trong xã hội, và còn biết bao tấm gương lành thánh khác của các linh mục đáng chúng ta phải noi theo. Qua đó chúng ta nghiệm ra một điều rằng: không chỉ trong những nơi bình yên mà ngay cả ở những nơi gian khổ và ranh giới giữa sự sống và cái chết trở nên mong manh nhất

thì người linh mục vẫn là những chứng nhân kiên cường để phác họa lại khuôn mặt của một Đức Kitô cứu độ cho thế giới, cho những ai chưa tin vào Thiên Chúa.

Khi gặp gỡ các linh mục, chúng ta cũng cần ý tứ về thời gian và những khoảng cách cần thiết. Không nên vì quen quá hóa nhàm, nói năng cần khiêm tốn, lễ độ, nhất là tôn trọng những nơi riêng tư của các ngài. Là những người được thánh hiến cho Thiên Chúa, nhưng các linh mục hay tu sĩ vẫn là những con người với những yếu đuối, dễ sai lỗi. Chúng ta đừng bao giờ cho rằng mình đã trưởng thành đủ để có thể vượt qua mọi cám dỗ. Trái lại, hãy luôn cảnh giác với chính mình, giữ cho mình và giữ cho linh mục, đừng bao giờ nên cớ cho họ vấp ngã, vì điều đó đã bị Chúa chúc dữ *"thà buộc vào cối đá mà quăng xuống biển."* Hãy luôn nhớ rằng mình là nữ tu của Chúa, của Giáo hội và của các linh hồn mà gìn giữ tâm hồn và thân xác trong sạch cho xứng đáng.

Mặt khác, chúng ta cần nhiệt thành cộng tác với các linh mục trong các công tác mục vụ trong giới hạn có thể, để xây dựng giáo hội, để làm vinh danh Chúa và làm chứng cho mọi người thấy được giá trị cao quý của đời sống độc thân vì Nước Trời.

C. KẾT LUẬN

Để kết thúc cho bài thuyết trình này chúng ta hãy cùng nhau dâng lên Chúa những lời sau đây để cầu nguyện cho các linh mục:

Lạy Chúa, xin ban cho chúng con những linh mục thánh thiện, nhiệt thành, kính mến Thánh Tâm Chúa, nên giống hình ảnh Chúa, nên những người thợ xứng đáng làm vườn nho Chúa, người thợ thật khiêm nhường, hiền lành, biết nhịn nhục, đầy lòng sốt sắng và lửa mến, để các linh mục luôn khơi gợi lửa mến đó trong tâm hồn chúng con. Xin đốt

lòng các linh mục cho nên mới, để các ngài không lo gì khác, một lo cổ động vinh danh Chúa và chinh phục cho Chúa các linh hồn Chúa đã lấy máu châu báu Chúa mà cứu chuộc. Chúng con nài xin Chúa ban cho chúng con ơn cần thiết ấy, để Nước Chúa trị đến, để vinh danh Chúa và hạnh phúc cho chúng con đời đời. Amen

[5]

A. DẪN NHẬP

Trong niềm tin vào Đức Kitô, mỗi chúng ta là một chi thể trong thân thể mầu nhiệm Chúa, cùng con một cha, anh chị em một nhà nên có mối liên hệ mật thiết với nhau, đặc biệt là trong giới tu sĩ với linh mục.

Linh mục là những con người được Thiên Chúa tuyển chọn giữa lòng Dân Chúa nhưng không tách rời khỏi cộng đoàn Dân Chúa. Trái lại, được giao cho nhiệm vụ làm chứng cho Chúa và lo cho các nhu cầu thiêng liêng của các tín hữu, ban phát ơn thánh và sống tình bác ái sâu đậm. Họ được thánh hiến cho Thiên Chúa và được chính Đức Kitô giao nhiệm vụ để phục vụ Hội Thánh (GLCG số 1538). Linh mục phải giữ luật độc thân, tuân phục Đấng Bản Quyền và sống khó nghèo theo gương Đức Kitô. Còn đời sống của nam nữ tu sĩ không có chức thánh khấn giữ ba lời khuyên Phúc Âm: Khiết tịnh, Vâng thục và Khó nghèo.

Như vậy nhìn về một khía cạnh nào đó thì Linh mục và tu sĩ có nét tương đồng, cùng hỗ trợ lẫn nhau và có sự hiệp thông sâu xa với nhau, nên chúng ta luôn phải cảm phục và biết ơn nhau, cùng cảm thông và giúp đỡ nhau trên đường trọn lành; vì chúng ta có cùng lý tưởng dành cả con người để

phục vụ Đức Kitô qua tha nhân và trở nên đồng hình đồng dạng với Ngài.

B. NỘI DUNG

1. Những cảm phục và biết ơn các linh mục

Tất cả các thừa tác viên được Giáo Hội Latinh truyền chức thường được tuyển chọn từ những nam tín hữu đang sống độc thân 'vì Nước Trời' (Mt 19, 12), (trừ các phó tế vĩnh viễn). Được kêu gọi tận hiến cho Chúa một cách không chia sẻ để lo việc của Ngài, họ hiến thân trọn vẹn cho Thiên Chúa và cho con người. Đời sống độc thân là dấu chỉ của đời sống mới mà các thừa tác viên của Hội Thánh được thánh hiến để phục vụ. Được chấp nhận với tâm hồn vui tươi, sự độc thân loan báo nước Thiên Chúa một cách rạng rỡ. Nhìn vào đời sống độc thân của các Linh mục, chúng ta thấy rằng độc thân là một ơn huệ mà Giáo Hội đã nhận lãnh và luôn chăm lo gìn giữ vì xác tín rằng đó là một thiện ích cho mình và cho thế giới. Nó được sống như một sự mới mẻ mang tính giải phóng, như một bằng chứng bặc biệt của việc theo Đức Kitô một cách triệt để và như dấu chỉ thực tại cánh chung. Chúa Giêsu đã làm gương khi tự do chọn sống độc thân. Nối gót Ngài, các môn đệ đã từ bỏ 'tất cả mọi sự' để hoàn thành sứ mạng (Lc 18, 28-30). Dù phải sống trong thân phận con người yếu đuối nhưng các ngài đã bảo vệ được 'chiếc bình sành dễ vỡ' là đức Khiết tịnh, nhờ hiểu và thực hành giá trị thiêng liêng cao quý của sự yêm hoạn vì Nước Trời. Đó là điều khiến chúng ta trân trọng, cảm phục các ngài hơn.

Linh mục không thể thực thi nhiệm vụ của mình nếu không tùy thuộc vào Giám mục và hiệp thông với ngài. Lời hứa vâng phục Giám mục khi chịu chức và cái hôn bình an của Giám mục vào cuối phụng vụ truyền chức, cho thấy Giám mục nhận các Linh mục như cộng sự viên, như con cái,

như anh em, như bạn hữu của mình, về phần các Linh mục phải yêu mến và vâng phục Giám mục (GLCG số 1567).

Đức vâng lời là một giá trị quan trọng hàng đầu của đời Linh mục. Chính Hy Tế thập giá của Đức Giêsu có giá trị và ý nghĩa cứu chuộc là nhờ sự vâng phục và trung thành với ý muốn của Chúa Cha. Ngài đã 'vâng lời cho đến chết'(Pl 2,8). Như thế, có thể nói sự vâng phục Chúa Cha nằm ở trung tâm chức tư tế của Đức Kitô. Trên thực tế Linh mục do bản chất của chức tư tế có bổn phận phục vụ Đức Kitô và Giáo Hội. Các ngài luôn sẵn sàng đón nhận mọi chỉ bảo đúng đắn của các Bề Trên, chấp nhận và trung thành chu toàn nhiệm vụ Đấng Bản Quyền trao phó. Nhờ vậy, Linh mục cổ võ đức ái hỗ tương giữa Linh mục đoàn và sự hiệp nhất đặt nền trên chân lý. Họ khơi dậy mọi người vâng phục tất cả quy định trong lãnh vực huấn quyền và kỷ luật, theo nhưng cách thức và kỳ hạn cần thiết. Một khía cạnh khác làm cho mọi người cảm phục và biết ơn đó là sự trung thành mặc áo Giáo sĩ vì nhờ đó mà mọi người lập tức nhận ra căn tính và sự các ngài thuộc về Thiên Chúa và Giáo Hội. Làm cho các tu sĩ ý thức hơn về bộ tu phục của mình, nhắc nhở họ là người đã được thánh hiến, thuộc trọn về Chúa.

Xét cho cùng, mặc dù các Linh mục không phải giữ đức khó nghèo khi lãnh chức vụ thừa tác nhưng họ đã sống một cuộc sống giản dị và xa lánh những gì là phù phiếm. Ta học được bài học sống siêu thoát với của cải trần gian, sử dụng có trách nhiệm, có chừng. Hơn nữa, mỗi tu sĩ đã khấn giữ công khai lời khấn khó nghèo thì càng phải tuân giữ một cách ý thức và triệt để.

Linh mục còn được mọi người cảm phục về lòng nhiệt thành tông đồ với một động lực từ bên trong, một xác tín sâu xa được diễn đạt trong việc dấn thân cho công việc truyền giáo, trong công việc mục vụ không biết mỏi mệt với tấm lòng rộng mở, quan tâm tới mọi người. Lòng nhiệt thành tông đồ

được thúc bách từ chính tính thể của con người được hiến dâng. Chúng ta không thể không biết ơn các Linh mục vì các ngài đã cung cấp nguồn lương thực thiêng liêng nuôi sống linh hồn chúng ta bằng chính Bí tích Thánh thể mà các ngài cử hành hàng ngày. Các ngài còn đem lại sự sống quý giá cho linh hồn, vì khi phạm tội trọng là chúng ta chết về phần linh hồn. Qua Bí tích Hòa giải, các ngài đã cứu chúng ta khỏi chết, khỏi án phạt đời đời do tội lỗi của chúng ta. Hội thánh của Chúa được tồn tại, phát triển và bền vững như ngày nay là nhờ ơn Chúa tuôn đổ xuống loài người qua thừa tác vụ của các Linh mục.

2. Những buồn phiền lo âu, cần phải cầu nguyện hơn nữa cho các linh mục

Chính Đức Kitô hiện diện với Hội Thánh Người trong việc phục vụ của các thừa tác viên có chức thánh, Người hiện diện với tư cách là Đầu của thân thể Người, là mục tử của đoàn chiên Người, là thượng tế của hy lễ cứu độ, là thầy dậy chân lý. Đó là điều Hội Thánh muốn diễn tả khi xác quyết rằng vị tư tế, nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, hành động trong cương vị Đức Kitô là Đầu (GLCG số 1548).

Tuy nhiên, sự hiện diện như vậy của Đức Kitô trong thừa tác viên không được hiểu là vị này đã được gìn giữ khỏi mọi yếu đuối của con người, khỏi tinh thần thống trị, khỏi sai lầm và khỏi cả tội lỗi. Sức mạnh của Chúa Thánh Thần không bảo đảm cho tất cả các hành vi của thừa tác viên bằng cùng một cách thức. Khi thừa tác viên cử hành các Bí tích thì điều bảo đảm này được trao ban, nên thậm chí tội lỗi của thừa tác viên cũng không thể ngăn cản hiệu quả của ân sủng; còn trong nhiều hành vi khác, dấu ấn con người của thừa tác viên để lại những vết tích, không phải luôn luôn là dấu chỉ của sự trung thành với Tin Mừng và vì vậy những hành vi đó có thể làm phương hại đến sự sinh hoa kết quả trong việc tông đồ của Hội Thánh (GLCG số 1550).

Chúa Kitô, Đấng Chúa Cha đã thánh hóa, thánh hiến và sai xuống trần gian *'đã hiến thân cho chúng ta hầu cứu chúng ta khỏi mọi tội ác và thanh tẩy một dân đáng được Ngài chấp nhận và nhiệt thành với mọi việc lành'* (Tt 2,14). Các Linh mục cũng vậy, nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, các Linh mục nên giống Chúa Kitô, và vì tôi tớ không hơn chủ nên các Linh mục cũng phải chịu những cơn cám dỗ như Chúa Giêsu đã phải trải qua sau 40 ngày chay tịnh trong sa mạc.

Người lữ hành trong suốt hành trình sa mạc có thể bị cám dỗ và nhiều lần bị thua cuộc. Dù mang hình thức nào, các cám dỗ ấy rốt cuộc cũng chỉ hệ tại lấy cát bụi bên ngoài và lấy những khao khát bên trong để tung hỏa mù làm mờ mắt người lữ hành khiến ta không phân biệt được giả với thật. Và vì thế, bí quyết cuối cùng cũng chỉ là bám chắc vào những điều căn bản nhất, rồi bình tĩnh nhận diện để phát hiện chân tướng sự vật. Thánh Phaolô cũng hiểu căn nguyên của sự cám dỗ và thất bại cách tương tự : không do người ta chủ ý muốn như thế ngay từ đầu, mà đúng hơn do sự mê lầm của con người về các giá trị - một sự mê lầm ăn sâu và chi phối mạnh tới mức khuất phục được cả ý muốn kháng cự của chúng ta, làm ta có cảm tưởng như có ai đó nơi ta làm điều ấy (Rm 7,14-20.24-25) .

a. Cám dỗ về quyền lợi

Trước khi lên đường vào sa mạc, người lữ hành thường bị cám dỗ muốn trang bị mọi phương tiện vật chất, từ các dụng cụ đến thực phẩm, từ các phương tiện di chuyển và liên lạc đến tiền bạc… có những linh mục suy nghĩ là phải có tối thiểu bằng đại học, bằng ô tô, bằng vi tính… để đuổi kịp thời đại, và phải có nhiều tiền để cuộc sống được đàng hoàng, sung túc… vì bị mê lầm rằng có đủ là thành toại trong tất cả. Điều này có thể thấy rõ qua thái độ và tâm trạng e ngại, do dự khá lâu trước khi lên đường, lấy cớ là chưa cảm

thấy an toàn đủ. Sau đó, chính kinh nghiệm sa mạc làm cho đương sự tỉnh ngộ ra: chẳng những không giúp mình lên đường dễ dàng mà các trang bị ấy nhiều khi còn làm chậm bước tiến, và thế là sau một chút do dự, họ buộc lòng phải vất bỏ lại nhiều thứ. Lúc này, vấn đề là phải giữ lại điều gì và bỏ điều gì. Chính lúc ấy, họ mới khám phá ra rất nhiều điều tưởng là cần tới mức không thể thiếu lại chỉ là đồ thừa. Điều quan trọng là họ có dám dứt khoát khi đã nhận ra giá trị thật của chúng không ? Trong chặng đường còn lại, cám dỗ về các quyền lợi vật chất lại xuất hiện dưới một hình thức khác: họ bắt đầu bị cám dỗ nhớ nhung một thuở êm đềm với những tiện nghi chung quanh và thèm khát những ngày giờ nằm dài bên ốc đảo, tắm mát thỏa thích. Tệ hơn nữa, mỗi khi nhớ lại hay nghĩ đến những điều ấy họ đều cảm thấy đó là những quyền lợi chính đáng mà mình có quyền hưởng, nếu chưa hưởng được trong thực tế thì hưởng thụ trong giấc mơ. Và phản ứng sau đó là thường bất mãn và khó chịu khi không được toại nguyện. Hoặc là cầu an và dỗi hờn không muốn đi tiếp nữa. Thánh Phaolô tông đồ cũng đã từng có những tâm tình và ý nghĩ như thế (1Cr 9, 1-8 ; 1Cr 9, 13-15; 2Tx 3, 7-9).

b. Cám dỗ về tình cảm

Tình cảm nổi bật nhất mà người lữ hành trong sa mạc cảm thấy là sự cô đơn, đặc biệt là đời sống độc thân thánh hiến. Ban đầu người ấy chỉ nghĩ đến sự cô đơn do hoàn cảnh khách quan tạo nên, vì thế tưởng rằng có thể lấp đầy chỗ trống ấy bằng đủ mọi hình ảnh và kỷ vật của người quen, thậm chí trang bị cả một máy điện đàm để có thể trò chuyện hay ít ra, những băng cassett âm nhạc và những bộ phim truyện để làm vơi đi nỗi nhớ. Càng về sau, khi thấy rõ tất cả những phương tiện ấy không thể thay thế sự hiện diện thật của một con người có xương có thịt, họ mới cầu mong cho có một người bạn đường. Và anh ta cũng có những người bạn như lòng mong ước. Thế nhưng chẳng bao lâu anh lại

cảm thấy nhu cầu tình cảm của mình chẳng những không được thỏa mãn sâu sắc mà đang có chiều hướng phá hỏng cả chính mơ ước của mình: 'bá nhân bá tính' mỗi người một ý và ai cũng muốn ý khiến của mình là đúng, đáng trân trọng nhất rồi sinh ra chia rẽ.

Bạn bè vẫn luôn cần thiết, nhưng không bao giờ thay được bản thân ta trong những lựa chọn và quyết định, trong những cam kết và dấn thân. Cô đơn vẫn còn đó và anh ta nghĩ ra giải pháp khác là rúc vào mình tạm vui với những thỏa mãn tình cảm trong tưởng tượng hay với những điều không đâu. Nếu có giao tiếp thì cũng chỉ là làm xong thật nhanh bổn phận của người đồng hội theo luật 'vay trả trả vay': Ví dụ như dịp chầu hay lễ quan thầy người ta đến với mình thì mình cũng phải đến với người ta. Người ta không bao giờ coi sự cô đơn là cánh cửa cần thiết mở ra cho con người giao tiếp thân mật với Đấng Tối Cao, có mặt khắp nơi, giao tiếp với người khác không phải cho bản thân mình mà cho một nhân loại đang cố gắng vươn tới tầm cao của một tình yêu. Phaolô có ít nhiều kinh nghiệm về vấn đề này đã được trình bày trong (Rm 8, 35-39 và 1Cr 7, 29-31).

c. Cám dỗ về thế lực và uy tín

Sau một lát do dự trước cuộc hành trình vừa dài vừa nhàm chán (ngày nào cũng như ngày nào) và đầy cam go thử thách ấy, người lữ hành có thể được động viên bởi vòng nguyệt quế sẽ được trao cho mình khi về tới đích hay chí ít, bởi chút tự ái được vuốt ve, và thế là lên đường. Cám dỗ về thế lực và uy tín đã lảng vảng ngay từ giây phút khởi hành. Cám dỗ ấy sẽ mạnh mẽ hơn rất nhiều khi họ đã đi được một chặng đường, nhất là đã vượt qua bao nhiêu khó khăn mới đến được chỗ này. Ví dụ được làm linh mục, được chức nọ quyền kia trong giáo hội… lúc ấy họ bỗng thèm khát được ai đó nhìn nhận và ca tụng ; bằng không đương sự sẽ tự thưởng cho mình một bữa tiệc, một thời gian nghỉ ngơi để tận

hưởng sự chiến thắng và thành công ấy. Những lúc ấy mà bị ai đó giục giã lên đường, nhất là bị ai đó chê bai hay coi thường thành tích của mình đương sự sẽ khó tránh được nổi cáu hay có thể đi tới thái độ bất cần và phóng túng. Nhưng đáng sợ nhất là có thể vì ham vòng nguyệt quế và tiếng khen, vì muốn khẳng định mình mà họ sẵn sàng man trá và lừa gạt như tìm đường tắt thay vì theo lộ trình quy định, hoặc lén lút nhờ ai đó chở mình trên xe thay vì đi bằng chính đôi chân của mình. Những yếu đuối này đã được Thánh Phaolô nói tới trong các thư của ngài (2 Cr 4,1-2 ; 2 Cr 10,3-4 ; 1 Cr 1,26-29), ngài đã cảm thông với chúng ta, đồng thời an ủi khích lệ chúng ta rất nhiều để chúng ta không bỏ cuộc mà chạy thẳng tới đích là chính Đức Kitô.

Bí tích Truyền Chức Thánh làm cho các Linh mục nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô nhờ ân sủng đặc biệt là Chúa Thánh Thần, để họ trở thành dụng cụ của Đức Kitô hầu phục vụ Hội Thánh Người. Đồng thời, họ nhận được khả năng hành động với tư cách là người đại diện Đức Kitô, Đấng là Đầu Hội Thánh, trong ba nhiệm vụ của Người là Tư tế, Ngôn sứ và Vương đế. Đặc biệt, Bí tích Truyền Chức Thánh còn in một dấu ấn thiêng liêng không thể tẩy xóa. Vì thế các linh mục là những người đáng kính trọng và là những người quản lý các mầu nhiệm của Thiên Chúa. Chính Đức Kitô là Đấng hành động và thực hiện ơn cứu độ qua thừa tác viên có chức thánh, nên sự bất xứng của vị này không ngăn cản được Đức Kitô hành động. Vì thế linh mục phải là những con người xứng đáng với thừa tác vụ mà chính Đức Kitô trao phó. Giáo Hội cũng dành những thời gian đặc biệt để cầu nguyện cho các ngài vì ý thức rằng linh mục cũng là những con người và họ cần được nâng đỡ để họ chu toàn bổn phận của họ. Hơn thế nữa, chính Chúa Kitô đã cầu nguyện cho các Tông Đồ : '*con không xin Cha đem họ ra khỏi thế gian, nhưng gìn giữ họ khỏi sự dữ. Họ không thuộc về thế gian, như con không thuộc về thế gian'* (Ga 17, 15-16). Giáo Hội đã nhận lấy lời cầu nguyện đó làm của mình. Tuy nhiên, phân

biệt không thuộc về thế gian như thế không có nghĩa là tách biệt khỏi thế gian, cũng không phải là thờ ơ, sợ hãi hay miệt thị thế gian. Thực vậy, khi tự phân biệt với nhân loại không phải là Giáo Hội chống đối thế gian, nhưng đúng hơn, Giáo Hội thăng tiến và thánh hóa thế gian.

3. Những phương thế bảo vệ

Ngay từ đầu, Thiên Chúa dựng nên con người có nam có nữ hòa hợp với nhau để sinh ra vô số người trên mặt đất để đời sống con người trở nên đẹp và ý nghĩa hơn. Bình thường thì con người có sự thu hút lẫn nhau, nhưng để đáp lại lời mời gọi của Đức Giêsu có những người đã tự nguyện yêm hoạn Vì Nước Trời, đó là linh mục và nam nữ tu sĩ để trở nên người của mọi người. Nhưng từ bỏ những thứ đó không phải là dễ, chỉ cần một ánh mắt, một nụ cười, một sự quan tâm, một nỗi buồn, một sự cô đơn… có thể làm cho chúng ta xao xuyến, nhớ nhung... dần dần đi đến sa ngã. Những người thánh hiến tâm hồn rất dễ bị tổn thương vì cảm thấy thiếu tình thương, cảm thấy cô đơn … vì thế họ cần phải được tập luyện để tâm hồn bớt trống rỗng tạo niềm vui, sự bình an trong tâm hồn.

Đồng thời với đời sống cầu nguyện, gặp gỡ Chúa để dễ cảm thông nâng đỡ anh chị em mình. Thánh Phaolô nói: Chính lúc tôi yếu là lúc tôi mạnh. Vậy tôi sẽ làm được gì nếu không có Thiên Chúa trợ giúp, không có mọi người chung quanh nâng đỡ. Chúng ta giúp nhau bằng cách nào ? Dù chúng ta có là ai đi chăng nữa, chúng ta vẫn là con người nhân vô thập toàn. Vậy nâng đỡ nhau là đừng tạo cơ hội cho mình hay gây cớ vấp phạm cho người khác như: không thường xuyên thăm viếng lâu giờ ở nhà Cha/Thầy, thậm chí vào phòng riêng của họ (trừ khi có lý do chính đáng và cùng với chị em), không để chị em đi đâu một mình, dù là người trưởng thành… đó là tránh dịp và cơ hội cho mình, cho người khác vấp ngã vì con người yếu đuối mỏng giòn *'điều tôi muốn*

thì tôi không làm, điều tôi không muốn thì tôi lại làm'. Chúng ta cần phải tập luyện thường xuyên trau dồi nhân cách bản thân, tập cho mình có sự quân bình về tinh thần (đời sống cầu nguyện, suy gẫm lời Chúa, tập tành nhân đức…). Đồng thời cần phải cân bằng đời sống tâm sinh lý: ăn uống điều độ, thân thể sạch sẽ, không ở nhưng bao giờ, tập thể dục thể thao lành mạnh… Tất cả phải được dung hòa trong sự thống nhất để mến Chúa và yêu người.

C. KẾT LUẬN

Tin Mừng Thánh Máccô nói về phần thưởng được Chúa Giêsu hứa cho các linh mục và tu sĩ như sau : *'Chẳng hề có ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, mẹ cha, con cái hay ruộng đất, vì Thầy và vì Tin Mừng, mà bây giờ, ngay ở đời này, lại không nhận được nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con hay ruộng đất gấp trăm, cùng với sự ngược đãi, và sự sống đời đời ở đời sau'* (Mc10, 29-30). Như vậy, khi nhớ đến những hoan lạc của đời sống thánh hiến, không thể quên những khó khăn phải chịu trong những hoàn cảnh của đời sống hiện tại. Cách riêng các linh mục phải nhớ rằng không phải các ngài phải chịu lẻ loi khi thi hành bổn phận, nhưng dựa vào sức mạnh của Thiên Chúa toàn năng và tin tưởng vào Chúa Kitô, Đấng đã mời gọi các ngài đến thông phần vào chức linh mục của mình, các ngài phải hết lòng tin tưởng mà hiến thân cho chức vụ mình, vì biết rằng Thiên Chúa toàn năng có thể ban cho các ngài thêm tình yêu. Các ngài cũng phải nhớ rằng các anh em trong chức linh mục, các tu sĩ và ngay cả những tín hữu trên toàn thế giới cũng là bạn hữu của mình. Vậy mọi người hiệp thông với nhau và cầu nguyện cho các linh mục để các ngài dễ dàng chu toàn ý định cứu rỗi của Thiên Chúa.

[6]

A. Dẫn Nhập

Linh mục là ai ? Chắc hẳn sẽ có nhiều câu trả lời khác nhau, chẳng hạn: Linh mục là người của Chúa, là Giêsu thứ hai, là người bước theo sát Chúa Kitô, là tư tế của Chúa... nhưng có lẽ đúng hơn cả và được mọi người chấp nhận hơn cả: Linh mục là con người nhưng có ơn gọi thần thiêng. Thật vậy, vì có ơn gọi thần thiêng nên linh mục không ngừng hoàn thiện bản thân để phục vụ Thiên Chúa và mọi người. Không tuyên khấn như các tu sĩ nhưng vẫn sống một đời vâng phục, hoàn toàn độc thân khiết tịnh vì Nước Trời và sống một đời giản dị không xa hoa. Tuy vậy, là con người vẫn còn đầy những tham, sân, si, hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục, khiến chúng ta cảm thấy lo phiền và cần phải cầu nguyện nhiều cho các ngài. Hơn nữa, chúng ta, những người sống đời thánh hiến được mời gọi hãy đặt mình vào cương vị của các ngài để hiểu, cảm thông, chia sẻ và hãy thử suy nghĩ xem ta có thể làm được gì hay dùng phương thế nào để chúng ta và các linh mục trở thành những con người thực sự có ơn gọi thần thiêng.

B. Nội Dung

1. Tình yêu vâng phục

Khi bước vào trần gian Chúa Giêsu đã thưa cùng Chúa Cha: *"Này con xin đến để thực hành thánh ý Cha."* Thánh ý đó chính là lương thực, là lẽ sống của ngài và ngài đã không ngừng tuyên bố: "*của ăn Thầy là làm theo ý Đấng đã sai Thầy và chu toàn công việc của Ngài*" (Ga 4,34). Thật vậy, Đức Giêsu Kitô phận là phận của một vì Thiên Chúa, nhưng Ngài đã hạ mình thấp hèn để vâng phục cho đến chết

và chết trên thập giá. Ngài đã thực hiện đức vâng phục cứu thế của Ngài với tự do và tâm tình hiếu thảo của Con Thiên Chúa. Dẫu là con, Ngài đã đau khổ dãi dầu mà học cho biết vâng phục. Và một khi thành toàn, Ngài đã nên nguyên nhân cứu rỗi đời cho những ai vâng phục Người. Noi gương Chúa Giêsu và nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần, các linh mục đã dâng hiến đời mình như của lễ để vinh danh Chúa và cứu rỗi các linh hồn.

a. Cảm phục linh mục trước tình yêu vâng phục

Từ ngày thụ phong, các linh mục hiện diện giữa dòng đời với một sứ mạng thánh hóa thế trần và làm chứng nhân Ánh Sáng. Các Ngài đã luôn sẵn sàng đáp lại lời mời gọi của Chúa qua Đấng bản quyền: *"Hãy chăn dắt chiên con và chiên mẹ của Thầy"* (Ga 21,15). Cho dù các ngài vẫn biết trước rằng nơi các ngài đến chắc chẳng có mấy ai vỗ tay hoan hô mà lại không thiếu những con người chê bai và phần đa là "*dửng dưng như bánh chưng ngày tết,*" nhưng các ngài vẫn hân hoan ra đi bởi tình yêu Đức Kitô thúc bách. Từ những người thụ huấn huấn luyện, các ngài trở thành những người huấn luyện. Bắt đầu cuộc sống hoàn toàn mới, dốc hết nghị lực và ơn Chúa để xây dựng Giáo xứ mình thành gia đình thiêng liêng, gia đình hiệp nhất trong tình yêu Chúa Kitô.

Linh mục có thể đổi lời của Thánh Augustino cho mình: "*Với anh em tôi là Ki tô hữu, nhưng cho anh em tôi là linh mục."* Chính vì thế, đôi tai các Ngài không phải để hỏi nhưng là để nghe và sẵn sàng thay đổi những gì chưa phù hợp với đời sống đức tin của cộng đoàn. Miệng lưỡi các Ngài không phải để than mà là để tiếp nhận hàng ngàn lời than. Mỗi ngày có biết bao người chạy đến với các ngài và các ngài phải kiên nhẫn hỏi câu hỏi của Chúa Giêsu: "*các con tìm gì*?" (Ga 1,38) hay "*các con muốn ta làm gì cho các con*" (Mt 20,32) và có khi ngay cả đến những vấn đề nhỏ mọn nhất của đời sống thường ngày "*các con có gì để ăn không?*'' (Ga 21,5). Đôi

chân của các ngài không phải để đứng nhưng là để đi đến với từng con chiên không phân biệt giàu nghèo. Đây là một thách đố rất lớn lao cho các ngài vì con chiên thì quá đông và nhu cầu quá lớn. Thế mà khi nhìn vào việc các Ngài làm, một số ít người dửng dưng ấy bắt đầu lên tiếng: "*việc gì mà mấy ông Linh mục phải lắm công thế, bây giờ thời buổi @ rồi làm gì có chuyện người này quan tâm đến người kia nữa, thân ai người ấy lo, xác ai người ấy giữ và linh hồn ai người ấy cứu*," và còn nhiều chuyện khác nữa… Đứng trước những lời nói ấy, các môn đệ của Đức Kitô vẫn không nao núng vì xác tín vào sức mạnh của Đoàn kết hiệp nhất như: *"Nếu chỉ một nốt làm sao thành bản nhạc hòa tấu? Nếu chỉ một lời nói làm sao thành một pho sách? Và nếu chỉ một cử chỉ yêu thương làm sao cứu vớt được tất cả nhân loại, mới có công lý và hòa bình''* (Đức cố Hồng Y Xavie Nguyễn Văn Thuận).

Nhờ đời sống vâng phục, đức tin và tình yêu, linh mục trở nên thầy thuốc tuyệt diệu qua việc ban các Bí Tích, Dâng Lễ và giảng Lời Chúa hằng ngày, lắng nghe muôn vàn tội lỗi của con người, đi đêm về hôm để đem bình an đến cho các con chiên đang hấp hối. Nhưng khi gia đình thiêng liêng ngài gầy dựng có phần nào gọi là thành công, chuẩn bị bước vào giai đoạn "*thư thái bình an vừa nằm con đã ngủ*''thì bất chợt một bài sai mới lại đến, Đấng bản quyền muốn ngài đến với các con chiên mới. Đến với mảnh đất ngoan đạo có bề dầy lâu năm còn đỡ, đàng này lại đến với mảnh đất chưa được hình thành, sự tối tăm bao trùm, nhất là thiếu vắng đời sống Kitô giáo, đòi hỏi ngài phải trở thành ngọn gió quyền năng dịch chuyển mảnh đất ấy về với Giáo Hội.

Đứng trước tình thế này ngài cảm thấy như chính thân mình đang bị giày xéo và nhiều lần đã phải thưa lên như Chúa Giêsu: *"Nếu có thể được, xin cho con khỏi uống chén này,.. nhưng xin đừng theo ý con, một xin vâng ý Cha."* Sẵn sàng ra đi trước sự thương tiếc của đoàn chiên người khóc người giữ, với khẩu hiệu ba không: *không tìm kiếm, không từ*

chối và không nắm giữ. (Đây cũng là bài học để chị em chúng ta noi gương khi đi truyền giáo). Với thái độ siêu thoát và tùng phục này, các linh mục đã để lại trong trái tim giáo dân nói chung và những người thánh hiến nói riêng lòng kính trọng, sự biết ơn, lòng cảm phục sâu xa bởi các ngài không chỉ rao giảng về Chúa Giêsu bằng ngôn từ mà bằng chính chứng từ rất cụ thể, rất hiện thực. Quả thật không hổ danh là môn đệ đích thực của Chúa Kitô.

b. Buồn phiền và lo âu khi linh mục thiêu vắng tinh thần vâng phục

Tuy nhiên, chúng ta cũng từng nghe nói: *"Đời chỉ đẹp khi còn dây chéo, đời hết vui khi đã thẳng hai hàng."* Vì thế không phải lúc nào các linh mục cũng có thể thưa hai tiếng "xin vâng'' một cách dễ dàng với tình con thảo đâu? Bởi vì các Ngài cũng là con người: vẫn còn đấy những khuyết điểm và yếu đuối, một số hành xử của các ngài có nhiều phần khó thương và đáng trách. Chẳng hạn trong vấn đề chuyển xứ: một số linh mục không hài lòng với việc chuyển đổi nhiệm sở của Giámm mục: thay vì đối thoại, thưa trình để tìm ra chân lý, để được thông cảm về nhu cầu riêng cũng như chung, các ngài lại có những luận điệu rất chướng tai trên bục giảng: "*Thời nay Đức Giáo Hoàng cũng bị quỷ ám, thì Đức Giám mục cũng thế*." Một số linh mục tung tin lên internet để phản đối; số khác còn tỏ ra cho đoàn chiên biết mình buồn chán, thất vọng qua lời nói cũng như qua hành động…

Các vị ấy chưa nhận ra sự hiện diện của Chúa Kitô trong Đấng Bản Quyền, nhất là chưa mở lòng ra để đối thoại với Ngài, nghĩ rằng dù có đối thoại mấy đi chăng nữa thì Ngài vẫn coi ý mình là ý Chúa. Ngoài ra ta còn thấy đây đó một số linh mục vẫn chưa hòa đồng lắng nghe tiếng nói của con chiên, thay vì mình vì mọi người thì lại bắt mọi người vì mình. Khi nhìn thấy số linh mục đó thì có không biết bao người đặt câu hỏi *đây có phải là môn đệ Đức Kitô không*? Và có biết

bao tâm hồn muốn bước theo tiếng gọi của Chúa sống đời thánh hiến tu trì thì nhìn vào đó mà thất vọng và muốn buông xuôi lý tưởng. Có thể nói đây chính là những chấm đen trên trang giấy trắng, là nốt nhạc nghịch vô cùng "chói tai" trên cung đàn.

c. Tăng triển tình yêu vâng phục

Vậy làm thế nào để tẩy những chấm đen và tấu lên những cung đàn du dương trầm bổng? Thiết nghĩ người thánh hiến nói chung và các linh mục nói riêng, trước hết hãy nhìn Chúa hiện diện trong Đấng bản quyền và các Bề trên để vâng nghe và thực hành những mệnh lệnh của các ngài như vâng lệnh Chúa. Hãy cầu nguyện không ngừng để lấy lại tình yêu thuở ban đầu: khi chịu chức hay khấn dòng, chúng ta tuyên hứa với Chúa sẵn sàng hiến thân phục vụ Chúa và Giáo Hội, đi tới bất cứ nơi nào mà Thánh Thần đưa dẫn, chân thành góp ý và khôn ngoan trong đối thoại để tìm ra cách thức phục vụ mới mẻ và hoàn hảo nhất, đặc biệt là luôn có thái độ khiêm tốn, sẵn sàng vâng phục tất cả những điều vừa ý cũng như trái ý. Quyết tâm sống chân lý của Chúa Giêsu: *"Ta đến để phục vụ chứ không phải để được người ta phục vụ."*

2. Linh mục - độc thân khiết tịnh

Thế giới hôm nay đa phần người ta rất trân trọng và thần tượng hóa các linh mục, phải chăng các ngài nhiều tuổi bởi "tuổi già đáng kính trọng." Không phải thế, bởi vì có biết bao người râu tóc bạc phơ đáng tuổi cha ông mà vẫn chào các linh mục là "cha" và xưng "con". Hay vì các linh mục khỏe mạnh phương phi béo tốt? Không phải thế, vì các linh mục hoạt đông cơ bắp rất ít nên sức khỏe không được dẻo dai. Phải chăng các linh mục là con nhà giàu "ấm vàng, ấm bạc"? Cũng sai luôn vì đa phần các ngài xuất thân từ các gia đình bình dân và trung lưu, giàu là rất ít và không đáng kể. Vậy

bởi đâu các ngài được kính trọng và quý mến như thế ? Đó là vì các ngài đã dám sống độc thân khiết tịnh vì Nước Trời.

a. Cảm phục linh mục sống độc thân khiết tịnh

Chúng ta đang sống trong một thế giới hết sức văn minh, mà theo Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đó là "nền văn minh của sự chết." Tình yêu và tình dục luôn được đề cao và được đẩy lên để hưởng thụ một cách tối đa. Người ta lao mình vào yêu: yêu cuồng, yêu vội, yêu hết mình là phong cách sống của một số bạn trẻ ngày nay: *Học không yêu phí hoài tuổi trẻ, Yêu không học bán rẻ công danh.*

Những biển quảng cáo treo nhan nhản hay các phương tiện truyền thông đại chúng đều cổ vũ vui hưởng lạc thú, tôn thờ thân xác, biến tính dục thành một nhu cầu tất yếu và không thể thiếu trong đời sống của con người. Vì thế, người ta không thể nào hiểu nổi tại sao lại có những anh chàng đẹp trai, thông minh, học giỏi và nhiều tài năng, là thần tượng của biết bao cô gái, mà lại sống một đời độc thân, bỏ một cô để ôm lấy năm cô: *cô đơn, cô độc, cô thân, cô thế, cô liêu.*

Và một số người đã tự đi tìm câu trả lời cho vấn đề: Nào là các linh mục sợ ế vì biết trước tương lai đã đến lúc tình trạng nam thừa nữ thiếu, hay đó là những kẻ trốn tránh trách nhiệm, thỏa mãn ích kỷ bản thân, và tệ hơn nữa là những kẻ bất bình thường về giới tính, những kẻ không biết yêu, những kẻ lừa dối, toàn làm những chuyện không tưởng. Nhưng thực tế lại khác, các ngài là những con người rất nhân bản, rất quân bình, hoàn toàn không có vấn đề gì về tâm lý; không phải các ngài không biết yêu, mà là yêu rất nhiều, yêu say mê, yêu đắm đuối. Có thể nói các ngài hiện hữu là để yêu và loan truyền tình yêu.

Vậy các linh mục yêu ai? Xin thưa rằng Đức Giêsu Kitô là người yêu độc nhất của các ngài. Thật vậy, Đức Giêsu Kitô yêu ta bằng một trái tim không chia sẻ, yêu mọi người và yêu cho đến cùng, đến phó mạng sống mình vì nhân loại. Tình yêu tuyệt vời đó đã được các linh mục cảm nghiệm, và hăng hái đáp lại bằng hiến trọn đời mình để sống độc thân khiết tịnh, "lấy tình yêu để đáp lại tình yêu," coi Đức Giêsu Kitô mãi mãi là Đấng Mỹ Nhân của lòng các ngài.

Đức Khiết tịnh vì Nước Trời làm cho các linh mục yêu mọi người như Chúa yêu và trở thành người của mọi người; các ngài chính là cánh tay nối dài của Chúa Giêsu. Vì thế, các ngài đã yêu biết bao người mà không giữ lại một ai cho riêng mình, bắt tay biết bao người mà không giữ lại một bàn tay nào. Có không biết bao người cảm nghiệm và nhận ra tình yêu của các ngài là tình yêu của Chúa Kitô, một tình yêu phong phú thiêng liêng khiến các ngài không bị gắn chặt vào một ai, một cộng đồng, một gia đình nào, nhưng là thuộc về tất cả mọi người. Với đời sống độc thân khiết tịnh, các ngài đã nói cho thế giới biết rằng tình dục không phải là tất cả, thỏa mãn giới tính không phải là điều không thể thiếu và độc thân khiết tịnh chính là một thực tại, bởi nó không phải là chuyện xa xưa, nhưng là chuyện hôm nay và là cuộc sống thực đang diễn ra.

Tuy nhiên, trời đất có âm dương, ngày đêm, nam nữ... cứ thế mà tuần hoàn để tạo vật tồn tại, nên làm linh mục các ngài cũng không thôi là con người. Một lần hiến thân không thay thế tất cả, linh mục vẫn còn là một người nguyên vẹn hình hài, biết khóc biết cười, biết đói biết no, biết đau khổ, biết đối diện với những lúc đen tối, biết vui mừng, biết hy vọng, biết lo âu, biết sợ hãi... và cũng có khuynh hướng con người cho những đam mê tham sân si với đầy đủ hỉ nộ ái ố. Chính vì thế, không ít lần các ngài cảm thấy đời mình bị thiếu vắng một cái gì đó, bóng dáng "tóc mây" của một ai đó; không khỏi tiếc rẻ những hình ảnh luôn đập vào mắt "*đường*

rộng xe rẻ ngồi đàng sau ôm đàng trước;" đồng thời bản năng làm cha và làm chồng vẫn luôn chỗi dậy trong các ngài, nhất là những lúc đau ốm bệnh tật, cô đơn... cũng mong có được một ai đó quan tâm chăm sóc hay những đêm đông giá lạnh cũng ao ước có được chiếc máy sưởi 37 độ (như của vua David) cho đỡ buốt giá!

Thế mà các ngài lại có thể phấn đấu với chính mình để ra đi cứu nhân độ thế. Các ngài đã luôn tự đào tạo chính mình, để trên suốt chiều dài của thời gian, nhờ sự tự đào tạo liên tục ấy, các ngài đã để cho bản thân được tắm mình chìm ngập trong Chúa Kitô, để trung thành đến cùng với lý tưởng độc thân khiết tịnh. Hình ảnh này thật đáng cho ta cảm phục, thật đáng trân trọng, thật đáng tự hào. Nó mãi mãi là điểm son, điểm chói sáng và là hình ảnh vô cùng đẹp đẽ trong cộng đoàn dân Chúa, và trong trái tim nhân loại.

b. Buồn phiền và lo âu khi linh mục thiếu vắng tình yêu Đức Kitô

Được chọn giữa muôn người và cho muôn người, các linh mục trở thành đích điểm cho ma quỷ tấn công, và có thể nói mỗi bước chân của các ngài đều có những cơn cám dỗ, sự nguy hiểm ngày đêm rình rập; nhất là sống trong thời buổi này, thời buổi người ta đề cao quyền bình đẳng, tự do, tự do nói những điều mình thích, làm những điều mình muốn, tự do tỏ tình với người mà mình thầm yêu trộm nhớ. Thánh Gioan Thiên Chúa đã từng được sự yêu thương quan tâm đặc biệt của cô gái con nhà quý tộc gần nhà, đang đêm cô đơn mò sang... Thánh nhân cầu nguyện và phải can đảm lắm mới khuyên được nàng công chúa đã thầm yêu vụng nhớ mình theo đuổi lý tưởng khác.

Với tình thế cam go ấy cộng thêm bản chất con người yếu đuối mỏng dòn, một số ít linh mục đã bị sa ngã trao trái tim cho một ai đó, như cô bếp, chị ca đoàn, một Vêrônica hay

một con chiên ngoan đạo và có khi ngay cả với trẻ em, những người đang ở độ tuổi vị thành niên, mà theo con số thống kê các linh mục lạm dụng tình dục trẻ em ở Mỹ là 2%. Tình trạng này đặc biệt xảy ra giữa linh mục và nữ tu, vì có cùng một lý tưởng thuộc trọn về Chúa Kitô nên có mối dây thiêng liêng gần gũi hơn như anh chị em trong gia đình, nâng đỡ nhau trong đời sống ơn gọi và sứ mệnh tông đồ. Và có những linh mục và tu sĩ đi quá giới hạn cho phép, ban đầu là tình yêu đạo đức rồi đến tình yêu thiêng liêng và sau cùng đến tình yêu xác thịt: Khởi sự trong tinh thần mà kết thúc trong xác thịt, hậu quả là danh tiếng thì ít mà tai tiếng thì nhiều, làm ố danh Chúa và Giáo Hội.

c. Phương thế bảo vệ

Vậy làm thế nào để khỏi đứt gánh giữa đường, sống trọn đời vẹn nghĩa thủy chung? Trước hết trong mối quan hệ giữa linh mục và tu sĩ phải xác định rõ vị trí của mình là linh mục và tu sĩ là người của Chúa, của mọi người chứ không phải là người của nhau và cho riêng nhau. Vì thế có thân thiện mấy đi chăng nữa vẫn cần giữ khoảng cách vật lý cần thiết, luôn tôn trọng lẫn nhau, không nói với nhau những lời hai ý, những lời tình tứ lãng mạn, không gặp nhau thường xuyên cách kín đáo lén lút, mà trên hết cần đặt Chúa ở vị trí trung tâm khi có sự gặp gỡ tiếp xúc.

Riêng với bản thân các nữ tu thì thiết nghĩ mỗi người cần phải quan tâm tới nhau hơn nữa, yêu nhau tận tình trong ý tưởng lời nói và việc làm, nhường phần hơn, nhịn nết xấu, đoán ý lành cho nhau và trên hết là phải cầu nguyện cho nhau vì theo Sắc lệnh "Canh Tân Đời Tu" số 12 viết: *"Đức thanh khiết sẽ được cẩn thủ dễ dàng nếu trong cộng đoàn sinh hoạt có một tình yêu huynh đệ chân thật, tươi nở giữa các phần tử."*

Ngoài ra với nền khoa học kỹ thuật vượt bậc ngày nay, mỗi người linh mục và tu sĩ phải biết cộng tác với ơn Chúa để bảo vệ và vun trồng tình yêu siêu nhiên: cần phải cẩn trọng hơn trong vấn đề thông tin liên lạc, như Đức cố Hồng Y Phanxico Xavie Nguyễn Văn Thuận viết: "*chúng ta không thể sống khiết tịnh nếu trên môi miệng của chúng ta hay nói những gì không khiết tịnh, hay nhìn những gì không khiết tịnh và hay nghe những gì không khiết tịnh*.'' Và hãy phó thác hoàn toàn cho tình yêu của Chúa "*Ai tưởng mình đứng vững, hãy ý tứ kẻo ngã*" (1 Cr 10,12).

Hơn nữa mọi con chiên đều nhìn linh mục và nữ tu như những vị thánh, vị thánh ấy mà có gì không hay thì mọi người đều dè bỉu chê bai và nhất là mọi phương tiện truyền thông đổ dồn chế diễu và lên án khủng khiếp như vừa có trận động đất vậy. Vì thế, mỗi người cần có một người mẹ bên cạnh nâng đỡ trong mọi cơn gian nan thử thách, người mẹ này không ai khác là Đức Trinh Nữ Maria. Bởi khi trối Gioan cho Mẹ, Chúa Giêsu muốn dùng Mẹ như một phương thế đào tạo linh mục và nữ tu cho Hội Thánh. Với sự trợ giúp của Mẹ, tất cả chúng ta vượt qua những cơn gian nan thử thách mà trung thành với Chúa cho đến hơi thở cuối cùng: "*Xin Mẹ dậy con biết cách cầu nguyện, xin Mẹ ở với con khi con gặp gỡ, Mẹ ở với con những khi u sầu vấn vương…"* Có Mẹ chắc chắn con sẽ thành công.

3 - Đức khó nghèo trong đời sống linh mục

Đức Giêsu Kitô phận là phận của một vì Thiên Chúa nhưng đã hạ mình thấp hèn, sống khó nghèo: sinh ra trong hang đá, sống và lớn lên ba mươi năm trong cảnh nghèo nàn của người thợ mộc ở một thôn xóm nhỏ, đến khi rao giảng Tin mừng không có "hòn đá gối đầu" và chết trần truồng trên thánh giá. Thánh Phaolô cắt nghĩa *"người trở nên khó nghèo để chúng ta được giàu có nhờ sự khó nghèo của Người"* (2 Cr8,9).

a. Cảm phục linh mục trước đời sống khó nghèo

Khi chịu chức thánh, linh mục đã chọn sống theo hình ảnh Chúa Kitô mục tử tốt lành, sẵn sàng hy sinh bản thân để cứu rỗi loài người. Như Chúa là Đấng giàu có đã trở nên nghèo khó vì tình yêu loài người, linh mục cũng sẵn sàng từ bỏ của cải, tiện nghi mình có vì việc xây dựng Nước Thiên Chúa.

Với tinh thần khó nghèo, linh mục đã có thể vâng lời bề trên từ bỏ một nơi an nhàn, béo bở để đi đến một nơi khác mà bề trên xét thấy là cần thiết và lợi ích hơn. Các ngài đã dễ dàng vâng theo sựthúc đẩy của Chúa Thánh Thần lên đường đi rao giảng tin mừng, không "tay xách nách mang," chỉ một lòng mong cho "Nước Cha Trị đến" mà thôi (Lc 9, 57-62; Mc 10, 17- 22). Ở một thời đại tiền bạc là trên hết, mọi người đều cố gắng để có tiền, lao mình vào mọi ngóc ngách để kiếm tiền và rồi "cắm đầu hưởng thụ", thế mà linh mục, ngoài các nhu cầu cho đời sống cá nhân, lại sẵn sàng hy sinh của cải, hy sinh tiện nghi để giúp đỡ cho người nghèo, nghĩ đến ích lợi của Giáo Hội và công cuộc từ thiện. Trong xã hội cách biệt, người giàu thì giàu quá, lại lãng phí vô ích, trong lúc người nghèo thì nghèo quá và không có công ăn việc làm, thì hơn bao giờ hết linh mục và tu sĩ cần trở nên những chứng nhân về đức khó nghèo Phúc Âm.

Giáo Hội phải tiếp tục công cuộc của Chúa Kitô, không chỉ trong lãnh vực thiêng liêng mà cả trong hoạt động trần thế của mình nữa. Linh mục cần có của ăn, nhà ở, phương tiện di chuyển... như các người khác của thời đại mình, nhưng thật thán phục thay một số linh mục khi sử dụng những phương tiện ấy đã mặc lấy tâm tình mà thánh Phaolô nhắc đến "hưởng dùng như không hưởng dùng", nghĩa là khi sử dụng của cải đời này thì các ngài sử dụng không như người chỉ có kho lẫm ở trần gian, nhưng như người có kho tàng ở

trên trời, và chỉ sử dụng của cải đời này để xây dựng Nước Thiên Chúa mà thôi (Lc 10, 7; Mt 10, 9- 10; 1Cr 9,14).

b. Buồn phiền lo âu khi linh mục đề cao tiền của.

Công Đồng dạy *"Các linh mục được tuyển chọn ngay giữa dân Chúa, nhưng không phải để tách biệt khỏi họ hoặc bất cứ một người nào mà để tận hiến làm công việc Chúa giao phó. Các ngài không thể là thừa tác viên của Chúa Giêsu nếu không là chứng nhân sâu xa giữa cuộc sống và hoàn cảnh của nhân loại."* Nhưng nhu cầu con chiên thì quá lớn so với sức mình nên linh mục thường có xu hướng hay lui tới những gia đình Betania trong xứ vì họ là những người nhiệt thành, tin tưởng gửi gắm mọi sự cho Chúa qua bàn tay các linh mục, khiến không còn thời gian đến với những con chiên lạc hay nghèo khổ.

Có một số linh mục quá chú ý vào việc xây dựng nhà cao cửa rộng hay mong cho giáo xứ của mình được danh thơm tiếng tốt qua việc lên Đền Thánh, nên tìm mọi cách để kiếm cho được nhiều tiền, dù một năm có phải xa con chiên tám tháng, cả trong bài giảng kể cũng tìm cách vận động tiền càng nhiều càng tốt; thậm chí có cả việc làm phi lý có thể nói là mại thánh: lễ ban bí tích có được long trọng hoành tráng hay không là do gia đình ấy có biết cách "ngoại giao phong bì" với Cha xứ hay không, hoặc chỉ vì lợi lộc kinh tế như giật chuông cho cả làng hay việc động thổ xây dựng nhà máy vì xí nghiệp đưa nhiều tiền.

c. Trở về với khó nghèo Phúc Âm

Để nên giống Chúa Kitô, linh mục hãy là bạn của người nghèo khó, phân minh "trả cho Thiên Chúa những gì thuộc về Thiên Chúa và trả cho Xêzarê những gì thuộc về Xêzarê." Đối xử với người nghèo cách ân cần tế nhị, cách riêng trong hoạt động mục vụ, nhớ rằng sự cùng cực đầu tiên

của con người cần được giải thoát là sự tội, nguồn gốc của mọi nghèo khổ khác. Ngày nay không những có nghèo khó tiền của mà còn có nghèo khó tinh thần và nhân phẩm, thiêng liêng. Với ai linh mục vẫn phải yêu thương, nâng đỡ và đưa về ơn cứu độ.

Để có thái độ siêu thoát, thong dong, bước theo sát Đức Kitô nghèo khó, linh mục và tu sĩ cần nhìn lại giá trị đời mình. Là linh mục, nghĩa là người của Chúa, của Giáo Hội, chứ không phải là người phải có tài ngoại giao, tài làm ăn kinh tế kiếm về cho giáo xứ nhiều danh thơm tiếng tốt… Những người sống đời sống dâng hiến cũng vậy, phải luôn ý thức mình là nữ tu chứ không phải chỉ là ca trưởng, bác sĩ, giáo viên... Sau cùng phải luôn phó thác công việc của mình trong bàn tay Chúa, bằng việc không tích trữ gì cho riêng mình kẻo sẽ phải nghe những lời quở trách của Chúa Giêsu năm xưa với người giàu có: *"nếu đêm nay ngươi sẽ gọi về thì tất cả những gì ngươi tích trữ sẽ thuộc về ai?"* Vậy hãy xin Thiên Chúa cho ta có được sự khôn ngoan để thu tích kho tàng trên trời bằng đời sống bác ái vị tha.

C. KẾT LUẬN

Thế giới hôm nay cần rất nhiều bàn tay linh mục làm cánh tay nối dài của Chúa Giêsu qua ba lời khuyên Phúc Âm: dù ở trong thế gian nhưng không được thuộc về thế gian và ba lời khuyên Phúc Âm như ba mũi đinh nhọn đóng chặt các ngài với Chúa Giêsu trên thập giá hầu mang lại ơn cứu độ cho toàn thế giới và trở nên tấm gương sáng chói cho những ai sống đời dâng hiến. Vì thế, các ngài rất cần sự nâng đỡ, trợ lực của tất cả mọi người, nhất là bằng lời cầu nguyện.

[7]

A. DẪN NHẬP

Tiện nghi, danh vọng và hưởng thụ là bộ ba lôi cuốn con người thời nay. Những người sống đời thánh hiến (giáo sĩ, tu sĩ) được mời gọi đi ngược lại với cơn lốc thời đại đó qua ba lời khuyên Phúc âm: KHIẾT TỊNH – KHÓ NGHÈO và VÂNG PHỤC. Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu làm thế nào để đi sát và làm chứng cho Đức Kitô hơn.

B. NỘI DUNG

I. Điều cảm phục và biết ơn các Linh mục

Khi nói tới ba lời khuyên Phúc âm, thường chúng ta chỉ nghĩ rằng tu sĩ mới công khai tuyên khấn và tuân giữ. Nhưng thực tế, các linh mục, mặc dầu không công khai tuyên khấn, cũng đã sống các lời khuyên đó cách triệt để qua sứ vụ mà họ thi hành.

1. Đời sống Khiết tịnh

Giữ đức khiết tịnh không chỉ buộc những người độc thân thánh hiến thôi, mà ngay cả đời sống gia đình cũng buộc người nam, người nữ phải sống khiết tịnh vì nhau. Còn các linh mục cần phải có tinh thần khiết tịnh cao hơn nữa, và điều đó đòi hỏi các ngài phải trưởng thành về mặt tình cảm và tính dục để khi được trao phó coi sóc giáo xứ, mới đủ khả năng để sống một mình như thế được.

Nhìn vào đời sống khiết tịnh của các linh mục, chúng ta cảm phục và kính nể họ, bởi họ là những con người bình thường, yếu đuối như ai khác, song đã can đảm sống khiết tịnh vì Chúa và vì ơn cứu độ của muôn người. Trong xã hội tục hóa và hưởng thụ, nếu không có đức khiết tịnh thực sự, các linh mục có dư sức để làm những chuyện thỏa mãn tính dục của mình. Thế nhưng các ngài đã chứng tỏ cho trần thế thấy một tình yêu cao thượng hơn, một tình yêu cho mọi người và yêu mọi người.

2. Về đức Khó nghèo

Đứng trước một xã hội văn minh, khoa học xã hội tiến bộ… người người thi nhau làm giầu, nhưng các linh mục lại đi ngược lại, từ chối tất cả, không làm giầu cho riêng mình nhưng làm giầu cho Chúa qua sự chia sẻ và mục vụ. Phải chăng họ là những người khờ? Không! Họ là những con người rất khôn ngoan, không tích trữ kho tàng đời này nhưng là làm giầu kho tàng đời sau, nơi mối mọt không đục khoét được.

Thường người ta hay nói: “Đồng tiền đi liền khúc ruột” nhưng điều đó không hoàn toàn đúng với các linh mục. Bởi lẽ có nhiều linh mục đã sống rất quảng đại, sẵn sàng chia sẻ tất cả thời gian, sức khỏe vật chất cho mọi người: để chuẩn bị những buổi lên lớp hoặc tĩnh tâm, nhiều linh mục phải thức đêm soạn bài để có những kiến thức, kinh nghiệm về Chúa cho học trò, con dân của mình; nhiều linh mục sẵn sàng chia sẻ cái mình có, cho dù là rất ít, cách quảng đại với niềm tín thác “Chúa sẽ cho lại”. Điều đó được thể hiện qua việc các

ngài chia sẻ tiền bạc cho anh chị em thiếu hơn mình, đặc biệt qua việc họ sẵn sàng nâng đỡ, đào tạo thêm nhiều linh mục cho Chúa và cho Giáo Hội.

3. Về đức Vâng phục

Đức Vâng phục là một nhân đức khó hơn trong ba lời khuyên Phúc âm, vì khi chấp nhận vâng phục ta phải khước từ ý riêng, khước từ chính mình và sống theo ý của người khác.

Ngay cả đối với Đức Giêsu, dầu là con Thiên Chúa, Ngài cũng đã: *"Phải trải qua rất nhiều đau khổ mới học được cách vâng phục,"* nên với linh mục, vốn là con người bình thường với xác thịt như bao con người khác, hẳn vâng phục là điều rất khó khăn. Tuy nhiên, các ngài đã tự nguyện triệt để vâng phục, đôi khi Bề trên là người ít tuổi hơn mình nhưng vẫn khiêm tốn vâng phục cách tuyệt đối. Điều này thấy rõ qua việc chuyển đổi Giáo xứ, lắm khi được sai đi tới giáo xứ hay cộng đoàn không mấy thuận lợi, nhưng các Ngài vẫn vui vẻ ra đi lên đường vâng phục Đức Giám Mục cách tuyệt đối. Những khía cạnh đó đủ khiến ta cảm phục và biết ơn các linh mục.

II . Những điều khiến ta buồn phiền và lo âu

Ngoài những khía cạnh nêu trên khiến ta cảm phục và biết ơn các linh mục, cũng còn một số linh mục chưa sống gương sáng đủ trong công tác mục vụ, còn đem lại nhiều phiền phức cho những người cộng tác với họ, với cả giáo dân thuộc đoàn chiên mà họ chăn dắt nữa, như:

Cái vỏ Linh Mục

Họ chỉ có cái vỏ là linh mục: việc mục vụ bỏ bê cho Ban hành giáo, còn mình chỉ lo việc riêng tư, đôi khi vì vui chơi quên cả giờ dâng lễ làm cho giáo dân phải chờ mà không báo lại.

Sự buông lỏng

Ngày nay có một số linh mục sống trong tình trạng quá buông lỏng, cũng say xưa trong những tiệc tùng, cũng đồng hóa mình trong các cuộc vui chơi cùng giới trẻ dễ gây gương mù cho giáo dân.

Làm kinh tế bằng việc mục vụ

Có một số linh mục quá tập trung vào việc xây cất, lo đi xin chỗ này chỗ kia, kêu gọi giáo dân đóng góp hết công trình này đến công trình khác, trong khi công trình xây dựng tâm linh của mình và của đoàn chiên lại bỏ dở dang.

Một số linh mục chỉ quan tâm, lui tới những người giầu có, còn người nghèo khó lại bị bỏ rơi. Đôi khi linh mục còn so sánh ân sủng với tiền bạc, ra giá cho giáo dân khi xin lễ cho người thân: nhiều tiền thì Cha xứ dâng lễ an táng và đưa đón tới cùng, còn ít tiền ngài sẽ lấy lý do vì sợ sài hay ốm không thể đến, không chu toàn bổn phận của Cha xứ với giáo dân; đôi khi còn nói: Xin lễ cho người thân quá ít so với chi phí của đám tang, v.v...

Thiếu tin tưởng

Trong công tác mục vụ, mặc dầu đã có những người cộng tác (thầy giúp xứ, tu sĩ, Giáo lý viên), nhưng vẫn chưa tin tưởng nơi họ, vẫn kiểm tra lại những kết quả, khiến dễ gây nên sự hiểu lầm cho giáo dân đối với Thầy xứ, Dì xứ… thật là khó khăn cho những người cộng tác.

Tính độc quyền

Có Cha xứ khi về nhận nhiệm sở là làm thay đổi hoàn toàn ban điều hành Giáo xứ và lề lối làm việc: sổ sách không cần trùm trách nào hết, mọi sự là Cha, Cha là số một, Cha thu và chi hoàn toàn theo ý cha, Giáo xứ chẳng có tài sản nào hết… Một thánh lễ có đến ba bài giảng, nói những điều gây nhức nhối trong lòng, khiến giáo dân không đi dâng lễ nhà thờ xứ mà lại tìm tới Giáo xứ khác để dâng lễ, thay vì đưa Chúa đến thì lại làm người ta xa Chúa.

Còn về đời sống khiết tịnh

Có thể nói đời sống Khiết Tịnh ngày nay của một số linh mục cũng phần nào bị giảm sút. Phải chăng vì hoàn cảnh xã hội khiến họ như thế chăng. Có khi giáo dân nhìn thấy Cha xứ quá buông lỏng trong sự giao tiếp với người khác phái, hoặc những lời nói không mấy đứng đắn đã làm giảm sự kính trọng của con chiên với Cha xứ.

Mới chỉ sơ qua những điều trên, chúng ta thấy được phần nào nỗi lo âu, phiền muộn của bao người đối với linh mục. Có thể đó chỉ là con số rất nhỏ, nhưng khi gặp phải nơi

có Cha xứ như thế thì cũng đủ cho những người cộng tác cảm thấy khó khăn, nản lòng trong sứ vụ Tông đồ.

III. Bài học từ những khó khăn

Có phải vì công tác mục vụ quá nhiều khiến các linh mục trở nên khó khăn như thế chăng? Hoặc vì ở một chỗ quá lâu khiến cho lửa nhiệt huyết nơi họ đã nguội dần? Chúng ta cần thông cảm và cầu nguyện cho các vị đó để họ lấy lại sự sốt sắng ban đầu.

Để mỗi người sống đúng với ơn gọi của mình trong sự thánh thiện, chúng ta cần cầu nguyện cho nhau, nếu có thể được thì xin trực tiếp đối thoại giúp cho cha xứ hiểu ra những thiếu sót, nhất là trong việc mục vụ. Tránh tình trạng vào bè phái với giáo dân chống lại cha xứ, làm như thế chẳng phải là vạch áo cho người ta xem lưng, về những cái xấu nơi những người thánh của Chúa đó sao. Coi chừng hôm nay họ hùa theo mình chống lại cha xứ thì cũng sẽ có ngày họ chống lại mình mà thôi.

Đức Phaolô VI đã nhắc nhở rằng *"Người thời nay tin vào chứng nhân hơn thầy dậy".* Nếu linh mục, tu sĩ, chủng sinh vốn là những thầy dậy mà sống lời mình dậy trước thì hẳn sẽ có nhiều kết quả hơn cho công việc phục vụ của mình. Và như thế họ đã sống gương sáng trước, là thông cảm chia sẻ thống nhất ý kiến với nhau trước khi truyền dậy giáo dân, tránh tình trạng Cha xứ nói một kiểu Thầy và Dì nói kiểu khác thì giáo dân biết nghe ai đây.

C. KẾT LUẬN

Với những chia sẻ rất đơn sơ, tổ nhóm chúng con xin cám ơn Cha giáo và toàn thể quý chị sẽ bổ sung thêm cho chúng con, để chúng con có cái nhìn và nhận định đúng đắn hơn. Chúng con xin hết lòng cám ơn Cha giáo và quý chị đã đón nghe chúng con chia sẻ.

[8]

A. LỜI DẪN

Như Cha giáo và quý chị đã biết: trong một gia đình, người cha có vai trò rất quan trọng, là cột trụ hướng dẫn điều hành, là chỗ dựa vững chắc, người gánh vác và bảo vệ hạnh phúc gia đình: "Con có cha như nhà có nóc." Giáo Hội Chúa Kitô là một đại gia đình, "một tòa nhà, nơi gia đình Ngài cư ngụ" (x. Ep 2,19-22), trong đó "Chúa Kitô là Đầu, là Trưởng tử của một đàn em đông đúc."

Với đề tài Cha giáo đưa ra, các thành viên tổ 4 lớp IV chúng con xin được chia sẻ một số những tâm tình rất đơn sơ, chân thành, đôi khi còn rất hạn chế vụng về. Vì có thể nói đề tài về linh mục quá tầm tay và hiểu biết của chúng con – chưa một lần làm linh mục. Chúng con chỉ xin bày tỏ lòng cảm phục biết ơn, cũng như sự cảm thông và cầu nguyện nhiều hơn nữa cho các linh mục, nhất là cùng các ngài tìm những phương thế sống đời độc thân thánh hiến cách trọn lành hơn.

Chúa Kitô đã xây dựng Giáo Hội trên nền tảng các Tông đồ, mà các Giám mục, Linh mục là hiện thân, là cánh tay nối dài của Ngài trên trần gian này để tiếp tục yêu thương săn sóc hướng dẫn và bảo vệ gia đình của Ngài cho đến ngày đoàn tụ trên trời. Thiên chức linh mục thật cao cả, linh thánh, nhưng để sống là Mục tử như lòng Chúa mong muốn thì thật là "nặng nề", nhất là trong thế giới hôm nay, một thế giới thay đổi không ngừng với những phát triển cùng những cạm bẫy, trào lưu...

B. NỘI DUNG

I. LINH MỤC NGƯỜI LÀ AI

Cha Michel Quoist đã ghi lại lời cầu nguyện của một Linh mục với tựa đề " lời kinh thắp sáng cuộc đời" như sau:

"Lạy Chúa, chiều nay một mình con trơ trụi. Những tiếng đồng hồ trong nhà thờ lịm tắt dần. Những người đi chầu, đi lễ ra hết rồi. Và con cũng lủi thủi trở về nhà xứ, một thân một bóng. Con đã gặp những kẻ đi dạo chơi về. Con đã đi ngang qua sân bóng vừa lúc đám đông đổ xô ra, con đi dọc thềm các dãy nhà, ở đó có nhiều người đi dạo, dáng vẻ đã mệt mỏi, đang gượng gạo kéo dài cuộc vui ngày Chúa nhật. Con đụng phải những đứa trẻ đang đi chơi trên vỉa hè. Những đứa trẻ, lạy Chúa, những đứa trẻ của người khác, chứ không bao giờ là của con.

Lạy Chúa, này con đây, một bóng một thân. Yên lặng làm con ngạt thở, cô đơn làm con bực dọc. Lạy Chúa, năm nay con được 38 tuổi... với một thân thể như bao người khác, với những bàn tay chắc chắn để làm việc, với một quả tim được dành để yêu thương. Nhưng con đã hiến dâng tất cả cho Chúa, nhưng Chúa ơi, dâng như vậy thật là đâu khổ.

Thật là đau khổ khi con phải dâng thân xác cho Chúa: vì thân xác đó cũng có thể trao hiến cho một người khác. Thật là đau khổ khi con phải yêu mọi người mà không được giữ lại riêng ai. Thật là đau khổ khi con bắt một bàn tay mà không được cầm giữ lại..."

Những lời bộc bạch trên đây phần nào cho ta hình dung ra chân dung một linh mục: cũng rất con người, rất gần gũi, cũng với trái tim khao khát muốn yêu và được yêu.. Vậy điều gì khiến cho linh mục khác những con người khác?

1. Linh mục người sống giữa thế gian nhưng không thuộc về thế gian

Chúa Giêsu, vào những giây phút cao điểm nhất khi ăn bữa chia tay cuối cùng với môn đệ, Ngài đã tâm sự, dặn dò môn đệ và cầu nguyện với Chúa Cha: *"Con không xin Cha cất họ khỏi thế gian cũng như con đây không thuộc về thế gian"* (Ga 17,16-17). Không thuộc về thế gian, nhưng là người sống giữa thế gian, là "muối ướp mặn đời", là "ánh sáng cho trần gian" (Mt 5,13-14). Các môn đệ cũng như chính Chúa Giêsu đã sống giữa thế gian, giữa mọi người, như mọi người. Nhưng các ngài xây dựng cho một vương quốc tình yêu vĩnh cửu "Nước trời".

Các Linh mục, xét về mặt nào đó cũng chỉ là người thế gian, cũng chỉ là một con người bằng xương bằng thịt chứ đâu có là một "loài thiêng liêng nào đó." Linh mục cũng 9 tháng 10 ngày được cưu mang trong dạ mẹ, 3 năm tập nói tập đi... cũng có 7 trạng thái tâm hồn: "hỷ- nộ- ái- ố -ai - cụ - dục," gọi tắt là "thất tình" như mọi người. Đã là người thì "nhân vô thập toàn", linh mục cũng không được miễn trừ khỏi những biến đổi tâm sinh lý tự nhiên: vui buồn, sướng khổ, nóng nảy giận hờn, khi khỏe lúc yếu, không tránh khỏi thất bại hay thành công ở đời, và nhất là sự cô đơn, nhu cầu

muốn yêu và được yêu, những cám dỗ, yếu đuối có thể sa ngã nếu thiếu ơn Chúa.

Thánh Phaolô cũng cho ta một cái nhìn rất rõ về khía cạnh "người" của linh mục: "*Quả thật, thượng tế nào cũng được chọn trong số người phàm... bởi vì chính người cũng đầy yếu đuối*" (Dt 5,1-2). Chúa không chọn Thiên Thần làm Linh mục, có lẽ vì các ngài không có xác, nên không yếu đuối, không có sa ngã, nên cũng khó mà thông cảm hết những yếu đuối của phận người. Nếu Thiên Thần mà ngồi tòa cáo giải, thì chắc không ai dám đến với các ngài vì sợ các ngài quá thánh thiện mà thấy mình quá tội lỗi sẽ la rầy và xử nghiêm khắc. Nhưng Chúa đã chọn Linh mục từ những con người sống giữa cộng đoàn, có thể không nhất thiết cứ là cao to, đẹp trai, oai phong, thông thái như Đức Thánh Cha Gioan Phao-lô II... nhưng có khi rất bình thường, dáng vẻ khiêm tốn như Cha Gioan Maria Vianey... và cũng mang những yếu đuối dễ sa ngã... để các ngài cảm thông, chia sẻ và giúp con người vươn lên từ chính những yếu đuối sa ngã của mình (x.Dt 5,2).

Linh mục sống giữa thế gian nhưng không thuộc về thế gian, vì linh mục là "người của Chúa nhờ Bí Tích Truyền Chức Thánh, Linh mục cung hiến theo hình ảnh Chúa Kitô, Thầy cả Thượng phẩm đời đời, Tư tế đích thực của Tân ước."

2. Linh mục hiện thân của Chúa Ki-tô nơi trần gian

Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã nói với các Linh mục tại Manila ngày 28/11/1970: "*Các con hãy nhớ rằng nhờ ngài, với ngài và trong ngài", mỗi người các con là 'alter christus' Chúa Kitô khác*". Với Bí Tích Truyền Chức, Chúa Kitô ghi một dấu ấn mới, dấu ấn nội tâm nơi những người Ngài đã tuyển chọn cho việc thi hành thừa tác vụ tông đồ. Dấu ấn này không thể xóa nhòa và làm cho họ giống như Chúa Kitô, Linh

mục đời đời. Từ khi lãnh Bí Tích Truyền Chức, linh mục là một Chúa Kitô khác, Chúa Kitô thứ hai hoặc là chính Chúa Kitô (ipse Christus). Nhờ linh mục và qua linh mục, Chúa Kitô tiếp tục làm vinh danh Chúa Cha, cứu độ thế giới và thông ban cho họ sự sống thần linh.

Ngày nay, dù khoa học phát triển tột bậc, con người có lên tới cung trăng, khám phá các hành tinh, chế tạo bom nguyên tử, xã hội có biến đổi theo thời gian với những thứ học thuyết cao xa, trào lưu tục hóa, nền luân lý suy đồi, linh mục luôn có một chỗ đứng quan trọng và càng quan trọng, vì qua ngài, con người tìm gặp được chân lý đức tin, ý nghĩa cuộc sống và gặp chính Đức Kitô. Chúa Kitô luôn ở cùng linh mục, Ngài cần linh mục để tiếp tục Mầu Nhiệm Nhập Thể và cứu chuộc. Ngài cầm bàn tay linh mục để chúc phúc và tha thứ, đôi môi linh mục để tiếp tục rao giảng, con người linh mục để tiếp tục đau khổ, con tim linh mục để tiếp tục yêu thương, cả con người và cuộc đời linh mục để đổi mới cục diện Hội Thánh, để thao thức tìm kiếm chiên lạc, để lau sạch nước mắt ưu phiền sầu khổ của muôn người, để ủi an những con tim chán nản, thất vọng buông xuôi, để đưa về sum họp những tâm hồn xa cách, để đốt cháy trần gian bằng ngọn lửa tình yêu và thiêu sạch những gì cần phải hủy bỏ, để chỉ còn lại chân lý, công bình, yêu thương và cứu độ.

Là hiện thân của Chúa Kitô nơi trần gian, linh mục phản ánh vẻ đẹp nhân từ của Thiên Chúa “hết mình vì đàn chiên.” Vì thế, linh mục nên gần gũi, thân thương quen thuộc với hết mọi người, từ hình dáng, điệu đi, cử chỉ, điệu bộ, lời nói, nụ cười... đều trở nên đáng nhớ cho họ khi ngài đi xa. Linh mục trở nên như người Cha, người bạn, người cố vấn, là chỗ dựa chắc chắn nhất để các con chiên được củng cố đức tin, bàn hỏi, tâm sự, nâng đỡ, khích lệ... Giáo xứ nào có bóng dáng Cha xứ, giáo dân được an tâm và tràn đầy sức sống... Để được như thế, linh mục cũng phải không ngừng bắt chước Đức Kitô, nên giống Đức Kitô mỗi ngày.

3. Linh mục người được sai đi để thánh hóa cộng đoàn dân Chúa qua Lời Chúa và cử hành Bí tích

"*Các con hãy đi khắp thế gian rao giảng Phúc âm cho mọi tạo vật*" (Mc16,15). Công đồng Vat. II trong sắc lệnh về Chức vụ và đời sống các linh mục nhấn mạnh: nhiệm vụ trước tiên của linh mục là cộng tác với Giám mục, loan báo cho mọi người Phúc âm của Thiên Chúa, để thực hiện mệnh lệnh của Chúa, thiết lập dân Chúa và làm cho dân Chúa ngày càng đông thêm. "Linh mục mắc nợ với mọi người về việc thông truyền cho họ chân lý Phúc âm mà các ngài đã lãnh nhận từ nơi Thiên Chúa."

Là hiện thân của Chúa Kitô, các linh mục là những "thông dịch viên", là thầy dạy đức tin để thông truyền cho con người chân lý, sự thật, ý muốn của Thiên Chúa, thể hiện đặc biệt khi ngài giảng dạy Lời Chúa và cử hành Thánh Lễ. Chính cuộc đời linh mục là một bài giảng, một nhân chứng hùng hồn nhất cùng với Lời Chúa để thuyết phục con người thời đại hôm nay.

Cùng với việc thánh hóa cộng đoàn nhờ giảng dạy Lời Chúa, linh mục còn nên thánh nhờ cử hành Bí Tích. Trong lúc cử hành các mầu nhiệm thánh, linh mục hành động như những thừa tác viên của Chúa Kitô, Đấng không ngừng thi hành chức vụ linh mục của mình trong phụng vụ, nhờ Chúa Thánh Thần hướng dẫn để mưu ích thiêng liêng cho tín hữu. Linh mục gắn liền với từng giai đoạn đời sống đức tin của tín hữu.

Tóm lại, linh mục là cả một mầu nhiệm trong ý định ngàn đời của Thiên Chúa, dù thời thế đổi thay, đất trời qua đi, dù người mến kẻ không ưa, linh mục vẫn là hiện thân của Chúa Kitô, là hình ảnh sống động, cánh tay nối dài và lời chứng hùng hồn nhất về Đức Kitô tình thương cứu độ. Tuy cũng là con người mang đầy sự yếu đuối, bản tính mỏng dòn

của con người, từng ngày linh mục "dâng chính mình làm hy tế lên Thiên Chúa để đền tội cho chính mình và cả nhân loại" (Dt 5,2), trong âm thầm, hy sinh, chiến đấu nội tâm và kết hợp với Chúa Kitô, trong Thánh Thần. Linh mục dấn bước trong niềm tin, ra đi để quy tụ muôn người thành đoàn chiên Chúa Cha trên trời.

II. CẢM PHỤC VÀ BIẾT ƠN LINH MỤC

1. Linh mục mẫu gương đời thánh hiến

Để tỏ lòng cảm phục và biết ơn các linh mục, trước hết chúng ta tạ ơn Chúa do tình yêu đã lập nên chức linh mục thừa tác, và đã ban cho có nhiều tâm hồn quảng đại đáp lại lời mời gọi của Chúa trong chức linh mục. Các ngài đã hy sinh cả cuộc đời phụng sự Chúa và phục vụ mọi người, dẫu biết rằng làm linh mục là đi theo con đường thập giá, nên một với Chúa Kitô chịu đóng đinh, là mang lấy gánh nặng không chỉ của mình mà cả nhân loại (x. Dt 6,20). Làm linh mục là trở nên như tấm bánh chịu nghiền nát cho vừa khẩu vị mỗi người; làm linh mục là nên giống Chúa Kitô khó nghèo, vâng phục, khiết tịnh, suốt đời yêu mà không nong được đáp trả; là sẵn sàng trở nên như người Cha, người anh, người bạn, người tôi tớ phục vụ mọi người, cả người không quen biết hay người chống đối mình; và khi tuổi đã xế bóng, trở nên âm thầm và ra đi như một người "tôi tớ vô dụng," vì sau khi đã hoàn tất công việc mình, ngài trở nên một của lễ sống động và trọn vẹn dâng lên Thiên Chúa. Linh mục là như thế, vẫn miệt mài dấn thân cho một lý tưởng phải nói là mạo hiểm, vì biết mình yếu đuối bất toàn... chỉ vì tình yêu Đức Kitô thúc bách. Như thế, linh mục trở thành mẫu gương cho chúng ta trong đời sống thánh hiến, đặc biệt là qua ba Lời khuyên Phúc Âm.

2. Linh mục, gương sống 3 lời khuyên Phúc Âm

a. Đức vâng phục

Tông huấn Pastores dabo vobis khẳng định: "*Những lời khuyên khác nhau mà Chúa Giêsu đã đề nghị trong bài giảng trên núi là cách diễn đạt đặc biệt tính triệt để Tin Mừng. Trong đó có đức vâng phục, trong sạch và nghèo khó. Linh mục được mời gọi sống các lời khuyên ấy theo thể thức, và hơn nữa, theo mục đích và ý nghĩa nguyên thủy, như chúng phát xuất từ căn tính linh mục và biểu lộ căn tính ấy.*"

Tất cả chúng ta được mời gọi theo sát và họa lại khuôn mặt Đức Kitô vâng phục - khiết tịnh- nghèo khó. Vâng phục là căn tính của linh mục, bởi khi nhận chức linh mục, linh mục đã đặt hai tay của mình vào lòng bàn tay Giám mục để thề hứa xin vâng lời ngài, cũng như các Đấng kế vị Ngài. Thế nhưng, thưa vâng phục và sống vâng phục trong thời đại hôm nay thật không đơn giản chút nào, khi mà người ta quá đề cao chủ nghĩa cá nhân, tự do dân chủ, vâng phục bị coi như là hèn nhát, yếu đuối thua thiệt..., nhất là đối với người đàn ông phải mạnh mẽ, chí khí: "*Đã mang tiếng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông*" (Nguyễn Công Trứ).

Linh mục đôi khi không tránh khỏi những cám dỗ của tính kiêu ngạo, của cái tôi sâu xa của con người. Chắc chắn các ngài phải chiến đấu rất nhiều, từ bỏ rất nhiều. Chính Chúa Giêsu "dầu là con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ, mới học được thế nào là vâng phục..." (x. Dt 5,7-9). Nếu không có tinh thần vâng phục siêu nhiên, làm sao linh mục có thể sẵn sàng vâng theo Đức giám mục cũng là con người, sẵn sàng đi đến nơi mình không muốn, ở với người mình không ưa, và làm việc mình không thích? Đối với người sống đời thánh hiến, linh mục còn là người cha tinh thần hướng dẫn và nêu gương cho chúng con về sự vâng phục Thánh ý Chúa thể hiện trong ý Bề trên, bằng cuộc sống

của ngài: luôn vui tươi, điềm tĩnh, ân cần và trung thành thực thi chức vụ, dù nhiều khi bị khiển trách, hiểu lầm, bị chống đối, áp lực và cô đơn, đau yếu.

b. Đức khó nghèo

Tiện nghi vật chất đang được con người ngày nay đề cao, và ít hiểu được thế nào là sống khó nghèo theo tinh thần Phúc âm. Là hiện thân rõ nét của Đức Kitô, linh mục phải họa lại nếp sống của Đức Kitô, người thợ làng Nazaret nghèo khó. Chính Đức Kitô vốn giàu sang đã "*không nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân sống như người trần thế*" (Pl 2,6-7). Linh mục được mời gọi sống như Đức Kitô nghèo khó trong thời đại hôm nay để gần gũi, giúp đỡ những con người nghèo hèn, nhỏ bé nhất: nghèo cả vật chất và tinh thần, đức tin, lời Chúa; đồng thời để các ngài siêu thoát, không bị dính bén lệ thuộc vào của cải trần gian; nhờ đó các ngài mới hiến thân hoàn toàn cho Chúa và mọi người.

Chúng con thật cảm phục các linh mục vì với đầu óc, chí khí và vóc dáng nam nhi, các ngài có thể có thừa sức để làm chính trị, tổng thống, làm kinh tế, quản trị kinh doanh, buôn bán, làm giám đốc... hay làm những chức vụ chuyên gia nổi tiếng nào đó... nhưng các ngài đã từ bỏ, để làm giàu cho Thiên Chúa và Nước Trời, để chọn nghề "lưới các linh hồn".

Trong công tác mục vụ tông đồ, các linh mục cũng cần có những phương tiện, điều kiện vật chất để sống và phục vụ cách hữu hiệu, nhưng các ngài không để mình bị ràng buộc. Vì không khấn khó nghèo, lại rất tự do trong việc quản trị Giáo xứ, nên đây là một cám dỗ không nhỏ đòi các ngài phải tự chủ và sống siêu thoát thực sự, để phân minh mọi việc chi tiêu tiền của chung, riêng v.v…

Gương sống đời sống khó nghèo của các linh mục là bài học và là mẫu gương cho tu sĩ chúng con, nhất là Đức cha, các cha giáo luôn sẵn sàng hy sinh sức khỏe, thời gian, tinh thần, vật chất để soạn bài giảng, bài dạy học... không công. Các linh mục dâng Thánh lễ, ban Bí tích, nhất là Bí tích Giải tội và Xức Dầu bất cứ lúc nào ai cần đến. Đời sống tu trì được bao bọc trong 3 lời khấn và cộng đoàn, đôi khi chúng ta dựa dẫm, thiếu ý thức dâng hiến nội tâm, tự chủ, trưởng thành... Ước chi chúng ta cùng với các linh mục biết theo sát Chúa Kitô nghèo khó để có tâm hồn siêu thoát thực sự để phục vụ Chúa và tha nhân.

c. Đức khiết tịnh

Tình yêu là một khát vọng sâu xa, là một nhu cầu thiết yếu của con người không thể sống mà không yêu. Chỉ tình yêu mới làm cho con người hạnh phúc. Người nam và người nữ đi tìm "một nửa của mình" để nên "một xương một thịt". Ai cũng muốn nếm cảm tình yêu, không chỉ vào tuổi thanh xuân, mà cả khi tuổi đã "xế chiều". Ai cũng muốn tìm đến một ai đó, để bày tỏ, để nói hết lý lẽ của con tim. Xa một nửa hồn mình, người ta thấy trống vắng, thấy tẻ nhạt như thi sĩ Hàn Mặc Tử đã diễn tả: "Người đi một nửa hồn tôi mất, một nửa hồn kia bỗng dại khờ". Cả khi trong đời tu, người ta cũng không khỏi tơ tưởng: "mênh mông góc biển chân trời, trong chùa trông đợi có người tri âm".

Trong khi chuyện "đi tìm một nửa" ấy là rất thường tình của một con người và việc chế dục hoàn toàn dường như không thể tin được với con người ngày nay" thì đời sống độc thân vì Nước Trời của linh mục mang giá trị vô giá "chứa đựng trong những bình sành" trở nên lời chứng hùng hồn nhất cho tình yêu Đức Kitô và Giáo Hội, và là dấu chỉ Nước Trời mai sau. Nhờ đời sống khiết tịnh, linh mục kết hợp với Đức Kitô dễ dàng hơn bằng một con tim không chia sẻ, tận

hiến tự do để phục vụ Thiên Chúa và loài người (x. 1Cr 7,32-45).

Tuy nhiên, đời sống độc thân khiết tịnh cũng là Thánh giá mà linh mục phải vác hằng ngày, vì linh mục không thôi là con người: "nó là vết thương rỉ máu" nơi cạnh sườn Chúa Giêsu, mà không bao giờ lành. Chính Thánh Phaolô cũng ý thức sự yếu đuối giới hạn của mình, Ngài ví cuộc vật lộn với chính mình như "cái dằm đâm vào" (2 Cr 42,7).

Linh mục được mời gọi yêu thương hết mọi người, nhưng lại không được yêu riêng ai; bắt một bàn tay mà không được cầm giữ lại; phải hoàn toàn sống cho tha nhân; sống như những người khác, giữa những người khác nhưng phải là một người khác; biết những kín nhiệm nhưng không được thổ lộ cho ai. Suốt đời linh mục phải lôi kéo tha nhân về với Chúa mà không được để một ai kéo lôi mình, chấp nhận còn cô đơn hơn khi về già: "*Còn duyên kẻ đón người đưa, hết duyên đi sớm về khuya một mình,*" vì tin tưởng rằng luôn có Chúa ở cùng. Đời hy sinh của linh mục sẽ không vô ích, vì nó trở nên niềm kính trọng tin tưởng của giáo dân và là lời động viên, mẫu gương cho đời sống thánh hiến.

III. NHỮNG ĐIỀU KHIẾN TA BUỒN PHIỀN LO ÂU VÀ CẦU NGUYỆN NHIỀU HƠN CHO LINH MỤC

Linh mục là hiện thân của Chúa Kitô giữa trần gian, là người họa lại rõ nét nhất chân dung của Thiên Chúa. Vì thế, điều đáng lo âu và cần cầu nguyện cho các ngài là: linh mục có còn luôn phản ánh diện mạo đích thực của Thiên Chúa nữa không? Hay sau bao nhiêu năm tháng, với biết bao thế sự thăng trầm và khó khăn thử thách nối tiếp đời mục vụ tông đồ, các ngài đã phai nhạt lòng mến Chúa, phai nhạt hay mệt mỏi, bỏ mất ước nguyện ban đầu? Và tu sĩ chúng ta đã làm gì để cộng tác và nâng đỡ gánh nặng cho các ngài?

1. Ước mong Linh mục luôn trung thành vời đời sống cầu nguyện.

Tác giả sách Đường hy vọng nói: *"Bí quyết nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu là cầu nguyện, không cầu nguyện, dù có làm phép lạ cũng đừng tin."* Để có thể thi hành chức năng tiên tri, rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa, nói về tình yêu và sự sống của Thiên Chúa, linh mục cần phải không ngừng tiếp xúc với Thiên Chúa trong đời sống cầu nguyện. Không ai có thể nói về Thiên Chúa cách chân thật và đúng đắn, nếu trước đó đã không nói với Thiên Chúa.

Linh mục cũng không được phép quên rằng một trong những nhiệm vụ quan trọng là không ngừng cầu khẩn cho dân Chúa. Chỉ khi nào linh mục biết cầu nguyện cho những người mình phục vụ, bấy giờ thừa tác vụ của linh mục mới thật phong phú, vì đích thực là thừa tác vụ của thần khí, linh mục còn là thầy dạy cầu nguyện, điều mà linh mục không thể làm được nếu không có kinh nghiệm cầu nguyện. Linh mục hãy học theo gương Chúa Giêsu cũng như rất nhiều vị thánh linh mục: Thánh Phanxico Xaviê, vì suốt ngày mệt mỏi rao giảng Tin Mừng cho lương dân, nên mỗi khi đêm về quỳ gối trước Chúa Giêsu Thánh Thể, ngài có lúc quá mệt mỏi phải ngủ gục trên bàn thờ. Lúc ấy ngài thường cầu nguyện: "Lạy Chúa, nếu linh hồn con không tỉnh thức được với Chúa, thì ít nữa xác con đây muốn ở gần Chúa." Thánh linh mục Gioan Maria Vianey cũng được nhắc tới với danh hiệu đặc biệt: "con người của cầu nguyện" và "con người của Thánh Thể." Chúng ta cùng cầu nguyện cho các linh mục như lời CĐ Vat. II khuyên: *"Linh mục có bổn phận dâng kinh nguyện và lễ vật cho dân ngài và toàn thể dân Thiên Chúa, các ngài phải ý thức điều mình làm và sống xứng hợp với những điều mà các ngài dạy toàn thể dân Thiên Chúa. Các ngài phải vượt qua những lo lắng tông đồ, những nguy hiểm và thử thách mà không để chúng trở thành những chướng ngại, hầu tiến xa hơn trên đường thánh thiện nhờ biết nuôi dưỡng và củng cố*

hoạt động của mình bằng chiêm niệm nối dài. Như thế, các ngài sẽ mang lại niềm hoan hỷ cho toàn thể Giáo Hội Chúa."

2. Ước mong Linh mục luôn trung thành với Thừa tác vụ Lời Chúa và Bí Tích.

Linh mục, người "quản lý Mầu nhiệm của Thiên Chúa", qua việc cử hành Bí Tích, nhất là Thánh Lễ, Thiên Chúa ban ân sủng và sự sống cho con người. Ước mong thời gian và những mệt mỏi bận rộn, khó khăn trong đời mục vụ tông đồ, sẽ không làm linh mục phai nhạt lửa nhiệt thành với Chúa và chữa lành mọi vết thương tâm hồn: dâng Thánh Lễ sốt sắng, không vội vã và theo thói quen; không ngại soạn bài giảng chu đáo; không mệt mỏi giơ tay chúc lành, tha thứ và chữa lành mọi vết thương tâm hồn cũng như thể xác đau yếu con người, ở mọi nơi mọi lúc họ cần đến.

3. Ước mong linh mục luôn trung thành họa lại khuôn mặt Đức Kitô nghèo khó- khiết tịnh- vâng phục

Ở mọi thời, và nhất là thời nay 3 cái tham - sân - si và 3 chữ T, tiền - tài - tình luôn là những cám dỗ đi cận kề với con người. Làm linh mục nhưng không thôi là con người, thuộc về Chúa nhưng không thôi sống ở trần gian, linh mục được mời gọi "sống giữa tha nhân, những người anh em của các ngài, để truyền đạt sứ điệp của Chúa Kitô và đưa dẫn họ lại gần Chúa. Do đó, các ngài luôn tự cảnh giác để khỏi vướng mắc tất cả những gì thuộc thế gian này, "vì điều đó nghịch lại với tinh thần Chúa Kitô."

Nếu thiếu tinh thần khó nghèo thực sự, linh mục khó có thể gần gũi, am hiểu và chia sẻ với giáo dân của mình, khó có thể tự do siêu thoát đủ để phục vụ Chúa và tha nhân. Nếu thiếu vâng phục, linh mục cũng không thể xây dựng sự hiệp nhất yêu thương với Đấng Bản quyền trong Giáo phận và trong chính Giáo xứ của mình. Và nếu thiếu nhân đức

khiết tịnh, linh mục khó có thể họa lại khuôn mặt trong sáng tinh tuyền của Đức Kitô.

IV. CHÚNG TA NÊN LÀM GÌ ĐỂ BẢO VỆ MÌNH, BẢO VỆ CÁC LINH MỤC VÀ CHỊ EM MÌNH

Vậy, lo lắng, ước mong và cầu nguyện cho linh mục cũng là trách nhiệm và ưu tư của mỗi chúng ta, chúng ta có thể làm gì giúp các ngài ?

Có lần chị em hỏi vui Cha cố: bao giờ chúng con được như Cha cố thì chắc chẳng còn phải chiến đấu gì nữa ? Nhưng Cha cố bảo: bao giờ chúng con bằng tuổi Cha thì chúng con sẽ biết! Đúng là tình yêu không có tuổi và giới hạn. Khi hiến dâng cho Thiên Chúa trong đời sống linh mục và tu sĩ là đã dâng cho Ngài con tim không san sẻ để trọn vẹn phục vụ Chúa và tha nhân. Song trái tim ấy lại bằng thịt và là "con tim có những lý lẽ mà lý trí không kiểm soát được". Chúa Giêsu đã cảnh báo: "*anh em hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn, kẻo sa trước cám dỗ, vì tinh thần thì hăng hái, nhưng thể xác thì nặng nề yếu đuối"* (Mc 14,38). Ông cha ta cũng có câu: "lửa gần rơm lâu ngày cũng bén", nào ai trách được lửa sao đốt cháy rơm, hay trách rơm sao để bị lửa đốt cháy ? Thật là "tại anh tại ả, tại cả và hai."

Ý thức được những điều đó, mỗi người chúng ta nên tự biết mình, biết người, biết tránh cho mình và cho người khác, không thành duyên cớ để xảy ra những điều không tốt không đáng xảy ra. Chúng ta cần có những giao lưu, trao đổi, học hỏi và được giúp đỡ từ các linh mục và những người khác phái. Nhưng phải biết tôn trọng nơi chốn, thời gian, thời lượng, khoảng cách và giới hạn cần thiết về thể lý cũng như tâm lý các cuộc gặp gỡ, để tránh "những nghiêng chiều nguy hiểm của con tim," nhất là phải tập cho mình đời sống cầu nguyện nội tâm sâu xa, luôn sống dưới con mắt Chúa, nhờ

ơn Chúa và tránh để con người nhàn rỗi bằng cách luôn cầu nguyện, phục vụ....

Với chị em: cần có sự đoàn kết bên nhau, tạo đời sống huynh đệ yêu thương, chia sẻ chân tình trong cộng đoàn và sẵn sàng giúp đỡ, khích lệ nhau trong khi phải chịu đựng những hoàn cảnh nguy hiểm khác nhau.

Khi thấy linh mục hoặc chị em mình có những chuyện không hay không tốt, chúng ta phải là người trước tiên cảm thông, cầu nguyện, tôn trọng giúp đỡ họ vượt qua và bảo vệ thanh danh cho họ trước cộng đoàn, giáo dân, tránh lên án, xa cách... vì chính chúng ta cũng thấu hiểu sự yếu đuối và bất toàn của mình.

C. KẾT LUẬN

Để kết luận đề tài chia sẻ này, chúng ta hãy gửi gắm những tâm tình của mình đối với linh mục, như lời Đức Thánh Cha Benedicto XVI trong thư gửi các linh mục: *"Tôi nghĩ đến tất cả các linh mục đang giới thiệu cho các tín hữu Kitô và cho toàn thế giới lễ vật khiêm tốn và thường ngày những lời nói và cử chỉ Chúa Kitô, đang nỗ lực gắn bó với ngài bằng tư tưởng, ý chí, tình cảm và phong cách của tất cả cuộc sống của họ. Làm sao mà tôi không thể làm nổi bật sự vất vả tông đồ của họ, sự phục vụ dẻo dai và âm thầm của họ, đức ái phổ quát của họ được ? Làm sao mà tôi không thể ca ngợi sự trung tín can đảm của biết bao linh mục cho dầu phải đối diện với những khó khăn và sự thiếu thông hiểu, vẫn trung thành với ơn gọi của mình, ơn gọi "làm bạn của Chúa Kitô", đã lãnh nhận từ Ngài một ơn gọi đặc biệt, đã được chọn và sai đi ?"*

Chúng ta cùng cầu nguyện cho linh mục được cao thượng đủ để vượt thắng thế gian; trong sạch đủ để ôm ấp thế gian vào lòng mà không muốn giữ lại nó; mạnh mẽ đủ để

nâng đỡ thế gian; trở nên một con đường để dẫn đưa mọi người trở về cùng Chúa. Xin Chúa lấy lửa của trái tim Chúa đốt lòng các linh mục cho nên mới, để từ nay các linh mục không lo gì khác ngoài lo tìm vinh danh Chúa và chinh phục cho Chúa các linh hồn.

PHẦN BA

MỘT

CÁC MỐI TƯƠNG QUAN TRONG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ CỦA LINH MỤC ĐƯỢC CÁC NỮ TU TRẺ CHÚ Ý NHẤT

Đây như câu trả lời và định hướng sống của các ứng sinh linh mục, đúc kết qua các bài thảo luận nhóm.

Các nhà tu đức nói rằng linh mục không lên thiên đàng hay xuống hỏa ngục một mình, mà còn kéo theo nhiều người khác nữa, nhất là những người được trao phó cho sự chăm sóc mục vụ của linh mục. Linh mục không sống trong ốc đảo, mà sống với, sống vì và sống cho các linh hồn. Vì thế đời sống thánh thiện hay không của linh mục được thể hiện trong các mối tương quan, nhờ các mối tương quan hay do các mối tương quan, nhất là đối với linh mục triều: nên thánh bằng các thừa tác vụ của mình.

Ngày nay người ta nhấn mạnh nhiều về Giáo Hội tham gia, Nguyên lý bổ trợ và Thần học mục vụ dấn thân, cũng như sự cộng tác và vai trò của giáo dân trong hoạt động dưỡng giáo và truyền giáo của Giáo Hội, nhằm giúp linh mục thực thi sứ vụ cách tốt đẹp trong lòng Giáo Hội và Xã Hội Việt Nam đang biến đổi từng ngày, mà mỗi người phải biết thay đổi chính mình cho thích hợp và hiệu quả, không đợi đến lúc bị bó buộc phải thay đổi, sợ e đã quá muộn chăng: vì một khi người ta muốn một người phải thay đổi đường lối mà không

được thì họ sẽ tìm cách thay thế (loại bỏ) con người đó, ít nhất là vô hiệu hóa hoạt động, uy tín và ảnh hưởng của người đó!

Chính trong định hướng mục vụ này, chúng ta sẽ xét đến các mối tương quan của linh mục. Thật ra đây là đúc kết các bài làm nhóm có hướng dẫn, được cập nhật và hiệu đính sau mấy khóa học của các lớp Thần học Đại chủng viện thánh Giuse Hà Nội và lớp Thần học Bổ túc Bùi Chu. Sự hợp tác giữa giáo viên và học viên này vừa áp dụng phương pháp sư phạm *Kích Biện Pháp* vừa sử dụng *Phương Pháp Luận Sáng Tạo.* Nỗ lực để tăng cường, củng cố và cải thiện các mối tương quan tốt.

I. Tương quan với Giám Mục Bản Quyền

I.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Thái độ của linh mục đối với Giám mục Bản quyền là hợp tác, vâng lời, tình bạn; nhìn thấy nơi Ngài một người cha thực sự và vâng phục Ngài với tất cả lòng kính trọng, thương yêu, thảo hiếu. Sự vâng lời càng đến từ con tim thì mối tương quan giữa Giám Mục và linh mục càng trở nên gần gũi và tốt đẹp.
- Thánh Giêrônimô dạy "*hãy vâng phục và đón nhận Giám mục như Đấng sinh thành linh hồn ta.*" Thánh Ignaxiô thì nói "*hãy theo Giám Mục như Chúa Giêsu theo Chúa Cha.*" Còn thánh Augustinô căn dặn "*Người dưới cần vâng phục người trên như chính mình muốn những người dưới mình vâng phục mình. Hãy giữ tôn ti trật tự, hãy tìm sự an bình*."
- Quảng đại cam kết trung thành tuân giữ tất cả và từng quy luật, tránh mọi hình thức tuân giữ từng phần theo tiêu chuẩn chủ quan, gây chia rẽ ảnh hưởng đến giáo dân và dư luận công cộng, thiệt hại nặng nề về mục vụ.

- Cởi mở trong đối thoại và hiệp thông trong tình yêu thương chân thành, cùng linh mục đoàn hiệp nhất với Giámm mục.
- Báo cáo hiện tình giáo xứ. Trình bày những khó khăn của mình (những vấn đề cá nhân cũng như khi thi hành sứ vụ); trình bày chương trình, kế hoạch của giáo xứ.
- Sẵn sàng hợp tác và thi hành nhiệm vụ được trao; sẵn sàng rời bỏ nhiệm vụ và nhiệm sở khi Bản quyền cần. Vâng lời trong trạng thái nội tâm và sẵn sàng làm theo ý ngài.
- Thánh Phaolô nói Chúa Giêsu "*đã vâng lời đến chết và chết trên thập giá*", vì thế cần vâng lời triệt để. Thánh nhân còn dạy: "*Chúa Giêsu đã học biết thế nào là vâng lời nhờ các đau khổ của Người*"[36]
- Vâng lời, kính trọng, hợp tác với Giám mục trong tất cả công việc của giáo phận. Sống tình bạn, gần gũi, yêu mến, nâng đỡ Ngài bằng lời cầu nguyện hằng ngày để giúp ngài chu toàn trách nhiệm nặng nề mà ngài phải gánh vác. Thông cảm với Giám mục, vì ngài cũng có thể có yếu đuối, thiếu sót và bất toàn của con người như chúng ta.
- Tóm lại, sự vâng phục chẳng làm mất giá trị của linh mục, nhưng đề cao giá trị trách nhiệm Chúa trao cho; vâng lời với tất cả lòng kính trọng và vâng phục đến từ con tim chứ không phải bởi quyền lực và lý lẽ.

I.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không vận động xin được bổ nhiệm chức vụ; không tự ý xin nhiệm sở, hay đến một nơi nào; không từ chối đến nơi nào khi được Bản quyền yêu cầu.
- Không lạm dụng lòng khoan dung, nhân từ, rộng lượng, cởi mở của ngài mà cầu vinh, "a dua, xu nịnh"

---

36 Pl 2,8; Dt 5,8.

- Làm mọi việc theo ý Đấng đã sai mình, chứ không phải là làm theo ý kiến cá nhân của mình.
- Không bao giờ làm gì ngoại lệ tại giáo xứ mình được trao phó mà không được phép của Đấng Bản Quyền.
- Để giữ sự hòa hợp trong giáo xứ, không tùy tiện làm theo ý riêng hay ý của một người hay nhóm nào đó trong giáo xứ, mà phải làm theo qui định chung của Giáo Phận.
- Không vào bè phái, phe nhóm, gây áp lực, khó dễ, hay nói với giáo dân và những người khác những điều không cần thiết về Giám mục của mình.
- Tránh lối tùng phục "*bằng mặt mà không bằng lòng*" hay "*quyền phục, lý phục mà tâm không phục.*"
- Không nên vội vàng và nông nổi phê bình, chỉ trích, chống đối, xa lánh Giám mục khi ngài có những quan điểm và cách làm không giống ta; không nói hành, nói xấu, than phiền về ngài với anh em như "*đổ thêm dầu vào lửa*" dẫn đến tình trạng bất hợp tác, kính nhi viễn chi.
- Trong những chuyện gay cấn và xung đột, không được giấu diếm hay dối trá với Giám Mục. Phải thành thực trình bày rõ ràng đúng thực tế, không che đậy hay phóng đại. Nêu rõ các phải trái, lỗi lầm của mình và của đối phương, để giúp Giám mục sáng suốt phân định cách xử trí đúng đắn. Không tìm gây ảnh hưởng trên Giám mục và lừa dối Ngài để kéo Ngài về phe mình và công nhận việc mình làm, trái với sự thật và công bằng.

II. Tương quan với các linh mục đàn anh, nhất là đối với cha sở của mình

II.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Kính trọng các linh mục đàn anh vì họ là người đi trước, nhiều kinh nghiệm, nhiều hy sinh và nhiều cống

hiến cho Giáo Hội. Yêu mến trong tình huynh đệ bí tích; hợp tác trong công việc; hiệp nhất trong linh mục đoàn.

- Tỏ lòng biết ơn và luôn giữ mối tương quan trong tình tương thân tương ái với các linh mục đàn anh, hiểu hoàn cảnh cụ thể của các ngài.
- Cầu nguyện cho các ngài để các ngài bền vững trong ơn gọi linh mục của mình, vì dẫu là linh mục của Chúa đã nhiều năm nhưng vẫn còn đó sự yếu đuối của con người và sự mỏi mệt của trách nhiệm, tuổi tác và bệnh tật.
- Cảm thông với người lầm lỗi; trung dung trong các tranh cãi; khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm. Tìm dịp thuận tiện để thăm viếng, an ủi các đấng ốm đau, bệnh tật.
- Cần học hỏi kinh nghiệm, đời sống thiêng liêng, và đời sống tông đồ của các ngài. Nhiệt thành làm những gì cha xứ phân chia, để làm việc tôn vinh Thiên Chúa và cứu rỗi các linh hồn, theo đúng lý tưởng, ơn gọi và thiên chức linh mục.
- Luôn đặt cha xứ ở vị trí ưu tiên, nghĩa là nhìn nhận ngài là người có trách nhiệm trong mọi hoạt động và đời sống của giáo xứ. Bàn hỏi, xin ý kiến và sự hướng dẫn của ngài, cũng như chia sẻ kinh nghiệm mục vụ và thiêng liêng để đời sống và công việc đạt được kết quả tốt.
- Năng lui tới và sống hiệp thông với các vị trong hạt. Luôn giữ mối liên lạc với các linh mục trong cùng một địa bàn hay cùng hạt mà mình phục vụ.
- Đích thân và cổ vũ anh em năng đến thăm các vị đã nghỉ hưu. Có thể nhờ các ngài giải tội và linh hướng.
- Kính trọng tuổi tác và kinh nghiệm của các linh mục đàn anh, kể cả các linh mục "*đàn anh ít tuổi hơn*" vì chịu chức trước. Bàn hỏi, học tập kinh nghiệm mục vụ, cộng tác với các ngài trong việc chăm sóc các linh hồn. Giúp đỡ và cảm thông khi các ngài gặp khó khăn,

chia sẻ của cải, nhất là đối với các vị đau yếu, phiền muộn, cô đơn, bị hiểu lầm, bách hại.

II.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không xem thường những vị già nua, tuổi tác; không tự cao, tự đại vì kiến thức mới mẻ, vì sức khoẻ hơn người.
- Không tách mình ra xa, cục bộ; không bè phái, chia rẽ. Không chê trách, chỉ trích, nói xấu, công kích khi có bất đồng hoặc a dua cùng những người chống đối để hạ giá uy tín của các ngài, ham dành phần thắng và so đo tính toán thiệt hơn.
- Không làm việc vượt quá giới hạn cho phép của mình, hay qua mặt các ngài, phớt lờ các ngài, khi liên quan đến việc chung của giáo xứ. Không làm việc gì liên quan đến giáo xứ mà không bàn hỏi, xin ý kiến, và sự giúp đỡ của các ngài.
- Không nên tỏ thái độ bất hợp tác với cha xứ trong một số công việc mà mình cảm thấy không hợp lý hay không vừa ý.
- Không chê bỏ vị tiền nhiệm đã làm việc nơi giáo xứ mà nay mình đang phục vụ. Không bài xích vị tiền nhiệm dựa vào câu nói "*tân quan tân chế,*" không phá đổ hay vội chỉnh sửa những công trình, vật chất cũng như tinh thần, của vị tiền nhiệm, kẻo chuốc lấy sự chống đối của những người ủng hộ ngài.
- Không phê bình hay đòi họ phải làm giống như thế hệ của mình. Không tìm "khẳng định mình" mà vùi người lầm lỗi xuống hố.
- Không bỏ rơi các ngài, khi các ngài gặp khó khăn thử thách về tuổi cao sức yếu, tình cảm, tính nết, nỗi cô đơn, hay sự chê trách chống đối của giáo dân.
- Không phê bình, chỉ trích những thiếu sót, những lỗi lầm của các linh mục đàn anh, đặc biệt đối với cha xứ, vì đó

có thể là những lỗi lầm của mình trong tương lai, nếu Chúa không giữ gìn.

- Không coi thường hay thiếu kính trọng, chê bai các ngài lạc hậu, không cập nhật theo kịp với thời đại, khó tính, không hiểu và thông cảm với linh mục trẻ. Hãy tự hỏi mình đã làm được gì cho các ngài?

III. Tương quan với các linh mục đàn em, nhất là đối với cha phó của mình

III.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Yêu thương huynh đệ, gần gũi, cởi mở chia sẻ; sẵn sàng trao đổi kinh nghiệm và kiến thức. Ân cần, khiêm tốn, tận tình khi được yêu cầu góp ý, xây dựng.
- Hợp tác trong công việc; hợp nhất, nâng đỡ, động viên người gặp khó khăn. Cảm thông với người lầm lỗi. Trung dung trong các tranh cãi; mau giải hoà những bất đồng.
- Cần lo liệu cho các linh mục trẻ, nhất là cha phó của mình, trong những năm đầu mới chịu chức có những điều kiện dễ dàng về đời sống và công việc mục vụ.
- Cầu nguyện cho các linh mục đàn em còn trẻ trong sứ mạng mới, đón nhận họ như những người em thực sự và giúp đỡ họ trong những công tác và gánh nặng đầu tiên của sứ vụ linh mục.
- Luôn tìm cách giúp đỡ, đề bạt và cộng tác làm việc với các linh mục trẻ trong địa hạt của mình. Thông cảm và tạo điều kiện cho linh mục đàn em làm việc mục vụ tốt hơn mình càng tốt.
- Tôn trọng những ý kiến và sáng kiến của các ngài trong đời sống thiêng liêng và mục vụ. Đồng thời phải biết lắng nghe các ngài sửa lỗi, góp ý và xây dựng cho đời sống linh mục của mình.
- Cố gắng hiểu tâm trạng của họ, dù khác với tâm trạng mình, và quan tâm đến các dự tính của họ với lòng

nhân hậu. Chia sẻ những kinh nghiệm mục vụ cho họ, vì chắc chắn họ còn rất bỡ ngỡ, nhất là những kinh nghiệm mình đã trải qua, những bài học mình đã học được. Nêu gương sáng về đời sống thiêng liêng và nhân bản, và sống xứng đáng như những người anh thực sự.

- Đón nhận họ như những người em, giúp đỡ họ trong những công tác đầu tiên của sứ vụ linh mục, hiểu tâm trạng, các dự tính của họ cách thiện chí. Tạo điều kiện để họ làm việc mục vụ cũng như phát triển nhân cách và nhân đức.
- Quan tâm đời sống tinh thần, vật chất, chia sẻ kinh nghiệm mục vụ, cách ứng xử trong giao tiếp với các hội đoàn cũng như mọi thành phần trong xã hội.
- Chia sẻ công việc và quyền điều hành, tiền bạc rõ ràng, công bằng, đối thoại cởi mở, sống vui tươi hiệp nhất, sửa lỗi cho nhau trong tình huynh đệ. Giúp nhau trong đời sống thiêng liêng, tri thức, vật chất.

III.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không nói hành, nói xấu. Không hống hách, trưởng giả, tự cao, tự đại. Không cục bộ; chỉ trích, công kích khi có bất đồng. Không bè phái, chia rẽ, đố kỵ. Không sống bất hoà cho dù có những bất đồng.
- Không ham dành phần thắng, so đo tính toán thiệt hơn. Không tìm “khẳng định mình” bằng cách vùi đàn em lầm lỗi xuống hố.
- Không phê bình, nhưng tìm mọi cách nâng đỡ đàn em, vì những khó khăn và thử thách ban đầu của đời sống thực tế rất khác với những gì đã học trong Chủng Viện.
- Không để linh mục trẻ nghĩ mình đã học đầy đủ hết mà không tự đào tạo bản thân để trưởng thành hơn và thích nghi với môi trường phục vụ.

- Không nên thử sức nhau về kiến thức, trắc nghiệm nhau về những vấn đề ngoài phạm vi sứ vụ để đánh giá nhau. Không phân ranh giới và để mặc đàn em phải tự xoay sở một mình hoặc "khoán trắng" và nhắm mắt làm ngơ trước những công việc họ được giao phó.
- Không bảo thủ, độc đoán, thành kiến, coi thường những sáng kiến mới và cách làm việc mới cũng như suy nghĩ mới của họ. Không chê bai những bỡ ngỡ, thiếu sót của họ mà cố gắng động viên để họ làm tốt hơn.
- Không sợ linh mục trẻ giỏi hơn mình rồi tìm cách chê bai trẻ tuổi, thiếu kinh nghiệm, đối xử như người giúp việc, có khi còn tiếng nặng, tiếng nhẹ... cậy mình là đàn anh để coi thường và dùng quyền lấn át.
- Không tranh chấp, dành giật với các linh mục đàn em, nói xấu, kể chuyện của họ với giáo dân và người khác, nhưng phải có sự quan tâm nâng đỡ, góp ý chân thành trong tinh thần tương trợ lẫn nhau. Anh em Linh mục nâng đỡ nhau là một thành trì vững chắc cho cả hai.

IV. Tương quan với các chủng sinh, dự tu và các mầm non ơn gọi giáo sĩ

IV.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Yêu thương, khích lệ, nâng đỡ tinh thần và vật chất cho các chủng sinh, dự tu và mầm non ơn gọi giáo sĩ, nhất là các em trong giáo xứ của mình, vì Giáo hội không thể tồn tại nếu không có các thừa tác viên nối tiếp sứ vụ Chúa Giêsu.
- Các linh mục tương lai và mầm non ơn gọi giáo sĩ là những người tiếp nối ta trong việc loan báo Tin Mừng. Luôn mang trong mình thao thức tìm những ơn gọi tương lai cho Chúa và Giáo Hội, vì tìm ơn gọi và nuôi

dưỡng ơn gọi linh mục tương lai là bổn phận và trách nhiệm đặc biệt của các cha xứ.

- Hãy nuôi dưỡng, động viên, khích lệ, giúp đỡ vật lực cho các mầm non ơn gọi đó. Tạo môi trường thuận lợi cho các mầm non ơn gọi sinh hoạt định kỳ, tạo sự gần gũi với các em. Hướng dẫn việc học tập cho các em, giáo huấn, rèn luyện các em về những kiến thức nhân bản và tu đức.
- Kêu gọi các em tham gia các hoạt động trong các hội đoàn của giáo xứ như: giúp lễ, giáo lý viên, giới trẻ, ca đoàn... Nhờ việc tham gia vào các hội đoàn này, các em gần gũi với Chúa, hăng say việc tông đồ, hun đúc tinh thần tu trì và tinh thần sống cộng đoàn, gần gũi với nhiều người, dễ cảm thông với con người, chia sẻ những khó khăn mà họ gặp.
- Giúp cho các em yêu mến Chúa, yêu mến đời sống cầu nguyện, giúp các em năng lãnh nhận bí tích Hoà Giải, bí tích Thánh Thể, viếng Thánh Thể, lần chuỗi Mân côi...
- Cung cấp sách thiêng liêng, hạnh các thánh, sách đào tạo linh mục và những sách liên quan đến ơn gọi tu trì hầu giúp cho các em có được ý thức tích cực về đời sống thánh hiến.
- Giúp các em hiểu biết dần về ơn gọi linh mục-tu sĩ, mở ra cho các em cái nhìn về ơn gọi linh mục và tu trì, giúp các em tập sống đời tu ngay trong môi trường các em sinh sống như gia đình, trường học cũng như các nơi sinh hoạt khác.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các em gặp gỡ nhau, sinh hoạt với nhau định kỳ. Qua đó, giúp các em yêu thương nhau, giúp đỡ lẫn nhau, hy sinh cho nhau, chia sẻ đời sống cho nhau.
- Giúp cho các em nhiệt tâm trong ơn gọi đang vươn tới, giúp các em có trách nhiệm về ơn gọi của mình và của người khác. Giúp các em có đời sống vui tươi, cởi

mở, sẵng sàng tiếp đón và nâng đỡ những người cần đến các em.

- Nhất là giúp các em tiếp xúc và làm quen với Lời Chúa qua việc đọc, suy ngẫm, tâm niệm Lời Chúa hằng ngày và lấy Lời Chúa làm châm ngôn để sống trong ngày. Tập các em yêu mến Mẹ Maria và các thánh, đọc sách hạnh các thánh, noi gương các thánh, tập sống các nhân đức của các ngài, đặc biệt gương Mẹ Maria.
- Để tâm giải thích cho các em sự cao quý và cần thiết của chức linh mục, qua lời giảng dạy và chính đời sống phục vụ vô vị lợi của mình. Cổ vũ ơn kêu gọi cho giáo phận trong các giáo xứ mà mình có trách nhiệm, qua các bài giảng, các giờ giáo lý và nhu cầu của Giáo Hội địa phương.
- Khuyến khích lập Hội Cổ Võ và Bảo Trợ Ơn Gọi, và tích cực tham gia. Lập Gia Đình Ơn Gọi trong giáo xứ (gồm tất cả những người đang tu, đang tìm hiểu ơn gọi, và có ý hướng đi tu), sinh hoạt mỗi năm một lần vào dịp Tết (liên hoan, tặng quà).
- Giúp các Ơn Gọi trong giáo xứ sinh hoạt học hỏi hàng tuần. Quan tâm tìm biết hoàn cảnh của từng em để có thể giúp đỡ cách thích hợp và hiệu quả.
- Đón nhận tất cả các em muốn đi tu. Tạo điều kiện để các em có thể phục vụ Bàn Thánh (giúp lễ). Lấy tình cha con chăm sóc các ơn gọi và chủng sinh nối tiếp mình; hướng dẫn cho họ sống ơn gọi của mình. Trao cho họ vài công việc vừa sức họ, để huấn luyện họ.
- Kêu gọi, cầu nguyện, khích lệ, động viên, nâng đỡ các ơn gọi. Lo cho giáo lý ơn gọi, huấn luyện các em giúp lễ, tiếp xúc với từng em để phát hiện những tài năng và ý Chúa nơi các em, giúp các em can đảm lựa chọn.
- Sống trong sáng, vui tươi và nhiệt thành hợp tác với chủng viện trong việc đào tạo linh mục tương lai. Cha xứ cố gắng tạo cơ hội để biết, làm việc với các chủng

sinh và trở nên một phần trong việc đào tạo họ, mà một ngày kia họ sẽ hội nhập với mình trong sứ vụ linh mục.

- Vai trò và sự đóng góp của cha xứ rất quan trọng trong việc đào tạo ứng sinh: Cung ứng cho chủng sinh nhiều cơ hội thuận lợi để anh được kinh nghiệm và tham dự vào sứ vụ giáo xứ; phát triển đời sống cầu nguyện của anh ngay trong bối cảnh đời sống giáo xứ, vì đó sẽ là cuộc sống thực sự của anh sau này; học hỏi với cha xứ mà anh đang sống với ngài như người tập sự; được làm quen với nhiều giáo xứ khác nhau trong Giáo phận; đem những gì đã học trong chủng viện vào hành động, trong những hoàn cảnh thực tế; kinh nghiệm được cuộc sống nhà xứ; qua việc phục vụ và cộng tác với giáo dân, chủng sinh có thể học được nơi họ rất nhiều điều, đó là một chuẩn bị tuyệt vời cho sứ vụ của anh sau này. Sự hiện diện hữu hình của các chủng sinh ở trong giáo xứ sẽ thăng tiến việc thúc đẩy và phát triển các ơn gọi linh mục và tu sĩ.
- Một số dự tu được nuôi bên mình trong nhà xứ cũng là những thiên thần gìn giữ mình và bảo vệ mình khỏi những công, cám dỗ từ bên ngoài.

IV.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không dửng dưng, vô trách nhiệm, hoặc xa lánh việc kêu gọi những người có thiện chí dấn thân phục vụ Chúa, phục vụ Giáo Hội và các linh hồn trong đời sống tu trì. Không từ chối những ơn gọi đến với mình, vì sợ mất thời gian hoặc tốn kém tiền của.
- Không làm vơi đi lòng nhiệt tâm của các em đang có thiện chí dấn thân phục vụ Chúa, Giáo Hội và các linh hồn. Không kể khổ, hay đưa ra những khó khăn như muốn thử thách mức chịu đựng của các mầm non ơn gọi.

- Không nên có thái độ nhăn nhó khó chịu hay gây khó khăn cho một ơn gọi nào đó muốn tìm đến với đời sống này. Trái lại phải hết sức nâng đỡ về của cải vật chất, chỉ dạy về đời sống tâm linh và động viên về đời sống tinh thần để mầm non này có thể triển nở.
- Không nên coi việc đào tạo chủng sinh là trách nhiệm riêng của Chủng viện và Giám mục giáo phận, vì nó là trách nhiệm của toàn thể Hội thánh, nhất là hàng giáo sĩ.
- Không được nói cũng như làm những gì gây ấn tượng xấu trước các chủng sinh đàn em trong tình cảm, cách sống, cách cư xử hay trong cung cách làm mục vụ của mình.
- Không nên nói nhiều đến mặt trái cuộc đời của con người linh mục. Không gây gương mù để có thể làm cho những mầm non ơn gọi này "vỡ mộng" và thất vọng.
- Không lợi dụng, khai thác họ như người giúp việc cho mình. Không trao cho họ công việc quá sức mà họ không thể làm được.
- Không tránh né, thờ ơ lãnh đạm với việc cầu nguyện, kêu gọi, khích lệ động viên, giáo dục, hướng dẫn, để cung cấp những ơn gọi cho Giáo hội.
- Không sống ngược với điều mình dậy bảo và làm gương xấu cho mầm non ơn gọi.

V. Tương quan với các tu sĩ nam nữ

V.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Các nam nữ tu sĩ là những người có cùng một lý tưởng như linh mục: hiến dâng cuộc đời để phục vụ Chúa và các linh hồn. Họ khấn giữ ba lời khuyên Phúc âm để bước theo sát Chúa Kitô hơn, theo Hiến pháp, đặc sủng và linh đạo của Đấng sáng lập, nhằm gia tăng sự thánh thiện trong Hội thánh. Vì thế linh mục

phải kính trọng họ và tôn trọng những tài sản thiêng liêng đó của họ.

- Luôn yêu thương, quan tâm giúp đỡ tu sĩ nói chung, nhất là những người đang cộng tác với mình trong xứ. Cởi mở đón nhận họ như anh chị em; cho họ biết đường hướng mục vụ giáo xứ; đồng hành với họ trong công việc mục vụ; bàn hỏi và trao đổi trước mỗi công việc và tin tưởng họ khi trao công việc. Rút ưu khuyết điểm sau mỗi công việc lớn; khích lệ đời sống thiêng liêng và tông đồ; quảng đại, bác ái và làm gương sáng.
- Lý tưởng chung giữa linh mục và tu sĩ nam nữ đều là dâng hiến trọn vẹn cho Chúa và Dân của Ngài. Biết rằng đi tu nhưng vẫn không thôi là con người, nên phải luôn giữ mối liên hệ thánh thiện để thăng tiến và thánh hóa "*tiếng gọi nhân loại*" ngõ hầu giúp nhau sống sứ vụ tốt hơn (x. Tv 132, 1).
- Tôn trọng, yêu thương chân thành, vui vẻ, cộng tác và thăng tiến những đặc sủng của họ. Sống trong sự bổ túc, hài hoà và liên đới, quan tâm các cộng đoàn Tu sĩ, cung cấp cho họ giáo lý và tu đức, giúp đỡ và khích lệ họ sống trung thành với ơn gọi theo đường lối riêng của mỗi Hội Dòng.
- Hãy cầu nguyện cho nhau để cùng bước trên đường trọn lành, vì cầu nguyện là hơi thở, là nguồn sống cho đời sống tu trì của mỗi bên.
- Cần phải biết lắng nghe nhau, sửa lỗi cho nhau, giúp đỡ nhau, tha thứ và góp ý cho nhau, để xây dựng cho nhau có một đời sống dâng hiến cho Chúa và các linh hồn mỗi ngày mỗi tốt hơn.
- Phải coi các tu sĩ như là những cộng tác viên chứ không phải là những người cấp dưới hay người giúp việc, nhất là đối với các nữ tu. Phải có tinh thần cởi mở và tạo điều kiện tốt nhất để họ làm việc, và đối xử với họ theo đức công bằng.

V.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không làm gương mù gương xấu, bè phái và phân biệt giữa các Dòng. Không can thiệp vào việc nội bộ của hội dòng. Không nói hành nói xấu, làm mất danh dự, tiếng tốt của họ khi vắng mặt. Không làm hay nói lời tiêu cực phá sự hiệp nhất. Không kết án hay xét đoán vội vàng.
- Không tìm ảnh hưởng hay uy tín cho cá nhân mình. Không đi sâu vào đời sống cá nhân, nhất là đối với nữ tu, nhưng phải tôn trọng và thăng tiến, cộng tác và nâng đỡ khi họ cần giúp đỡ về tinh thần.
- Không cục bộ và đánh mãnh: Việc mình mình làm, việc người người làm; nhất là khi có nhiều dòng tu cùng hoạt động mà lại không cùng cộng tác với nhau để làm cho giáo xứ tốt hơn.
- Không coi thường họ như những người giúp việc hay thuộc hạ, mà phải nhìn nhận và biết ơn họ là những cộng tác viên rất đắc lực cho hàng giáo sĩ trong các hoạt động mục vụ như giáo lý, ca hát, đàn nhạc…

VI. Tương quan với nữ tu lớn tuổi và có trách nhiệm

VI.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Kính trọng các nữ tu lớn tuổi và có trách nhiệm vì họ vừa là những người lớn tuổi, vừa là người lão luyện trong đời sống tu trì. Coi trọng họ như người chị, người mẹ.
- Trao cho họ những công việc phù hợp. Đáp ứng các nhu cầu của họ, khi có khả năng. Nên gặp gỡ, chia sẻ, giúp đỡ, động viên và khích lệ họ, về đời sống tinh thần cũng như vật chất, cầu nguyện cho họ và xin họ cầu nguyện cho mình.
- Sống thành thật, khiêm nhường, cởi mở, tin tưởng, cảm thông và ân cần giúp đỡ họ trong lúc thi hành sứ

vụ cũng như trong đời sống tu trì. Trong đời sống mục vụ, mời gọi họ cộng tác, biết lắng nghe và đón nhận những lời góp ý.

- Có trách nhiệm với những người cùng phục vụ giáo xứ: kính trọng và giúp đỡ họ thực thi trọng trách của họ.
- Nếu họ ốm đau bệnh tật và khó khăn vật chất, tinh thần giảm sút, ý chí bị suy nhược, cần thăm viếng động viên và cầu nguyện cho họ.
- Nâng đỡ phần hồn phần xác những người đã có công xây dựng giáo xứ, Giáo hội địa phương đến nay phải nghỉ hưu. Giúp đỡ tinh thần và vật chất; làm tốt và nói tốt để yên ủi tuổi già.

VI.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không chen vào nội bộ Nhà Dòng. Không kiếm cách ảnh hưởng lên Bề trên trị bề dưới, hoặc theo phe bề dưới chống Bề trên. Hãy đổ dầu sốt sắng vào các bánh xe, nhưng đừng đả động đến bộ máy.
- Không làm ra vẻ kẻ có quyền để hống hách và vội chấp nhất, vội khiển trách, sửa sai họ trước công chúng hay bề dưới của họ.
- Không nói tâng bốc, khen không đúng sự thực; cũng không nói hành nói tỏi, hay nói sai sự thật, làm mất mặt họ trước công chúng. Tuyệt đối không đưa họ lên tòa giảng.
- Tránh những lời nói dễ bị hiểu lầm khiến họ có cảm giác bị xúc phạm, bị hắt hủi, bị bỏ rơi. Trái lại, phải tỏ ra tôn trọng các nữ tu lớn tuổi và bênh vực họ khi họ gặp khó khăn trong công việc cũng như trong cuộc sống, vì người lớn tuổi thường hay tự ti vì tuổi tác và sự đào thải của tuổi già.
- Tránh nói năng, cư xử thiếu lịch sự, tế nhị, tỏ thái độ khinh thường, không tôn trọng, nói xấu, nói hành làm thiệt hại cho họ và quyền bính của họ. Không vượt

quyền, làm việc thẳng với cấp dưới của họ, mà phải trao đổi thông qua họ.

VII. Tương quan với nữ tu bằng tuổi và có trách nhiệm

VII.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Tôn trọng họ và đời sống tu trì của họ. Phải khôn ngoan và tỉnh thức trong tiếp xúc, gặp gỡ và làm việc chung với họ. Phải nhớ mình là linh mục và họ là nữ tu đều thuộc về Chúa và là của Chúa. Luôn giữ khoảng cách cần thiết và dè dặt trong mọi lãnh vực của đời sống khiết tịnh.
- Đừng quên lời khuyên "tỉnh thức và cầu nguyện" của Chúa Giêsu trong Tin mừng[37]: là những con người thánh hiến, nhưng chúng ta vẫn không thôi là những con người với những yếu đuối nhân loại.
- Dùng đúng người đúng việc, nói rõ mục đích hướng tới. Có kế hoạch, chương trình làm việc cụ thể. Tin tưởng trao công việc. Tôn trọng người cộng tác. Khích lệ đời sống thiêng liêng tông đồ.
- Cổ vũ, khen thưởng khi cần. Cần sống công bằng qua việc động viên khích lệ và thù lao cho họ khi họ đã cộng tác với mình trong công việc.
- Làm và nói tốt cho nhau, đúng sự thật. Quảng đại và không chấp vặt việc nhỏ. Không keo kiệt, cần cởi mở, vui vẻ.
- Phải biết tôn trọng các nữ tu vì họ là những cộng tác viên, chứ không phải là thuộc hạ hay người giúp việc; luôn sống trong sự bổ túc hài hòa và liên đới. Biết lắng nghe những lời góp ý, sửa lỗi của họ. Và cũng hãy chân thành làm như vậy cho họ.
- Phải luôn nhớ nhu cầu cầu nguyện và khổ chế. Thánh Phaolô dạy rằng chúng ta gìn giữ kho tàng ấy trong

---

37 Mt 26,41 và Mc 14,38.

những chiếc bình sành dễ vỡ[38], bởi vì mọi người đều mang bản tính nhân loại và có phái tính. Khi có công việc phải trao đổi với họ, hãy tiếp chuyện ở chỗ trống trải hay phòng khách.

- Chia sẻ kinh nghiệm, đối thoại, hiểu biết, cảm thông, giúp đỡ họ khi có những khó khăn trong cộng đoàn. Nên chỉ dẫn thêm, khích lệ, hỗ trợ để họ hoàn thành công việc được giao. Cần tôn trọng tuổi tác và trọng trách của họ.
- Giúp nhau sống và chu toàn những điều đã cam kết trong ơn gọi và sứ vụ của mỗi người, vì ơn gọi chung là dâng hiến trọn đời cho Chúa.

VII.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không can thiệp sâu vào đời sống cá nhân của họ, và cũng không cho họ can thiệp sâu vào công việc của mình và việc của giáo xứ.
- Không nên có những lời nói, cử chỉ hay thái độ thiếu lành mạnh, trong sáng để bảo toàn đức thanh sạch cho họ và cho mình. Luôn nhớ họ là một nữ tu thánh hiến cho Chúa và Giáo Hội cũng như cho các linh hồn. Không để tình cảm của mình lấn lướt và để những yếu đuối, đam mê của mình sai khiến và cám dỗ mình.
- Không để họ sai khiến mình, điều khiển mình, lèo lái mình trong bất cứ công việc gì. Vì thực tế đàn ông thường yếu mềm trước những cử chỉ khôn khéo của phụ nữ, và hay thể hiện tính cao thượng trước những khó khăn họ mắc phải.
- Tránh những cuộc gặp gỡ riêng tư lâu giờ vì dễ dẫn đến nguy hiểm cho đời độc thân thanh khiết. Không nên thân thiện quá mức, thiếu tế nhị, hoặc nói những câu bông đùa quá trớn, một lời hai ý, dễ dẫn đến hiểu lầm.

---

38 x. 2 Cor 4,7.

- Không nên cho họ biết tất cả những gì mình muốn làm khi công việc đó không liên quan tới họ. Không nên đi sâu vào đời tư của họ, hoặc tâm sự đời tư của mình cho họ.
- Không coi thường đức khôn ngoan và cảnh tỉnh khi tiếp xúc với họ. Thánh Augustinô "chỉ đến dòng nữ khi cần và đem người đi theo, để giữ gìn thanh danh của mình và để cho các tâm hồn đã tự hiến cho một mình Chúa chỉ yêu một mình Chúa".
- Không khen người này trách người kia trước mặt ai, nhất là giáo dân. Không bạ đâu nói đấy, kể cả trong việc giao công tác. Không làm hay nói gì không cần thiết, nhất là trong khi phải khiển trách.
- Không được đối xử thiếu tế nhị với họ hoặc không để ý nâng đỡ các nhu cầu về tinh thần cũng như vật chất của họ khi họ cùng làm việc với mình.
- Không can thiệp vào vấn đề kỷ luật và tổ chức nội bộ của họ.

VIII. Tương quan với các nữ tu trẻ

VIII.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Trong bất cứ tiếp xúc nam nữ nào cũng tiềm ẩn tính cách phái tính. Do đó, cần thận trọng trong các mối quan hệ với nữ tu trẻ; dè dặt trong các lần tiếp xúc, bởi vì cùng cảnh ngộ dễ đồng cảm…
- Phải ý thức rằng sự thân mật là nhu cầu của con người, nhưng sự thân mật trong đời sống độc thân không cần và không được biểu lộ bằng thể lý. Do đó, phải đứng đắn, nghiêm túc khi giao tiếp. Sự thân mật độc thân có mức độ thích hợp của nó và sẽ cung ứng đủ tự do để yêu thương mọi người và không vượt quá các giới hạn.
- Có thể khuôn đúc mối tương quan nam nữ theo gương mẫu đời sống của Chúa Ba Ngôi và kêu xin

Chúa ban ơn can đảm để thăng tiến, vượt thắng và thánh hoá "tiếng gọi nhân loại" ngõ hầu giúp nhau sống và chu toàn những gì đã cam kết trong ơn gọi và sứ vụ của mỗi người.

- Linh mục phải giao tiếp với mọi người, nên phải thiết lập một mối tương quan trưởng thành, lành mạnh, hài hòa và quân bình giữa hai phái.
- Phải biết tôn trọng nơi chốn, thời gian, khoảng cách và giới hạn cần thiết, về thể lý cũng như tâm lý, của các cuộc gặp gỡ; luôn giữ sự kính trọng chứ không lạm dụng và suồng sã; ý thức sự hiện diện vô hình của Chúa.
- Phải rõ ràng và thành thật với chính mình, với người khác và với Thiên Chúa, bởi vì sự "hẹn hò" yêu thương thường được che giấu dưới những lý do hợp pháp và chính đáng của các công tác và hoạt động mục vụ, nhưng "thực tế đó là những nghiêng chiều nguy hiểm của con tim."
- Phải học thái độ Chúa Giêsu đối với các phụ nữ trong Phúc Âm, xác định rằng tình yêu của Thiên Chúa là trên hết, và chỉ Thiên Chúa mới làm thỏa mãn được con tim chúng ta, Ngài đang hiện diện trong cuộc đời chúng ta, đồng hành bên cạnh chúng ta để nâng đỡ và bảo vệ chúng ta.
- Chúa Giêsu để các phụ nữ cộng tác trong kế hoạch cứu độ bằng cách cho họ tháp tùng trong hành trình truyền giáo và dùng họ loan báo Tin Mừng Phục sinh cho các Tông đồ.
- Mời họ cộng tác làm việc trong giáo xứ, trao công việc cụ thể và cho họ biết nguyên tắc làm việc. Cần có những buổi học hỏi thêm kỹ năng làm việc; bồi dưỡng thêm đạo đức, kiến thức và nhân bản.
- Cần phân công công việc cho mỗi người rõ ràng. Khi trao việc cũng cần quan tâm tin tưởng và tế nhị trả tiền

chi phí cho các công việc mà ta nhờ họ làm như mua hoa, nến, giấy hát, bài vở, lộ phí…

- Làm gương sáng trong đời sống cầu nguyện và việc tông đồ. Sống vui vẻ cởi mở và quảng đại, nhiệt tình sáng tạo.
- Tôn trọng họ là những cộng tác viên, không phải là thuộc hạ hay người giúp việc, sống hài hòa và liên đới. Sống hòa thuận để làm gương cho giáo dân.
- Giúp đỡ họ về tinh thần cũng như vật chất cần thiết cho công việc tông đồ. Mời họ cộng tác trong việc từ thiện bác ái, dạy giáo lý.
- Cần giữ trong đầu và tâm hồn sự lệ thuộc của họ và của mình đối với Chúa. Cầu nguyện cho họ và cho chính mình.
- Tương quan cởi mở, hiểu nhau, chia sẻ sứ vụ, khó khăn, tin tưởng, cảm thông, chăm sóc, giúp đỡ nhau chu toàn sứ vụ và cam kết ơn gọi của mỗi người.
- Cần định hướng cho họ để họ vững vàng trong đời tận hiến. Thái độ, cử chỉ, lời nói phải rõ ràng khi giao tiếp với họ. Thận trọng trong mọi vấn đề; những gì họ nói, cần phải suy xét, chớ vội tin.
- Nên nhắc nhở khi thấy họ đi quá trớn hoặc làm những việc không hợp với đời tu hay ảnh hưởng tới ơn gọi của họ, chẳng hạn những cử chỉ bất nhã, thiếu lịch sự, kiểu "quen quá hoá nhờn" hay những giao du đáng ngờ với người khác phái ngoài đời.
- Cần nêu gương sáng về đời sống cầu nguyện và đời sống thánh thiện cho họ. Phải có tâm hồn bao dung, quảng đại sẵn sàng chỉ dẫn cho họ cách thức phục vụ nơi giáo xứ. Quan tâm tới đời sống tinh thần và vật chất của họ nữa, theo lẽ công bằng.

VIII.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không đùa dỡn và chiều chuộng quá mức cần thiết. Không liên hệ quá thân mật với các nữ tu và tiếp họ

quá lâu trong nơi kín đáo hoặc phòng riêng, nhất là các nữ tu trẻ, khiến người ta hiểu lầm, và cũng dễ dẫn đến nguy hiểm cho đời độc thân linh mục. Không nên bỏ qua dư luận.

- Không nên trao đổi hay bồi dưỡng riêng, tránh sự hiểu lầm. Tránh gặp gỡ lâu giờ, nói chuyện to nhỏ. Không nên đi sâu vào đời tư của họ, hoặc tâm sự đời tư của mình cho họ, vì họ dễ động lòng. Không nói cho họ biết những gì họ không có trách nhiệm.
- Không thân mật quá mức, bộc lộ khuynh hướng muốn chiếm hữu, ghen tuông, muốn độc quyền. Phải có những giới hạn cần thiết.
- Không ép buộc họ phải làm công việc ngoài khả năng. Tránh trao nhiều công việc một lúc, hay trao rồi lại rút lại, thay đổi như chong chóng.
- Không nên có cái nhìn lệch lạc, coi các nữ tu là thiếu hiểu biết, vì ngày nay nhiều nữ tu cũng học rộng tài cao không kém hàng linh mục.
- Nhưng cũng không nên quá coi trọng đến độ để họ sai khiến mình mà không biết. Không để các nữ tu tham dự sâu vào công việc điều hành Giáo xứ. Tránh thiên vị coi người này hơn người kia, quí các nữ tu trẻ mà coi thường các nữ tu già.
- Không can thiệp vào chuyện riêng tư của nhà Dòng trong việc họ đổi đi hay ở lại xứ. Không nên coi thường hay gây khó khăn. Không nên nói xấu họ trước mặt người khác.

IX. Tương quan với các đệ tử và mầm non ơn gọi tu sĩ

IX.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Giáo hội đang dần dần thiếu ơn gọi. Cần kêu gọi, khích lệ các bậc cha mẹ quảng đại dâng con cho Chúa. Quan tâm hướng dẫn các em theo đuổi ơn gọi. Khám phá và làm phát triển các mầm non ơn gọi nơi

những em bé có hạnh kiểm tốt, óc phán đoán đúng, trí nhớ tốt và ưa thích những việc đạo đức.

- Để tâm chăm sóc các ơn gọi, xây dựng, thúc đẩy, giúp các em tránh bạn xấu. Dạy các em đời sống nhân bản và thiêng liêng, thận trọng trong các mối tương quan. Chính mình cũng cẩn trọng vì các em ngày nay dậy thì sớm, nhu cầu tình cảm và tính dục cao.
- Tổ chức các lớp tìm hiểu ơn gọi tu sĩ trong giáo xứ. Tìm cách tạo điều kiện tốt nhất cho các em được học tập. Bổ túc giáo lý, tri thức, tâm lý và tình cảm. Đào tạo nhân bản và giúp các em tập làm việc, nhất là việc thiện, việc bác ái.
- Cổ vũ, khen thưởng khi có một kết quả tốt trong học tập hay trong công việc. Cổ vũ ơn gọi trong cộng đoàn giáo xứ; đồng thời động viên các em về tinh thần cũng như vật chất.
- Giới thiệu cho các em về ơn gọi chiêm niệm và hoạt động, cũng như đặc sủng và linh đạo của mỗi Dòng. Nên tổ chức những dịp gặp gỡ thân thiện để các em hiểu về ơn gọi và củng cố tình liên đới giữa các em trong giáo xứ.
- Cần cổ võ và quan tâm một cách đặc biệt, vì tương lai của Giáo Hội và Xã hội tùy thuộc vào họ. Cần hướng dẫn, động viên, giúp đỡ tinh thần và vật chất, cầu nguyện, sống hài hòa liên đới.
- Sống cởi mở, vui tươi, làm gương sáng và động viên các em sống các đức tính nhân bản, tinh thần cầu nguyện và tinh thần hy sinh phục vụ, bác ái.
- Huấn luyện các em dự tu, ca đoàn, cổ võ sáng kiến, phát hiện tài năng, nhận biết thánh ý Chúa và can đảm chọn theo Chúa Kitô.
- Lưu tâm giúp đỡ các em nghèo có thể theo đuổi việc học và duy trì việc theo đuổi ơn gọi. Hàng tháng nên có buổi gặp gỡ để hướng dẫn và học hỏi. Định hướng cho các em về con đường tương lai.

IX.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không được quên bổn phận tìm kiếm và vun trồng ơn gọi. Ý thức trách nhiệm cùng với Giáo Hội ươm mầm non ơn gọi, sẵn sàng dấn thân trong đời dâng hiến phục vụ.
- Tránh những việc làm và lời nói tiêu cực, gây hiểu lầm cho các em. Không trình bày đời tu quá lí tưởng, quá xa thực tế, khiến các em ảo tưởng về đời tu; nhưng cũng không nên nói rõ hết những tiêu cực của đời tu, khiến các em nản lòng.
- Không nên bỏ qua việc hướng dẫn và đào tạo cơ bản ơn gọi cho các em trong giáo xứ. Không nên chỉ nói về ơn gọi, mà lại chẳng hề đả động đến việc giúp đỡ các mầm non ơn gọi...
- Tránh những thờ ơ, gây gương mù gương xấu, gây khó khăn. Tránh những bất nhất trong việc làm và lời nói, sai sự thật, nhất là làm hay nói cho xong chuyện.

X. Tương quan với những người phục vụ trong nhà xứ, nhất là cô bếp.

X.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Nhu cầu có người giúp việc là điều chính đáng. Tuy nhiên, người nữ giúp việc đừng có trẻ quá (phải đủ tuổi luật buộc), đừng quá nhan sắc, đừng quá nhí nhảnh, đừng quá khoe khoang, đừng lắm lời, đừng quá tò mò chuyện người khác, cũng đừng có tiếng xấu, nghĩa là đừng để nên cạm bẫy cho ta hay làm dịp cho người khác ngờ vực.
- Đừng bao giờ hỏi ý kiến hay tâm sự với họ về nỗi đau buồn, chán chường, hoặc nỗi thất vọng của mình. Cây leo trước tiên bắt đầu bò từ gốc rễ, không ngờ nó lớn lên, cao lên rồi nó vấn vít đè ngột cả những cành cao nhất. Cây leo của ta bò tới đâu rồi?

- Nhớ lời thánh Cypriano dạy phải luôn nghiêm khắc đối với phụ nữ và thi hành quyền bính nghiêm trang đứng đắn. Tại nhà xứ, quyền bính phải được thi hành dưới hình thức quân chủ chứ không phải lối dân chủ (bàn hỏi và theo ý kiến người giúp việc).
- Hãy liệu để người nữ giúp việc biết niềm nở tiếp đón các linh mục, tu sĩ, khách khứa, người nghèo và bổn đạo. Người nữ giúp việc càng kém phẩm chất bao nhiêu, càng làm ta mất lòng dân và đưa ta đến thất bại, suy sụp bấy nhiêu.
- Phải thông cảm với họ là họ phải cáng đáng bao nhiêu là những công việc lặt vặt không tên trong ngày. Nên có những lời động viên khích lệ, nhất là trong những lúc bận nhiều công việc. Có những lời khen hoặc chê đúng lúc, đúng hoàn cảnh với ý hướng xây dựng. Nên thông cảm và tha thứ những thiếu sót hay lỗi lầm của họ.
- Tôn trọng giá trị phục vụ của họ và hãy trả tiền công cho họ cách xứng đáng và sòng phẳng. Còn họ giúp không thì cũng phải tìm cách bù đắp cho họ một cách tương xứng. Nên tặng cho họ những món quà vật chất nhân dịp lễ tết và thăm hỏi gia đình nhân dịp này. Cũng nên khôn khéo và tế nhị quan tâm đến nhu cầu và ước vọng của họ, giúp đỡ đời sống của họ và bố mẹ họ để họ nhiệt tâm giúp việc.

X.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không để người giúp việc đem chuyện thiên hạ vào nhà xứ hoặc chuyện nhà xứ ra cho thiên hạ. Ngày nào bà trở thành tờ báo sống, nó sẽ làm ta khó chịu và có trăm ngàn phản ứng sai lạc. Nếu vì cô bếp mà phải bị ngờ vực tai tiếng thì hãy để cho về ngay.
- Không làm cho cô bếp phải khóc lóc: nước mắt đàn bà là vũ khí lợi hại của họ, nhưng là thuốc độc và cạm bẫy khó lường cho đàn ông. Người ta bảo rằng có

người biển sâu sông rộng không chết mà lai chết đuối ở hố trâu nằm!

- Tự làm lấy những công việc vệ sinh, dọn dẹp trong phòng riêng, không nên để cô bếp suốt ngày lục sục trong phòng ta, dễ khiến người ngoài nghi ngờ, khó chịu.
- Không nên để cô bếp vào phòng riêng của mình quét dọn và nói chuyện lâu giờ. Không kêu cô bếp vào phòng ban đêm để giúp đỡ việc này việc nọ hay vào phòng riêng của họ. Những khi đau yếu bệnh tật, nên nhờ thêm người giúp đỡ chứ không phải chỉ mình cô bếp lo lắng cơm cháo, xức dầu, xức thuốc... “Tối trời, nhà tranh cũng như nhà ngói!”
- Không quan tâm quá mức đến họ và việc nội trợ của họ. Không nên quá pha mình vào việc nội trợ, nên để cho người giúp việc một phần tự do trong nhiệm vụ của họ. Không nên quá gần gũi. Phải có giới hạn và khoảng cách cần thiết. Không quá thân mật, đùa cợt, dễ gây hiểu lầm và tổn thương uy tín và danh dự.
- Không nên để họ can thiệp vào công việc mục vụ của mình. Không tâm sự với họ về bất cứ điều gì, nhất là những nỗi đau buồn hay chuyện riêng của mình: sự thông cảm, chia sẻ đó sẽ là một bẫy ngầm.
- Không được khinh dể và thiếu bác ái đối với họ, nhiều khi bác ái đối với người ngoài nhưng lại không bác ái với người trong nhà.
- Không để cô bếp ăn chung, nhất là khi có khách; khách sẽ rất khó chịu vì khó nói chuyện. Khi ăn cơm, ta có thể tiếp và trao đổi với giáo dân.

XI. Tương quan với các góa phụ, nhất là góa phụ trẻ

XI.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Góa phụ là những người chịu thiệt thòi về tình cảm và sinh lý nên dễ tìm sự bù đắp, không nên quá gần gũi

trong giao tiếp dẫn đến mủi lòng, trắc ẩn cảnh "*mẹ dại con thơ*" mà sa ngã và gây gương xấu. Phải cư xử khôn ngoan khi giao tiếp với các goá phụ, nhất là goá phụ trẻ.

- Tôn trọng, thông cảm, vui tươi, nhưng mực thước, luôn biết tạo khoảng cách an toàn. Lời nói nghiêm chỉnh, đứng đắn. Thánh Cypriano dạy: "*đối với phụ nữ ta phải luôn nghiêm khắc, thi hành quyền bính nghiêm trang đứng đắn. Khi tiếp đón phụ nữ, cần phải ý tứ, đề phòng lối ăn ở cẩu thả tai hại cho nhiều linh mục. Vì thế linh mục cần bác ái khôn ngoan, nết na, bỏ mình*".
- Các thánh dạy rằng tên lửa tình yêu qua mắt để đâm vào con tim, và con mắt là kẻ dụ dỗ đưa đến tội lỗi. Vậy phải rất ý tứ khi họ đến nhà ta hay khi ta đến nhà họ: lòng trắc ẩn chăm sóc của ta đối với "mẹ góa con côi" dễ bị họ hiểu lầm, nguy hiểm.
- Đừng năng đến nhà họ và cũng đừng để họ thường xuyên đến nhà xứ. Nói chuyện với họ phải ít, ngắn gọn và nghiêm chỉnh, nơi trống trải. Tránh những thứ gây ràng buộc dính bén là những bẫy ngầm: thân mật quá có nguy cơ dẫn đến gương xấu và sa ngã.
- Cần quan tâm nâng đỡ, ủi an, động viên, khích lệ họ tham gia các đoàn hội, tạo những mối tương quan tốt, để họ nhận thấy niềm vui, vơi đi nỗi đau thương mất mát mà đến gần với Chúa hơn.

XI.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không khinh thường xa lánh, nhưng cũng không gần gũi quá. Không nói đùa dỡn, cợt nhả, bất nhã. Không nên nói những lời thô tục, thiếu tế nhị, một lời hai ý.
- Không vì giúp đỡ vật chất mà gây hiểu lầm nảy sinh tình cảm không hay. Phải nhớ mình là người của mọi người và luôn được mọi người quan tâm để ý.

- Không được có những tư tưởng hay hành động bao biện, muốn chiếm đoạt hay để họ quá cậy dựa và lệ thuộc vào mình.
- Đừng quên lời thánh Eusêbiô dạy: "*đức trinh khiết làm cho con người bằng thiên thần, tà dục làm cho con người nên như loài vật và tệ hơn cả loài vật*".
- Không quên lời khuyến cáo của Chúa Giêsu: "*hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn kẻo sa chước cám dỗ, vì tinh thần thì nhẹ nhành chóng vánh, nhưng xác thịt nặng nề yếu đuối,*"[39] vì linh mục vẫn không thôi là con người với những yếu đuối nhân loại.
- Cẩn trọng về nơi chốn, thời gian, khoảng cách và giới hạn cần thiết trong các cuộc gặp gỡ. Không nên quá thân mật, gặp gỡ riêng tư lâu giờ ở những nơi kín đáo, vì có thể gây nguy hiểm cho họ và cho mình. Nhưng không nên vì sợ dị nghị mà xa lánh, họ là những con chiên đáng được chăm sóc.

XII. Tương quan với giới giàu có

XII.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Luôn có thái độ quân bình trong mọi mối tương quan giữa giàu nghèo để tránh tiếng là cha chỉ chơi với người giàu có. Nên giữ mối quan hệ thân thiện nhưng không để bị tiền của lôi kéo: không săn tìm đại gia để đại gia coi thường lèo lái...
- Không nên chạy đua với những tiện nghi hiện đại của người giàu: nhà xứ sang trọng với máy điều hoà, giàn nhạc, thiết bị cao cấp, xe hơi đời mới...
- Cần cẩn thận với những giúp đỡ của người giàu (không ai cho không cái gì cả): họ có thể dùng của cải để sai khiến, hoặc mượn uy thế của ta để lũng đoạn, gây ảnh hưởng và lên mặt với người khác. Cần tìm hiểu cách thức làm ăn

---

39 Mc 14,38.

của họ có gì không ổn về đạo lý và luật pháp không, rồi hãy nhận sự tài trợ của họ.

- Nên gặp gỡ trao đổi, cổ võ và khơi gợi lòng quảng đại của người giàu, kêu mời họ quảng đại tham gia cộng tác trong việc giúp đỡ những người nghèo khó, mồ côi, goá bụa… bằng việc giúp đỡ vật chất và tạo công ăn việc làm… đỡ đầu cho các đoàn hội công giáo tiến hành trong giáo xứ, tham gia hội khuyến học, v.v…

XII.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không phân biệt và đối xử quá cách biệt giữa giàu nghèo: quá tôn trọng, lệ thuộc, và đề cao người giàu, trong khi quá quan liêu hạch sách đối với người nghèo. Không nên lui tới, quan tâm và quỵ luỵ thái quá người giàu có, kẻo bị người đời hiểu lầm và người nghèo buồn tủi, bị xúc phạm.
- Không nên chung vốn làm ăn kinh tế với người giầu, rồi vì tiền và vị nễ mà nhẹ tay trong việc áp dụng luật Chúa và luật Hội Thánh đối với họ.
- Không nên đề cao người giầu quá đáng và công khai, dành cho họ qúa nhiều ưu tiên, thiên vị trong các dịp lễ lạy và bí tích, chỉ vì những đóng góp của họ, khiến họ tự phụ kiêu căng ỷ của và người nghèo phải tủi thân.
- Không quá năng viếng thăm người giàu có, trong khi đó lại không bao giờ thăm những người nghèo bên cạnh, kẻo người nghèo nói rằng: “cha chỉ chơi với người giàu, cha tham tiền, v.v...”
- Không quị lụy đối với những người giàu có. Không nên gần gũi quá với người giàu mà xa cách người nghèo. Không nên để người giàu ảnh hưởng tới việc mục vụ của mình.

XIII. Tương quan với giới nghèo

XIII.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Để gần gũi với người nghèo, linh mục cần phải ăn mặc giản dị, sống giản dị để qua đó phản ánh một giá trị Tin Mừng: tự nguyện sống khó nghèo để theo sát Chúa Kitô trong mọi lãnh vực (nhà ở, phương tiện đi lại, nghỉ ngơi…), hầu dễ gần gũi với đoàn chiên.
- Noi gương Chúa Kitô vốn giàu có đã tự trở nên nghèo khó vì chúng ta, dành cho người nghèo những chăm sóc tế nhị của đức ái mục tử; khiêm tốn đứng về phía người nghèo, người bên lề xã hội, người bị áp bức; sẵn lòng lắng nghe họ để linh mục thực sự là dấu chỉ của tình yêu Thiên Chúa đối với họ.
- Thương yêu người nghèo khó, túng bần, thấp cổ bé miệng, sa cơ lỡ vận… nhưng đừng khinh rẻ vất của bố thí, mà hãy cung kính đặt vào tay họ: *cách cho hơn của cho*.
- Đừng rẻ rúng người nghèo, người lao động: vồn vã chào đón người giàu có mà chẳng thèm chào hỏi họ. Trái lại, phải thực sự hướng về người nghèo và người thiếu thốn, động viên giáo xứ dấn thân nâng đỡ người nghèo; nhận ra hình ảnh Chúa Kitô nơi người nghèo và lắng nghe tiếng kêu của Ngài qua tiếng kêu của họ.
- Đặc biệt quan tâm thăm hỏi người nghèo trong những dịp lễ tết, giúp đỡ vật chất cũng như tinh thần để họ được an ủi nâng đỡ và hoà mình với cộng đồng.
- Thông cảm chia sẻ và nâng đỡ hoàn cảnh sống của những người nghèo, nhất là điều kiện kinh tế nuôi dạy con cái. Kêu gọi cộng đoàn giáo xứ và những người giầu có chia sẻ gánh nặng cuộc sống với họ. Nhưng tôn trọng quyền lợi và nghĩa vụ của người nghèo trong sinh hoạt giáo xứ.
- Hô hào mọi người dấn thân nâng đỡ người nghèo, các trẻ mồ côi, những người goá bụa…, nhằm giúp cho họ biết tự

giúp mình, để họ có thể làm việc nhằm thăng tiến tình trạng của họ: "*Cho một người một con cá, người đó chỉ ăn được một bữa; nhưng nếu cho người đó một cần câu và dạy y biết câu cá, người đó ăn được cả đời.*"

- Phải biết lắng nghe tiếng nói của người nghèo, bênh vực người nghèo, biết cảm thông và chia sẻ, thực sự cởi mở khi đối thoại, tỏ ra là dấu chỉ chữa lành của tình yêu Thiên Chúa đối với họ: sống vì người nghèo, cho người nghèo và với người nghèo "cả trong lời nói và việc làm".
- Phải nhận ra hình ảnh Chúa Kitô, tiếng nói của Chúa Kitô qua những người nghèo, người bệnh tật, người tội lỗi và kể cả người không tin.
- Ân cần đón tiếp người nghèo khó, sẵn sàng lắng nghe nhu cầu của những người nghèo, những người bên lề xã hội. Nếu được, nên tổ chức các lớp dạy nghề trong giáo xứ.
- Yêu thương những người già cả bệnh tật, người nghèo khó, các trẻ mồ côi, những người góa bụa bằng những việc cụ thể.
- Nên thăm viếng những người nghèo trong xứ, vì đó là nguồn động viên lớn cho họ trong cuộc sống. Nên dấn thân vào nhiều hình thức khác nhau trong công việc nâng đỡ người nghèo: thăm hỏi, động viên, giúp đỡ họ vật chất, tinh thần, và công ăn việc làm.

XIII.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không được quên bổn phận và trách nhiệm Chúa giao chăm sóc từng con chiên, nhất là những chiên nghèo, chiên lạc.
- Không phân biệt đối xử: người giàu được kính trọng và năng lui tới, có việc họ mời rất dễ; còn người nghèo bị coi khinh, chẳng mấy khi lui tới, có việc mời rất khó, thì làm sao biết được hoàn cảnh thiếu thốn của họ!

- Khi đối thoại với người nghèo và người giàu, không thiên quá về người giàu, khinh rẻ những người đói rách. Họ sẽ cảm thấy bị rẻ rúng khi thấy linh mục thật vui vẻ với người giàu có, nhưng lại nhăn nhó với người nghèo.
- Đừng quên rằng người nghèo chỉ thiếu thốn vật chất (cơm không đủ ăn, áo mặc không đủ ấm, thiếu tiền cho con đi học, thiếu thuốc men khi bệnh tật…), mà còn nghèo tinh thần và thiêng liêng.
- Không dùng những đồ quá sang trọng, làm cho người nghèo hèn không dám lui tới. Không bao giờ làm cho người nghèo sợ không dám đến gặp gỡ cha xứ để trình bày, đối thoại khi họ có nhu cầu. Không nên có những lời nói cộc cằn thô lỗ, so sánh, kẻo người nghèo cảm thấy tủi thân và mặc cảm.
- Không chê của dâng của người nghèo khó, cho dù không thích hay chẳng đáng là bao, nhưng nó tượng trưng tất cả tấm lòng và sự lao công cực nhọc của họ. Nhớ đồng tiền nhỏ của bà góa trong Phúc Âm.

XIV. Tương quan với giáo dân nói chung

XIV.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Được chọn từ giữa cộng đoàn và cho cộng đoàn Dân Chúa, linh mục phải sẵn sàng trao hiến mọi sự, tình yêu, sức lực, thời gian để lo cho đoàn chiên.
- Để tâm lo cho toàn thể cộng đoàn và từng người, lấy chân lý mạc khải soi sáng lương tâm họ, dùng quyền bính bảo vệ đời sống kitô hữu theo đúng Phúc âm, sửa dạy và tha thứ các lỗi lầm, an ủi người sầu khổ và thăng tiến tình huynh đệ.
- Phải biết cảm thương những nỗi yếu hèn và bất hạnh của giáo dân như Chúa Giêsu đã làm, và sống thế nào để mọi người đều cảm thấy họ được đón tiếp và coi trọng, yêu thương.

- Lòng hiếu khách phải được thể hiện trong cung cách ân cần tiếp đón niềm nở, tôn trọng, hòa nhã, lắng nghe... Làm sao khi tiếp xúc với linh mục, người ta không phải ngại ngùng, sợ sệt, trái lại cảm thấy an lòng, thoải mái, dễ chịu, dễ mến, nể phục và tín nhiệm.
- Khi tiếp giáo dân nên chỉnh trang lại quần áo, đầu tóc, tỏ lòng kính trọng họ. Cử chỉ, cách đối xử, lời nói của linh mục đều được bổn đạo xem xét, cho là gương tốt hay gương mù, rồi đến gần hay xa tránh.
- Đối xử công bằng với hết mọi người, nhất là người nghèo khó, già cả, bệnh tật. Sống tinh thần giản dị để thông cảm, gần gũi, và chia sẻ.
- Phải thực thi sự tốt bụng, lòng kiên nhẫn, tính khả ái, nghị lực tâm hồn, lòng yêu chuộng công bình, trung thành với lời đã nói, nhất quán với cam kết đã đưa ra.
- Phải làm chứng và biểu lộ lòng nhân hậu của Chúa: dĩ ân báo oán, cầu nguyện cho kẻ nói xấu mình, hy sinh, viếng thăm, khuyên bảo với lòng bác ái, tha thứ, tránh những câu nói mất lòng...
- Nhẫn nại, cảm thông và chia sẻ những nỗi khổ đau của tội nhân, giúp họ trở về, noi gương vị Mục Tử Nhân Lành với con chiên lạc.
- Quan hệ cả với người giầu và người nghèo sao cho mọi người thấy linh mục là của mọi người. Gần gũi và chia sẻ với họ về những khó khăn của cuộc sống. Phục vụ hết mình, nhiệt tình trong công việc mục vụ. Khôn khéo và thận trọng trong vấn đề tiền bạc. Nhiệt thành giúp đỡ về đời sống thiêng liêng.
- Cổ võ và hướng dẫn họ thực hành bác ái, hăng say truyền giáo. Hô hào tình hiệp thông trong giáo xứ. Chỉ nói những gì mang lại tình đoàn kết, sự bình an, hòa giải.
- Thăm hỏi đến từng gia đình, nhất là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có bệnh nhân… Người nghèo, già cả,

cô đơn là đối tượng Cha xứ năng quan tâm giúp đỡ, đặc biệt khi có kẻ liệt cần xức dầu bệnh nhân.

- Tổ chức các ban ngành: khuyến học, hòa giải, bác ái xã hội… Cổ võ việc học hành thăng tiến cho con em, thi đua khen thưởng, tập cho họ biết chia sẻ đùm bọc, nâng đỡ lẫn nhau.
- Tôn trọng, cổ võ truyền thống văn hóa tốt đẹp của địa phương. Tiếp thu những gì mới mẻ hợp đức tin, định hướng cho giáo dân biết sống đức tin và hội nhập đức tin trong các nền văn hóa cuộc sống.
- Xây dựng, tổ chức các lớp giáo lý ở mọi lứa tuổi, kể cả giáo lý hậu hôn nhân, các giờ kinh, chia sẻ Lời Chúa cho các nhóm nhỏ…
- Coi giáo dân như người thân của mình, chắc chắn giáo dân không bao giờ quên linh mục là người thân của họ.
- Bàn hỏi với những giáo dân lớn tuổi và có uy tín trong giáo xứ trước khi làm một việc quan trọng. Phải nhìn nhận và thăng tiến phẩm giá và sứ vụ giáo dân, sẵn sàng lắng nghe, coi trọng những ước muốn, nhìn nhận kinh nghiệm và chuyên môn của họ trong các hoạt động nhân loại.

XIV.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không áp đặt, bắt giáo dân phải theo ý mình, quan liêu, kênh kiệu, đòi hỏi, hách dịch, hẹp hòi; hay lôi thôi nhếch nhác, bừa bãi, hà tiện.
- Không có tính cục bộ, phân biệt đối xử: nói xấu người này, khích bác người kia, gây chia rẽ, bất đồng… Không để giáo dân phải thất vọng vì thái độ tiếp đón khinh mạn, ra về trong tâm trạng bất phục, không muốn gặp lại.
- Không trọng phú khinh bần; tỏ ra mình sang trọng quý phái, bắt người ta phục vụ quá đáng, hay quá khả năng của họ, đòi hỏi, cầu lợi và vòi vĩnh tiền bạc; xa

cách con chiên bỏn đạo, chỉ đến với những nhà giàu có; sống xa hoa trong khi giáo dân nghèo đói, khiến người nghèo cảm thấy bị lãng quên.

- Không la cà nhậu nhẹt ở nhà giáo dân sẽ gây gương mù và dễ dẫn đến nguy hiểm tai hại cho bậc sống của mình.
- Không quá đề cập đến chuyện tiền bạc mỗi khi gặp gỡ giáo dân, dù cần đến tài chính để lo cho những công việc giáo xứ. Không bao giờ cho giáo dân vay tiền, vì sẽ hoặc mất tiền hoặc mất con chiên. Tiền bạc không phân minh rất dễ dẫn đến những đụng chạm xô sát bất hoà.
- Không chỉ lo xây dựng vật chất mà quên tinh thần, nâng cao trình độ giáo lý cho giáo dân, nhất là học sinh, sinh viên và giới trẻ.
- Không nên liên lạc mật thiết và thường xuyên với những kẻ công khai nghịch đạo, có tiếng vô luân hay không giữ đạo, gây gương xấu và làm nhục cho những người đạo đức trong giáo xứ.
- Không dung túng các hủ tục, nhất là những thứ nghịch đức tin, phi nhân bản. Không coi thường truyền thống văn hóa địa phương, hay coi mọi thứ văn hóa mới là xấu.
- Không rao giảng những gì ngược với đức tin truyền thống của Hội Thánh, sống đạo hình thức, chấp nhất, thù vặt, giận cá chém thớt. Không chửi giáo dân trên tòa giảng, trong Thánh lễ.
- Không nên độc tài, tự mình quyết định tất cả công việc của giáo xứ. Không nên lấy quyền để thống trị, nhưng hãy lấy tình yêu để phục vụ. Không hách dịch, quan liêu khi gặp giáo dân, vì làm như vậy chỉ mất người mà thôi.

XV. Tương quan với Ban Hành Giáo

XV.1. Những gì nên cư xử, nói và làm

- Tôn trọng tự do và thể lệ bầu ban hành giáo. Sẵn lòng vui vẻ chấp nhận ban hành giáo do giáo dân bầu, coi họ như cánh tay phải nối dài của mình trong công việc điều hành giáo xứ.
- Kêu mời họ cộng tác bằng những tài năng Chúa ban và những kinh nghiệm quý báu của họ. Hãy quan tâm đến họ, tôn trọng họ, đồng thời lắng nghe những lời góp ý.
- Trao quyền và tôn trọng quyền của họ, cộng tác, chỉ dẫn chân thành. Tôn trọng và nghiên cứu áp dụng những sáng kiến cá nhân cũng như tập thể đưa ra.
- Thận trọng, khoan dung, nhậy cảm. Tạo bầu khí vui tươi, cởi mở, chan hòa, dễ tiếp xúc, coi họ như người nhà, cảm thông, tin tưởng và cả công bằng bác ái.
- Chẳng mất gì lời nói, nhưng làm hài lòng mọi người bằng khen thưởng, khuyến khích, động viên. Thăm hỏi, tỏ ra quan tâm đời sống tinh thần vật chất và hoàn cảnh của gia đình họ.
- Tạo uy tín cho Ban Hành Giáo, để họ có uy tín mà làm việc. Họp rút ưu khuyết, thẳng thắn xây dựng, sẵn sàng lắng nghe và tiếp thu với lòng thương mến. Khoan dung, thông cảm và quảng đại, tha thứ cho những khiếm khuyết.
- Xây dựng tình đoàn kết, cộng tác xây dựng Giáo xứ. Nếu có thể, nên động viên bằng vật chất, hoặc tổ chức vui chơi thư giãn, hay du lịch, hành hương… Cùng họ hết lòng vì việc chung, chu toàn bổn phận, xây dựng giáo xứ.
- Nên bàn bạc với Ban Hành Giáo về công việc lớn của giáo xứ. Những gì Ban Hành Giáo làm được, nên mời họ cộng tác và tin tưởng họ. Nên tổ chức các cuộc họp định kỳ để rút ưu khuyết điểm.

- Coi trọng họ là những cộng tác viên đắc lực, là bàn tay nối dài trong công tác phục vụ cộng đoàn, biết lắng nghe những ý kiến, những sáng tạo của họ. Nên động viên họ vào những dịp lễ tết.
- Cần quan tâm đặc biệt trong công việc để kịp thời hướng dẫn động viên về tinh thần cũng như vật chất.

XV.2. Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không nên chỉ chọn người mình ưa thích, tránh áp đặt theo ý mình. Không nên can thiệp vào việc bầu chọn và sắp xếp các chức vụ theo cảm tình riêng của mình; cục bộ, bè phái, đứng về phe này phe kia, giáo xứ sẽ bị chia rẽ, phân hóa và chống đối nhau.
- Tránh tính bao biện, độc tài và điều khiển theo kiểu dân chủ, vì những điều này dẫn tới giáo sĩ hoá giáo dân. Quyền bính trong Giáo hội từ trên xuống, do đó không quá "dân chủ mị dân".
- Phải dùng người có trước có sau, đừng theo lối "vắt chanh bỏ vỏ", hễ xong việc là thôi, chẳng quan tâm đến nữa, chỉ biết khai thác lợi dụng mà không nghĩ tới những vất vả của họ.
- Không chê bai, khiển trách công khai, với những lời lẽ thiếu tế nhị, thiếu văn hóa, chạm đến những nỗi đau hay tự ái của họ hay gia đình họ.
- Không để cho ban hành giáo tự ý về tài sản của giáo xứ, mọi thu chi phải có ký nhận của ít là Thủ quỹ, Chủ tịch ban hành giáo và cha xứ. Tiền xin lễ không nên giao cho Ban Hành Giáo nhận để tránh mọi lạm dụng.

HAI

LINH MỤC VÀ NGƯỜI NỮ: MẸ VÀ CHỊ EM

THƯ CỦA ĐGH. GIOAN-PHAOLÔ II GỞI CÁC LINH MỤC VÀO THỨ NĂM TUẦN THÁNH NĂM 1995

1. "*Vinh dự cho Mẹ Maria,*
vinh dự và vinh quang,
vinh dự cho Thánh Nữ Đồng Trinh! (...)
Đấng đã tạo thành thế giới tuyệt diệu
tôn vinh trong Mẹ
làm chính Mẹ của mình (...).
Ngài đã yêu mến Mẹ như người Mẹ,
đã sống trong vâng phục.
Mặc dù là Thiên Chúa,
Ngài vẫn luôn kính trọng từng lời của Mẹ".

Anh em trong chức linh mục thân mến!

Chúng con đừng lấy làm ngạc nhiên nếu khởi đầu Thư này, mà theo truyền thống Cha thường gởi cho chúng con nhân Ngày Thứ Năm Tuần Thánh, với những lời của một bài hát tiếng Ba Lan ca tụng Đức Mẹ. Cha làm như vậy

bởi vì năm nay, Cha muốn nói với chúng con về tầm quan trọng của người nữ trong cuộc đời linh mục, và những vần thơ này, mà Cha đã hát từ lúc còn bé, có thể làm lời dẫn nhập đầy ý nghĩa cho vấn đề ấy.

Bài hát khơi lại tình yêu của Đức Kitô đối với Mẹ của mình. Tương quan đầu tiên và căn bản mà con người có được với người nữ, là chính tương quan từ con đến mẹ. Mỗi người chúng ta cũng có thể bày tỏ tình yêu của mình đối với người mẹ trần gian như Con Chúa đã làm và đang làm đối với Mẹ Người. Mẹ là người nữ nhờ đó mà chúng ta có sự sống. Mẹ đã cưu mang chúng ta trong cung lòng của mình, đã cho chúng ta chào đời giữa những đớn đau gắn liền kinh nghiệm của mỗi người nữ khi sinh con. Nhờ việc sinh sản mà một mối dây đặc biệt được thiết lập, mối dây hầu như thánh thiện, giữa người con và mẹ của mình.

Sau khi sinh chúng ta trong sự sống trần gian, cũng chính cha mẹ làm cho chúng ta trở thành con cái của Thiên Chúa, nhờ bí tích Rửa Tội trong Đức Kitô. Tất cả điều đó còn cho chúng ta có được một liên hệ sâu xa giữa chúng ta với cha mẹ, cách riêng giữa chúng ta với người mẹ. Kiểu mẫu ở đây, chính là Đức Kitô, Chúa Kitô-Linh Mục, Đấng đã thưa với Cha trên trời như thế này: "*Cha đã không ưa hy lễ và hiến tế, nhưng đã tạo cho con một thân thể. Cha cũng chẳng thích lễ toàn thiêu và lễ xá tội. Bấy giờ con mới thưa: Lạy Thiên Chúa này con đây, con đến để thực thi ý Ngài*" (Dt 10,5-7). Những lời này, một cách nào đó, bao gồm cả người Mẹ, vì đã có Cha trên trời hình thành thân thể của Đức Kitô bởi phép Chúa Thánh Thần, trong lòng Đức Trinh Nữ Maria, cũng nhờ sự ưng thuận của Mẹ: "*Xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói*" (Lc 1,38).

Biết bao nhiêu người trong chúng ta nhờ mẹ mình mà có được chính ơn gọi linh mục! Kinh nghiệm dạy rằng rất thường, chính người mẹ, qua nhiều năm dài, biết vun trồng trong tâm hồn mình, lòng ao ước về ơn gọi linh mục cho con

cái, và đã có được ơn gọi ấy bằng cách cầu nguyện với sự kiên trì tin tưởng và lòng khiêm nhường sâu xa. Như vậy, không áp đặt ý riêng, người mẹ chỉ biết tạo điều kiện với sức mạnh của đức tin để làm triển nở nguyện ước làm linh mục trong tâm hồn của người con, nguyện ước sẽ mang lại kết quả vào một ngày thuận lợi nào đó.

2. *Cha muốn suy tư trong Thư này, về mối tương quan giữa linh mục và người nữ*, bằng cách rút ra từ biến cố mà chủ đề về người nữ nhắc nhở năm nay một sự chú ý đặc biệt, cũng như năm ngoái về chủ đề gia đình. Thật vậy, kỳ Hội Nghị quốc tế quan trọng do Tổ Chức Liên Hiệp Quốc triệu tập tại Bắc Kinh vào tháng Chín sắp tới sẽ dành cho người nữ. Đó là một chủ đề mới so với chủ đề của năm ngoái, nhưng liên kết cách chặt chẽ với chủ đề ấy.

Anh em trong chức linh mục thân mến, với Thư này, Cha muốn nối kết một tài liệu khác. Như năm ngoái Cha đã liên kết Sứ Điệp Thứ Năm Tuần Thánh với Thư gởi các Gia đình, thì bây giờ Cha cũng muốn gởi lại cho anh em Tông Thư *Mulieris dignitatem*, đề ngày 15 tháng Tám năm 1988. Như chúng con còn nhớ, đây là một bản văn được soạn thảo vào lúc kết thúc Năm Thánh Mẫu 1987-1988, trong năm đó, Cha đã công bố Thông Điệp *Redemptoris Mater* (25.3.1987). Ước mong của Cha là trong năm nay, người ta đọc lại *Mulieris dignitatem*, bằng cách làm cho nó trở thành đối tượng suy niệm đặc biệt và đặc biệt xem những khía cạnh của Đức Maria trong đó.

Mối tương quan với Mẹ Thiên Chúa là nền tảng cho việc "*suy nghĩ*" Kitô giáo, trước hết là trên bình diện thần học, vì mối tương quan rất đặc biệt của Đức Maria với Ngôi Lời Nhập Thể và Giáo Hội, Thân Thể mầu nhiệm của Ngài. Tiếp đến, là cả trên bình diện lịch sử, nhân học và văn hóa. Thật vậy, trong Kitô giáo, hình ảnh Mẹ Thiên Chúa nói lên một nguồn cảm hứng lớn, không chỉ đối với đời sống tôn giáo, mà cả đối với văn hóa Kitô và cả lòng yêu mến tổ

quốc. Có những bằng chứng về điều đó trong di sản lịch sử của nhiều quốc gia. Chẳng hạn, tại Ba Lan, áng văn chương cổ nhất, là bài hát Bogurodzica (*Đấng sinh ra Thiên Chúa*), mà cha ông chúng tôi đã cảm hứng không những chỉ trong việc xây đắp cuộc sống quốc gia, mà còn trong việc bảo vệ mục đích chính đáng trên cuộc chiến. Mẹ của Con Thiên Chúa đã trở nên "*nguồn hứng khởi lớn*" cho mỗi cá nhân và cho toàn quốc gia Kitô giáo. *Cả điều này, theo cách thế của nó, nói rất nhiều đến tầm quan trọng của người nữ trong cuộc đời của người nam và, với tư cách đặc biệt, trong cả cuộc sống của linh mục.*

Cha cũng đã có cơ hội bàn đến vấn đề ấy trong Thông Điệp *Redemptoris Mater* và trong Tông Thư *Mulieris dignitatem*, bằng cách *tỏ lòng cảm phục đối với những người nữ - làm mẹ, làm vợ, làm chị hoặc em – mà đối với con cái, chồng, cha mẹ và anh em mình đã là một cảm hứng hữu hiệu về thiện ích.* Không phải không có lý do mà người ta nói đến "*năng khiếu nữ giới*", và những gì Cha đã viết cho đến bây giờ, xác định nền tảng của thành ngữ ấy. Tuy nhiên, *trong khi bàn về đời sống linh mục, sự hiện diện của người nữ mang một tính chất riêng và đòi hỏi một sự phân tích đặc biệt.*

3. Nhưng bây giờ, chúng ta hãy trở lại Thứ Năm Tuần Thánh, ngày mà những lời ca phụng vụ mang một ý nghĩa đặc biệt:

Ave verum Corpus natum de Maria Virgine:

Vere passum, immolatum in cruce pro homine.

Cujus latus perforatum fluxit aqua et sanguine:

Esto nobis praegustatum mortis in examine.

O Jesu dulcis! O Iesu pie! O Iesu Mariae!

(Kính Mừng Thân Thể đích thực

được sinh ra bởi Đức Maria Đồng Trinh:

Chịu khổ hình, chịu hiến tế trên Thập Giá vì nhân loại.

Từ cạnh sườn, đã đổ Máu và Nước:

điều đó cho chúng con cảm nếm được sự chết.

Ôi Giêsu êm thay! Dịu thay! Ôi Giêsu của Đức Maria)

Những lời ấy, mặc dù không thuộc về phụng vụ Thứ Năm Tuần Thánh, nhưng được gắn liền cách sâu xa vào đó.

Bằng bữa Tiệc Ly, trong đó Đức Kitô đã lập các bí tích của Hy Tế và Chức Linh Mục của Tân Ước, khởi đầu Tam Nhật Vượt Qua. Trung tâm của bữa Tiệc Ly là chính Thân Mình của Đức Kitô. Chính Thân Mình ấy mà, trước khi chịu khổ nạn và chịu chết, trong bữa Tiệc Ly, đã được trao ban như lương thực trong việc lập Phép Thánh Thể. Đức Kitô cầm trong tay mình tấm bánh, bẻ ra và trao cho các Tông Đồ, vừa đọc những lời này: "*Anh em cầm lấy mà ăn; đây là Mình Thầy*" (Mt 26,26). Ngài đã lập bí tích Thân Mình Ngài như thế, Thân Mình mà Con Thiên Chúa đã mặc lấy từ Đấng sinh ra mình, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm. Sau đó, Ngài giới thiệu cho các Tông Đồ trong chén chính Máu Mình dưới hình rượu, vừa nói: "*Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy, máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội*" (Mt 26,27-28). Và ở đây, vẫn còn nói đến Máu làm sinh động Thân Mình đã lãnh nhận từ Đức Trinh Nữ làm Mẹ: Máu phải đổ ra trong khi chu toàn mầu nhiệm Cứu Độ, để Thân Thể đã được lãnh nhận từ Mẹ có thể – như "*Corpus immolatum in cruce pro homine*" (*Thân Thể Ngài hiến tế trên Thập Giá vì nhân loại*) – trở nên cho chúng ta và cho mọi người, bí tích vĩnh cửu, của ăn đi đường cho cuộc

sống đời đời. Bởi vậy, trong *Ave verum*, bài ca vừa Thánh Thể vừa Thánh Mẫu, chúng ta hãy cầu xin: "*Esto nobis praegustatum mortis in examine*" (*điều đó cho chúng con cảm nếm được sự chết).*

Mặc dù trong phụng vụ Thứ Năm Tuần Thánh, không nói đến Đức Maria – trái lại, chúng ta tìm thấy Mẹ vào Thứ Sáu Tuần Thánh dưới chân Thập Giá với thánh Gioan Tông Đồ – thì khó mà không nhắc đến sự hiện diện của Mẹ trong việc lập Phép Thánh Thể, trước cuộc khổ nạn và cái chết của Thân Thể Đức Kitô, Thân Thể mà Con Thiên Chúa đã lãnh nhận từ Đức Trinh Nữ làm Mẹ, vào giây phút Truyền Tin.

Đối với chúng ta, là những linh mục, bữa Tiệc Ly là giây phút thánh thiện đặc biệt. Đức Kitô, Đấng nói với các Tông Đồ: "*Anh em hãy làm như Thầy vừa làm để tưởng nhớ đến Thầy*" (1 Cor 11,24), đã lập nên bí tích Truyền Chức. Đối với cuộc đời linh mục của chúng ta, đây là một giây phút chủ hướng quy vào Đức Kitô thật rõ nét. Thật vậy, chúng ta lãnh nhận chức linh mục từ Đức Kitô-Linh Mục, Linh Mục duy nhất của Giao Ước Mới. Nhưng trong khi nghĩ đến sự hy sinh Mình và Máu, mà *in persona Christi* được hiến dâng nơi chúng ta, thì không khó nhận ra sự hiện diện của Mẹ trong đó. Đức Maria đã trao ban sự sống cho Con Thiên Chúa, cũng như các bà mẹ chúng ta đã làm cho chúng ta, bởi vì Ngài tự hiến thì chúng ta cũng phải tự hiến làm lễ hy sinh cùng với Ngài nhờ tác vụ linh mục. Đằng sau sứ mạng ấy, có ơn gọi được lãnh nhận từ Thiên Chúa, nhưng cũng ẩn giấu tình yêu cao cả của các bà mẹ chúng ta, cũng như đằng sau lễ hy sinh của Đức Kitô trong Nhà Tiệc Ly, ẩn giấu tình yêu khôn tả của Mẹ Ngài.

Ôi, sự hiện diện của tình mẫu tử thật là thực tế và đồng thời, cũng thật là kín đáo và nhờ tình Mẹ, nữ tính trong bí tích Truyền Chức, mà hằng năm chúng ta lại mừng lễ Ngày Thứ Năm Tuần Thánh!

4. Đức Giêsu Kitô là người con duy nhất của Mẹ Maria Rất Thánh. Chúng ta cần hiểu rõ ý nghĩa của mầu nhiệm này: như thế là phù hợp nhất, bởi vì một Người Con đặc biệt do thiên tính của mình không thể không phải là người con duy nhất của Đức Mẹ Đồng Trinh. Nhưng chính tính duy nhất ấy, bằng một cách nào đó, có được một "*bảo đảm*" tốt nhất về một "*số nhiều*" thiêng liêng. Đức Kitô, người thật và từ muôn đời, cùng là người Con duy nhất của Cha trên trời, trên bình diện thiêng liêng, Ngài kể đến vô số anh chị em. Thật vậy, gia đình Thiên Chúa gồm cả mọi người: không chỉ những người nhờ bí tích Rửa Tội trở thành dưỡng tử của Ngài, nhưng, trong một nghĩa nào đó, cả toàn thể nhân loại, bởi vì Đức Kitô đã cứu chuộc mọi người nam và người nữ, bằng cách cho họ khả năng làm con nuôi của Cha muôn đời. Như vậy, tất cả chúng ta trở thành anh chị em trong Đức Kitô.

Và từ đó, lộ ra viễn ảnh suy tư của chúng ta về mối tương quan giữa linh mục và người nữ, bên cạnh hình ảnh của người mẹ và chị em. Nhờ việc Cứu Độ, linh mục tham dự cách đặc biệt vào sự liên hệ của tình huynh đệ được Đức Kitô trao ban cho tất cả những ai đã được cứu độ.

Trong gia đình của nhiều anh em linh mục chúng ta, có những chị em. Hơn nữa, mỗi linh mục ngay từ nhỏ, đã có dịp gặp gỡ các trẻ nữ, nếu không phải trong gia đình mình, thì ít là trong môi trường sống, trong những trò vui chơi của tuổi thơ và ở học đường. Mỗi cộng đoàn hỗn hợp đều có thể mang tầm quan trọng đặc biệt cho việc huấn luyện nhân cách của nam nữ thiếu niên.

Ở đây, chúng ta đụng đến kế hoạch nguyên thủy của Đấng Tạo Hóa, ngay từ đầu, Ngài đã tạo dựng con người "*có nam có nữ*" (St 1,27). Hành động tạo dựng ấy của Thiên Chúa được tiếp tục qua các thế hệ. Sách Sáng Thế nói đến việc đó trong bối cảnh của ơn gọi hôn nhân: "*Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình*" (St 2,24). Tất

nhiên, ơn gọi hôn nhân giả định và đòi hỏi rằng bối cảnh trong đó người ta sống, phải gồm có người nam và người nữ.

Tuy nhiên, trong bối cảnh ấy, không những chỉ phát sinh ơn gọi hôn nhân, mà cả các ơn gọi linh mục và đời sống thánh hiến. Những ơn gọi này không được hình thành trong sự cách biệt. *Mỗi ứng viên linh mục, trước khi bước vào ngưỡng cửa chủng viện, đều đã có kinh nghiệm về gia đình mình và về học đường, nơi đã có cách gặp gỡ nhiều bạn hữu nam cũng như nữ. Để sống độc thân cách trưởng thành và thanh thản, xem ra điều quan trọng là linh mục cần phát triển cách sâu xa trong chính mình hình ảnh người nữ như người chị em. Trong Đức Kitô, người nam và người nữ đều là anh chị em với nhau, không tùy thuộc các liên hệ họ hàng. Đây là một mối liên hệ phổ quát, nhờ đó linh mục có thể mở ra cho mọi môi trường mới, đến cả những nơi xa xôi nhất dưới khía cạnh chủng tộc hoặc văn hóa, với ý thức mình phải thực hiện đối với những người nam cũng như nữ mà mình được sai đến, một tác vụ của tình phụ tử thiêng liêng đích thực, và sinh ra những người "*con trai*" và "*con gái*" trong Chúa (xem 1 Tx 2,11; Gl 4,19).*

5. Tất nhiên, "*người chị em*" nói lên một sự biểu lộ đặc biệt của vẻ đẹp thiêng liêng của người nữ, nhưng đồng thời, nàng cũng là sự mặc khải về một "*tính bất khả xâm phạm*". *Nếu linh mục, với sự trợ giúp của ơn Chúa và dưới sự che chở đặc biệt của Đức Maria Trinh Nữ và là Mẹ, trưởng thành trong ý nghĩa này thái độ của mình đối với người nữ, thì sẽ thấy tác vụ của mình được đồng hành bởi một tâm tình tin tưởng lớn lao chính từ phía những người nữ, được mình xem như là những người chị em và những người mẹ trong nhiều lứa tuổi và nhiều hoàn cảnh sống khác nhau.*

Hình ảnh người nữ-chị em mang một tầm quan trọng lớn lao trong nền văn minh kitô giáo chúng ta, nơi có vô số người nữ đã trở thành những chị em cách phổ quát, nhờ

thái độ đặc biệt mà họ đã có đối với người bên cạnh, đặc biệt đối với người túng thiếu hơn cả. Một "*người chị*" là bảo đảm của "*tính vô vị lợi*": tại trường học, trong bệnh viện, nơi nhà tù và trong những lãnh vực phục vụ xã hội khác. *Khi một người nữ sống độc thân, trong việc "*dấn thân như người chị*" nhờ việc tông đồ hoặc quảng đại dấn thân cho người bên cạnh, thì họ phát triển được một tình mẫu tử thiêng liêng độc đáo. Ân huệ vô vị lợi về nữ tính "*huynh đệ*" này tỏa sáng cuộc sống nhân bản, tạo nên những tình cảm tốt đẹp nhất mà con người có thể làm được và luôn để lại đằng sau mình, một dấu biết ơn về thiện ích đã được trao ban cách nhưng không.*

*Bởi vậy, chiều kích tương quan của người mẹ và người chị em là hai chiều khích căn bản của tương quan giữa người nữ và linh mục. Nếu mối tương quan này được hình thành cách trong sáng và trưởng thành, thì người nữ sẽ không cảm thấy khó khăn riêng đối với việc gặp gỡ của mình với linh mục. Chẳng hạn như không cảm thấy khó khăn trong việc xưng tội mình qua bí tích Thống Hối. Lại càng ít khó khăn hơn trong các hoạt động tông đồ đủ loại với các linh mục. Do đó, mỗi linh mục đều có trách nhiệm lớn lao làm phát triển nơi chính mình, một thái độ đích thực của một người anh em đối với người nữ, một thái độ không mang tính nhập nhằng. Trong đường hướng này, đối với người môn đệ Timôtê, thánh Tông Đồ khuyên hãy coi "*các cụ bà như mẹ, các thiếu nữ như chị em, với tấm lòng hoàn toàn trong sạch*" (1 Tm 5,2).*

Khi Đức Kitô khẳng định - như thánh sử Mat-thêu ghi lại – rằng con người có thể sống độc thân vì Nước Trời, thì các Tông Đồ xem ra chưa hiểu cho lắm (xem 19,10-12). Trước đó, Ngài đã tuyên bố hôn nhân bất khả phân ly, và sự thật này cũng đã gây nên trong họ, một phản ứng báo hiệu: "*Nếu làm chồng mà phải như thế đối với vợ, thì thà đừng lấy vợ còn hơn*" (Mt 19,10). Như chúng ta thấy, phản ứng của các ngài đã đi ngược lại với lý lẽ của lòng trung thành mà

Đức Giêsu muốn nói. Nhưng Thầy chúng ta cũng đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết này để đưa vào phạm vi nhỏ hẹp của lối suy nghĩ của họ, đường hướng độc thân vì Nước Thiên Chúa. Làm như thế, Ngài nhằm khẳng định rằng hôn nhân có một phẩm giá riêng và thánh thiện bí tích và còn có một con đường khác cho người Kitô hữu: *một con đường không phải là sự trốn thoát khỏi hôn nhân, nhưng là sự chọn lựa ý thức sống độc thân vì Nước Trời.*

Trong phạm vi ấy, *người nữ đối với linh mục, không gì khác hơn là một người chị em, và về phẩm giá của người chị em này phải được linh mục vun trồng cách ý thức.* Thánh Phaolô Tông Đồ, người đã sống độc thân, viết như thế này trong Thư thứ nhất gởi tín hữu Côrintô: "*Tôi ước muốn mọi người đều như tôi; nhưng mỗi người được Thiên Chúa ban cho đặc sủng riêng, kẻ thế này, người thế khác*" (1 Cor 7,7). Đối với Ngài, không có sự nghi ngờ nào cả: hôn nhân cũng như độc thân đều là những ân huệ của Thiên Chúa, cần phải gìn giữ và vun trồng cách cẩn thận. Trong khi nhấn mạnh đến tính chất trỗi vượt của sự trinh khiết, ngài không khinh chê hôn nhân chút nào. Cả hai đều phù hợp với đặc sủng riêng; mỗi bên là một ơn gọi, mà con người, với sự trợ giúp của ơn Chúa, phải biết nhận định trong cuộc sống của mình.

Ơn gọi độc thân đòi hỏi phải được bảo vệ cách ý thức bằng một sự cảnh giác đặc biệt về những tình cảm và cả về cách sống riêng. Cách đặc biệt, linh mục phải bảo vệ ơn gọi của mình, mà theo kỷ luật mạnh mẽ trong Giáo Hội Tây phương và rất được Giáo Hội Đông phương kính phục, đã chọn đối với việc độc thân nhắm về Nước Thiên Chúa. Trong khi tương quan với một ngươi nữ xuất hiện những dấu hiệu nguy hiểm cho ân huệ và sự chọn lựa sống độc thân, thì linh mục không thể không chiến đấu để giữ lòng trung thành với ơn gọi của mình. Một sự bảo vệ như thế không có nghĩa là hôn nhân tự nó có một cái gì xấu, nhưng đối với linh mục, là một con đường khác. Từ bỏ con đường đó,

trong trường hợp này, có thể làm giảm lời đã hứa với Thiên Chúa.

Lời cầu của Chúa: "*Xin đừng để con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con khỏi mọi sự dữ*" mang một ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh của nền văn minh hiện nay, đầy dẫy những yếu tố của chủ nghĩa khoái lạc, ích kỷ và nhục dục. Khốn nỗi, cũng đầy tràn sách báo khiêu dâm xúc phạm đến phẩm giá của người nữ, bằng việc sử dụng người nữ như đối tượng chỉ nhằm thỏa mãn tình dục. Những khía cạnh này của nền văn minh hiện nay chắc chắn không giúp cho sự trung thành vợ chồng, cũng như độc thân vì Nước Chúa. *Nếu linh mục không nuôi dưỡng trong mình những thái độ đích thực của đức tin, đức cậy, đức mến đối với Thiên Chúa, thì có thể dễ dàng rơi vào những gọi mời đến từ thế gian.* Bởi vậy, làm sao Cha không hướng về chúng con, hỡi các Anh Em trong chức linh mục thân mến, hôm nay, Thứ Năm Tuần Thánh, để khuyên chúng con hãy trung thành với ân huệ độc thân đã được Đức Kitô ban cho chúng ta? Trong ân huệ này, chứa đựng cả một thiện ích thiêng liêng thuộc về mỗi người và cho toàn Giáo Hội.

Trong tư tưởng và trong lời cầu nguyện hiện diện hôm nay, cách riêng cho các anh em trong chức linh mục đang gặp khó khăn trong lãnh vực này, những anh em chính vì một người nữ mà đã rời bỏ chức vụ linh mục. Chúng ta phó thác cho Đức Maria Rất Thánh, Mẹ của các linh mục, và cho sự cầu bầu của vô số linh mục thánh trong lịch sử của Giáo Hội, giây phút khó khăn mà họ đang trải qua, bằng cách cầu xin cho họ ơn trở lại với tình yêu thuở ban đầu (xem Kh 2,4-5). Kinh nghiệm trong sứ vụ của Cha, và Cha nghĩ rằng điều đó cũng như đối với mỗi Giám Mục, khẳng định rằng những cuộc trở lại ấy vẫn có, và ngay cả hôm nay, vẫn không ít. Thiên Chúa luôn trung thành với giao ước mà Ngài đã ký kết với con người trong bí tích Truyền Chức.

6. Đến đây, Cha muốn nói đến chủ đề còn rộng lớn hơn, đó là vai trò mà người nữ được mời gọi thực hiện trong việc xây dựng Giáo Hội. Công Đồng Vaticanô II đã đón nhận cách trọn vẹn lý lẽ của Tin Mừng, trong các chương II và III của Lumen Gentium, bằng cách trình bày Giáo Hội trước hết như Dân Thiên Chúa và chỉ sau đó, mới như cơ chế phẩm trật. Giáo Hội trước hết là Dân Thiên Chúa, bởi vì những người hình thành Giáo Hội, nam hay nữ, đều tham dự - mỗi người theo cách của mình – vào sứ mạng ngôn sứ, tư tế và vương đế của Đức Kitô. Trong khi Cha mời gọi đọc lại những bản văn công đồng vừa nói, ở đây, Cha chỉ giới hạn vào một vài suy tư ngắn bằng cách lấy từ Tin Mừng.

Vào lúc lên trời, Đức Kitô truyền cho các Tông Đồ: "*Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo*" (Mc 16,15). Loan báo Tin Mừng là chu toàn sứ mạng ngôn sứ, sứ mạng mà trong Giáo Hội có nhiều hình thức khác nhau theo đặc sủng đã được ban cho mỗi người (xem Ep 4,11-12). Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, trong khi nói về các Tông Đồ và sứ mạng đặc biệt của họ, thì sứ mạng ấy được ủy thác cho các người nam; nhưng, nếu chúng ta đọc cách cẩn thận các câu chuyện tin mừng và đặc biệt trong Tin Mừng của thánh Gioan, thì không thể không nhận ra việc mà *sứ mạng ngôn sứ, được xem xét theo mọi chiều kích khác nhau của nó, được phân phối giữa người nam và người nữ.* Chẳng hạn, chúng ta chỉ cần nhắc lại bà Samaritana và cuộc đối thoại của bà với Đức Kitô bên bờ giếng Giacóp tại Sicar (xem Ga 4,1-42): chính cho bà, người nữ Samaritana và còn là người tội lỗi, mà Đức Giêsu mặc khải những tính chất sâu xa của việc thờ phượng "*trong thần khí và sự thật*".

Và phải nói gì về chị em của Lazzarô, Maria và Marta? Các Tin Mừng Nhất Lãm, về việc "*chiêm niệm*" của Maria, đều ghi chú tính ưu việt được Đức Kitô nhìn nhận về việc chiêm niệm hơn là hoạt động (xem Lc 10,42). Quan trọng hơn nữa, là điều thánh Gioan viết trong bối cảnh sống

lại của Lazzarô, người em của họ. Trong trường hợp này thì chính với Marta, người "*hoạt động*" hơn trong hai chị em, mà Đức Giêsu mặc khải các mầu nhiệm sâu xa về sứ mạng của mình: "*Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy, thì dù đã chết, cũng sẽ được sống. Ai sống và tin vào Thầy, sẽ không bao giờ phải chết*" (Ga 11,25-26). Mầu nhiệm vượt qua được chứa đựng trong những lời được nói với một người nữ này.

Nhưng chúng ta hãy tiếp tục chuyện kể trong Tin Mừng và đi vào bài tường thuật về cuộc Khổ Nạn. *Phải chăng không thể chối cãi được rằng chính các người nữ là những người gần Đức Kitô hơn cả trên đường thập giá và trong giờ chết?* Một ông tên là Si-môn, người Ky-rê-nê, bị ép buộc phải vác thập giá (xem Mt 27,32); trái lại, nhiều người nữ thành Giêrusalem, cách bộc phát, tỏ lòng thương cảm trên "*đường thập giá*" (xem Lc 23,27). Hình ảnh của Vêrônica, dù không có trong Kinh Thánh, cũng diễn tả những tâm tình của các người nữ thành Giêrusalem trên đường khổ hình.

Dưới chân Thập Giá, chỉ có một Tông Đồ, ông Gioan con của Giêbêđê, trong khi đó, có nhiều người nữ (xem Mt 27,55-56): Mẹ của Đức Kitô mà theo truyền thống, đã theo Ngài trong cả hành trình lên đồi Canvariô; bà Salômê, mẹ của hai con ông Giêbêđê, ông Gioan và ông Giacôbê; bà Maria, mẹ của ông Giacôbê hậu và của ông Giuse; và bà Maria Mácđala. *Tất cả đều là những chứng tá gan dạ về cuộc khổ nạn của Đức Giêsu. Tất cả đều hiện diện trong lúc xức dầu và đặt xác Ngài trong mồ. Sau khi an táng, vào cuối ngày trước ngày sa-bát, họ ra đi, tuy nhiên với ý định trở lại khi vừa có thể. Và chính họ sẽ là những người đầu tiên đến mồ, từ sáng sớm, ngày sau ngày lễ. Cũng chính họ sẽ là những người chứng đầu tiên về ngôi mộ trống, và chính họ báo tin cho các Tông Đồ (xem Ga 20,1-2).* Bà Maria Mácđala, đứng khóc bên mồ, là người đầu tiên gặp Đấng Sống Lại, Đấng sai bà đi báo cho các Tông Đồ, người đầu

tiên loan báo về việc sống lại của Ngài (xem Ga 20,11-18). Bởi vậy, truyền thống đông phương đặt bà Mácđala hầu như ngang hàng với các Tông Đồ, vì chính bà là người đầu tiên loan báo sự thật về phục sinh, rồi mới đến các Tông Đồ và các môn đệ của Đức Kitô.

Như vậy *cả người nữ, bên cạnh người nam, đều có phần trong sứ mạng ngôn sứ của Đức Kitô.* Và cũng vậy, người ta có thể nói về sự tham dự của họ trong sứ mạng tư tế và vương đế. Chức tư tế phổ quát của các tín hữu và phẩm tước vương đế cho cả người nam và người nữ. Về vấn đề này, cần được soi sáng thêm bằng cách chú ý đọc những đoạn của Thư thứ nhất của thánh Phêrô (xem 2,9-10) và của Hiến Chế công đồng Lumen Gentium (các số 10-12; 34-36).

7. Trong chương cuối này, chương về Dân Thiên Chúa tiếp theo chương về cơ chế phẩm trật của Giáo Hội. Trong đó, Công Đồng nói đến chức linh mục, mà vì ý muốn của Đức Kitô, chỉ dành cho các người nam. Ngày nay, tại mội vài nơi, sự kiện người nữ không thể được chịu chức linh mục lại bị cắt nghĩa như một hình thức kỳ thị. Nhưng thật sự có phải như vậy không?

Đúng vậy, vấn đề có thể được đặt ra bằng những lời giải nghĩa ấy, nếu chức linh mục phẩm trật đặt định một vị thế xã hội ưu tiên, mang tính chất thi hành "*quyền bính*". Nhưng không phải như thế: chức linh mục, trong ý định của Đức Kitô, không phải là lối thống trị, nhưng là phục vụ. Ai cắt nghĩa nó như "*thống trị*", thì chắc chắn là xa khỏi ý hướng của Đức Kitô, Đấng trong nhà Tiệc Ly đã bắt đầu Bữa Ăn Tối Cuối Cùng bằng việc rửa chân cho các Tông Đồ. Bằng cách ấy, Ngài đặt rõ cách mạnh mẽ tính chất "*thừa tác*" của chức linh mục được thiết lập vào chính chiều hôm ấy. "*Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người*" (Mc 10,45).

Vâng, chức linh mục mà hôm nay chúng ta nhớ đến với cả lòng tôn kính như di sản đặc biệt của chúng ta, hỡi Anh Em, là một chức linh mục thừa tác! Chúng ta phục vụ Dân Thiên Chúa! Chúng ta phục vụ sứ mạng của Ngài! Chức linh mục chúng ta phải bảo đảm sự tham dự của mọi người, nam cũng như nữ, vào ba sứ mạng ngôn sứ, tư tế và vương đế của Đức Kitô. Và không chỉ bí tích Truyền Chức mới là thừa tác: thừa tác trước hết, là chính Phép Thánh Thể. Trong khi khẳng định: "*Đây là Mình Thầy, hiến tế vì anh em (...) Chén này là giao ước mới, lập bằng Máu Thầy, máu đổ ra vì anh em*" (Lc 22,19.20), Đức Kitô mặc khải việc phục vụ cao cả nhất của Ngài: phục vụ Cứu Độ, trong Người Con Một và Vĩnh Cửu của Thiên Chúa trở nên Tôi Tớ của con người trong nghĩa đầy đủ và sâu xa nhất.

8. Bên cạnh Đức Kitô-Tôi Tớ, chúng ta không thể quên Đấng là "*Tôi Tớ*", đó là Đức Maria. Thánh Luca cho chúng ta biết rằng, trong giây phút quyết định của việc Truyền Tin, Đức Trinh Nữ nói lên tiếng "*xin vâng*" của mình bằng những lời: "*Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa*" (Lc 1,38). *Mối tương quan của linh mục với người nữ như người mẹ và người chị em, càng phong phú hơn, nhờ vào truyền thống theo Mẹ Maria, về một khía cạnh khác nữa: đó là việc phục vụ theo gương Mẹ Maria phục vụ. Nếu linh mục, vì bản chất của mình là thừa tác, thì cần sống chức vụ thừa tác ấy trong sự kết hiệp với Mẹ, Đấng là tôi tớ của Chúa. Như vậy, chức linh mục của chúng ta sẽ được gìn giữ trong tay Mẹ, hơn nữa, trong trái tim Mẹ, và chúng ta có thể mở chức vụ ấy ra cho mọi người.* Bằng cách đó, sẽ phong phú và cứu độ trong mọi chiều kích của nó.

Xin Đức Trinh Nữ Rất Thánh, với cả tình thương mến, đoái nhìn đến tất cả chúng con, những người con riêng của Mẹ, trong ngày lễ hằng năm này của chức linh mục chúng ta. Nhất là xin Mẹ đặt trong tâm hồn chúng ta, một sự lòng ao ước nên thánh. Cha đã viết trong Tông Huấn Pastores dabo vobis: "*Việc rao giảng Tin Mừng mới cần có*

những người loan báo Tin Mừng mới, và đó là các linh mục đang nỗ lực sống chức vụ thừa tác của mình như hành trình đặc biệt nên thánh" (số 82). Thứ Năm Tuần Thánh dẫn đưa chúng ta trở về với cội nguồn của chức linh mục chúng ta, nhắc nhở cả bổn phận nhắm đến việc nên thánh, để trở nên những "*thừa tác viên của việc nên thánh*" đối với các người nam và người nữ đã được ủy thác cho việc phục vụ mục vụ của chúng ta. Ánh sáng này cho chúng ta thấy rất là thuận lợi, lời đề nghị do Bộ Giáo Sĩ đưa ra cử hành trong mỗi giáo phận một "*Ngày dành cho việc Thánh Hóa các Linh Mục*" vào dịp lễ Thánh Tâm, hoặc ngày khác phù hợp với những đòi hỏi và thói quen mục vụ của địa phương. Cha cũng lấy đó như đề nghị của Cha, bằng cách cầu chúc cho Ngày ấy giúp các linh mục luôn sống phù hợp cách trọn vẹn hơn với con tim của Người Mục Tử Nhân Lành.

Trong khi kêu cầu Đức Maria, Mẹ của Giáo Hội, Mẹ của các linh mục, che chở chúng con, với tâm tình quí mến Cha chúc lành cho chúng con.

† Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II

(Linh mục Agostino Nguyễn Văn Dụ *chuyển ngữ*)